

HUỲNH MINH

CĂN THỜ XƯA

Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HUỲNH MINH

CẦN THƠ XỬA

Có gần 50 hình sưu tầm

NỘI DUNG

- CẦN THƠ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ
- CẦN THƠ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
- CẦN THƠ DI TÍCH, HUYỀN SỬ, GIAI THOẠI
- CẦN THƠ VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
- CẦN THƠ SINH HOẠT TÔN GIÁO
- CẦN THƠ SINH HOẠT CÁC NGÀNH NGHỀ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TỈNH VĨNH-LONG

**TỈNH KIẾN-GIANG**

LỜI GIỚI THIỆU

Tác giả Huỳnh Minh viết nhiều sách sưu khảo xưa và nay về các địa danh của các tỉnh thành : Gia Định, Bến Tre, Vũng Tàu, Tây Ninh, Định Tường, Sa Đéc, Cần Thơ, Gò Công, Vĩnh Long, Bạc Liêu v.v... Như ông tâm sự : “Chúng tôi thích làm văn hóa, viết sách, sưu khảo, tìm hiểu non sông gấm vóc, ghi lại các sự kiện lịch sử từng địa phương, làm sống lại công nghiệp của tiền nhân có những trang sử oai hùng làm vẻ vang cho dân tộc”. Ông làm theo ý tưởng của mình. Không nhờ sự tài trợ của một cơ quan văn hóa nào. Chính sự vô tư đó đã cho ông cái nhìn đúng. Dù ghi lại lịch sử các địa phương, ông vẫn tỏ thái độ căm ghét và lên án bọn thực dân Pháp, ca ngợi những người đứng lên chống Pháp. Tác giả hoàn thành những cuốn sách vào thập niên 60 và 70, dưới chế độ Mỹ – Ngụy. Viết về các nhân vật lịch sử, nhưng những kẻ bán nước dưới chế độ Mỹ – Ngụy, vốn được chúng phong tặng nhiều danh hiệu, tác giả Huỳnh Minh vẫn không hề đề cập đến. Ông lên án bọn bán nước cầu vinh cho thực dân Pháp, qua đó cũng gián tiếp lên án bọn bán nước cho đế quốc Mỹ.

Viết về các nhân vật của từng tỉnh thành năm xưa, chúng ta thấy có nhiều nhân vật thời nhà Nguyễn. Như chúng ta đã biết, nhà Nguyễn có công mở đất phương Nam, dĩ nhiên đi liền với nó là các ông quan có công, được nhà Nguyễn cho xây lăng miếu, ghi công. Còn những nhân vật thời Tây Sơn oai hùng đã bị nhà Nguyễn xóa bỏ, không được ghi vào sử sách. Chính vì thế tác giả Huỳnh Minh cũng có ít trang nói về các nhân vật thời Tây Sơn. Về hai chiều đại nhà Tây Sơn – Nhà Nguyễn, tác giả Huỳnh Minh đều trân trọng và khách quan.

Tác giả viết về những tỉnh thành năm xưa từ những năm 60 và 70 nên rất nhiều số liệu, địa danh so với ngày nay đã khác. Song chúng tôi vẫn giữ lại trong lần tái bản này để bạn đọc có được tài liệu tham khảo, hiểu ngày hôm qua, chắc hẳn sẽ có ích cho chúng ngày hôm nay.

Dù sao cuốn sách những cuốn sách này cũng không tránh khỏi những sơ sót bất cập, mong bạn đọc lượng thứ.

Nhà Xuất Bản Thanh Niên

Đôi lời tâm sự

*Tiếp tục chương trình biên khảo, để có thể giúp đồng bào tìm hiểu và mến yêu sông núi nước non nhà, hôm nay chúng tôi hân hạnh trình bày cùng quý độc giả quyển **Cần Thơ** xưa của loại sách sưu khảo về các tỉnh miền Nam năm xưa.*

Cần Thơ thơ mộng !

Cần Thơ mến yêu !

Cần Thơ ruộng lúa phì nhiêu, sông đầy cá bạc, vườn sai trái ngọt !

Cần Thơ cảnh vật mỹ miều, quỵện lòng du khách, gọi tình nước non.

Là trung tâm kinh tế của miền Tây năm xưa, có trục giao thông quan trọng, Cần Thơ cũng là thủ đô văn hóa của miền Tây : ngày xưa từng là trung tâm chiêu tập khách tao đàn, một chi nhánh quan trọng của Mạc gia Chiêu Anh Các, quê hương của những văn hào lỗi lạc như cụ Bùi Hữu Nghĩa và cụ Phan Văn Trị.

Với Cần Thơ kháng chiến !

Trôi dòng lịch sử, cùng nước non trải qua bao cuộc thăng trầm, Cần Thơ đã hy sinh xương máu chống xâm lăng. Từ những anh hùng Cần vương chống Pháp như Đinh Sâm, Nguyễn Thần Hiến, đến những du kích quân tâm vòng vạt nhọn tạo chiến công oanh liệt ở vùng biển, Cần Thơ xưa đã đóng góp rất nhiều tài nguyên và sinh lực vào cuộc đấu tranh sống còn của dân tộc.

Âm thầm đóng góp, im lặng hy sinh, Cần Thơ qua bao nhiêu biến chuyển đã biểu lộ rõ rệt " dân tộc tính" của người Việt Nam : ít nói, ham làm, thiết thực hy sinh hơn là khoe khoang khoeác lác. Có lẽ vì thế mà miền Tây luôn luôn bị bỏ quên. Miền Tây sánh như người mẹ hiền quanh năm cày cuốc lo nuôi sống cho đại gia đình, chỉ được những đứa con nhớ đến khi nguy khốn, cần nhớ đến mẹ quay về tìm lẽ sống, nguồn an ủi và sinh lực ở trong lòng đất mẹ.

Chúng tôi lấy làm sung sướng trình bày quyển sách **'CẦN THƠ XƯA'** về loại sưu khảo để tìm hiểu và mến yêu giang sơn gấm vóc.

Trong quyển sách này, chúng tôi sưu tầm tài liệu chỉ đúng hoàn toàn khách quan về phương diện sưu khảo lịch sử.

Quyển Cần Thơ không sao tránh khỏi những khuyết điểm, qua mọi khía cạnh hoặc danh từ địa phương, phần nhiều sách xưa không ghi rõ.

Mong chư học giả lượng thứ, chỉ giáo trên tinh thần xây dựng, bổ khuyết tác phẩm này thêm phần phong phú.

Chúng tôi rất hoan nghênh những lời hay ý đẹp của quý vị cao minh cùng các sử gia góp công tô điểm nền văn hóa dân tộc

Viết tại Saigon, ngày 1 tháng 7 năm 1966

HUỲNH MINH

PHẦN THỨ NHẤT

CĂN THƠ (PHONG DINH)
XƯA QUA CÁC THỜI ĐẠI

LỊCH SỬ

I. PHONG DINH KHOẢNG ĐẦU THẾ KỶ THỨ XVIII tức HUYỆN TRẦN GIANG TRONG DƯ ĐỒ VIỆT NAM

Trong khi Sài Gòn nghiêm nhiên là thủ đô của miền Nam nước Việt, tỉnh Phong Dinh ở về phía Tây cũng nghiêm nhiên được mệnh danh là Tây đô. Có quá đáng chăng? Không, Nếu Sài Gòn còn được xưng tụng thêm với những danh từ “hoa lệ”, “hòn ngọc Viễn Đông” thiết tưởng Phong Dinh được coi như thủ đô của miền Tây kể cũng xứng đáng phần nào, qua những bằng chứng mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày.

Giữa lúc vua Lê, chúa Trịnh ghì nhau ngoài đất Bắc, các đời chúa Nguyễn ráo riết lo củng cố địa vị ở đàng trong tức vùng Trung phần trở vào Nam. Trên bước đường Nam tiến, đồng thời với việc mở rộng đất đai bắt đầu từ năm Tân Hợi 1611 đời chúa Tiên là Nguyễn Hoàng (sau truy dâng miếu hiệu là Thái Tổ Gia Đũ), trải 7 đời chúa kế tiếp mở bờ cõi lần xuống miền Đồng Nai phì nhiêu. Ấy là các vị chúa :

1. Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên 1613 - 1635
(miếu hiệu Hy Tông Hiếu Văn).
2. Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan 1636 - 1648
(Thần Tông Hiếu Chiêu)
3. Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần 1648 - 1687
(Thái Tông Hiếu Triết)
4. Chúa Nguyễn Phúc Trăn 1678 - 1691
(Anh Tông Hiếu Nghĩa)
5. Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu 1691 - 1725
(Hiển Tông Hiếu Minh)
6. Định Quốc Công Nguyễn Phúc Chú 1725 - 1738
(Túc Tông Hiếu Ninh).

Hơn một thế kỷ (1623 - 1739) các chúa Nguyễn ấy nối tiếp nhau mở rộng đất đai. Lại khéo dùng các tướng của nhà Minh lưu vong không phục nhà Thanh như Mạc Cửu, Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn v.v... mượn tay họ khai thác mà mở rộng dư đồ nước Việt. Lịch trình diễn tiến như sau :

Năm 1658 mở rộng đất Mô Xoài (Bà Rịa, Biên Hòa)

Năm 1798 mở mang đất Sài Gòn (Gia Định, Sài Gòn)

Năm 1731 khai triển đất Định Tường (Mỹ Tho) và Long Hồ (Vĩnh Long)

Riêng Mạc Cửu sau khi bình định xong vùng Hà Tiên, năm Giáp Ngọ 1714, Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên và hòn Phú Quốc cho chúa Nguyễn Phúc Chu. Đến năm Ất Mão 1735 Mạc Cửu mất, con là Mạc Thiên Tứ nối nghiệp, mở mang thêm vùng đất Hậu Giang. Năm Kỷ Vị 1739, hoàn thành cuộc khai thác miền Tây, Mạc Thiên Tứ lập thêm 4 huyện :

- 1) Long Xuyên (miền Cà Mau)

- 2) Kiên Giang (Rạch Giá)
- 3) Trấn Giang (miền Cần Thơ)
- 4) Trấn Di (miền Bắc Bạc Liêu)

Thế là từ năm Kỷ Vị 1739, tỉnh Phong Dinh ngày nay vốn là phần đất nằm trong khu vực huyện Trấn Giang xưa, do công Mạc Thiên Tứ khai hoang.

Bấy giờ Trấn Giang (Cần Thơ) còn là một vùng rừng tràm xen lẫn rừng đước, thú dữ tràn đầy. Thế mà tiền nhân đã dầy công phá rừng mở đất, dần dần biến thành nơi văn vật, thật đáng cho các thế hệ sau sùng bái tinh thần dũng cảm ấy, đề cao công trình vô cùng gian nan khổ nhọc ấy.

Xem lịch sử họ Mạc với công nghiệp mở mang đất Hà Tiên và bốn huyện miền Tây như đã kể trên, điều nên biết là Mạc Thiên Tích là bậc anh tài nho nhã vào bậc nhất trong thời ấy. Vào tướng văn ra tướng võ, Mạc Thiên Tứ (cũng là Mạc Thiên Tích) oai danh lừng lẫy, xa gần hoài phục. Ngồi trấn nhậm Hà Tiên với chức vụ Đô Đốc, ông xếp đặt xong cuộc trị an. Lại còn chú trọng về mặt phát triển văn hóa, thiết lập tao đàn "Chiêu anh Các", nhóm họp các sĩ phu văn học xướng họa thi ca, thảo luận kế sách giáo dục quần chúng, gây nên học phong sĩ khí tốt đẹp vô cùng.

Mạc Thiên Tứ hết lòng mở mang đất Hà Tiên thế nào, thì ông cũng tận tụy xây dựng vùng Trấn Giang như thế ấy. Ông đã sáng suốt nhận định tình hình, xem Trấn Giang là một vị trí chiến lược làm hậu thuẫn cho Hà Tiên, nên ông hằng lo lắng xếp đặt cho Trấn Giang ngày càng phát triển tốt đẹp về mọi mặt. Cho nên dưới sự chăm sóc của ông, Cần Thơ bây giờ cũng có tiếng là đất văn vật chẳng kém gì Hà Tiên bao nhiêu.

Một bằng chứng là khi Hà Tiên lâm nguy vì binh Xiêm công phá (năm Nhâm Thìn 1772), ông lui ngay về Trấn Giang mà nương tựa, chờ cơ quật khởi. Và chính con ông là Tham tướng Mạc Tử Sanh cũng đã gởi xác nơi vùng Trấn Giang trong cơn binh cách, mà khoảng cầu Tham tướng ở Cần Thơ ngày nay là di tích còn lưu để (ở đoạn sau chúng tôi sẽ ghi chép rõ hơn về đoạn lịch sử vị Tham tướng họ Mạc này).

Những chỗ Mạc Thiên Tích và con là Mạc Tử Sanh đã đốc xuất dân quân xây dựng tiền đồn để phòng thủ, cho đến đời vua Minh Mạng hãy còn dùng đến, tới năm thứ 16 (Giáp Ngọ 1834) mới bỏ đi.

Nơi nào có dấu vết họ Mạc mở mang, nơi ấy thường tập nập dân cư vui nghiệp. Nhà cửa phố xá kiến thiết khang trang. Cuộc thương mại thịnh vượng. Nền kinh tế vững chãi.

Nhóm "Chiêu anh Cắc" do Mạc Thiên Tứ thành lập, ngoài 32 nhân vật ưu tú của Hà Tiên trong đó thành phần gồm có người Việt và người Tàu, ai nấy thấy đều là trang tài tuấn, hào hoa phong nhã. Cho đến các vị đại thần như Nguyễn Cư Trinh cũng phải nghiêng mình thán phục công nghiệp của họ Mạc, thường lui tới đàm luận văn chương thao lược, xướng họa thi ca với các bậc tài danh trong nhóm Chiêu anh Cắc.

Nằm trong kế hoạch phòng thủ miền Tây, nếu Hà Tiên ví như tiền đồn ngăn ngừa những cuộc công phá của Xiêm La và Chân Lạp, Trấn Giang tức là miền Cần Thơ bây giờ nghiêm nhiên là hậu cứ, hẳn là Mạc Thiên Tứ đã đem biết bao tâm huyết công phu xây dựng cho vùng này. Và chịu ảnh hưởng chính trị, kinh tế, văn hóa khá quan, dân chúng Trấn Giang hẳn đã sống một thời bùng hương sắc đậm đà về mọi mặt.

Huống chi, bấy giờ huyện Trấn Di tức vùng Bạc Liêu hẻo lánh cũng vẫn được họ Mạc cho di dân đến đấy mở mang, Bạc Liêu khi ấy mà còn phồn thịnh lên, thì Cần Thơ chắc hẳn đã hoa lệ lắm rồi.

Phượng Chi, Trấn Giang cũng từng là bãi chiến trường lắm hồi hùng, tranh đấu giữa quân dân ta với quân Xiêm La, Chân Lạp, nếu mức sinh hoạt và trình độ dân chúng Trấn Giang chưa được nâng cao, thì tinh thần anh dũng của dân chúng Trấn Giang đâu đã được đề cao như lịch sử từng ghi chép ?

Do các lẽ trên đây, chứng minh hùng hồn trong thời Mạc Thiên Tứ làm Đô Đốc trấn Hà Tiên, đất Trấn Giang tức Cần Thơ đã do bàn tay họ Mạc điều khiển dân chúng trong vùng kiến tạo nhiều khởi sắc.



II. PHONG DINH DƯỚI TRIỀU VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHÚC KHOÁT, TRỰC THUỘC GUỒNG MÁY HÀNH CHÁNH LONG HỒ DINH

Từ năm Kỷ Vị 1739, đất đai Cần Thơ đã được Mạc Thiên Tứ khai thác hẳn hoi, mang danh là huyện Trấn Giang. Cố nhiên sau đó Mạc Thiên Tứ đem dâng chúa Nguyễn, sáp nhập vào dư đồ Việt, cũng như thân phụ ông là Mạc Cửu đã dâng đất Hà Tiên từ năm 1714.

Bấy giờ chúa trị vị Đàng Trong là Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Hơn hẳn các vị chúa Nguyễn trước, Võ Vương là bậc anh minh, hăng say hoạt động, thích làm chuyện lớn, mưu tính xa rộng. Theo định hướng đã trù hoạch về viễn đồ đất nước, Ngài hằng phô trương uy thế, quyết ý mở rộng lãnh thổ vào Nam, tiếp thu thêm phần đất bốn huyện mới khai thác : Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (Bạc Liêu), Ngài càng thêm phần khởi xây dựng đất nước.

Năm Canh Thìn 1740, Ngài định lại phép thi : những người đậu kỳ đệ nhất gọi là nhieu học, được miễn sai 5 năm ; đậu kỳ thi đệ nhị và đệ tam được miễn sai chung thân; đậu kỳ đệ tứ gọi là hương cống, được bổ làm Tri phủ, Tri huyện. Do sự đặc biệt ưu đãi giai cấp sĩ phu này, dân chúng trong Nam

(1) Đất nước vào thời kỳ bị chia đôi quan cuộc phân tranh chúa Trịnh và chúa Nguyễn, từ Thuận Hóa trở ra Bắc gọi là Đàng Ngoài, từ Thuận Hóa trở vào Nam gọi là Đàng Trong.

dần dần cấm phục sấn sàng phụng sự đất nước dưới quyền lãnh đạo của chúa Nguyễn. Và do sắc lệnh canh cải khoa cử này, tạo thêm điều kiện hoạt động mạnh về văn hóa cho nhóm Chiêu anh Các của Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên, Cần Thơ vậy.

Đất nước vào thời kỳ bị chia đôi qua các cuộc phân tranh chúa Trịnh và chúa Nguyễn, từ Thuận Hóa trở ra đất Bắc gọi là Đàng Ngoài, từ Thuận Hóa trở vào Nam gọi là Đàng Trong.

Đến năm Giáp Tý 1744, Ngài xưng Vương hiệu (Võ Vương), tổ chức nội các gồm 6 bộ, bộ về văn hóa gọi là Hàn Lâm. Đạo về binh gọi là Võ Lâm. Chế tạo sắc phục mới cho các quan văn võ trong triều. Lại ra lệnh cho dân gian phải đổi y phục, ăn mặc cho văn vẻ nhu nhũ hơn xưa. Chia lãnh thổ ra làm 12 dinh :

1. Chính dinh (Phú Xuân)
2. Cựu dinh (vùng Ái Tử)
3. Quảng Bình dinh
4. Võ xá dinh
5. Bố chánh dinh
6. Quảng Nam dinh
7. Phú Yên dinh
8. Bình Khương dinh (đất Chiêm Thành)
9. Bình Thuận dinh (đất Chiêm Thành)
10. Trấn Biên dinh (miền Nam)
11. Phan Trấn dinh (miền Nam)
12. Long Hồ dinh (miền Nam)

Riêng phủ Quảng Ngãi và phủ Qui Nhơn ở miền Trung

thì trực thuộc Quảng Nam dinh : đất Hà Tiên ở miền Nam thì đặt thành trấn.

Năm sau (Ất Sửu 1745) Ngài cho mua kẽm bên Âu châu về chế ra thêm thứ tiền kẽm. Thế là về mặt tiền tệ, dân nước xài hai thứ tiền : tiếng đồng và tiền kẽm.

Mọi ngành sinh hoạt vào thời kỳ này được phát triển đồng đều, nhất là nông nghiệp và thương nghiệp khuếch trương, phồn thịnh, tạo cho nhân dân an hưởng được cuộc sống thái bình trịnh trị.

Gặp hoàn cảnh thuận tiện như thế, trong Nam dưới sự lãnh đạo của vị đô đốc tài ba như Mạc Thiên Tứ, vùng Trấn Giang tự nhiên cũng được lợi thế phát triển mạnh.

Hơn thế nữa, để hoàn thành công cuộc Nam tiến, đồn đốc các cấp thừa hành ở từng địa phương cần khai thác triệt để các vùng đất phì nhiêu ở miền Nam, đến năm Quý Dậu 1753, Võ Vương phái vị Ký lục Bố chánh dinh là Nguyễn Cư Trinh vào Nam, mưu toan việc lớn.

Quả thật Võ Vương đã sáng suốt, dùng người đúng chỗ, Nguyễn Cư Trinh lần lượt thực hiện được mộng lớn của Võ Vương, không phụ lòng kỳ vọng của Ngài chút nào. Năm quyền tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh : Bình Khương (Khánh Hòa), Bình Thuận, Trấn Biên (Biên Hòa, Bà Rịa), Phiên trấn (Gia Định) và Long Hồ (Mỹ Tho, Vĩnh Long), Ông thẳng đường vào Nam, đến đâu cũng lập dinh trại, kén sĩ tốt, trừ bị cho nhiều để làm kế khai thác. Ông đệ sớ về triều, tỏ bày mưu lược hiến kế "tầm thực" (tầm ăn dâu), cương quyết nguyện hứa sẽ hoàn thành xong sứ mạng nhà vua giao phó.

Võ Vương sẵn lòng chấp thuận, tán trợ sách lược ấy, cho ông được toàn quyền hành động. Chúa sáng tối tài, việc chi mà chẳng được ? Thật là mình quân lương tướng tao phùng. Cơ hội ngàn năm một thuở đùn đẩy Nguyễn Cư Trinh với nhiều ưu thế thắng lợi, cố nhiên ông cảm thấy phấn khởi thành toàn chí nguyện biết bao nhiêu.

Hướng chi, đã gặp chúa sáng suốt biết tài mà tín nhiệm uỷ thác trọng trách, lại khi vào Nam tiếp xúc với vị Đô Đốc trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tứ vẫn là trang lỗi lạc phi thường, bản sao Nguyễn Cư Trinh chẳng thành công trên đường nhiệm vụ.

Xuyên qua việc tương đắc giữa hai trang lương đồng anh tài Nguyễn Cư Trinh – Mạc Thiên Tứ hội ngộ nơi miền Nam, đủ nhận thấy thời kỳ này miền Nam thịnh phát đến ngần nào ; đặc biệt là miền Tây (Cần Thơ) vùng Hậu Giang hẳn được khuếch trương nông nghiệp đến mức tối đa, để biến miền Tây dần dần thành trung tâm lúa gạo như hiện thời.

Ấy là giai đoạn thứ hai, Cần Thơ chuyển mình vượt tiến trên đà khai thác triệt để tài nguyên, dưới sự điều khiển sáng suốt của những nhà ái quốc thời ấy trong đó có Mạc Thiên Tứ và Nguyễn Cư Trinh. Cả hai vừa đồng chí đồng tâm lại vừa đồng tài đồng sức. Giao vận mạng miền Nam cho Nguyễn Cư Trinh nắm giữ việc khai hoang lập ấp, về mặt quân sự miền Tây có Mạc Thiên Tứ chăm lo với nhiều lợi thế, hơn nữa do Nguyễn Cư Trinh đôn đốc khích lệ càng đắc sách vô cùng

III. PHONG DINH DƯỚI TRIỀU GIA LONG

Gia Long năm thứ hai (Quý Hợi 1803), định lại dư đồ, đổi địa giới dinh Long Hồ là dinh Hoàng Trấn, rồi gọi là Vĩnh Trấn, đến năm Gia Long thứ 7 (Mậu Thìn 1808), lại đổi làm trấn Vĩnh Thanh, dưới quyền cai trị của quan Trấn Thủ, Hiệp Trấn và Tham Hiệp. Vùng Cần Thơ bấy giờ trực thuộc trấn Vĩnh Thanh, phủ Định Viễn.

Gia Long năm thứ 12 (Quý Dậu 1813), cắt đất phân ranh lại, lập thêm huyện Vĩnh Định là vùng phì nhiêu nhất. Cần Thơ khi ấy tức là huyện Vĩnh Định, vẫn trực thuộc phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh.

Năm sau, Gia Long thứ 13 (Giáp Tuất 1814), vùng huyện Vĩnh Định (Cần Thơ) được đặc biệt quan tâm nhất. Các quan địa phương đốc suất nhân dân mở mang đường sá, xây cất chợ búa phố phường, việc buôn bán càng ngày càng nhộn nhịp, dân tứ xứ kéo đến định cư lập nghiệp ngày một thêm đông đúc.

Vùng Cần Thơ khi xưa đất đai như thế nào ? Cứ xem một đoạn tả cảnh con sông Cần Thơ vào khoảng đời Gia Long – Minh Mạng, chúng ta sẽ ý thức được một vài tình trạng sinh hoạt của dân cư Cần Thơ thuở ấy :

“ Sông Cần Thơ ở phía Đông huyện Phong Phú 3 dặm, bờ phía Tây Hậu Giang, rộng 4 trượng, sâu 2 trượng rưỡi. Bờ phía Tây sông này có cụt Thủ sở đạo Trấn Giang. Bắt đầu từ phía Nam Đại Giang chảy xuống, thông sông Bồn, rồi do cửa sông ấy chảy qua đả Sư, đả Răng, cách 13 dặm đến ngã ba Ba Láng. Chỉ phía Bắc chảy qua Đông 12 dặm thông với sông

Bình Thủy. Lại một chi nữa cũng do phía Bắc chuyển về hướng Đông 45 dặm chảy ra cảng Khẩu Đạo Kiên Giang, tục gọi là cửa Bé. “ Cuối đông qua xuân, nước khô bùn cứng, ghe thuyền không qua được ; từ mùa hạ qua đông nước mưa tràn bờ, thì ghe thuyền cỡi lên trên cỏ và bèo mà đi, cứ trông theo phía tả hay phía hữu rừng cây mà nhận dấu đường. Nơi đây không có bóng người, có rất nhiều muỗi và đĩa, người qua lại rất khổ sở” Ở một đoạn khác nói về con sông Hậu (Hậu Giang), người xưa ghi chép :



Một chiếc cầu kiến thiết rất mỹ quan, bắc ngang con rạch Cái Khế, chạy thẳng xuống Tòa Hành Chấn cũ, xuyên qua các phố phường trong tỉnh.

“... Nước theo từ sông Châu Đốc tỉnh An Giang chảy đến phía Bắc huyện Đông Xuyên (tức Long Xuyên ngày nay) rồi đến ngòi Trà Ôn, làm giới hạn cho tỉnh An Giang và tỉnh

Vĩnh Long. Đến đây chuyển qua hướng Nam (bờ phía Tây làm giới hạn tỉnh An Giang, bờ phía Đông làm giới hạn tỉnh Vĩnh Long) đến đạo Trấn Di chảy ra cửa biển Ba thắc. “ Sông này tưới khắp ruộng nương, bao hàm gò bến, là một nguồn thủy lợi quốc vậy”.

Con sông Cần Thơ và Hậu Giang ngày xưa mặc dầu chưa thuận tiện mấy về mặt giao thông, thế mà đã là một nguồn lợi to tát, đủ rõ người xưa đã rất chú ý mở mang đường thủy đồng thời với sự giao thông đường bộ. Do đó, nền kinh tế miền Tây lúc bấy giờ khá thịnh vượng.

Bởi con sông Hậu Giang như mạch máu của miền Tây, tiện ích cho dân chúng vô cùng, nên khoảng năm Minh Mạng thứ 17 (Bính Thân 1836), nhà vua cho đục 9 cái đĩnh, có chạm hình sông Hậu Giang vào huyền đĩnh và năm Tự Đức thứ III (Canh Tuất 1850) có ghi vào tự điển. 9 cái đĩnh này hiện nay để trước sân nhà thái miếu thành nội Huế. Quý du khách có dịp đi viếng cố đô vô đến hoàng thành sẽ thấy những kỷ vật này trợ gan cùng tuế nguyệt, ghi lại nước đường bôn tẩu của nhà vua.

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG

Đầu thế kỷ thứ XIX, dưới triều Gia Long, như chúng ta đã rõ, Cần Thơ là vùng huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, thuộc trấn Vĩnh Thanh. Kinh tế thịnh vượng, dân cư đông đúc.

Đến năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn 1832), trấn Vĩnh Thanh đổi tên là trấn Vĩnh Long, đem hai huyện Thuận Nghĩa, Trà Vinh, nguyên thuộc phủ Lạc Hóa (trước trực thuộc thành Gia Định) nay thuộc tỉnh Vĩnh Long, còn hai huyện

Vĩnh Định (tức Cần Thơ xưa), Vĩnh An và đạo Châu Đốc cải thuộc tỉnh An Giang, và lập thêm huyện Vĩnh Trị, thuộc phủ Định Viễn. Xem thế, ta nhận thấy Cần Thơ bấy giờ (huyện Vĩnh Định) đã tách ra khỏi Vĩnh Long, mà thuộc về tỉnh An Giang, và thuộc phủ Tân Thành chứ không thuộc phủ Định Viễn như trước.

Năm Minh Mạng thứ 20 (Kỷ Hợi 1839), vùng đất Cần Thơ lại mang tên là huyện Phong Phú, thuộc phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, gồm có 3 tổng, 31 xã thôn.

Thời kỳ này, Cần Thơ (huyện Phong Phú xưa) càng thêm phồn thịnh. Về hành chánh, huyện trị ở địa phận thôn Tân An, chu vi 50 trượng, trồng rào tre. Viên Tri huyện coi sóc toàn huyện. Đầu tỉnh thì có quan Tổng Đốc, một vị Bố chánh và một vị Án sát. Tổ chức hành chánh ở các tổng, xã đủ để đảm bảo an ninh cho dân chúng.

Về mặt quân sự, ngoài những đồn, bảo, đặt rải rác những vùng quê, nơi tỉnh lỵ và huyện lỵ thì có những đồn bót lớn hơn gọi là Thủ, có nghĩa là cơ sở phòng thủ nghiêm ngặt vững chãi. Thủ sở Trấn Giang (Cần Thơ) ở về phía Tây Hậu Giang thiết lập từ năm Kỷ Dậu 1789, đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long, vì Giang san đã thống nhất, nên tạm thời Thủ sở Trấn Giang này bãi bỏ. Đến đời Minh Mạng, vì có nhiều biến cố, đồn dập, Thủ Trấn Giang tái thiết hẳn hoi. Đồng thời Thủ sở Trấn Di (miền Bắc Bạc Liêu) cũng tái thiết để ngừa nội loạn và ngoại xâm.

Ở bờ phía Tây Hậu Giang có thủ Trấn Giang hay Đông Xuyên, giao lưu chặt chẽ với thủ Trấn Di, thì ở bờ phía Đông Hậu Giang có những đồn Vĩnh Hùng, Thuận Tấn, Cường Uy. Và ở Xao Châu (phía Bắc cửa biển Mỹ Thanh) có đặt binh

lính đóng giữ cực kỳ hùng hậu.

Khoảng năm Quý Tỵ (1833) xảy ra cuộc Lê Văn Khôi gây biến loạn, sau khi quân của Lê Văn Khôi bị binh triều phá vỡ, tàn quân chạy xuống miền Tây, vùng Phong Phú (Cần Thơ) và Trăn Di (Bạc Liêu) bị rối loạn không ít. Hơn nữa triều đình lòng bất dự đảng Lê Văn Khôi, nhất là những người Hoa Kiều có dính líu, ẩn náu ở Cần Thơ, Bạc Liêu (1) khiến lòng dân xôn xao náo động.

Tuy nhiên, huyện Phong Phú vẫn là vùng đất có tiếng thịnh trị, an ninh hơn khắp mọi vùng ở miền Tây lúc bấy giờ.

Về mặt thương mại, có ba ngôi chợ được thiết lập, rất trù phú : chợ Sưu ở gần bến sông Cần Thơ, chợ Tân An ở gần bến sông Bình Thủy và chợ Thái An Đông ở gần sông Ô Môn.



Tới mùa lúa chín, các nhà nông xúm nhau gặt hái đem về, trên nét mặt mỗi người đều lộ vẻ hân hoan, đặc nguyên.

CẦN THƠ VỚI CHÚA NGUYỄN KHI TẮU QUỐC

Nơi phần đầu trình bày lịch sử tỉnh Cần Thơ, chúng tôi đã nói sơ lược về thời Tây Sơn, Nguyễn chúa tranh hùng, mà Cần Thơ từng là bãi chiến trường. Để quý bạn đọc có ý niệm rõ ràng hơn, dân chúng Cần Thơ trong hồi ấy, chúng tôi xin ghi thêm tỉ mỉ những cảnh binh đao diễn tiến của Tây Sơn, Nguyễn chúa, Cao Miên lưu để trên mảnh đất Cần Thơ hơn một thế kỷ qua.

Bắt đầu từ năm Đinh Dậu 1777, Tây Sơn tấn công mãnh liệt, chiếm lấy Sài Gòn lần thứ hai, (lần thứ nhất vào năm Bính Thân 1776) do chính Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đích thân chỉ huy đại đội hùng binh. Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông) chạy xuống Long Hưng (gần Rạch Gầm, Mỹ Tho) rồi chạy vào Cần Thơ, trong khi Tân chánh vương Nguyễn Phúc Dương ẩn náu nơi Ba Vát (Bến Tre). Bấy giờ vào khoảng tháng tư tại Cần Thơ, cha con Mạc Thiên Tứ đã chuẩn bị sẵn sàng lâm chiến để cứu nguy cho chúa Nguyễn khi Tây Sơn đuổi đến.

Rồi thì khói lửa lan tràn, từ Sài Gòn Nguyễn Huệ tiến đánh Bến Tre, bắt sống Đông cung Dương (tức Tân chánh Vương), tại Ba vát. Hay tin chẳng lành, tháng 8 chúa Định Vương lìa Cần Thơ chạy xuống Cà Mau với cháu là Nguyễn Ánh.

Quân Tây Sơn tràn xuống Cần Thơ. Tham tướng Mạc Tử Sanh chiến đấu nhưng không chống nổi sức hùng liệt của đoàn hổ tướng của Tây Sơn, đành bỏ mình tại vùng Tham tướng. Bấy giờ Cần Thơ khắp nơi tràn đầy quân sĩ Tây Sơn đóng.

Tạm chiêu an dân chúng Cần Thơ xong, quân đội Tây Sơn kéo róc tới đánh Bạc Liêu, Cà Mau (lúc này còn mang tên cũ là huyện Trấn Di, (Long Xuyên), cũng như Cần Thơ là huyện Trấn Giang. Thế mạnh như chẻ tre, Tây Sơn đánh đâu thắng đó, bắt sống chúa Định Vương tại Cà Mau trong khoảng tháng 9, giải về Gia Định.

Nguyễn Ánh lên thay điều khiển binh quyền. Trong tình thế nguy cấp, nhờ ngự chiếc thuyền nhỏ nhẹ mang hiệu "Thủ quyền" vượt nước rê sóng mau lẹ, Nguyễn Ánh do ngã sông Ông Đốc thoát ra hòn Thổ Châu. Rồi từ ấy ngậm đắng nuốt cay, nuôi chí phục hận, dần dần đánh chiếm lại được thành Gia Định.

Đến năm Giáp Thìn (1784), tháng 6 chúa Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 300 chiến thuyền và 20.000 quân theo giúp. Lần lượt lấy lại Rạch Giá, Cần Thơ, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít và Sa Đéc. Thế là Cần Thơ rơi vào tay chúa Nguyễn.

Nhưng dân chúng Cần Thơ vẫn chẳng yên được lâu, đến tháng 10, sau khi Châu Văn Tiếp tử trận tại Mân Thít, tình thế binh chúa Nguyễn có chiều nao núng. Rồi thì tháng chạp, chính vua Quang Trung Nguyễn Huệ thân chinh chỉ huy quân Tây Sơn đánh tan 20 vạn quân Xiêm tại Rạch Gầm. Đến đầu tháng 1, chúa Chiêu Tăng, Chiêu Sương phải bỏ cả binh

thuyền, lên bộ chạy về Vọng Các. Chúng tôi sẽ thuật rõ trong quyển “Định Tường xưa.

Sau trận đại bại Rạch Gầm, chúa Nguyễn Ánh cả kinh quay lại Cần Thơ, binh Tây Sơn tái chiếm Cần Thơ, chúa Nguyễn tách dặm băng ngàn, từ Cần Thơ ra hòn Thổ Châu trốn mình như trước.

Đinh Vị 1787, tháng 8 chúa Nguyễn lại từ Xiêm về, đốc xuất quân sĩ phản công Tây Sơn. Đội bên đánh nhau nhiều trận lớn tại Trà Ôn (Cần Thơ) và Ba Rài (Mỹ Tho). Rồi bị quân Tây Sơn đánh bại tại cù lao Giung Hồ Châu, ở cửa sông Hậu Giang. Tuy nhiên, từ tháng 10, đóng đại bản dinh tại Nước Xoáy (Sa Đéc) binh tướng chúa Nguyễn dần dần khôi phục mới dám đương đầu với quân Tây Sơn. Bấy giờ Cần Thơ cũng đã được chúa Nguyễn thu phục lại.

Sang tháng 10, có tin tướng Cao Miên là Ốc Nha Long theo quân Tây Sơn, đánh chiếm Cần Thơ, đóng đồn tại địa điểm này. Chúa Nguyễn lập tức đem đại quân từ Sa Đéc đến Cần Thơ đánh.

Ốc Nha Long không chống cự nổi, nhưng càng thua to chúng càng quấy phá dữ tợn. Nhưng cuối cùng rồi chúa Nguyễn cũng chiếm được Cần Thơ, trao quyền cho một viên đại tướng ở giữ Cần Thơ, còn ông thì trở về đại bản dinh ở Nước Xoáy. Và cũng từ đây Tây Sơn suy yếu, lần lượt bị binh chúa Nguyễn đánh lùi khỏi miền Tây. Đến tháng 8 năm Mậu Thân (1788) chúa Nguyễn khắc phục Sài Gòn, cho đến năm Nhâm Tý (1792) thì bắt đầu tiến ra đánh miền Trung, Bắc.

Rồi từ Nhâm Tý (1792) mãi đến 9 năm sau, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Hợi chúa Nguyễn mới khắc phục được

kinh thành Huế. Đoạn sắp đặt trị an thêm một năm nữa, đầu đó đã yên, ngày mồng 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất 1802, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long (miếu hiệu Thế Tổ Cao hoàng đế).

Duyệt lại bước đường lưu vong của Nguyễn Ánh khi bốn ba tẩu quốc, như chúng tôi đã trình bày trên đây, trong mấy năm Đinh Dậu 1777, Giáp Thìn 1784 và Đinh Vị 1787, Cần Thơ đã trải qua tất cả 4 thời kỳ chúa Nguyễn đồn trú, và là bãi chiến trường trải qua nhiều trận đánh nhau.

LỜI CẢM NGHĨ

Chúng tôi đã trình bày qua phần lịch sử và tổng kết câu chuyện Nguyễn Ánh trên đường bốn tẩu, cống hiến cho độc giả tìm hiểu phần nào hai nhân vật Gia Long và Nguyễn Huệ.

Đứng về khách quan mà nhận xét, so sánh giữa hai nhân vật, Nguyễn Huệ một trong những anh hùng của dân tộc, một trang lỗi lạc tài ba, đa mưu túc kế, văn võ kiêm toàn, binh pháp siêu nhân, quân kỷ nghiêm minh, bách chiến bách thắng, tiếc rằng vận nước cam chịu cảnh giữa nghiêng, nên trời khiến cho Nguyễn Huệ phải mất sớm đi, giang sơn này rơi vào tay Nguyễn Ánh.

Thay vì lúc bấy giờ Nguyễn Huệ còn sống nắm vững cơ đồ giữ nền độc lập tự chủ, mở mang bờ cõi lan rộng đến hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, dư đồ Việt Nam lớn biết bao. Nước Việt Nam sẽ trở nên một nước hùng cường, góp mặt cùng năm châu thế giới, chửa chắc có gót chân ngoại bang nào xâm chiếm được.

Qua phần lịch sử của Nguyễn Ánh, trên đường dong ruổi vào Nam, đặt chân lui tới đất Cần Thơ này nhiều lượt, như đã trình bày, chúng tôi lấy làm chưa sót vô cùng, không muốn nhắc lại nhiều, e tủi hổ vong linh người trung liệt, và chẳng những thế hệ trẻ ngày nay cũng không muốn gọi câu chuyện Gia Long thêm nhiều, vì lẽ đó mà chúng tôi không đi sâu vào chi tiết, xin bạn đọc thứ lỗi cho.

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU TỰ ĐỨC VÀ THỜI PHÁP THUỘC

Trải các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, miền Nam nước Việt vẫn chia làm 6 tỉnh, nên dân gian vẫn thường quen gọi là Nam kỳ lục tỉnh. Cho đến thời Pháp thuộc, đầu người Pháp đã chia đất miền Nam này (gọi là Nam kỳ) làm 20 rồi 21 tỉnh, dân gian vẫn quen gọi Nam kỳ là lục tỉnh. Ấy là :

Biên Hòa (miền Đông)

Gia Định (miền Đông)

Định Tường (miền Đông)

Vĩnh Long (miền Tây)

An Giang (miền Tây)

Hà Tiên (miền Tây)

Do Hòa ước ngày 5 Juin 1862, miền Nam bị đặt dưới quyền đô hộ của Pháp. Nhưng sĩ phu miền Nam há dễ chịu ép một bề ? Lần lượt nhiều sĩ phu miền Nam đứng lên phản kháng, hoặc đem bút lưỡi mà kích động dân tâm tranh đấu hoặc lấy sắt máu mà chống chọi với cường quyền bạo lực. Nhóm sĩ phu đánh giặc bằng bút, có : Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Nguyễn Văn Lạc v.v... Nhóm lấy sắt máu đánh đuổi kẻ tham

tân, có : Trương Định ở Gò Công, Đỗ Đình Thoại, Nguyễn Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Nguyễn Hữu Huân ở Mỹ Tho v.v....

Riêng về miền Tây, từ sau ngày 25 Juin 1867 (năm Đinh Mão) là ngày 3 tỉnh miền Tây Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên đều đã lọt vào tay quân Pháp. sĩ phu miền Tây cũng oanh liệt chống cự. Nhân dân huyện Phong Phú (Cần Thơ) từng nổi lên đánh các đồn bót do quân Pháp thiết lập. Chúng thất điên bát đảo, tức giận phóng hỏa đốt rụi nhiều thôn xóm. Lửa loạn bao trùm tang tóc miền Tây lúc bấy giờ !

Dần dần quân Pháp nhờ có động đảo đám Việt gian làm tay sai người phụ tá, chẳng hạn như tên Đội Lộc (sau này là Tổng Đốc Trần Bá Lộc), tên lãnh binh Tấn (tức Huỳnh Công Tấn) dùng uy lực đàn áp thiết lập nền cai trị.

Ngày 1 tháng giêng năm 1868, do Nghị định Thống Đốc Nam kỳ là Bonard, huyện Phong Phú (Cần Thơ) sáp nhập với Bai sau đặt thành một quận, dưới quyền cai trị của một viên quan Pháp, lập Tòa Bố (hành chánh) tại Sa Đéc.

Lòng dân nhớ nước cũ nên hầy còn bồng bột phần uất, đâu dễ một ngày một buổi mà chịu yên bề. Trong vùng Cần Thơ, vị lãnh tụ dân quân kháng chiến đầu tiên nổi lên chống quân Pháp, chính Đinh Sâm. Để cảnh cáo những ai sớm vội bán nước buôn dân, cam tâm làm tay sai cho giặc, Đinh Sâm xướng nghĩa, giết ngay viên Cai tổng Định Bảo là Nguyễn Văn Vinh, rồi chiếm đóng một vùng Láng Hầm (nay là Vàm kinh Ba Láng).⁽¹⁾

Khói lửa bao trùm vùng Cần Thơ, Ba Láng, Phong

(1) Xin xem phần thứ 11 Danh Nhân

Điền. Nhưng chẳng bao lâu Đình Sâm bị quân Pháp và đội binh mã tà (như đám thân binh thời gần đây) do Trần Bá Lộc chỉ huy dẹp tan dưới bạo lực đàn áp dã man khốc liệt !

Ngày 30 tháng 4 năm 1872, Thống Đốc Nam kỳ lại ra nghị định, sáp nhập Phong Phú (Cần Thơ) với Bắc Trảng là một vùng thuộc phủ Lạc Hóa tỉnh Vĩnh Long lập Tòa Bố tại Trà Ôn.

CẢNH NHÀ QUÊ Ở PHONG DINH



Những thửa vườn với căn nhà lá của đồng bào ở trong các xã xa xôi thuộc vùng Phụng Hiệp

Nhưng tình thế vẫn không yên. Nhiều nơi trong tỉnh vẫn vùng lên chống đối. Đối phó với nghĩa quân, nhà cầm

quyền người Pháp càng thẳng tay đàn áp, dùng sức mạnh súng đạn làm phương tiện để mong chinh phục lòng người, để ổn định cho kỳ được guồng máy hành chánh theo như ý thực dân.

Tòa Bố thiết lập tại Trà Ôn để điều khiển các cơ cấu cai trị khắp vùng Phong Phú (Cần Thơ), đặt dưới quyền kiểm soát của một viên quan Pháp, chỉ được một năm thì phải dời về đặt ở Cái Răng (sau này là quận lỵ Châu Thành, cách tỉnh lỵ Cần Thơ Phong Dinh 6 cây số). Rồi do nghị định của Soái phủ Sài Gòn, ngày 23 Fèvrier 1876, vùng Phong phú lập thành tỉnh, mang tên Cần Thơ. Tòa Bố (hành chánh) đặt tại tỉnh lỵ Cần Thơ, Trà Ôn thì trở thành quận.

Viên quan Pháp đầu tiên trấn nhậm tỉnh Cần Thơ là Đại úy Nicolai, chức Tham biện hạng nhì. Đại úy Nicolai ngồi chức Chánh Tham biện (tức như tỉnh trưởng) Cần Thơ gót 10 năm, khai thác đất đai.

Tuy nhiên, sĩ phu miền Tây vẫn còn một số đông bất phục tùng. Nhưng trong tình trạng khôn bề chống đối, các sĩ phu giữ tiết tháo đành sống đời ẩn dật. Trong số này đáng kể có : Cử Trị (Phan Văn) lánh thân ở Phong Điền, cụ Thủ khoa Nghĩa (Bùi Hữu) ở Bình Thủy, Long Xuyên. Cho đến vị Cai tổng Lê Quang Chiêu sau này cũng tự giải chức từ quan, còn được tiếng thơm.

Năm 1877, Nam kỳ có tất cả 19 Chánh tham biện

Cả, Chủ, Sư, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục.

PHÂN CHIA ĐỂ TRỊ

Chính sách quản trị của thực dân Pháp phân chia ranh giới tỉnh Cần Thơ lại, gồm có 5 quận, 8 tổng, 72 xã :

1. Quận Châu Thành
2. Quận Phụng Hiệp
3. Quận Ô Môn
4. Quận Trà Ôn
5. Quận Cầu Kè

Tám tổng : Định An, Định Bảo, Định Phong, Định Thành, Định Quới, Thạnh Trị, Thới Bảo, Thuận Giáo và Thuận Lễ. Cai trị một quận thì có vị chủ quận (quận trưởng), đứng đầu tổng thì có vị Cai tổng, Phó tổng, Bang biện, Sung biện. Các xã thì có Ban Hội tề gồm 12 vị hương chức : Hương cả, Hương chủ, Hương sư, Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương bộ, Hương quản, Hương thân, Hương hào, Xã trưởng và Chánh lục bộ (cũng gọi là đội bộ tức vị ủy viên hộ tịch ngày nay).⁽²⁾

Về sau, phân định lại, toàn tỉnh vẫn 5 quận, nhưng gồm 10 tổng, 94 làng như sau : (Chúng tôi xin ghi rõ để tiện cho người sau tra cứu).

BẢNG TỔNG KÊ 10 TỔNG, 94 LÀNG THỜI PHÁP THUỘC

1. Tổng Định Bảo gồm 11 xã : 1. Tân An 2. Thường Thạnh, 3. Nhơn Ái, 4. Nhơn Nghĩa, 5. Thường Thạnh Đông, 6. Thạnh An, 7. Tân Thạnh Đông, 8. Thạnh Mỹ, 9. Phú Lợi, 10. Mỹ Khánh, 11. Thới Bình

2. Tổng Định Thới 10 xã : 1. Bình Phước, 2. Bình Xuân, 3. Long Tuyền, 4. Phú Long, 5. Tân Thới, 6. Thới An, 7. Thới

(2) Người ta thường gọi tất 12 nhân viên trong Ban Hội tề cho dễ nhớ : Cả, Chủ, Sư, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục.

Giai, 8. Thới Hanh, 9. Thới Hưng, 10. Thới An Đông

3. Tổng Định Hòa 8 xã : 1. Hòa Mỹ, 2. Mỹ Phước, 3. Tân Bình, 4. Tân Hưng, 5. Tân Lập, 6. Thạnh Hưng, 7. Thạnh Xuân, 8. Trung Hưng.

4. Tổng Định An 6 xã : 1. Đông Phú, 2. Hậu Thanh, 3. Long Hưng, 4. Phú Hữu, 5. Phú Thứ, 6. Phú Mỹ Đông.

5. Tổng Định Phước 7 xã : 1. Đông Sơn, 2. Long Mỹ, 3. Như Lăng, 4. Song Mỹ, 5. Phụng Hiệp, 6. Thường Phước, 7. Trường Thạnh Sơn.

6. Tổng Thới Bảo 9 xã : 1. Định Môn, 2. Ô Môn, 3. Thới Đông, 4. Thới Lai, 5. Thới Thạnh, 6. Tường Long, 7. Trường Lạc, 8. Trường Thành, 9. Thới Thạnh Hạ.

7. Tổng Thành Trị 8 xã : 1. Gia Kiết, 2. Hựu Thành, 3. Ngãi Lộ, 4. Tích Hóa, 5. Tích Khánh, 6. Trà Ôn, 7. Thuận Thới, 8. Vĩnh Xuân.

8. Tổng An Trường 11 xã : 1. An Hòa, 2. Định Hòa, 3. Đông Lợi, 4. Đông Thành, 5. Mỹ Chánh, 6. Mỹ Thuận, 7. Phù Ly, 8. Tân Lược, 9. Tân Phong, 10. Tân Quới, 11. Đông Thành Trung

9. Tổng Bình Lễ 9 xã : 1. Bình Minh, 2. Đông Hậu, 3. Hanh Thông, 4. Loan Tân, 5. Mỹ An, 6. Ngãi Tử, 7. Tân Thiết, 8. Thiện Mỹ, 9. Trung Gia.

10. Tổng Tuân Giáo 15 xã : 1. An Thổ, 2. Ân Phú, 3. Châu Hưng, 4. Hiệp An, 5. Hòa Thịnh, 6. Lương Điền, 7. Phong Phước, 8. Phong Phú, 9. Phong Thới, 10. Tam Ngãi, 11. Tân Hòa, 12. Tân Qui, 13. Thạnh Phú, 14. Thới Đôi, 15. Thông Tháo.

Vì là một tỉnh từng nổi danh về văn hóa, nhờ ảnh hưởng của các cụ Cử Trị, Thủ khoa Nghĩa, Cai tổng Chiêu, lại thêm dư ba cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm từ năm 1868 hãy còn vang động âm ỉ trong lòng người dân Cần Thơ nên không khí trong tỉnh vẫn sôi nổi từng cơn. Hơn nữa, trong khi ngoài Trung, Bắc các sĩ phu xướng xuất cuộc vận động duy tân, phát động phong trào Đông du, thì Cần Thơ cũng hân hạnh có một nhà cách mạng ưu tú đóng góp vào. Ấy là cụ Hội đồng Nguyễn Thần Hiến, gốc người ở Hà Tiên dời về cư ngụ tại tỉnh lỵ Cần Thơ (xin xem phần nhân vật).

Học phong, sĩ khí tỉnh Cần Thơ đã khiến thực dân Pháp cực kỳ chú ý, quan tâm. Để lấy lòng dân chúng, và để cho Cần Thơ xứng đáng là nơi trung tâm văn hóa của miền Tây, ngoài việc khuếch trương kinh tế, nhà cầm quyền đặc biệt mở thêm trường sở. Từ năm 1921, Cần Thơ đã có trường trung học Collège, chỉ kém thủ đô Sài Gòn, sau Mỹ Tho, nhưng hơn cả các tỉnh khác.

Ngày 24 - 9 - 1964, nghị định hợp thức hóa chiếu số 188 N./G.Đ. đặt lại tên trường là Phan Thanh Giản cho tới năm 1968.

Lại nữa, điều nên nói thêm, Cần Thơ cũng là một tỉnh có tờ báo đầu tiên ở miền Tây là tờ "An Hà báo" làm vinh diệu và trợ hứng cho tao nhân mặc khách miền Tây một thuở.

PHONG DINH THỜI GẦN ĐÂY

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp, gót chân đoàn quân Phù Tang tràn xuống Cần Thơ, miền Tây sôi động lên, dân chúng Tây đô sống trong hồi hộp lo âu. Người người đều cảm thấy ngột ngạt trong bầu không khí khó thở.

Chánh Tham biện De Montaigut bỏ tỉnh rút vào đồng quê, cương quyết kháng Nhật. Một ngày trong tháng 3 lúc xế chiều, De Montaigut dẫn một toán quân từ miệt Vàm Láng, Phong Điền kéo ra phá cầu đúc Cái Răng. Súng nổ vang một góc trời. Từ tỉnh lỵ Cần Thơ, quân đội Nhật kéo vào xung kích. Khói lửa bốc cao. Dân chúng Cái Răng Cần Thơ trải cơn chạy loạn hãi hùng !.

Rồi thì thỉnh thoảng thêm kinh khủng vì tiếng còi báo động, tiếng phi cơ đồng minh bay trên không phận Cần Thơ. Nhưng may cho dân chúng, đoàn chim sắt của đồng minh chỉ gieo sự đe dọa chứ chẳng ném bom hay bắn phá gì .

Từ tháng 8 biến cố dồn dập từ đó. Nào cuộc xung đột giữa Phật Giáo và Hòa Hảo.

Đến khi quân Anh Pháp trở lại hoành hành, chiếm đóng Tây đô. Một buổi sáng ngày 12 tháng 11, bộ đội kháng chiến do Lê Bình chỉ huy bất thần đánh chụp chợ Cái Răng. Đến xế trưa. Quân Pháp từ Cần Thơ đem tàu chiến kéo vào, phối hợp với bộ binh và không quân, gieo hãi hùng suốt ngày đêm, khói lửa đỏ trời Tây đô.

Rồi ngày 22 tháng 10 năm 1956 và ngày 16 tháng 9 năm 1958, tỉnh Cần Thơ được đổi tên là Phong Dinh.

ĐỊA LÝ

Ranh giới thì sửa đổi lại : Cắt hai quận Trà Ôn và Cầu Kè sáp nhập tỉnh Vĩnh Bình (Trà Vinh). Lập 2 quận khác là Long Mỹ và Kế Sách. Chẳng bao lâu, lại cắt phần đất quận Kế Sách trả cho tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng) rồi chia quận Long Mỹ làm 2 quận : Đức Long và Long Mỹ. Nhưng cũng không lâu, lại tách 2 quận Đức Long và Long Mỹ sáp nhập tỉnh Chương Thiện. Rồi lập 2 quận khác là Khắc Nhơn và Khắc Trung (nay sửa lại là Thuận Nhơn và Thuận Trung).

Cho đến năm 1966, tỉnh Phong Dinh về mặt địa lý như sau :

VỊ TRÍ GIỚI HẠN

Tỉnh Phong Dinh ở về phía Tây Nam miền Nam nước Việt. Tỉnh lỵ Cần Thơ cách thủ đô Sài Gòn 160 cây số.

Đông Bắc giáp tỉnh Vĩnh Long – Vĩnh Bình (Trà Vinh) bằng khúc sông Hậu Giang chạy dài lối 50 cây số

Đông Nam giáp tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng)

Tây Bắc giáp tỉnh An Giang (Long Xuyên) Kiên Giang (Rạch Giá)

Tây Nam giáp tỉnh Chương Thiện.

DIỆN TÍCH – DÂN SỐ

Diện tích toàn tỉnh 162,257 mẫu tây. Phần lớn là đồng bằng phì nhiêu, không một ngọn núi, không có rừng rậm, chỉ có chút ít rừng tràm, rừng dừa nước tại các vùng đầm lầy. Hệ thống kinh rạch chằng chịt, phần nhiều phát khởi từ con sông

Hậu Giang, quanh năm nước ngọt, thích hợp cho việc trồng lúa, trồng cây ăn trái và các loại hoa mầu khác

Dân số toàn tỉnh trên 400.000 ngàn người, riêng thành phố Cần Thơ đã chiếm một khối dân số 55.000 người.

Tỉnh gồm 5 quận, 8 tổng, 40 xã, 5 quận : Châu Thành, Phong Phú, Phụng Hiệp, Thuận Nhơn và Thuận Trung.

1. Quận Châu Thành : Trụ sở quận Châu Thành ở trị trấn Cái Răng xã Thường Thạnh, cách tỉnh lỵ lối 6 cây số. Gồm có 2 tổng Định Bảo và Định An với 15 xã.

a) Tổng Định Bảo có 7 xã : Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Mỹ Khánh, Thạnh An, Tân Phú Thạnh, Thường Thạnh và Thường Thạnh Đông.

b) Tổng Định An có 8 xã ; An Bình, Đông Phú, Giai Xuân, Long Tuyền, Phú Hữu, Tân An và Thuận Đức.

2. Quận Phong Phú : Trụ sở ở xã Thới Thạnh, cách tỉnh lỵ 21 cây số. Gồm có 2 tổng Thới Bảo, Định Thới và 9 xã.

a) Tổng Thới Bảo có 4 xã : Bình An, Định Môn, Thới Thạnh và Trường Thạnh.

b) Tổng Định Thới có 5 xã : Phước Thới, Tân Thới, Thới An, Thới An Đông và Thới Long.

3. Quận Phụng Hiệp : Trụ sở ở xã Phụng Hiệp, cách tỉnh lỵ 30 cây số. Gồm 2 tổng Định Phước và Định Hòa với 6 xã.

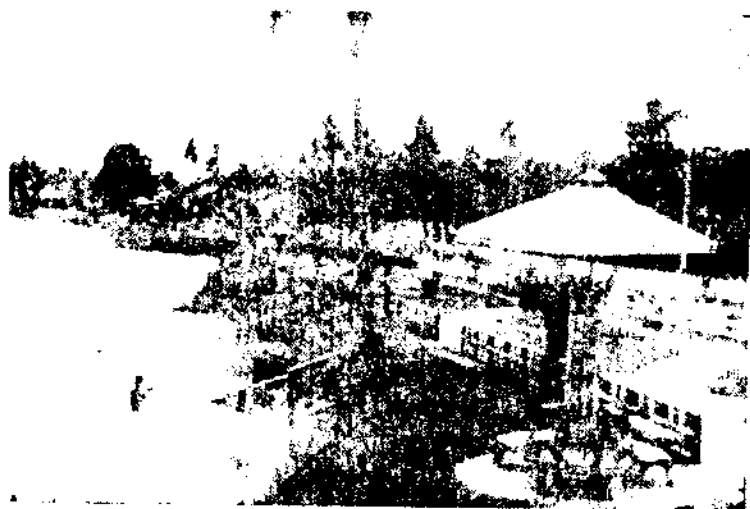
a) Tổng Định Phước có 4 xã : Hiệp Hưng, Hòa Mỹ, Phụng Hiệp và Tân Phước Hưng.

b) Tổng Định Hòa gồm 2 xã : Đông Phước và Long Thạnh.

4. Quận Thuận Nhơn : Trụ sở ở xã Tân Hòa, cách tỉnh

ly 25 cây số. Chỉ có một tổng Phong Đa và 6 xã : Tân Hòa, Tân Bình, Thạch Hòa, Trường Long, Lễ Tâm và Chủ Thiện.

5. Quận Thuận Trung : Trụ sở ở xã Thới Đông, cách tỉnh lỵ 43 cây số. Chỉ có một tổng Phong Thuận và 4 xã : Thới Đông, Thới Lai, Thạnh Phú và Ngõn Thiện.



Công viên Cầu Đới Mới

ĐƯỜNG SÁ

Đường sá tỉnh Phong Dinh hầu hết đều tráng nhựa, một số trải đá, và một số ít hương lộ còn là đường đất. Hệ thống đường bộ gồm có mấy lộ chính đáng kể :

1. Quốc lộ số 4 là trục giao thông chính nối liền tỉnh lỵ Cần Thơ, quận lỵ Cái Răng, thị trấn Cái Tắc và quận lỵ Phụng

Hiệp.

2. Đường liên tỉnh số 27 nối liền tỉnh lỵ Cần Thơ với thị trấn Bình Thủy và quận lỵ Phong Phú (Ô Môn)

3. Đường liên tỉnh số 31 nối liền thị trấn Cái Tắc, chợ Rạch Gòi và kinh Cung qua tỉnh Chương Thiện và Rạch giá. Đường này khởi đắp từ năm 1898, cán đá và hoàn thành năm 1916, đến 1966 nay đã được cán và toàn diện bề ngang 4 thước.

4. Hương lộ số 4 đi từ Cái Răng qua Phong Điền, Cầu Nhiễm, Ba Xe đến Ô Môn (gặp đường liên tỉnh số 27), dài 25km 750.

5. Hương lộ số 11 và 12 thông thương đến Tân Hòa, chợ Bảy Ngàn (quận lỵ Thuận Nhơn).

6. Hương lộ số 29 đi từ Thới Lai đến Cờ đỏ (quận lỵ Thuận Trung).

Ngoài ra, những con đường chánh trong tỉnh, lộ trình :

Cần Thơ đi	Bình Thủy	5 cây số
Cần Thơ đi	Trà Nóc	9 km 500
Cần Thơ đi	Ô Môn	22 km
Cần Thơ đi	Thới Long	34 km
Cần Thơ đi	Cờ Đỏ	46 km
Cần Thơ đi	Cái Răng	6 km
Cần Thơ đi	Cái Tắc	14 km 500
Cần Thơ đi	Phong Điền	15 km 500
Cần Thơ đi	Phụng Hiệp	31 km

Chúng tôi vừa hoàn thành bộ sách thì vừa biết mới lập thêm 1 quận là quận Phong Điền. Để tiện việc tra cứu về sau, chúng tôi có thêm bảng lập thành ở cuối phần thứ nhất này.

SÔNG NGÒI – KINH RẠCH

Từ hữu ngạn Hậu Giang, từ Bắc xuống Nam gồm có 13 con rạch chính và những con kinh lớn đáng kể :

Kinh Thị Đội vốn là một nhánh của rạch Ô Môn, chạy dọc theo hương lộ số 29, từ chợ Thới Lai đi Rạch Giá 14km, thuộc quận Thuận Trung.

Kinh Ô Môn dài 14 cây số theo hương lộ số 30 đến ranh hạt 2 tỉnh Phong Dinh Kiên Giang.

Kinh Saintenoy dài 32 cây số, chạy từ chợ Rạch Gòi đến ngã tư cây dương (quận Phụng Hiệp) sang tỉnh Ba Xuyên.

Kinh Lacote dài 9 cây số chạy từ chợ Rạch Gòi đến chợ Cái Dứa Chương Thiện.

Kinh Xà No dài 34 cây số, từ rạch Cần Thơ qua chợ Bảy Ngàn tỉnh Chương Thiện.

Rạch Bằng Tăng dài độ 5 cây số, chảy tới kinh Thới Thạnh.

Rạch Cái Đôi dài 4 cây số, chảy theo ranh xã An Bình và Phú Thử.

Rạch Cái Sâu dài độ 4 cây số, chảy xuyên qua xã Phú Thử và đặng rạch Cái Da.

Rạch Bùng Binh dài độ 5 cây số, chảy xuyên hương lộ số 10 cho đến gần giáp ranh xã Phú Thử, Thạch An.

Rạch Bến Ba dài 5 cây số, chảy tới rạch Cái Da.

Rạch Cái Cui dài 5 cây số, chảy tới giáp kinh Thạch Đông.

Rạch Mái Giầm dài 5 cây số, chảy gặp kinh Saintenoy.

Rạch Cái Khế dài 5 cây số, chảy từ Cầu Đôi tới Đầu

Sấu.

Rạch Cái Dầu dài 7 cây số, chảy theo ranh giới xã Đông Phú và Phú Hữu cho tới gần giáp ranh quận Phụng Hiệp và quận Châu Thành.

Rạch Bình Thủy dài 15 cây số, chảy tới giáp ranh xã Giai Xuân, Long Tuyền.

Rạch Trà Nóc dài độ 15 cây số, chảy xuyên đường liên tỉnh 27 tới chợ Ba Xe.

Rạch Ô Môn dài 15 cây số, chảy xuyên các tổng Thới Bảo và Định Thới thuộc quận Phong Phú

Rạch Cần Thơ dài 28 cây số, chảy ngang bến Ninh Kiều cho tới Phong Điền.

Ngoài ra còn rất nhiều kinh rạch chằng chịt rất tiện lợi cho sự giao thông tại các quận cũng như tại các làng xã. Chẳng hạn như từ quận lỵ Phụng Hiệp người ta có thể lưu thông trong quận bằng ngã bảy con kinh gặp nhau tại chợ Phụng Hiệp : Cai Thiện và Kinh Cái Côn.

Rải rác trong 5 quận còn có những tên kinh rạch cần biết như sau :

a) Quận Châu Thành gồm có : Rạch Đầu Sấu, rạch Trường Tiền, rạch Cái Tắc, rạch Trà Niên Lớn, rạch Cái Da, kinh Thạnh Đông, kinh Cái Dầu, rạch Cái Nai, rạch Cái Răng Lớn và Cái Răng Bé, rạch Ngã Bắc, rạch Ba Láng, rạch Sung, kinh Phong Điền, kinh Sưa Đũa Bé, rạch Cái Cấm, rạch Vàm Bì, rạch Rau Răm, kinh Cái Muồng, kinh Ngã Cạy, rạch Bần Ke.

b) Quận Phong Phú gồm có : rạch Tầm Vu, rạch Trà Do Lớn, kinh Tiểu, kinh Tắc Ông Thục, kinh Trà Keo, kinh

Trà Luận, rạch Vàm Nhon, rạch Dầu. Rạch Vạn Lịch, rạch Cầu Nhiễm, rạch Ba Mít, rạch Bông Giêng, kinh Cái Túc, kinh Búa Lớn, rạch Cái Trôm, rạch Ông Tượng.

c) Quận Phụng Hiệp gồm có : kinh Lái Hiếu, rạch Bảy Thưa, rạch Ông Huyện, rạch Cái Chồn, rạch Cái Nhum, kinh Ba Ngàn, kinh Sen Trắng, kinh Nàng Mao, kinh Rọc Sen.

d) Quận Thuận Trung gồm có : kinh Thơm, rạch Ba, kinh Đứng, kinh Ngang, kinh Rạch Hạt, kinh Sáu Thước, kinh Ranh Làng, rạch Xập Phôm, rạch Lương Đường, rạch Xẻo Sao, kinh Hương Trường Da.

đ) Quận Thuận Nhơn gồm có : kinh Tân Hiệp, kinh Trà Ứt Đại và Trà Ứt Tiểu, kinh Bà Đầm, kinh Cai Tổng Cang, kinh Chệt Thọ, kinh Bốn Ngàn, kinh Bảy Ngàn, rạch Đường Láng, rạch Ngã Cái, rạch Trầu Hôi, rạch Thầy Cai Hóa, kinh Tám Ngàn.

TỈNH PHONG DINH NĂM 1966

Các đơn vị hành chánh thuộc tỉnh Phong Dinh ngày xưa : Gồm có 6 quận ⁽¹⁾, 8 tổng và 41 xã, chia ra như sau :

I. QUẬN CHÂU THÀNH II. QUẬN PHONG PHÚ III. QUẬN PHỤNG HIỆP

(2 tổng, 12 xã)	(2 tổng, 9 xã)	(2 tổng, 6 xã)
DT : 25.525 ha	DT : 25.713 ha	DT : 37.446 ha
Dân số : 149.786	Dân số : 65.173	Dân số : 61.867
1) TỔNG ĐỊNH AN	1) TỔNG ĐỊNH THỜI	1) TỔNG ĐỊNH PHƯỚC
(8 xã)	(5 xã)	(4 xã)
1. Xã An Bình	1. Xã Phước Thới	1. Xã Hiệp Phụng
2. Xã Đông Phú	2. Xã Tân Thới	2. Xã Hòa Mỹ

- | | | |
|------------------|--------------------|----------------------|
| 3. Xã Giai Xuân | 3. Xã Thới An | 3. Xã Phụng Hiệp |
| 4. Xã Long Tuyền | 4. Xã Thới An Đông | 4. Xã Tân Phước Hưng |
| 5. Xã Phú Hữu | 5. Xã Thới Long | |

6. Xã Phú Thứ
7. Xã Tân An
8. Xã Thuận Đức

- | | | |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 2) TỔNG ĐỊNH HÀO
(4 xã) | 2) TỔNG THỜI BẢO
(4 xã) | 2) TỔNG ĐỊNH HÒA
(2 xã) |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|

- | | | |
|-------------------------|--------------------|------------------|
| 1. Xã Thạnh An | 1. Xã Bình An | 1. Xã Đông Phước |
| 2. Xã Tân Phú Thạnh | 2. Xã Định Môn | 2. Xã Long Thạnh |
| 3. Xã Thường Thạnh | 3. Xã Thới Thạnh | |
| 4. Xã Thường Thạnh Đông | 4. Xã Trường Thành | |

- | | | |
|---------------------------------------|--|---------------------------------------|
| IV. QUẬN THUẬN NHƠN
(1 tổng, 5 xã) | V. QUẬN THUẬN TRUNG
(1 tổng, 4 xã) | VI. QUẬN PHONG ĐIỂN
(1 tổng, 5 xã) |
|---------------------------------------|--|---------------------------------------|

Diện tích : 27.821 ha	Diện tích : 35.587 ha	Diện tích : 10.265 ha
Dân số : 51.882	Dân số : 21.238	Dân số : 43.815

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1) TỔNG PHONG ĐA
(5 xã) | 1) TỔNG PHONG THUẦN
(4 xã) |
|----------------------------|--------------------------------|

- | | | |
|-----------------|------------------|-------------------|
| 1. Xã Tân Hòa | 1. Xã Thới Đông | 1. Xã Nhơn ái |
| 2. Xã Thạnh Hòa | 2. Xã Thới Lai | 2. Xã Nhơn Nghĩa |
| 3. Xã Tân Bình | 3. Xã Thạnh Phú | 3. Xã Mỹ Khánh |
| 4. Xã Chủ Thiện | 4. Xã Ngõn Thiện | 4. Xã Trường Long |
| 5. Xã Lễ Tâm | | 5. Xã Cầu Nhiêm |

(1) Quận Phong Điền mới vừa thành lập trong năm 1966, chúng tôi cần thêm vô cho đủ 6 quận, vì trước kia chỉ có 5 quận.

TÌM HIỂU

HAI TIẾNG CẦN THƠ DO ĐÂU MÀ CÓ ?

Danh từ Cần Thơ đã có từ lâu. Xưa kia là huyện Phong Phú, phủ Tuy Biên, nay đổi là Phong Dinh.

Phần đầu chúng tôi đã trình bày nguồn gốc tiếng địa phương qua sự diễn tiến của thời đại vào đầu thế kỷ thứ XVIII, của đất Trấn Giang, về phần lịch sử.

Riêng hai tiếng “ Cần Thơ ” trong sử không có ghi chép rõ ràng như các tỉnh khác.

Tương truyền lúc Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam dấu chân của ông đều trải qua các nơi trên lãnh thổ để lẩn tránh Tây Sơn mưu đồ phục quốc. Lúc bấy giờ ông ngự trên một chiếc thuyền đi ngang dòng sông Hậu, thuộc địa phận huyện Phong Phú thả neo theo sóng gió lênh đênh trên mặt nước, bỗng nghe có tiếng ngâm thơ, đờn địch, hò hát hòa nhau rất nhịp nhàng, từ xa vọng lại giữa đêm trường canh vắng. Ông chạnh lòng nhớ đến bước đường lưu lạc trong lúc bơ vơ xứ lạ quê người, khiến tâm can thêm xúc động. Ông mới có một cảm nghĩ ban cho con sông này cái tên đẹp để mỹ miều, đầy thơ mộng là “ Cẩm Thi giang ” con sông của thi ca đàn hát. Lần lần hai tiếng Cẩm Thi được lan rộng ra trong dân chúng, có người lại đọc trại là “ Cần Thơ ”⁽¹⁾, và danh từ ấy nghe cũng hay hay, nên được người ta dùng mãi đến ngày nay.

(1) Cẩm thi đọc trại là Cần Thơ, tỷ dụ Sài Côn đọc trại Sài Gòn, Soctre, đọc là Bến Tre, Pôleo đọc là Bạc Liêu

Còn một truyền thuyết khác nữa do các bô lão địa phương kể lại, nơi đây khi xưa có trồng rất nhiều loại rau cần và rau thơm, mỗi khi chủ vườn cắt rau đem đi bán, rao cùng đường : ai mua rau cần thơm không ?

Rau cần, rau thơm xanh mướt,

Mua mau kéo hết, chậm bước không còn.

Thiên hạ xúm nhau mua hai loại rau này rất nhiều, lâu ngày chầy tháng, danh từ rau cần rau thơm được giới bình dân phổ biến thành câu ca dao :

Rau cần lại với rau thơm.

Phải chăng đất ấy rau thơm có nhiều.

Cũng có người lẩn thẩn gọi đại tên xứ đó là xứ Cần Thơ. Hai giả thuyết này, không biết giả thuyết nào đúng ? Hoặc giả một địa danh mà có đến hai sự kiện xảy ra trùng hợp nhau ?

Cầm Thi đọc trại là Cần Thơ, tỷ dụ Sài Côn đọc trại Sài Gòn, Sóc Tre đọc Bến Tre, Pô Léo đọc ra Bạc Liêu v.v...

Hai tiếng Cần Thơ trở thành một địa danh từ thời bấy giờ.

Qua thời Pháp thuộc đến chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam phần và lập tòa bố tại Cần Thơ do nghị định ngày 23/ 2 /1876 cũng vẫn giữ nguyên hai chữ Cần Thơ. Muốn cho phân biệt từ tỉnh một, Cần Thơ được mang con số 19, mỗi chiếc ghe ở trước mũi có khắc số, đi tới đâu người ta cũng nhận ghe số 19 của tỉnh Cần Thơ từ người lính garde civile locale của tỉnh, kêu là lính mã tà, mỗi lần di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh nọ, hoặc giải tội nhân lên Sài Gòn, trên cổ áo đều có gắn số 19 cũng như các tỉnh trong Nam kỳ đều có một sắc thái tương tự,

nhưng chỉ khác biệt là con số tỉnh, để cho người ta phân biệt mà thôi.

Ngày 16/9/1958 tỉnh Cần Thơ lại thay đổi họ một lần nữa, đổi tên là tỉnh Phong Dinh, để nhắc lại cái tên cũ thời xưa, cũng như Mỹ Tho đổi lại là Định Tường, Rạch Giá đổi là Kiên Giang, Bến Tre đổi lại là Kiến Hòa để : gọi lại tinh thần tồn cổ với ý nghĩa cao đẹp của nó từ ngàn xưa, cốt làm sống lại tinh thần dân tộc.

Đây là một ít tài liệu tra cứu để giúp ích cho quý bạn đọc tìm hiểu qua danh từ xuất xứ của tỉnh Cần Thơ.

Năm 1966 Cần Thơ lại được mệnh danh là Tây đô văn vật.

DÒNG HẬU GIANG NẮNG TRƯA ĐƯA KHÁCH



*Thuyền lướt thủy triều chở khách sang
Sưu tầm kim cổ cảnh phong quang.
Phong Dinh đô thị càng xinh lịch
Tiếng dội vang đồn khắp Hậu Giang*

PHẦN THỨ HAI

NĂNH VẬT LỊCH SỬ



1. MAC THIÊN TỬ

Người đã kiến lập vùng đất Trấn Giang từ năm 1793. Tức nay là tỉnh Phong Dinh.

Thắng thần mà nói, miền Nam này, nhất là vùng Hậu Giang, một phần lớn công lao đã do cha con Mạc Linh Công (Mạc Cửu) đóng góp tâm não bồi đắp mở mang ra. Phát tích từ đất Hà Tiên, cha con Mạc Cửu dần dần khai thác đất đai khắp miền Tây, hoàn thành 4 huyện đem dâng chúa Nguyễn : huyện Long Xuyên (Cà Mau), huyện Kiên Giang (Rạch giá), huyện Tấn Di (Bạc Liêu) và huyện Trấn Giang (Cần Thơ). Chính huyện Trấn Giang có duyên nợ với Mạc Thiên Tứ và con là Mạc Tử Sanh nhiều nhất, nên ở phần nhân vật lịch sử có nhiều thành tích với Cần Thơ, chúng tôi xin ghi chép phần tiểu sử họ Mạc vào đây cho hợp lý.

Mạc Thiên Tứ, cũng gọi là Mạc Thiên Tích, vốn tên thật là Bạc Tông, tự Sĩ Lân. Ông là con trưởng của Đại tướng Võ Nghi Công Mạc Cửu.

Tính ông khí khái, học thức uyên bác, tài gồm văn võ. Ông đã cùng với cha dày công khai thác đất Hà Tiên. Đến khi thân phụ ông mất (1763), Ông được chúa Nguyễn Phúc Chú trọng vọng, phong cho làm Đô Đốc trấn Hà Tiên. Nối chí cha, ông mở mang thêm vùng Hậu Giang, khai hoang lập ấp, tổ chức nội an, sắp đặt cơ cấu quân sự để phòng ngừa giặc ngoài và trừ dẹp trộm cướp trong xứ, đem lại yên vui cho dân chúng.

Về mặt văn hóa, giáo dục, ông mở trường, rước thầy khai hóa cho dân. Thành lập một tao đàn lấy tên là “Chiêu Anh Các” nhóm họp 31 bạn văn chương ưu tú, cùng nhau xướng họa, tỏ chút tình hoài khiển hứng.

Những lúc quân Chân Lạp đẩy lên, ông cầm binh dẹp tan được cả, trâu lấy đất đai, mở thêm bờ cõi.

Đinh Sửu 1757, Cao Miên có nội loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên, ông giúp cho, hộ tống Nặc Tôn trở về an toàn. Ông càng phấn chấn bồi đắp non sông.

Nhâm Thìn 1772, vua Xiêm là Phi Nhã Tân đem quân tràn sang đánh phá Hà Tiên. Ông bất cẩn thất thủ thành trì. Quân giặc giết cả dân chúng trong thành. Ông lui về giữ Trấn Giang (Cần Thơ). Nơi đây, ông đã thiết lập mọi cơ cấu phòng thủ vững chãi, phòng khi nguy biến thì tiện đường rút lui mà củng cố hàng ngũ lại, quật khởi tấn công.

Đã từng mến mộ oai đức của ông, nên dân chúng Trấn Giang đều sẵn sàng ủng hộ, làm hậu thuẫn cho ông. Do đó ông đẩy lui được quân Xiêm, đồng thời càng thêm nỗ lực tô điểm Trấn Giang ngày một tốt đẹp hơn lên cả về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự.

Có thể nói, sau cuộc tấn công của quân Xiêm mà ông phải lui về Trấn Giang, ông mới cảm thấy yêu mến Trấn Giang hơn bao giờ hết, nên dốc lòng tô điểm cho Trấn Giang chẳng kém gì công trình ông đã xây dựng Hà Tiên.

Lại một lần nữa, càng khiến ông thêm quyến Trấn

Giang, coi như đây là giang san của ông, thứ hai sau Hà Tiên : năm Ất Vị 1775 chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông) cùng với cháu là Nguyễn Ánh chạy vào Nam, lánh quân Tây Sơn đang truy kích. Hay tin, ông đi thẳng lên Gia Định bái yết chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn phong ông là Quốc lão Đô Đốc Quận Công.

Đinh Dậu 1777, chúa Định Vương chạy xuống huyện Long Xuyên tức là Cà Mau, Tây Sơn đuổi theo và bắt sống chúa Nguyễn tại đây, giải về Gia Định. Nguyễn Ánh lên thay cầm binh quyền. Liệu thế không chống nổi, Mạc Thiên Tứ tách dặm băng ngàn sang Xiêm.

Vua Xiêm là Phi Nhã Tân khi trước đã đem binh sang Hà Tiên, Trấn Giang đánh nhau với Mạc Thiên Tứ. Nay thấy Mạc Thiên Tứ sang, lấy làm ngờ. Triều thần Xiêm lại lắm kẻ gièm pha, khiến Phi Nhã Tân càng hồ nghi ông hơn nữa, ngờ ông lập cơ mưu sang Xiêm dò thám tình hình, để thừa dịp chiếm đoạt.

Nỗi hận gặp cảnh không may đến nỗi bị ngờ oan, ông bèn nuốt vàng mà tự tử. Phái đoàn do ông cầm đầu sang Xiêm lúc bấy giờ gồm có : Tôn Thất Xuân, và hai người con của ông là Mạc Tử Hoàng, Mạc Tử Thượng và 50 tên quân đều chết theo ông, nhằm năm Canh Tý 1780.

Ông còn để lại cho đời một bộ “Minh bột di ngư” gồm có

1. Hà Tiên vịnh vật thi tuyển

2. Châu Thị Trinh liệt tặg ngôn
3. Thi truyện tặg Lưu tiết phụ
4. Thi thảo cách ngôn vị tập

Đề vịnh 10 cảnh đẹp Hà Tiên (Hà Tiên thập vịnh).

Ông có 10 bài thơ chữ Hán khởi xướng, rồi 31 văn hữu trong nhóm "Chiêu anh Các" của ông sáng lập, cùng nhau họa vắn, mỗi vị họa đủ 10 bài, tổng cộng 320 bài. Sau Nguyễn Cư Trinh họa thêm 10 bài nữa, tất cả là 330 bài. Ngoài ra, Mạc Thiên Tứ chẳng những người văn hay võ giỏi, có tài điều binh khiển tướng, thông minh đỉnh ngộ, Ông lại được người đời xưng tụng là một thi nhân xuất sắc trong thời ấy.

Bao nhiêu thi văn của ông ngày nay trong lịch sử văn học còn ghi chép, chúng tôi chỉ trích ra một trong những bài thập cảnh của ông dưới đây để tượng trưng qua khí tiết của người xưa, nói lên chí can trường, lòng dũng cảm đứng trước phong ba lửa loạn, chống giặc xâm lăng không thối chí ngã lòng, quyết nêu cao thịnh giá.

TRỐNG CANH GIANG THÀNH

*Trống canh Giang thú nổi oai phong
 Nghiêng giáng đòi canh ỏi núi sông;
 Đánh phá mặt gian người biết tiếng,
 Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng hàng,
 Phao tuôn đã thấy yên ba vạc,
 Nhiệm nhậ chí cho lọt mấy lòng,*

Thỏ lụn sớm hầu trưa bóng ác,

Tiếng xe sầm sập mới nên công.

Nói đến quá trình của Mạc Thiên Tứ, chính ông là người có công khai sáng vùng đất Hậu Giang, có liên quan đến Cần Thơ ngày xưa rất nhiều.

Nay soạn qua quyển “Cần Thơ Xưa” mà không nhắc đến công nghiệp của ông thật là một điều thiếu sót cho việc sưu khảo.

Vì Mạc Thiên Tứ là cha Mạc Tử Sanh có duyên nợ nhiều với Phong Dinh, nên chúng tôi ghi lại vài nét tiểu sử cuộc đời Mạc Thiên Tứ vào đây, để quý bạn đọc thưởng thức chút văn tài của một vị Đô Đốc hào hoa phong nhã. Và bao nhiêu cảnh trí hữu tình, thơ hay về Hà Tiên, xin quý bạn đọc đón xem ở quyển “Hà Tiên Xưa”, cùng một tác giả, sẽ lần lượt ra mắt bạn đọc trong ngày gần đây.

2. MẠC TỬ SANH

Dày công khai thác miền Nam, thật không ai hơn họ Mạc. Từ đời cha đến đời con, đời cháu, không ai là không trung thành phục vụ đồng bào miền Tây, mặc dầu họ Mạc không phải là người Việt chính tông.

Đọc tiểu sử Mạc Thiên Tứ, chúng ta đã thấy Thiên Tứ từng hoạt động ở Trấn Giang (Cần Thơ) mà con ông là Mạc Tử Sanh càng phục vụ nhân dân Trấn Giang nhiều hơn nữa.

Mạc Tử Sanh, con của Đô Đốc Quận Công Mạc Thiên

Tứ. Ông đã từng sát cánh với cha trong việc khai thác vùng Hậu Giang, đặc biệt là vùng huyện Trấn Giang. Trong khi thân phụ ông ngồi trấn Hà Tiên, ông vâng mạng đi tiếp xúc với chánh quyền Trấn Giang (Cần Thơ), Trấn Di (Bạc Liêu) và Long Xuyên (Cà Mau), tận tâm mưu ích lợi cho dân chúng.

Nhâm Thìn 1772, quân Xiêm tràn sang đánh phá Hà Tiên. Ông đương cự với quân địch nhiều trận quyết liệt, mở đường máu cho thân phụ ông rút quân về Trấn Giang đóng giữ. Vì quân địch hung hãn bạo tợn, đốt phá cả thành trì, tàn hại dân chúng vô số kể ! Đau lòng căm hận, ông cùng thân phụ lui giữ Trấn Giang, một mặt bố trí phòng thủ chặt chẽ, một mặt chinh đốn binh đội, phản công quân Xiêm. Dưới quyền chỉ huy của ông, tinh thần quân sĩ lên cao, dũng cảm xông pha giết giặc. Địch quân kinh hoàng, tan vỡ trước khí thế hào hùng quyết tử của quân dân ta.

Sau trận đánh đuổi quân Xiêm, Hà Tiên và Trấn Giang tổn thất nhân mạng và tài sản khá nặng nề. Vì quân địch tàn bạo hiếu sát, kéo tới đâu thì đốt phá giết hại đến đấy. Mạc Tử Sanh đôn đốc dân chúng tái thiết những công trình đổ vỡ, an ủi những gia đình tang tóc. Lòng nhiệt thành lo cho dân chúng của ông, khiến người dân đều cảm mộ oai đức, xưng tụng ông là bậc thiếu niên anh hùng.

Đời Minh Mạng, nhà vua truy phong Mạc Thiên Tứ làm thần "Đại Nghĩa", Mạc Tử Sanh thì làm thần "Trung Nghĩa" tước Chính lý hầu.

Xin xem thêm phần thứ III, Di tích và Thắng cảnh

MỘ LÃNH BINH VÔ DUY TẬP



Mộ ông Vô Duy Tập, một võ tướng ở Phong Dinh, khuôn
phò hai triều Gia Long và Minh Mạng

Ngôi cổ mộ này đã trên một thế kỷ, sau này nằm ở sau công
sở xã Long Xuyên.

Người đứng trong bức ảnh chính là tác giả.

(Ảnh Trần Văn Bè)

CHÁNH LÃNH BINH

3. VÕ DUY TẬP

SỐNG VI TƯỚNG, THÁC VI THẦN

Trải xem lịch sử, nhân vật ưu tú của Cần Thơ thuở xa xưa bên vắn đã kể nhiều, bên võ há chẳng có ai ? Một Nguyễn Văn Tồn chưa đủ, vì đó là người Việt gốc Miên, chưa làm thỏa mãn được lòng người Việt chánh tông. Một Mạc Tử Sanh thì là người Việt gốc Hoa, lại cũng chẳng phải chánh quán Cần Thơ, chỉ vì có công ơn nhiều với đồng bào Cần Thơ nên chúng tôi mới liệt kê vào hàng nhân vật của Cần Thơ. Thế thì hàng võ tướng, Cần Thơ chịu nhượng Định Tường, Long Hồ, An Giang, và chịu nhượng cả dân huyện Long Xuyên (Cà Mau) hay sao ?

Do chỗ thắc mắc bản khoản tìm hiểu ấy, chúng tôi may được các vị bô lão ở Bình Thủy thông cảm, hướng dẫn chúng tôi đi tham quan ngôi mộ một vị Chánh Lãnh binh triều Minh Mạng. Bằng đồng, lọi ruộng chẳng quản gì vất vả, chúng tôi đã nghe thấy sự tích hào hùng đáng kể:

Võ Duy Tập người xã Long Tuyền, huyện Phong Phú (Cần Thơ xưa), con ông Võ Nguyên, xuất thân nông dân.

Gặp buổi trong nước thường loạn lạc, ông chuyên tâm học võ. Thân phụ ông có ý chẳng bằng lòng :

Sao con chẳng cố công đèn sách học hành, có văn chương chữ nghĩa, bằng vàng bia đá phải đẹp mặt hơn không?

Ông từ tốn thưa :

Dầu vãn hay võ, hễ biết lập chí cứu dân giúp đời thì đều vinh hiển cả. Xin cha an lòng.

Nghe khẩu khí của ông, thân phụ ông mừng thầm, kỳ vọng ở ông một tương lai xán lạn.

Suốt mười mấy năm tận lực cùng chúa Nguyễn, đến ngày thống nhất non sông, chung hưởng thanh bình, ông nghiêm nhiên là vị tướng lãnh công cao trọng vọng, làm rạng vẻ miền Tây một thuở.

Đến đời vua Minh Mạng, ông càng được tín nhiệm hơn. Nhà vua thường giao trọng trách cho ông đi dẹp giặc già nhiều nơi trong nước. Với chức vụ Chánh Lãnh binh, ngày đêm ông tận tâm lo việc an ninh cho dân chúng, rất được lòng dân kính mộ.

Bấy giờ giặc Cao Miên thường khuấy rối các vùng Tịnh Biên, Châu Đốc. Dân tình khốn khổ xôn xao. Ông được lệnh của quan Trấn thủ An Giang đem binh đi đánh. Tài thao lược của ông một lần nữa đem thi thố, khiến lũ giặc kinh tâm tán đởm, vỡ chạy cả. Từ ấy thanh danh ông lan rộng khắp miền Tây.

Tuổi về già ông vẫn còn cầm binh đáng dẹp giặc Miên ở Sóc Trăng, và bỏ mình tại Bưng Tropic. Linh cữu đưa về an táng nơi cố quán xã Long Xuyên

Sau này mộ ông nằm sau miếng ruộng cách công sở Long Xuyên độ 200 thước. Ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá ong. Sau trong gia tộc miêu duệ làm vòng thành bằng gạch.

Tấm bia nơi mộ nêu rõ tên họ :

**CHÁNH LÃNH BINH VÕ DUY TẬP
HAI BÊN CÓ HAI CÂU ĐỐI :**

Trung liệt phong thanh liêu bất hữu

Anh hùng chánh khí lãnh như thình.

Tiếc rằng ngày ông mất có khắc rõ nơi bia nhưng lâu năm đã bị nắng mưa xói mòn không còn đọc được hầu tiện bề tra cứu thêm trong lịch sử

Gần đây, khoảng 1943, hội Khảo cổ có đến quan sát, nghiên cứu hẳn hoi.

Sống làm tướng thác làm thần, anh linh ông hiển hách, được triều đình ban sắc phong thần. Tại đình Khánh Hưng (Sóc Trăng) hãy còn thờ phụng ông, khói hương không ngớt.

Năm 1946, ban tế tự đình thần Khánh Hưng có tìm đến lễ lăng ông và yêu cầu các bộ lão tại xã Long Tuyền cho thỉnh hài cốt ông về mai táng trước đình thần. Nhưng cuộc xin lấy cốt không được các vị bộ lão Long Tuyền chấp thuận. Vì các bộ lão cho rằng mộ ông đã nằm nơi đây trên 100 năm, trong làng được bình an sung túc, đó là điềm lành cho dân ở đấy. Hàng năm, đến lễ thanh minh, con cháu ông đều có về đây cúng tế.

Bên cạnh các tướng lãnh trong đời vua Gia Long, Minh Mạng, như Lê Văn Duyệt được tôn thờ ở Bà Chiểu Gia Định, Nguyễn Huỳnh Đức ở Long An, Nguyễn Văn Nhơn ở Sa Đéc, và Tống Hiệp Phước, Tống Phước Hòa ở Vĩnh Long v.v.. một Võ Duy Tập còn lăng mộ nơi Bình Thủy và được phụng thờ nơi đình thần Khánh Hưng (Sóc Trăng), kể ra cũng vinh diệu cho Cần Thơ chẳng ít.

Nếu đương thời không quên ông Điều bát Nguyễn Văn Tôn ở Trà Ôn, thiết tưởng không thể không nhắc đến mộ ông Lãnh Binh Võ Duy Tập ở xã Long Tuyền. Ông là người của Cần Thơ, của miền Tây, lúc sống ông đã phục vụ dân chúng miền Tây tận tâm tận lực, đến chết nắm xương cũng gói vào lòng đất miền Tây, đáng thương đáng kính. Có lẽ cũng cảm kích mà chạnh tưởng như chúng tôi đã bày tỏ tâm tư trên đây, nên đồng bào xã Long Tuyền ngày trước có tạc bức chân dung ông bằng lụa nổi, phụng thờ tại đình Bình Thủy.

Chúng tôi chẳng những đã lợi ruộng băng đồng viếng mộ ông, lại lòng luống bùi ngùi xót cảnh, muốn lưu chút kỷ niệm người nay cảm thông luyến tiếc người xưa qua tinh thần tồn cổ, nên chụp ngay bức ảnh ngôi mộ ông. Rồi để tăng chứng tích hơn lên, đồng thời để gợi niềm khát khao tìm biết tìm hiểu của quý bạn tri âm ở khắp nơi, chúng tôi lại thăm viếng làng Bình Thủy, may mắn được chiêm ngưỡng bức chân dung ông thờ tại đình thần. Một tác lòng thành, cổ kim cùng chung mối cảm.

Người xưa dẫu khuất trăm năm cũ,

Phưởng phất tinh anh vẫn mãi còn.

Theo tài liệu của ông Nguyễn Hữu Bán ở xã Long Tuyền : Hiện ông Võ Duy Tập còn người cháu ngoại là cô Sáu Sáu, chủ một khách sạn Cần Thơ. Và tại Sóc Trăng cũng còn nhiều thân nhân của ông Tập

4. NGUYỄN VĂN TÔN (Người Việt gốc Miên)

Ông vốn người gốc Miên, chính tên là Duồng⁽¹⁾, võ nghệ khá cao cường, oai hùng vang tiếng gần xa, người người

đều kiêng nể. Gặp khi chúa Nguyễn Ánh chạy xuống Trấn Giang (Cần Thơ), Ông theo phù tá chúa Nguyễn và các chiến hữu rất mực thành tín, nên ai nấy đều xem ông như đồng bào ruột thịt, chẳng ai ganh ghét gì.

Khắc phục thành Gia Định xong, chúa Nguyễn tiến thẳng ra Trung, Bắc, Nguyễn Văn Tồn vẫn theo trong quân.

Ít lâu, ông phụng mạng trở vào Nam, dẹp các đám giặc cướp, mưu cuộc an ninh cho dân chúng. Nhất là tại Trà Ôn (một quận cũ của tỉnh Phong Dinh ngày trước), Ông ra tài tảo thanh côn đồ trộm cướp thừa cơ thời loạn mà dọc ngang khuấy rối dân lành, xếp đặt trị an đâu ra đấy, khiến dân chúng Trà Ôn cảm đức. Tên tuổi ông bìa truyền khắp miệng người.

Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long. Ông được phong chức Đề Bát. Ông càng nỗ lực hoàn thành sứ mạng bảo quốc an dân.

Khi Cao Miên có nội chiến, ông được cử theo đại quân sang đóng tại thành La Bích. Với thanh thế quân ta, với uy tín của ông, chẳng mấy ngày ông bình định xong cuộc nổi loạn ở Cao Miên và lãnh trọng trách bảo hộ. Những thành tích tốt đẹp của ông, khiến vua Gia Long tin tưởng, mến chuộng ông thêm, triệu ông về lo cho dân nước. Để tăng uy tín và thanh danh ông, hầu phục vụ dân nước được đắc lực hơn, nhà vua phong ông làm Thống chế. Ở vào địa vị cao tột, ông càng nỗ lực phục vụ nhân dân, nên càng được quần chúng kính mộ.

Tại trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long), ông phụ lực với Trấn thủ Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu), đào kinh Vĩnh Tế

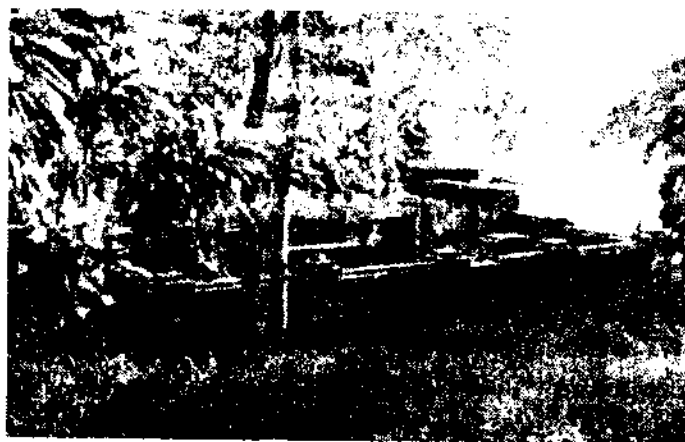
(1) Nguyễn Ánh thấy ông có công và trung thành mới cho lấy họ Nguyễn là họ của vua, mang tên Việt Nam là Nguyễn Văn Tồn do Nguyễn Ánh đặt cho ông.

nối liền Châu Đốc với Hà Tiên. Công nghiệp này, tên tuổi ông gắn liền với công nghiệp của Thoại Ngọc Hầu, khiến đời sau nhắc nhở đến với lòng khâm phục.

Canh Thìn 1820, ông mất, dân chúng đều thương tiếc. Triều đình phái các quan lại cao cấp vào điều tế.

Nay tại làng Thiện Mỹ, Trà Ôn hãy còn đền thờ ông Nguyễn Ánh thấy ông có công và trung thành mới cho lấy họ Nguyễn là họ của vua, mang tên Việt Nam là Nguyễn Văn Tồn do Nguyễn Ánh đặt cho ông.

CHI MỘ THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA



*Ngôi mộ này nằm ở mé tay mặt đường đi
Bình Thủy qeoa vô một khu vườn chừng 500m
Là nơi an nghỉ ngàn thu của nhà chí sĩ đất Tây Thành*

5. BÙI HỮU NGHĨA (1807 – 1872)

Bùi Hữu Nghĩa hiệu Nghi Chi sinh năm Đinh Mão (1807), nhằm năm Gia Long thứ sáu tại làng Long Tuyền (Bình Thủy), Cần Thơ. Thân sanh là Bùi Hữu Vi làm nghề hạ bạc.

Thuở nhỏ, Nghĩa đeo đuổi theo Hán văn ; nhờ thông minh và hiếu học, Nghĩa học rất mau giỏi.

Khi học lực của Nghĩa đã khá, thì cha cho lên Biên Hòa, ở đậu nơi nhà hộ trưởng Nguyễn Văn Lý, tại làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng mà thọ giáo với ông đồ Hoàn.

Tháng 2 năm Ất Vị (1835) thi hương ở Gia Định, Nghĩa đậu Giải Nguyên, tiếng tăm lừng lẫy. Hộ trưởng Lý rất mừng, dọn tiệc khoản đãi và ngỏ ý cho người con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Tôn về nâng khăn sửa đắp.

Nghĩa xin thưa cùng cha mẹ rồi sẽ tính việc hôn nhân.

TRÊN ĐƯỜNG HOẠN

Thi đỗ rồi không bao lâu, Nghĩa lại được bổ làm Tri huyện tại phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Nghĩa kết duyên với Nguyễn Thị Tôn, lệnh ái hộ trưởng Lý.

Ở Biên Hòa được ít lâu, Nghĩa được triều đình chuyển đến trấn nhậm tại phủ Trà Vang (Trà Vinh), tỉnh Vĩnh Long, từng sự dưới quyền Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố chánh Truyện.

Nghĩa tính tình cương trực, chẳng sợ ai, mà cũng chẳng tư vị ai, từng đánh đòn cậu công tử ý mình là em vợ Bố chánh Truyện mà xác xược với Nghĩa. Và cũng vì tính ngay thẳng thanh liêm mà Nghĩa che chở công lý bị cường quyền

đề nén, rồi vì đó Nghĩa mới bị quan trên hăm hại.

Khi vua Gia Long còn là chúa Nguyễn Ánh, bị Tây Sơn đánh đuổi phải bôn ba lẩn trốn. Đến khi tức vị (1802), vua Gia Long nhớ ơn xưa, xuống chiếu miễn thuế vĩnh viễn thủy lợi nơi rạch Láng Th  cho dân thổ hưởng nhờ chung.

Đ  đầu c  tên khách trú vận động lo lót với Tổng đốc Trương Văn Uy n và B  chánh Truyện là quan đầu tỉnh Vĩnh Long, mua được thủy lợi Láng Th .

M  s c và các hương mục Thổ kéo nhau đến kiện với Tri huyện B  Hữu Nghĩa. Nghĩa xử rằng : “Việc tha thủy lợi là ân hu  của vua Th  Tổ ; nay nhỏ hơn vua Th  Tổ mà đứng bán rạch ấy thì c  ch m đầu n  cũng không sao”.

Dân Cao Mi n tức thì mừng rỡ, phá đập b a r  của tên khách trú kia. Hai đ ng gây cuộc quyết chiến, rốt cuộc c  bảy tám tên khách trú bị ch m chết.

Dân Thổ bị bắt. Tổng đốc và B  chánh bắt luôn Thủ khoa Nghĩa g i về Gia Định, rồi đệ s  về triều, cáo quan huyện về tội tự tiện gi t người.

Trước nỗi  c tình ấy, bà Thủ khoa một mặt ra tận Hu  th n oan, một mặt nhờ qu n Ki m, em bạn d  của Thủ khoa, lo việc  n cấp tờ chiếu của Triều đ nh Hu  g i v  dạy xử tội Thủ khoa, mà giấu đi, cho đủ ngày giờ đi tới Hu  minh oan.

NƠI T A TAM PH P

Bà thủ khoa xuống Mỹ Tho kiểm ghe bầu chịu tiền qu  giang ra Hu .

May mắn thay cho Thủ khoa và bà vợ, vì lúc ấy Phan Thanh Gi n làm Lại B  Thượng Th  tại trào.

Đến nơi, bà thủ khoa tìm dinh quan Thượng Thơ tố nỗi hàm oan của chồng, tường thuật sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh Long và tố ý muốn đến Tam Pháp Ty kêu oan. Phan Thanh Giản bèn chỉ biểu đường đi nước bước và làm giúp bà một tờ trạng tố nỗi khúc oan.

Bà học thuộc lòng tờ trạng, rồi đêm kia, lổi canh năm, bà đến đền vua, nỗi ba hồi trống. Vua Tự Đức lâm triều, thâu đơn của bà rồi giao cho Bộ Hình thẩm xét. Bộ Hình lấy cung chiếu thẩm định rồi tuyên án thủ khoa như vậy : “Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, song phải quân tiền hiệu lực, đóaí công chuộc tội”.

Từ Dũ Thái hậu đòi bà Thủ khoa vô cung, tỏ lời khen và ban cho một tấm biển đề bốn chữ vàng : “Liệt phụ khả gia”.

Sau bà Thủ khoa về Ninh Gia tại Biên Hòa rồi bị bệnh tạ thế nơi đó.

Khi bà tạ thế thì Nghĩa mắc trấn nhậm ở Châu Đốc, nên phải quản bà lại rất lâu, đợi Nghĩa về đọc một bài văn tế lâm ly thống thiết rồi mới an táng tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa.

ĐOẠN ĐỜI CUỐI CỦA THỦ KHOA NGHĨA

Khỏi tội chết chém, Nghĩa bị đỗi đi làm chức thủ ngữ ở Vĩnh Thông (Châu Đốc) đánh dẹp dân Cao Miên làm loạn. Giặc yên đặng ít lâu, lại nổi lên làm phản nữa. Chuyến này Nghĩa với quan quân bị bắt rất nhiều, song Nghĩa được tha trở về Tịnh Biên.

Thấy nhiều kẻ xu quyền phụ thế, quan lại quá ư tham

tàn, Nghĩa xin hồi hưu trở về quê quán tại Bình Thủy (Cần Thơ), mở trường dạy học, vui thú thanh nhàn.

Về đường miếu duệ thì Nghĩa sinh hạ với bà chánh thất Nguyễn Thị Tôn được một gái, hai trai :

Bùi Thị Xiêm – Bùi Hữu Vàng – Bùi Hữu Tú

Với bà kế thất là Lưu Thị Hoán được một gái, ba trai :

Bùi Thị Bé – Bùi Hữu Khánh Bùi Hữu Sanh – Bùi Hữu Út.

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân, nhằm năm Tự Đức thứ 26 (1872), Bùi Hữu Nghĩa từ già cõi trần, hưởng thọ được 66 tuổi.

Mộ Nghĩa ở trong vườn Vĩnh Lộc của Đốc phủ Dương Thân Hỷ (thuộc về làng Long Tuyền Bình Thủy) tỉnh Cần Thơ. Trước mộ có tấm bia đá của con Nghĩa là Bùi Hữu Tú dựng, khắc mấy chữ :

“Đại Nam Hiến khảo Giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ.

Tốt vu Nhâm Thân niên chánh ngoạt nằm nhứt nhựt
Nam Bùi Hữu Tú kính lập”

Bấy giờ tại chùa Nam Nhã ở Bình Thủy có ba thần chủ thờ Thủ khoa Nghĩa với bà chánh thất và bà kế thất. Trước bàn Phật lại có bài vị thờ nữa.

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Sở trường của Thủ khoa Nghĩa về thi văn.

Bấy giờ có người truyền tụng câu sau này :

“Đồng Nai có bốn rồng vàng;

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi”

Nghĩa là một bức cự phách trong làng thi miền Nam giữa thế kỷ thứ 19.

Người ta biết Nghĩa nhiều là do quyển tuồng “Kim thạch kỳ duyên”, văn chương đặc sắc, lời lẽ gọn gàng.

Kế đó là mấy bài văn tế :

Văn tế vợ – Văn tế con gái – Văn vợ Thổ tế chồng Chết.

Mấy bài Thơ nôm :

Cây vông; – Cây bần; – Thợ bạc; Kinh quả Hà ám cảm tác; Câu cá; Ngũ Tử Tư xuy tiêu; Quan công thất thủ; Bị giam ở Vĩnh Long.

Và mấy bài Thơ chữ Hán làm lúc trấn nhậm Châu Đốc, lúc hồi hưu về Bình Thủy.

Nghĩa có soạn hai bốn tuồng khác là “Tây Du” và “Mậu Tông”

VỀ QUYỂN TUỒNG “KIM THẠCH KỲ DUYÊN

Quyển tuồng này ai cũng công nhận là hay, hay cả văn chương lẫn sự tích.

Thủ khoa Nghĩa dùng rất nhiều chữ Hán mà làm văn trong bốn tuồng này, viết đã có lớp lang phép tắc mà lại còn đối đáp phải chùng, rất chọi nữa. Chỗ nào dùng nôm thì dùng một cách rất khéo, như là lựa những câu tục ngữ phong dao mà xếp đặt cho đối chọi nhau cả lời lẫn ý.

Văn tài của Nghĩa còn hiện ra khi tả tâm lý của mỗi người, người thế nào cho nói ra lời thế ấy : đứa gian nịnh, khách ăn chơi, kẻ tham tàn, gã hung dữ có cái tâm thế nào, khi nó vừa mở lời ra thì người ta đã biết ; bậc trung trực, đáng hiền

lượng, nhà lễ giáo, hạng anh tài cũng vậy, lời nói tỏ lòng người.

Song vì Nghĩa dùng chữ nhỏ quá nhiều, điển tích cũng lắm, cho nên những người quốc văn non nớt đọc bốn tuồng này, khó lòng mà hiểu nổi.

Lược thuật sự tích trong bốn tuồng “Kính thạch kỳ duyên”

“Kim Ngọc con của Ngạn Yên, Tri huyện Bồ Thành, đã hứa hôn với Ái Châu con của Lâm Vương là một nhà phú hộ.

Ngạn Yên đi trấn nhậm, giữa đường bị giặc bắt, Kim Ngọc nhảy xuống sông, nhờ tiểu đồng trung tín là Dũ Đức cứu dâng, song mắc lấy bình phong, dưỡng bệnh ba năm trong chùa không mạnh, về quê xin cưới Ái Châu, Lâm Vương đem nữ tỳ Thạch Vô Hà gả thế.

Vô Hà là con lương y Thạch Đạo Toàn, vì nhà gặp biến mà phải bán mình cho Ái Châu. Đạo Toàn trị Kim Ngọc lành bệnh, chàng thi đỗ Trạng Nguyên hai lần cùng em vợ là Thạch Hữu Quang đẹp giặc, cha con được trùng phùng, vua phong vương tước.

Ái Châu kết duyên với Ái Lang, con trai Tri huyện Lợi Đồ, Tri huyện tham lam bị kiện, bị giam, gia sản của anh ta và luôn của ông sui là Lâm Vương đều bị tịch biên.

Sự đời có vay có trả, Ái Châu bị bán cho phu nhân Vô Hà. Nhưng vẫn không chữa lòng lang dạ độc, bị Kim Ngọc đuổi khỏi nhà, nhập vào lầu xanh, vướng bình phong tình sau tự vẫn ...”

TRÍCH LỤC ÍT BÀI THƠ CỦA THỦ KHOA NGHĨA

Khi đi sứ sang Xiêm, ban đêm ngang qua huyện Hà Âm (nay là Giang Thành, Hà Tiên), thấy đồng xương của bọn thổ phỉ bị giết hồi đời Minh Mạng còn chồng chất ngùn ngụt, Nghĩa có làm bài thơ sau đây :

KINH QUÁ HÀ ÂM CẢM TÁC

*Mịt mù mây đen kéo tối dầm,
Đau lòng thương nọ chốn Hà Âm :
Đồng xương vô định sương phao trắng,
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm.
Gió trời dật dờ nơi chiến lũy,
Đèn trời leo lét dăm u lăm.
Nghĩ thương con tạo sao đời đổi,
Vấn vỏi đêm trường tiếng đế ngâm.*

Kể qua cuộc đời của cụ để lại cho đời một sự nghiệp văn chương vô giá, chúng tôi chỉ trích ra một ít vần thơ để tưởng niệm bậc nhân tài của đất nước với lòng cảm mến vô biên.

Sau khi soạn xong phần tiểu sử của các nhân vật ở miền Tây, chúng tôi sợ còn thiếu sót, thân hành đến Phong Dinh để tìm thêm tài liệu, may mắn được gặp ông Phan Trung Hàm, là một công chức, người sanh trưởng tại đây lâu năm, có tinh thần hiếu cổ. Ông vui vẻ hướng dẫn chúng tôi đến các vị bô lão, thân hào nhân sĩ Tây đô, ghé qua biệt thự ông Cao Văn Hùng, lại gặp ông Nguyễn Văn Giai là cháu ngoại cụ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa cũng có mặt nơi đây. Ông Nguyễn

Văn Giai năm 1967, 82 tuổi, trước kia là một giáo chức tại Cần Thơ. Mặc dù nay tuổi đã già nhưng trông rất khoẻ mạnh, ăn nói chừng chạc, không lẫn lộn chi cả. Ông tươi cười kể qua đôi nét quá trình của cụ Thủ khoa là ngoại tổ của ông cho chúng tôi ghi chép những tài liệu xác thực được trình bày vào quyển sách này.

Xuyên qua những việc làm của người xưa đã nêu cao tấm gương trung liệt, ý chí bất khuất đáng cho hậu thế noi gương, chúng tôi cần biên soạn lại, hiến cho quý bạn đọc dễ hiểu thêm các nhân vật nổi tiếng ở Cần Thơ của Thời xa xưa, được người đời ngưỡng mộ đến tột đỉnh. Ngày nay mỗi lần nhắc đến văn học lịch sử thì không thể quên được các cụ, tuy đã ra người thiên cổ nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với non sông.⁽¹⁾

Tại Phong Dinh ngày sau này có một bệnh viện công cộng mang tên thủ khoa Nghĩa và tại thủ đô Sài Gòn cũng như các tỉnh đều có tên đường Bùi Hữu Nghĩa hầu như nhắc nhở tinh thần yêu nước của cụ.

6. NGUYỄN THỊ TÔN

Từ Vĩnh Long ra tận đế đô kêu oan cho chồng.

Được đức Từ Dũ Thái hậu khen ngợi

Nhắc đến cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa mà không nhắc đến người bạn trăm năm của cụ với lòng kính mộ, thì là một sự khiếm khuyết. Bà Thủ khoa Nghĩa thật đáng phục là người

(1) Tại Phong Dinh ngày nay có một bệnh viện công cộng mang tên Thủ khoa Nghĩa và tại thủ đô Sài Gòn cũng như các tỉnh đều có tên đường Bùi Hữu Nghĩa hầu như nhắc nhở đến tinh thần yêu nước của cụ.

tận tụy với chồng, ít có ai hơn. Thảo nào về sau cụ Thủ khoa Nghĩa tỏ lòng thương tiếc bà trong mấy áng văn bất hủ.

Bà Thủ khoa Nghĩa nhũ danh là Nguyễn Thị Tồn, con ông Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý ở làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa. Thân phụ bà đã nuôi cụ Bùi Hữu Nghĩa ăn học đến thành tài, và gả bà, khi cụ Thủ khoa xuất chính làm Tri huyện Phước Long (Biên Hòa).

Ít lâu, chồng đổi xuống tỉnh Vĩnh Long trấn nhậm phủ Trà Vang (Trà Vinh), Bà theo chồng, chăm lo cho chồng chu đáo.

Bấy giờ, có người em vợ Bố chánh Truyền rất xác xược du đãng. Cụ Thủ khoa bắt, phạt trượng. Do đó sinh sự thù hiềm.

Sau, nhân có việc dân Miên bất bình thượng cấp làm điều trái phép, cụ Thủ khoa lại can thiệp. Nguyên từ trước, chúa Nguyễn Ánh bốn ba tẩu quốc, từng nhờ đám dân Miên ở Trà Vinh giúp lương thực và tòng quân trợ lực. Đến khi lên ngôi, nhờ ơn ấy, nhà vua xuống chiếu miễn thuế thủy lợi cho dân Miên. Ít lâu, có nhóm người Huê Kiêu lo lót với Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố chánh Truyền, mua thủy lợi ấy.

Ước lòng, các hương mục người Miên kéo nhau đến dinh môn cụ Thủ khoa để kiện. Cụ xử :

Việc xá thuế thủy lợi là ơn huệ của Đức Cao hoàng ban ân bố đức cho dân Miên, nay ai nhỏ hơn Đức Cao hoàng mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao.

Đám dân Miên bị bắt mà cụ Thủ khoa cũng bị Tổng đốc và Bố chánh khép vào tội chủ mưu, áp giải lên Gia Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo tội cụ lạm phép.

Bà Thủ khoa lận lội ra tận đế đô (Huế), trước vào yết kiến cụ Thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản tại tư dinh, sau thẳng đến Tam Pháp Ty gióng ba hồi trống kêu oan. Tờ trạng của bà được đệ lên nhà vua. Vua Tự Đức giao Tam Pháp Ty xét xử.

Tam Pháp Ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ hình, Đô sát viện và Đại lý, lập tức nhóm họp. Chính vua Tự Đức chung thẩm bản án như sau : “Tha tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, song phải sung quân, lập công chuộc tội”

Riêng bà, được đức Từ Dũ Thái hậu (thân mẫu vua Tự Đức) phong tặng tấm biển đề 4 chữ “Liệt phụ khả phong” và tặng cho cái vòng, trên có 4 cái gang.

Cứu được chồng khỏi chết, nhưng vẫn phải chịu đau lòng cách biệt chồng lúc sung quân, bà về thẳng quê nhà ở Biên Hòa. Chẳng mấy tháng bà vương bệnh qua đời !

Một bà tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa. Sau này nơi làng Long Tuyền (Bình Thủy), có thờ linh vị hai ông bà trong ngôi chùa ⁽¹⁾ do môn đệ của cụ Thủ khoa là Nguyễn Giác Nguyên xây dựng.

Cụ Thủ khoa sau đó tỏ cảm tình tha thiết với bà :

“Đất chẳng phải chồng, sao nữ thịt xương hòa với đất;
Trời không chết vợ, đừng coi gan ruột thử cho Trời”.

Chưa tỏ hết sự đau lòng thương cảm người vợ đã trọn tình, trọn nghĩa với mình, Cụ Thủ khoa viết thêm đôi liên Thơ:

(1) Chùa Minh Lư Nam nhâ đường

“Ngã chi bản khanh độc năng trợ, ngã chi oan khanh
độc năng minh, triêu quân công xưng khanh thị phu;
“Khanh chi bệnh ngã bất đắc dưỡng, khanh chí Tử
ngã bất đắc táng, Giang san ứng tiếu ngã phi phu”

Nguyễn Văn Nghĩa dịch :

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu,
Chòm xóm đều khen mình đáng vợ ;”
“Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng,
Non sông thẹn phận tớ làm chồng”.

Rồi làm một bài thơ để nơi nhà mồ :

Đã chẵn ba năm mới dặng thăm,
Màn loan dâu vắng bật hơi tăm.
Gió đưa nào thấy hình dương liễu,
Đêm vắng ai hoài tiếng sắt cầm.
Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối,
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm.
Có linh chín suối đừng sao lãng,
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm.

Chín suối hồn linh, cụ bà Nguyễn Thị Tồn hẳn rơi giọt lệ cảm tình. Cho đến chúng ta ngày nay đây, đọc mấy lời ấy, ai chẳng ngậm ngùi.

Huống chi cụ Thủ khoa còn thống thiết ngụ thêm thâm tình trong bài văn tế, văn chương trác lạc, ý sâu thăm mênh mang :

1. Hỡi ôi ! Gió nữ phát phơ, mưa ngâu lác đác

2. Duyên bình thủy sum vầy đà tan vỡ, ngạt ngào bọt nước sóng xao; đước loan phòng tổ rặng phút khêu lờ, sảng sốt ngọn đèn gió tạt.

3. Nhớ linh xưa ! Tánh đức son vàng ; tình không đen bạc.

4. Chen với nguyệt vón tròn hơn nguyệt, phòng khuê đà rức rỡ gương trong; ở trên trần mà chẳng nhuộm trần, vườn dâu nhỏ lắm như bụi cát.

5. Trong vấy màu bùn chẳng đục, những sự sang giàu, của trăm xe đưa rước nào màng; nghèo manh khố chuối mà thanh, phải duyên đầm thắm, cầu mấy nhịp xa xôi gánh vác.

6. Ở với mẹ trọn niềm hiếu hạnh, chiều lòng theo lân lý với anh em, lúc theo chồng vui biết chữ xướng tùy, đẹp đẽ với xóm giềng cùng chú bác.

7. Ưa mùi đạo khuyên chồng nấu sữ, nam tử may nợ nước đền bồi; thảo thờ thân vẹn chung lê, nữ công trọn giềng nhà gánh vác.

8. Trường khoa mục qua nông chí cả, ít nhiều đã rõ mặt với non sông; nhà hàn vi bậu đốc tay nâng, may mắn dặng cát đầu cùng bạn tác.

9. Chồng vợ thắm đều không cha mẹ, em luống than phận lẻ loi; cậu cô hòa một cửa anh em, tình vui thuận lờ không chính mác.

10. Công danh lỡ vì mang bệnh quý, em chẳng phải vợ mãi thân ngày trước, thời chưa nên làm thói dễ duôi; khó hèn cam nào dám trách trời, bậu chẳng như vợ Tô Tần ngày nợ, vận chưa đạt mà đem lòng khi bạc.

11. Phận khó khăn yếu đuối, vóc liễu bỏ dầu dài nắng mưa ; con nhỏ đại thơ ngây, tay chủ quỹ không rời thước tắc.

12. Ở theo thời, làm theo thế, qua khỏi tầm sấm đất tan bia; bay kịp chúng, nhảy kịp thời, mới dặng hưởng gió thần đưa

các.

13. Nghiệp Tiên thế anh lo gây dựng, mình thâm đà mở mặt với hương lân; đạo thánh hiền bậu dốc khuyến dương, gần vó đã nên gương cùng hậu giác.

14. Ăn cần ở kiệm, giàu không khoe, khó cũng không dua; mua nghĩa chắc nhưn, trước chẳng phai sau chẳng lạt.

15. Chữ thâm từng phú quý, em nan than chẳng nhờ của cũng nhờ công; câu phụ tác tử thừa, bậu nong nả chưa nên vai đà nên vác

16. Ôi đà đà kết lúc gian truân; hay chưa tới chừng hanh đạt.

17. Bổng dẫu khiến cho dầy mụa tạt, non hoa hạc lánh trầm trầm; nào hay vật đổi sao dời, cửa sổ ngựa qua thoát thoát.

18. Ôi ! Sông Lệ vàng chìm; non sông ngọc nát.

19. Cảnh giai lão trách lòng trời đất, khó có nhau giàu cũng có nhau; quý vô thường làm cuộc bể dâu, vật tráo chác người sao tráo chác.

20. Con chín tuổi thơ ngày một bóng, em bao đành nhắm mắt tâm tiên; chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỡ sắp lưng cỡi hạc

21. Ai mượn lão Diêm Phù rước khách, mẹ lìa con vì gã rất ức oan; ai mượn người Quả Bá đưa người, chồng xa vợ ở người nên bạo ác.

22. Chữ " đại đức tất đắc kỳ thọ " đọc tới phát buồn; câu " tích phước tất hũ dư lương " nghe càng thêm lạt.

23. Qua để bậu chẳng bằng tiền đũa, phận phượng gương chẳng kịp nửa giờ ; Trời giết người chỉ xú gương dao, chừng

nghèo ngặt không đầy một lút

24. Đêm khuya hãy nâng niu một trẻ, nghĩ từ cơn ruột
tự kim châm; ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từ chặn gan
dường muối xót.

25. Cuộc long hổ lấp rồi ba tấc đất, ôi thôi rồi má phấn
hồng nhan; bạn phụng loạn phân rẽ một phương trời, lo đao để
duyên đơn phận bạc.

26. Đã biết kiếp thác là kiếp mất, tấm lòng thành đủ
bảy tuần chay; cho người mất mà nghĩa còn, thô lễ tế vài mâm
mặn lạt.

Hỡi ôi ! Tiếc thay. Hỡi ôi ! Thương thay.

7. PHAN VĂN TRỊ (Cử.Trị) 1830 -- 1908

Người đả kích Tôn Thọ Tường hăng nhất,

Nêu cao tiết tháo thanh bần, bất khuất.

Trong hàng khoa bảng xuất thân, dùng ngọn bút sâu
sắc đả kích những ai phản bội quyền lợi nhân dân, Tổ quốc,
không ai bằng Cử Trị. Không cầm súng thì cầm bút, trọn đời
ông, văn chương chỉ là phương tiện để ông gián tiếp đóng góp
tâm huyết với quốc gia trong khi bao chiến sĩ quê hương đã
đem xương máu đền đáp ơn tấc đất ngọn rau nước tổ.

Ông sinh năm Canh Dần (1830) tại làng Hanh Thông,
tỉnh Gia Định. Thông minh đĩnh ngộ, ông nổi tiếng anh tài.
Năm 20 tuổi (Kỷ Dậu 1849) ông đỗ cử nhân, nên tục thường
gọi là Cử Trị.

Đường khoa danh đã hiển đạt, nhưng ông không muốn
dấn bước chốn quan trường, sống ung dung ngoài vòng cương

tỏa, sinh nhai với nghề y và dạy học. Lúc nào ông cũng biểu lộ phong thái của bậc người khoáng đạt, gìn tiết tháo.

Năm 1862, quân đội Pháp dấy động, chiếm Gia Định, ông xuống Vĩnh Long lánh thân. Cùng với các sĩ phu tiết nghĩa như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mãn Đạt v.v...ông đứng vào hàng ngũ bất hợp tác với Pháp, cực lực đả kích những ai đã xu thời cầu mị.

Đến khi 3 tỉnh miền Tây cũng lọt luôn vào tay quân đội xâm lăng, ông tê tái :

Tò le kèn thổi tiếng năm ba

Nghe lọt vào tai dạ xót xa.

Uốn khúc sông rồng mờ mịt khói

Vắng hoe thành phụng ử sầu hoa.

Tan nhà cảm nỗi câu ly hận.

Cắt đứt thương thay cuộc giăng hòa !

Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,

Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.

Rồi nhìn thấy đất nước ngày một bị cai trị dưới ách ngoại bang, mà phần đông sĩ phu đã trở mặt theo về hợp tác với tân trào, đại diện điển hình là Tôn Thọ Tường, ông nổi lòng công phẫn, mài bút bén như gươm, bút chiến hào hùng, khiến người người khâm phục. Cho đến nỗi Tôn Thọ Tường cũng tự cảm thấy hổ thẹn, thu mình lại trong những bài than thân như “Tôn phu nhân quy Hán”, “Từ Thứ quy Tào” v.v... vẫn chẳng khỏi bị ông đanh thép chê trách qua những bài thơ họa lại, ý vị thâm trầm sâu sắc.

Hắn đến ngày nay không người Việt nào mà chẳng biết 10 bài liên hoàn vịnh thời cuộc của Tôn Thọ Tường, mà

Phan Văn Trị đã họa chọi rần rỏi, nghiêm khắc cực kỳ. Chỉ cần ghi lại đây một bài mở đầu thôi, cũng đủ cho các thế hệ sau thấy hai xu hướng đối kháng nhau rõ rệt. Tâm trạng yếu hèn xu mị thực dân của Tôn Thọ Tường đã phát biểu trắng trợn :

*Giang san ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này !
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuông đen kịch khói tàu bay
Xăng văng thâm tím thương đời chổ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày.
Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thái lai.*

Nghe giọng điệu ấy, cố nhiên Phan Văn Trị khó nổi dần lòng. Ông cảnh cáo ngay :

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây
Chẳng đã nên ta mới thế này
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy
Con rồng dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết cỏ còn chờ thuở
Bủa lưới sẵn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá há lung lay !*

Quả thật tấm lòng sắt đá của ông, suốt cuộc đời ông luôn luôn giữ vững, chẳng lung lay trước hoàn cảnh đảo nghịch nào. Để hiểu rõ ông hơn nữa, chúng ta hãy xem đến bài xướng họa thứ 10 trong thập thủ liên hoàn vịnh thời cuộc, giữa hai đối thủ đại diện hai phe hợp tác và bất hợp tác, ta sẽ cảm mến

ông hơn nữa.

Tôn thọ Tường xướng :
Đạo hằng chí trước thảo cùng ngay.
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy
Đất quết dã đành bia lỗ miệng,
Chén tàn e nổi trở bàn tay.
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
Mắt trắng xem trời cánh khó bay.
Chỉ muốn ngày nào cho được toại !
Giang san ba tỉnh hãy còn đây !.

Lập luận của hạng phản bội dân tộc thường là đưa đẩy, mơn trớn vuốt ve. Ông đời nào chịu được những lời ướm hèn đua bợ làm nhục cả tinh thần một dân tộc như thế. Ông họa sang sảng, lời như gào như hét :

Năm hàng vốn thiệt thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xuê khéo bận thầy.
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
Nổi chìm mặc thể tình dày mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.

Ý chí rắn rỏi. Ông cương quyết tranh đấu đến cùng. Dưới mắt ông, phe phái Tôn Thọ Tường như không có, và ông cho đó là cái nhục của dân tộc. Từ lúc ông ngâm câu “Tan nhà cảm nỗi câu ly hận, cắt đất thương thay cuộc giảng hòa”, ông sống cuộc đời thanh bần ẩn dật. Nghe đâu có bậc sĩ phu cao khí tiết, lập tức ông tìm đến giao du, cùng nhau hoạch định

phương chức cứu quốc. Nghe đâu có hào kiệt khởi nghĩa, ông nhiệt thành khích lệ.

Khi ông ở ẩn nơi Phong Điền (Phong Dinh), ông thường rong thuyền câu, thính thính sông rộng trời cao dải tấm lòng u sầu, uất hận, đau nỗi quốc phá gia vong :

"Xem hết nhơn tình rồi nghĩ nghị,

Thú vui chỉ có một thuyền câu."

Hoặc :

"Người hời Nghiêm Lăng có biết chăng,

Lòng ta ý gã đồ ai bằng".

Thấy Đinh Sâm vùng lên kháng Pháp, giết vị Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh, được dân chúng hưởng ứng, ông ủng hộ tinh thần ngay. Đến khi Đinh Sâm dần dần hao mòn lực lượng mà thất cơ bại sự, ông than thở khôn cùng.

Tuổi càng già lòng ông càng đau đớn trước cảnh non nước bị đặt vào guồng'cải trị của ngoại bang. Tuy nhiên, ông vẫn tin tưởng ở tương lai đất nước, tinh thần bất khuất của dân tộc, mong mỗi trời Nam đất Việt sẽ rực rỡ mùa xuân. Tâm sự ông hoàn toàn ký thác trong 10 bài cảm hoài, giải tỏ lòng cùng các thế hệ sau, muôn thu đồng vọng mãi.

Thi văn của cụ Cử Trị sáng tác rất nhiều, vì phạm vi quyển sách chúng tôi đành giảm bớt, chỉ lược lại những bài đặc sắc có ý niệm văn tâm văn khí để nói lên tấm lòng bất khuất.

Đối với non sông quốc thổ lúc nào cụ cũng thiết tha đến vận mạng quê hương dân tộc bị trị, khi mảnh đất thân yêu 6 tỉnh miền Nam đã lọt vào tay người Pháp.

Cụ cảm cảnh buồn tủi, ẩn dật nơi chốn đồng không hiu

quanh, ở trong một căn nhà lá nhỏ sớm cháo chiều rau, giữ chữ thanh bần để nhìn thế sự.

Chúng tôi sưu tầm qua phần nhân vật ở Cần Thơ mà không nêu cao khí tiết cụ Cử Trị cho đồng bào các giới, cần biết qua đôi nét quá trình và con đường sự nghiệp, văn chương của cụ đã lưu lại cho nền văn học sử nước nhà ít nhiều, thiết tưởng tên tuổi của cụ ngày nay ai ai cũng biết, cụ đáng là người cho chúng ta nhắc nhở. Dân tộc Việt Nam lấy làm hãnh diện, đất miền Nam đã sản sinh lắm anh tài hùng khí lưu danh hậu thế.

8. ĐINH SÂM

Lãnh tụ kháng chiến vùng Ba Láng Trà Niềng

Một khi đất nước rên mình quằn quại dưới gót xâm lăng, nghĩa vụ công dân bắt buộc những người con đất nước đều phải đứng lên bảo vệ quê hương, cứu nguy dân tộc. Tiếng súng liên quân Pháp Ý nổ rền trên mảnh đất miền Nam, nhân dân cũng vùng lên chiến đấu hào hùng, nào có cam tâm khuất phục chi đâu. Dù khi Hòa ước 1862 đã ký kết, nhượng giao 3 tỉnh miền Đông, vẫn còn biết bao cuộc khởi nghĩa của sĩ phu trong Nam. Rồi đến 3 tỉnh miền Tây cũng bị Pháp thôn tính luôn, hào kiệt miền Tây cũng quật khởi phản kháng oanh liệt, khiến kẻ xâm lăng lăm phen phải kinh hồn.

Các cuộc quật khởi của sĩ phu miền Tây, đầu tiên phải kể 3 người con của cụ Phan Thanh Giản là Phan Tôn, Phan Liêm, Phan Ngự huy động nghĩa binh kháng chiến ở Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh (sau bại trận ở Nam, lại chạy ra Bắc hợp lực với Nguyễn Tri Phương kháng cự binh Pháp tại Hà

Nội năm 1873). Lòng trung dũng của 3 người con cụ Phan, khích động và mở màn các trận chiến đấu của nhân dân miền Tây, đã khiến cụ Nguyễn Đình Chiểu vừa khâm phục vừa cảm khái :

*"Trống nghĩa Bảo an nghe sấm động,
Cờ thù công tử dậy can qua"*

Rồi thì noi gương ấy, dân chúng tự động kháng chiến khắp miền Vĩnh Long, Cần Thơ, Trà Vinh.

Riêng Cần Thơ, bấy giờ mang danh là huyện Phong Phú khoảng năm 1868, có cuộc khởi nghĩa hào hùng của Đinh Sâm rất đáng kể.

Quân đội Pháp từ khi chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây, liền thiết lập cơ cấu hành chánh trên các vùng chiếm đóng. Buổi đầu cai trị, họ mua chuộc một số đông tay sai, dùng chính sách đàn áp làm căn bản để siết chặt dân chúng vào vòng phục tùng. Đám người đã cam tâm phục vụ đắc lực cho họ, không hề từ chối một cuộc tẩy trừ thẳng tay nào đối với sức mạnh vùng lên của nhân dân. Để lấy lòng quan thầy, đám tay sai thân tín ấy tha hồ tác oai tác phúc đồng bào, cốt sao đẹp yên được phiên loạn để tăng công là hơn hết.

Vị Cai Tổng Định Bảo thời ấy là Nguyễn Văn Vĩnh, nghiêm nhiên là một hung thần đối với dân chúng trong vùng⁽¹⁾. Ai muốn sống còn thì cứ răm rắp cúi đầu tuân theo mạng lệnh của ông. Ai tỏ vẻ trái ý một chút gì, lập tức mang tai họa ngay.

(1) Vị cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh này danh vọng rất to, chẳng phải như các vị cai tổng khác. Năm Mậu Ngọ 1858, ông được phong Khâm Sai Cai tổng. Năm Tân Dậu được sung chức Quản Cđ. Do đó uy tín ông rất được chính quyền Pháp trọng nề

Dân chúng ngậm miệng cắn hờn !.

Trong tình thế đó, một thanh niên hữu chí đứng lên thay mặt dân chúng trong vùng nói riêng, toàn dân nói chung, gióng lên tiếng trống khởi nghĩa, nói lên tiếng nói bất khuất của dân tộc. Đinh Sâm ! Đinh Sâm ! Tên tuổi vị thanh niên ấy được nhân dân truyền miệng nhau ca tụng hoan hô ⁽²⁾.

Địa điểm phát xuất của cuộc khởi nghĩa ở vùng Ba Láng ⁽³⁾ Trà Niềng ⁽⁴⁾ (địa danh này khi xưa gọi là Láng Hầm). Vì Đinh Sâm đáp ứng đúng nguyện vọng của dân chúng, nên đã được ủng hộ nhiệt liệt. Thanh thế lẫy lừng ngay trong buổi đầu xướng nghĩa.

Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh thấy nguy, vừa sợ vừa lo, chưa biết phải lựa lẽ nào, thì tiếp được những lời cảnh cáo của Đinh Sâm, khuyên hãy bỏ quan mà lui đi, sẽ được tha thứ cho tội lỗi trước, bằng kháng cự thì sẽ không toàn tính mạng. Cai tổng tuy sợ nhưng vẫn tham quyền cố vị, cật có súng nhiều và có lời hứa của quan thầy, nên lại thẳng tay đàn áp. Nhưng phen này Cai tổng Vĩnh đã gặp phải sức đề kháng quyết liệt.

Dưới sự chỉ huy của Đinh Sâm, một toán nghĩa quân

(2) Theo bác sĩ Lê Văn Ngôn trong bài "Tây Đô Lịch Sử" đăng ở tập kỷ yếu Hội Khuyến học Cần Thơ, năm 1943 :

"Có lẽ là cựu lãnh binh ở Châu Đốc tên là Ngô Sâm, ngày 3 - 9 - 1857 phá đồn Sa Đéc rồi lui về Cần Thơ, chạy lên Châu Đốc, kể bị bắt tại kinh Rạch Giá vào cuối tháng Giêng 1861".

Còn sách "Monographie de Can Tho" chép : Đinh Sâm là Võ Đinh Sâm, mà người giết Cai Tổng Vĩnh là Thống Chế Bút. Không biết Thống Chế Bút là thuộc hạ của Ngô Sâm Hay Võ Đinh Sâm?

(3) Ba Láng hay Láng Hầm nay là đất thuộc xã Nhân Ái.

(4) Trà Niềng là tên rạch ở cạnh chợ Phong Diển, thuộc xã Nhân Ái, tổng Định Bảo. Xưa có chợ tại vàm Trà Niềng.

bất thành linh xuất hiện bao vây tứ thất cai tổng Vĩnh, tràn vào bắt giết đi, nổi lửa đốt nhà.

Tin cấp báo đến quan trên. Quân đội Pháp kéo vào xung kích với nghĩa quân. Đinh Sâm đã rút lui trước, chờ dịp sẽ đương đầu. Quân Pháp và đám tay sai của chúng ra oai “làm cỏ” một vùng đã dám chống chọi với chúng. Khói lửa mịt trời Ba Láng, Trà Niềng.

Tuy nhiên, dân chúng vẫn kính mộ Đinh Sâm. Phần đông đều theo Đinh Sâm kháng chiến, chạm trán với quân Pháp nhiều trận dữ dội. Quân Pháp càng đàn áp mạnh hơn. Cuối cùng sức yếu thế cô, Đinh Sâm và đám nghĩa quân trung kiên đền xong nợ nước trong một trận tử chiến oanh liệt.

Nghe tin Đinh Sâm đã táng thân báo quốc, cụ Cử Trị lúc ấy đã về ngụ ở Phong Điền (Cần Thơ) thương cảm khôn cùng, đề cao khí tiết Đinh Sâm qua một đôi câu đối truy niệm, thác ý điệu Cai tổng Vĩnh để tránh sự nghi kỵ của nhà đương cuộc lúc ấy đang hằm hập tức giận :

“Vô kiếm xung Thiên, Ba Láng Giang đầu lưu hận huyết;

Văn tinh lạc địa, Trà Niềng thôn lý đái sầu nhan”

Nghĩa :

“Vô kiếm lòa trời, Ba Láng vòm kia còn máu hận,

Văn tinh rơi đất, Trà Niềng ấy đượm màu sầu”.

CHÂN DUNG CỤ NGUYỄN THẦN HIẾN



Một nhà cách mạng hy sinh thân thể và sự nghiệp, Chống lại bọn cai trị Pháp đến nỗi bỏ mình nơi ngục thất.

9. NGUYỄN THẦN HIẾN

(Hội đồng Hiến) 1857 - 1914

hy sinh thân thế vì Cách mạng

Tỉnh Cần Thơ xưa đã từng có vị cai tổng từ chức, ở ẩn vui thú văn chương cho lòng đỡ xốn xang trong cảnh bị trị, thì cũng có một vị Hội đồng cao khí tiết hơn thế nữa. Vị Cai tổng Lê Quang Chiêu, chúng tôi đã ghi rõ vài nét tiểu sử. Nếu các thế hệ sau vẫn thấy cảm mến được tâm hồn Cai tổng Chiêu, hẳn sẽ càng tăng lòng kính mến bội phần đối với vị Hội đồng Nguyễn Thần Hiến.

Thật ra cụ Hội đồng Hiến vốn người tỉnh Hà Tiên, nhưng cụ đã từng dời sang ở Cần Thơ, nay hãy còn miếu duệ của cụ nơi đây (Bác sĩ Nguyễn Như Giu chính là cháu nội của cụ), nên chúng tôi thành kính ghi chép tiểu sử cụ vào tỉnh Cần Thơ

Hội đồng Hiến tên thật là Nguyễn Như Khuê, đến lớn mới đổi là Nguyễn Thần Hiến tự Phát Đình, hiệu Chương Chu. Người làng Mỹ Đức tỉnh Hà Tiên. Con cụ Kinh lịch Nguyễn Như Ngươn và bà thứ thất Huỳnh Thị Chu Tự Thoại Liên.

Ông nổi tiếng thông minh, cường kỷ, được xưng tụng là “Tiểu Táo tài” hoặc “Trương Tông tái thế”. Năm 17 tuổi ông cưới vợ, được một năm thì vợ mất sau khi sanh mới 3 ngày để lại một gái là Nguyễn Thị Ngoạn. Vì sự đau đớn này, ông

bền chuyên tâm học thuốc, cho nên ông cũng tinh thông y lý.

Chịu cảnh gà trống nuôi con trong ít lâu, ông tục huyền với bà Huỳnh Thị Đất, sinh một gái là Nguyễn Thị Mân và một trai là Nguyễn Như Bích. Về sau, khi cha mẹ đều đã qua đời, ông dời nhà về ở Cần Thơ.

Nhà giàu có, tính khảng khái, hào hiệp, lại có lòng yêu nước, ông ngầm giao du với các chí sĩ Trung, Bắc.

Xuất chính làm đến Hội đồng địa hạt Hà Tiên, nhưng ông không tham quyền quý. Chí dốc lòng hy sinh cứu dân cứu nước. Vì càng giẫm chân vào chốn quan trường, tiếp xúc với hàng quan lại thực dân chừng nào, ông càng nhận rõ chân tướng của họ mà ngao ngán. Ý chí hơn người. Tâm huyết có thừa, đời nào ông chịu được sự khom lưng vào luồn ra cúi. Đau chung cái đau của sĩ phu cầm hồn tử nhục vì nước mất, dân tộc bị vướng ách làm thân trâu cày ngựa cỡi, lòng ông lúc nào cũng hướng nhìn Tổ quốc, hướng về đồng bào mà nguyện quyết hy sinh.

Từ năm 1902 là năm thân mẫu ông mất, ông dời nhà về Cần Thơ, rồi viện cố bận cư tang báo hiếu, mà từ chức Hội đồng. Thế là ông đã dứt khoát tỏ tâm chí, không khứng phục vụ chính quyền của đám thực dân dưới lốt bảo hộ, và cũng từ đây, ông nguyện dấn thân trên đường cách mạng, hy sinh thân thể, hầu tranh đấu đòi lại chủ quyền đất nước, hun đúc tinh thần đồng bào trong cuộc duy tân tự cường.

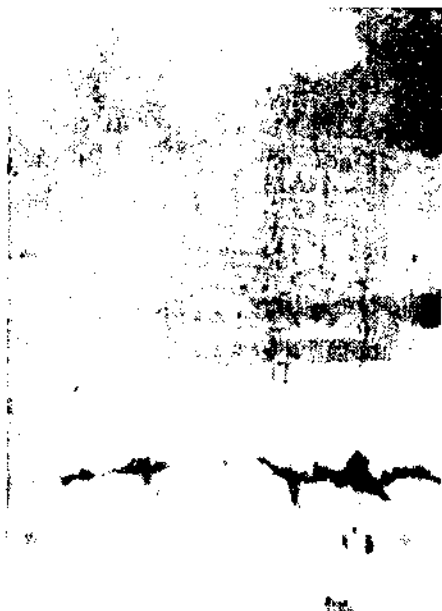
Đến tháng giêng năm Giáp Thân 1904, ông hội kiến

lần thứ nhất với cụ Phan Bội Châu tại Sa Đéc. Cuộc mật đàm càng khiến ông thêm nồng tẩm tình yêu non sông đất tổ, thương xót giống nòi, hăng hái hơn lên trên đường nghĩa vụ.

Tán thành phong trào Đông Du, ông sáng lập trong bí mật một học hội, mang tên là "Khuyến du học hội", đem một phần lớn gia tài giúp vào quỹ cho học sinh, để đào tạo cán bộ cho nước nhà mai sau. Để làm gương, ông cho ngay người con trai ông là Nguyễn Như Bích sang Nhật du học trong đợt đầu. Do đó sĩ phu miền Nam cảm kích, cùng nhau ngầm hưởng ứng khá nhiều.

Cố nhiên ông không khỏi bị nhà đương cuộc Pháp theo dõi, dòm chừng động tĩnh của ông. Trước kia nào phải ông tham gì danh lợi mà ra làm quan. Cũng bởi nhà cầm quyền có ý nghi ngờ ông từ lâu, toàn buộc ông vào vòng để để kiểm soát và để mua chuộc ông dần dần, nên mới cố ý, cố tình cử ông làm Hội đồng. Ông cũng tự biết mình đã bị nghi ngờ, nên lúc ấy mới đành nhận chịu cho qua. Kịp khi ông từ chức, ông càng hiểu hơn ai rằng, từ nay mạng lưới trinh sát của nhà cầm quyền Pháp sẽ chực sẵn để chụp lấy ông, khi chúng đã tìm thấy bằng chứng rõ ràng.

ẤN TÍCH VÀ SẮC CHỈ CỦA VUA TỰ ĐỨC (Năm thứ 17)



Ban cho cụ Nguyễn Như Ngươn, phụ thân cụ Nguyễn Thần Hiến, Khi mới sinh đặt tên là Nguyễn Như Khuê.

Cụ Nguyễn Như Ngươn làm quan cùng thời cụ Phan Thanh Giản, vẫ từ chức tại Vĩnh Long, về quê ở Hà Tiên, sau khi cụ Phan tử tiết.

Biết như thế, nhứt cử nhứt động ông đều dè dặt, khôn khéo tránh né mỗi khi bị hỏi sấn hỏi đón. Một mặt ông sắp đặt cuộc xuất dương, vì liệu trước phải cao bay xa chạy, mới mong làm được việc lớn.

Đã quyết ý, ông chuẩn bị lên đường. Khoảng năm 1908, ông lên xuất dương, sang Trung Hoa, Nhật Bản rồi sang Thái Lan (Xiêm). Thời kỳ lưu trú ở Thái Lan, ông cùng với cụ Phan Bội Châu thuyết phục Thiệu Quảng Thiền Sư tục gọi Thầy Rau, một đồng bào người Bến Tre tu hành ở Thái Lan, khiến Thiệu Quảng Thiền Sư cảm kích, trở về nước quyên tiền giúp du học sinh đang lâm cảnh chật vật ở Vọng Các. Xong việc này ông lại sang Trung Hoa.

Nặng lòng vì Tổ quốc, ông hy sinh chẳng quản ngại gì, gót chân bôn ba hầu khắp nơi, nhiệt thành làm tất cả mọi việc mà đồng chí tin cậy giao cho. Lúc nào ông cũng hăng say với nhiệm vụ.

Khí ngụ ở Hàng Châu, nhân mến một nữ chí sĩ Trung Hoa đã hằng hái hoạt động cứu quốc trong năm Tân Hợi 1911, ông làm một bài thơ tặng :

*Mưa Âu gió Mỹ tạt về Đông
Lò tạo Hàng Châu đúc má hồng
Hồ hải bốn phương rầy tới gái
Cương thường riêng gánh chẳng cân chồng
Thân hèn bao quản không nhà ở,
Chí cả toan đền có nước chung.
Sơn phấn như vậy đâu dễ kém,
Tây hà cây cỏ thấy thơm nồng.*

Tuy tặng nữ chí sĩ nước người nhưng thâm tâm ông hẳn hướng về đất tổ quê cha, ngậm ngùi mong mỏi cho thiếu niên nam nữ ta xem đây làm gương, cùng dốc chí đền bồi ơn

tắc đất ngon rau.

Ông vốn là trang văn học tài hoa, nhưng ít khi ông ngâm hoa vịnh nguyệt, hay xem văn chương như trò du hí mà bay bướm múa bút trong lúc trà dư tửu hậu. Ông không làm thơ thì thôi, hễ có cảm xúc nên thơ, thì lời thơ của ông bộc lộ cốt cách nhà chí sĩ, gói ghém tâm tình trong những áng thơ khích động lòng ái quốc:

Hướng chi, ông vốn con nhà phong lưu, sang giàu, thế mà hy sinh tất cả vinh hoa phú quý, dấn thân vào cuộc đời gió bụi đầy gian khổ của con đường cách mạng, không một việc khó nhọc nào mà ông không làm được.

Trải 5 năm dấn thân ở các nước ngoài để vận động tranh thủ độc lập cho nước nhà, ông nêu cao tấm gương cần lao, nhẫn nại, nhiệt thành lo lắng cho tiền đồ tổ quốc, đồng bào, khiến hầu hết anh em đồng chí đều cảm mến ca ngợi tinh thần hy sinh phục vụ của ông.

Đến cuối năm 1913, khi ông cùng Huỳnh Hưng vận chuyển một số tạc đạn đã mua được ở Hương Cảng, ông bị chính quyền địa phương bắt giải giao cho Pháp, rồi bị đưa về nước, đem giam ở khám Hà Nội.

Hùm thiêng khi đã sa cơ, biết bao ngậm hận nuốt đau ! Quàn quại trong sự tra khảo dã man của cường quyền, ông kiên gan không để cho chúng khai thác điều gì. Sầu hận miên man, đúng vào ngày mồng một tết Giáp Dần 1914 ông tự vẫn chết trong ngục.

Chí sĩ Nguyễn Quang Diệu ở Cao Lãnh, sau đó có mấy vần thống thiết khóc ông :

Bấy lâu bay bổng cánh mình hồng

Lục lối giờ ra phải mấy cung.

Chín suối có thiêng hồn tổ quốc

*Trăm năm còn tạc gánh tang hồng.
Đổi đời nghĩ góm câu dáu bể.
Thố lộ cùng ai chuyện núi sông.
Thôi để làm gương cho sắp bé,
Nghìn năm trong nước dáu anh hùng.*

Chúng tôi tới tỉnh Cần Thơ, tìm đến thăm viếng bác sĩ Nguyễn Như Giu là miêu duệ hai đời cụ Nguyễn Thần Hiến. Bác sĩ rất vui vẻ tánh bình dân, không ngần ngại trình bày cho chúng tôi hiểu thêm cuộc đời cách mạng của cụ Hiến, gặp lăm bước thăng trầm trên đường tranh đấu. Chính bác sĩ Nguyễn Như Giu cũng chịu ảnh hưởng việc làm của cụ ít nhiều; phải trả một món nợ tình thần : bị Pháp bắt giam tại Cần Thơ suốt 5 tháng, kết án là con cháu nhà cách mạng, vì lúc ấy bác sĩ không chịu đứng ra hợp tác với Pháp, giữ đúng lời di chúc của nội tổ và phụ thân. Pháp tức giận, làm khó dễ đủ thứ, nào là tịch biên gia sản v.v... Mặc dầu chúng đàn áp gắt gao, nhưng không sao lay chuyển được tấm lòng cương trực, trái tim sắt thép của kẻ thức thời, không phản lại những việc làm của tiền nhân.

Sau một thời gian mua chuộc bác sĩ không được, chúng đành trả lại tự do. Từ ấy đến nay, Bác sĩ vẫn mở phòng mạch phục vụ đồng bào, giữ được câu thanh giá cho tổ tiên.

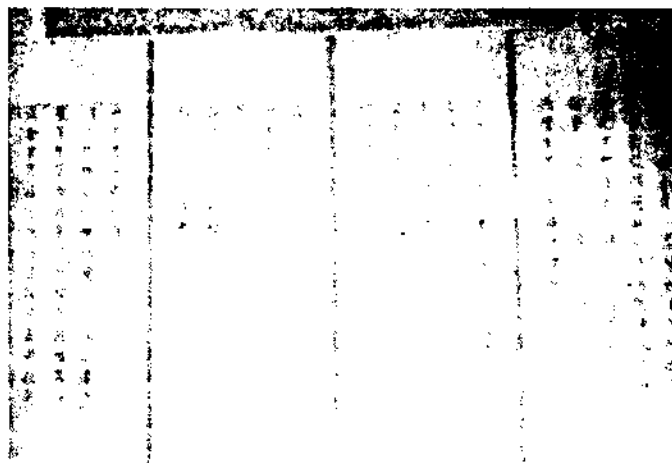
Nhìn vào gia cảnh của bác sĩ : một ngôi nhà ngói xưa thấp, nên trong có nhiều đồ cổ, nào là bàn ghế đều chạm cẩn ốc xà cừ, trên bàn thờ có hình cụ Nguyễn Thần Hiến và ông thân là Nguyễn Như Bích, một nhà cách mạng đã từng theo chân cụ Cường Để.

Tuy bác sĩ là người Tây học, hấp thụ nền văn hóa Tây phương, nhưng trái lại có tinh thần tôn cổ, thích cái gì cổ kính; từ trong nhà cho đến ngoài sân đều giữ dáng nếp theo người

xưa.

Trong nửa giờ hầu chuyện với bác sĩ Nguyễn Như Giu đã nhận chân chí hướng và thân thế của ông, làm cho chúng tôi có nhiều cảm tình và quý mến, trước khi kiếu từ ra về với cái siết tay thân mật, trên môi bác sĩ nở một nụ cười thông cảm và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi về chân dung và bút tích của cụ Nguyễn Thần Hiến để ghép vào quyển sách này với những tài liệu trung thực.

DI BÚT CỦA NGUYỄN THẦN HIẾN



Đây là bài văn chữ Hán của cụ Nguyễn Thần Hiến làm để tặng đền thờ Mạc Cửu.

Bài văn khắc vào đá, hiện thời vẫn còn tại chùa Mạc Cửu ở Hà Tiên

10. LÊ QUANG CHIỂU (Cai tổng Chiếu)

Một người không màng danh lợi, can đảm từ quan để cùng chia đau khổ với đồng bào trong cảnh bị trị.

Nói tiểu sử Đình Sâm, chúng tôi đã nói đến một hạng cai tổng hét ra lửa trong thời người Pháp mới thiết lập guồng máy cai trị ở xứ này. Dựa hơi quan thầy. Họ đã làm mưa làm gió, khiến dân chúng điêu đứng căm hờn, dần dần phải ngả theo với những ai biết đứng lên nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Đại diện hạng người tay sai ra sức đàn áp đồng bào ấy, chúng ta đã biết qua về Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh với Đình Sâm. Nhưng lại còn một hạng Cai tổng khác đáng mến vô cùng, không hặc sách để bóc lột dân mà trái lại còn thương dân và hằng che chở cho dân, rồi đến khi nhìn thấy rõ chân tướng của thực dân, thì chẳng ngần ngại gì mà từ chức ngay. Ấy là vị cai tổng Lê Quang Chiếu, tục gọi Cai tổng Chiếu, một viên quan đáng mến về mặt đức độ, mà cũng đáng ca tụng về mặt văn học.

Lê Quang Chiếu người xã Phong Điền (Cần Thơ), huyện Châu Thành, ông sinh năm 1853. Khi ông vừa đến tuổi thành niên thì mất đã chứng kiến cảnh khói lửa chiến tranh mịt trời trên mảnh đất quê hương, lòng ông hẳn cũng đã từng chua xót, lòng tự hỏi mình đã làm gì cho đất nước lúc nguy nan ?

Sáu tỉnh Nam kỳ thuộc Pháp ! Huyện Phong Phú (Cần

Thơ) bắt đầu thành lập tỉnh từ năm 1868, và cũng chính trong năm này cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm xách động dân chúng Ba Láng, Trà Niềng cùng đứng lên, hẳn cũng từng khiến ông băn khoăn nghĩ ngợi nhiều.

Vì gia thế ông tương đối có uy tín trong vùng, nên bấy giờ ông được cử làm Cai tổng. Từ chối không xong, mà nhận chức thì lương tâm cắn rứt. Sau cùng ông nghĩ ra được một diệu kế : Cứ nhận chức, nhưng có điều gì giúp đỡ cho dân chúng nhờ thì giúp, không thì thôi, tuyệt đối không làm khổ dân như những hạng cường hào ác bá. Ông hằng nhủ lòng với hai câu thơ trong bài “Từ Thứ quy Tào” của Tôn Thọ Tường :

Chẳng đáng khôn Lưu thà đại Ngụy,

Thân này xin gác ngoại vòng thoi.

Tuy nhiên, hơn hẳn Tôn Thọ Tường, ông vẫn hằng đứng về phe sĩ phu như Đồ Chiểu, Cử Trị, cụ Tuần phủ về hưu Huỳnh Mẫn Đạt. Ông công khai tỏ rõ ý ấy trong 10 bài họa thơ Cử Trị về thời cuộc nước nhà, lời lẽ thiết tha mến nước thương nhà. Ngoài ra, ông cũng thường họp bạn văn chương, xướng họa văn thơ tao nhã

Rồi càng đắm mình trong dòng suy tư, dần dần chán đường công danh, nhất là công danh không tốt đẹp gì dưới danh nghĩa phục vụ ngoại bang, ông càng quả quyết phải tách mình ra khỏi chốn quan trường, để giữ thân tâm được trong sạch, sao cho không hổ thẹn với sĩ phu trong cơn quốc phá gia vong

Đã quyết định, ông thi hành ngay ý định, nạp đơn xin giải chức. Trong 10 bài “Tự thuận giải chức”, ông có mấy câu thấm thía :

Dây ben máng cảnh thêm ràng buộc.

Mộc ký đeo lưng khó khỏe hòa.

Thế là ông cởi phăng dây ben tam sắc (biểu tượng chức vụ Cai tổng) và giao trả mộc ký (con dấu) lại cho Chánh phủ bảo hộ. lui về sống cuộc đời ẩn dật. Phong thái của ông như thế, khiến được các sĩ phu cảm mến phần nào.

Khoảng năm 1903, ông cho xuất bản tập “Quốc âm thi hiệp tuyển” gồm có thi ca của ông và của các sĩ phu miền Nam. Bộ sách này kể cũng xứng đáng cho văn học giới hoan nghênh, vì hầu hết là những áng thơ hay, có ý vị.

Cho nên, người đời sử dĩ còn nhắc đến ông mãi, vì thái độ ấy dù sao cũng đẹp hơn Tôn Thọ Tường nhiều. Để hiểu rõ ông hơn, thiết tưởng nên ghi lại đây một đôi bài liên hoàn “Tự thuận giải chức” rất thâm trầm, bộc lộ tất cả tâm tư tình ý của ông :

I

Nhợ tổ mừng đà giải khỏi qua,

Giải rồi mới nghĩ tấm lòng ta.

Dây ben máng cảnh thêm ràng buộc,

Mộc ký đeo lưng khó khỏe hòa.

Có thóc gà lông nổi nước cặn,

Không lương hạc nội đất trời xa,

Sao bằng ở thế vui theo thú,

Bốn bể đâu đâu cũng có nhà.

II

Cỏ nhà phải đủ thuê cùng sâu,

Sâu thuê xong rồi há sợ đâu,

Ba chén rượu đào hơi sốt sắng,
Ít bài thơ lý tứ cao sâu.
Miễn ta giữ trọn niềm ngay thảo,
Dùng thế dẫu kêu tiếng ngựa trâu.
Ông Lữ một cần câu Vị Thủy,
Xe Châu đón rước cũng phong hầu.

Trong số 10 bài thơ chúng tôi chỉ trích ra 2 bài trên đây để biết qua thâm ý của cụ không ham danh lợi, sớm giác ngộ biết cái đạo minh triết bản thân, từ quan ở ẩn là thật ra cụ nặng lòng yêu nước.

Và cũng chính tấm lòng yêu nước thúc đẩy, cụ đã họa 10 bài tự thuật của Tôn Thọ Tường, lời lẽ cũng gay gắt, chẳng kém mấy bài họa của cụ Cử Trị. Để nhắc nhở những ai như Tôn Thọ Tường, cụ có hai câu xuất sắc :

Giúp trị lẽ nào dung đảng gã,
Trừ loạn rồi có kể chi người.

Còn gì thâm thúy hơn mấy lời trên ? Từ xưa đến nay, đã biết bao nhiêu cái gương vua chúa trọng vọng hiền tài lúc loạn, khi nhờ đó mà bình trị được, yên rồi thì hiền tài cũng bị giết luôn. Câu than của Hàn Tín muôn đời hãy còn văng vẳng : " Giảo thổ Tử tẩu cầu phanh; cao điều tận lương cun tàn, địch quốc phá mưu thần vong ". Muông thú hết rồi thì chó săn cũng bị mổ làm thịt; chim cao đã bắn sạch, cung tốt cũng bị cất đi; nước địch đã phá được, mưu thần rồi cũng mất mạng !

Chúng ta biết 10 bài tự thuật của Tôn Thọ Tường và bài họa của Bùi Hữu Nghĩa (chỉ họa bài 1) và 10 bài họa của cụ Cử Trị, thiết tưởng không thể không biết qua một đôi bài của Lê Quang Chiêu, để thêm đậm cảm tình với vị Cai tổng có tâm hồn cao đẹp :

I

*Rèn lòng đinh sắt hãy còn đây,
Nín mẫn cho qua cái hội này.
Hạc lộn bầy gà thương nỗi kẻ,
Chồn mang lột cạp góm cho bày.
Lỡ duyên cả nước toan chờ vận,
Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.
Sớm tính che phen giữa gió cả,
Cột rường chống chỏi sẽ lung lay.*

Qua tinh thần bài thơ trên đây, chúng ta sẽ cảm mến kính phục tấm lòng sắt thép của cụ, đã dứt khoát tư tưởng, bất hợp tác với kẻ xâm lăng cướp nước, lui về cố quán với nỗi niềm uất hận, không muốn nhìn thấy cảnh nước mất nhà tan.

Theo sự tra cứu của chúng tôi, cụ có làm tất cả 10 bài ai oán, phẫn nộ, bất bình, nhưng tiếc rằng không thể đăng hết, chỉ lược qua một bài đầu để tượng trưng tiết tháo của cụ cũng đủ.

Ngày nay nói đến cụ Lê Quang Chiêu, một vị Cai tổng thời ấy dám đứng lên bênh vực cho dân, nói thẳng với người Pháp qua chánh sách cai trị, nào là sưu cao thuế nặng, bắt dân đi làm xấu nơi rừng thiêng nước độc; trước sự tàn bạo của thực

dân, cụ Chiểu lấy làm cảm phần liền trả chức đứng về phía nhân dân, quyết giữ câu tiết tháo không khác nào trường hợp cụ Nguyễn Công Trứ thuở nào.

Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,

Cúc, tùng, phong nguyệt mới vui sao.

Đám phồn hoa chót bước chân vào,

Sực nghĩ giật mình bao xiết kể.

Cụ Chiểu nghĩ như thế mới rời khỏi chốn quan trường, giữ được thanh danh của người con đất Việt, đến nỗi kẻ đua nịnh xu thời theo chân người Pháp cũng phải cúi đầu kính nể.

Xuyên qua việc làm của cụ trên đây, đã gây được nhiều tiếng vang trong tỉnh, nhất là thân nhân cụ cũng được thơm lây, thế nhân hàng nhắc nhở đến con người đầy tiết tháo. Dám hy sinh cuộc đời quyền quý không tham danh lợi, chỉ biết phụng sự cho đại chúng và chính nghĩa.

Ngày nay tại Cần Thơ còn những người cháu của cụ.

Ở đây chúng tôi chỉ ghi chép lại đôi nét quá trình thân thế của cụ Lê Quang Chiểu, nói lên tấm lòng dũng cảm, sự hy sinh cao cả của vị Cai tổng thời thực dân, lưu lại tiếng thơm muôn thuở và cũng là bài học cho những ai ham bả lợi danh quên cả giống nòi.

DÂN CHI PHỤ MẪU

II. PHAN VĂN CHI (Nguyên Đốc phủ sứ)

Trong thời đại nào, bất cứ ở địa phương nào, trong đám “cha mẹ dân”, nếu lắm người sâu dân một nước, trái lại cũng có vị đạo đức thanh liêm.

Bởi thế cho nên, Đốc Khổng Tử mới than : “Hà chánh mãnh ư hổ” : chánh sách bạo ngược dữ như cọp !

Năm 1945, tại miền Nam, ngót mười viên quan cao cấp hành chánh bị “thanh toán”, một bài học hay cho những ai dựa oai thế thực dân bóc lột đồng bào.

Nói về nhân vật tỉnh Cần Thơ xưa, chúng tôi thấy có phận sự đề cao một công bộc gương mẫu, đảm nhiệm chức vụ chủ quận Trà Ôn và sau làm Phó tỉnh trưởng Châu Thành. Suốt 10 năm làm việc, ông được các quan cai trị người Pháp kính nể yêu vì, và nhân dân mến phục.

Ấy là cố Đốc phủ sứ Phan Văn Chi.

Không bao giờ thiên hạ đồn ông thọ lãnh trái cam nải chuôi của ai, đừng nói chi tiền bạc, và trong lúc thi hành chức vụ cũng như đối xử với đồng bào, ông thật không hổ với tiền bối họ Phan, Kinh lược Nam kỳ, cụ Phan Thanh Giản và cũng xứng với bốn chữ “Liêm, Bình, Cần, Cẩn” mà vua Tự Đức đã ban cho cụ Phan.

Lúc bấy giờ, vào năm 1834 - 35, quận Trà Ôn bị nạn cường hào quấy nhiễu, mà lão ác bá “nổi danh một thời” còn coi ông tỉnh trưởng không có ký nào thay, đừng nói chi tới ông Phó quận nhỏ nhen ! Mấy ông này khi có điều gì không vừa lòng lão, lão lên Sài Gòn một chuyến là ông quận rường tráp

đổi đi lẹ lẹ : lão chơi thân với Toàn quyền Pasquier kia mà !

Thế mà lão ác bá hách dịch, mưu mô lại không làm gì được ông chủ quận họ Phan ? Bởi sao ? Là vì ông Nouailhetas, tỉnh trưởng Cần Thơ là người thân tín của Pasquier, mà ông Phan được Nouailhetas hiểu biết quá nhiều.

Thế nên, dầu ở trong hang hùm, ngồi kể nọc rắn, song nhờ chánh sách khôn ngoan, chống không chống, thân không thân, chẳng ai mua chuộc được. Thanh liêm, công bình, nhân đạo, không có chỗ nào sơ hở nên ông Phan vẫn an như bàn thạch.

Nơi gương thanh liêm của ông, tổng làng trong lúc thừa hành công vụ cũng ngay thẳng đàng hoàng, người dân sống yên ổn sung sướng.

Thời buổi ấy, quận Trà Ôn đáng kể là hạng nhất trong năm quận Cần Thơ : Cái Răng (Châu Thành), Ô Môn, Phụng Hiệp nằm ở hữu ngạn sông Hậu Giang và Trà Ôn, Cầu Kè ở tả ngạn,

Năm 1938, ông Phan Văn Chi đắc lệnh đổi qua trấn nhậm quận Châu Thành, làng xã, nhân dân trình lên chủ tỉnh nhiều lá đơn, thỉnh cầu lưu ông ở lại quận Trà Ôn. Không được toại nguyện họ theo đưa ông đông đảo, long trọng, trên đường dài suốt 20 cây số từ quận Trà Ôn đến Châu Thành.

Năm 1942, một bọn người quá khích chiếm công sở Phú Hữu, đốt sổ bộ, phá phách tủ bàn. Làng báo quận, vì nhiệm vụ ông Phan đi với một toán lính tập thuyền máy qua Phú Hữu, bắt vài người, chở về Cần Thơ.

Mật thám Pháp hỏi ông :

Sao không cho lính “bắn bỏ” mấy người ấy, đập xuống sông.

Ông nghiêm nghị đáp :

Họ có tội hay không thì để cho pháp luật xét xử ! Bắn giết người, đó không phải phận sự của quan hành chánh.

Hiện nay, gần mấy chục năm đã trôi qua, và mặc dầu ông Phan Văn Chi đã là người thiên cổ, dân chúng Cần Thơ, nhất là Trà Ôn, còn giữ kỷ niệm mến tiếc đối với ông.

TẠM KẾT

Để tạm kết qua phần nhân vật, chúng tôi thấy trong quá khứ còn nhiều nhân vật quan trọng, đã dày công tô điểm lịch sử tỉnh Cần Thơ. Những nhân vật này chưa được ghi chép đầy đủ vì sự khiếm khuyết trong thời gian qua. Chúng tôi tin rằng với sự nghiên cứu của những nhà chuyên môn và sự tham gia của những người yêu sử học ở Cần Thơ, lần hồi đưa ra ánh sáng nhiều tấm gương tranh đấu, kiến quốc, từ lâu chưa được nêu lên.

Khi bọn thực dân Pháp đến xâm chiếm 3 tỉnh miền Tây, Cần Thơ là nơi ung đúc nhiều chánh khách, những nhà cách mạng chân thành nặng lòng vì tổ quốc, đứng trên lập trường dân tộc, nổi lên phản kháng chế độ tham tàn của thực dân Pháp. Bọn cai trị liền đàn áp dữ dội, lớp bị tù đầy chết chóc, lớp khác lưu vong ra hải ngoại v.v..

Nhưng thiết tưởng lịch sử là vấn đề tường niệm lâu dài, chờ yếu tố thời gian. Chúng tôi chưa dám vội nêu danh các vị ấy, hoặc viết tiểu sử, e quá sức và có lẽ chính các vị ấy cũng không muốn.

VÀI NÉT ĐIỂN HÌNH CỦA CHIẾN SĨ MIỀN TÂY VỚI Ý CHÍ KIÊU HÙNG, TINH THẦN BẤT KHUẤT.

Theo dấu người xưa, chúng ta lấy làm cảm khái nêu lên các bậc tiền bối đã dày công mở mang bờ cõi, làm rạng rỡ nước non nhà, có những vị tiền hiền khai hoang kiến thiết nông thôn vững chãi từ thuở xa xưa, biết bao tinh thần, tâm huyết, xương máu hy sinh tô điểm giang sơn, cứu nguy tổ quốc, mưu hạnh phúc cho giống nòi.

Trải qua bao đời, Lê trào Nguyễn chúa tranh hùng, đất nước Việt Nam ta. Trưởng thành trong đau khổ, càng lâm nguy dân tộc càng xuất hiện những trang trung liệt, trải mật phối gan, liên tục, tranh đấu, lịch sử hằng chứng minh tỏ rõ. Các vị ấy đã nêu cao thanh giá khí tiết của giống Tiên Rồng.

Chúng tôi một nhóm văn nhân nặng lòng vì non nước yêu mến quê hương, dày công sưu tầm qua những phần lịch sử và chuyện xưa tích lạ từ tỉnh một ở Nam phần Việt Nam, mục đích phụng sự của chúng tôi làm sống lại tinh thần bất khuất của các nhân vật đã hy sinh.

Hôm nay viết đến quyển "CẦN THƠ XƯA" lòng chúng tôi rất băng khuâng hồi tưởng nơi đây là quê hương của các nhà chí sĩ cách mạng, như cụ Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Thần Hiến, Đinh Sâm v.v... Người có tinh thần ái quốc với quả tim dũng cảm, hy sinh sự nghiệp thân thế đứng lên kháng Pháp, khi 3 tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân đội viễn chinh. Lúc bấy giờ các sĩ phu trong nước nổi lên với nhiều phong trào

chống Pháp, nhóm Cần Vương, trăm tặc nghĩa sĩ quân v.v... quyết tâm mở ách bứt xiềng cho con Hồng cháu Lạc. Ở Bến Tre thì có Phan Tôn, Phan Liêm, Lê Tấn Kế dấy binh tại Ba Tri, Giồng Trôm, Định Tường thì Thiên Hộ Dương, Nguyễn Hữu Huân dàn mặt trận Đồng Tháp, Gò Công thì Trương Định vây vùng nơi đám lá tối trời vùng Lý Nhân, Tân An vằm sông Nhật Tảo anh hùng Nguyễn Trung Trực đốt tàu Pháp, Châu Đốc, Long Xuyên thì đức Cố Quân, Bảy Thưa đều dấy binh đánh Pháp tại Láng Linh, Rạch Giá thì có Phó cơ Nguyễn Hiền Diều, Lâm Quang Ky với vũ khí thô sơ nhưng lòng dũng cảm đã nêu cao thanh giá chiến sĩ miền Tây của thời quá khứ ...

Riêng tỉnh Cần Thơ, giặc Pháp khủng bố hoành hành khói lửa lan tràn gây thảm họa cho dân chúng đứng ngồi không yên, lúc bấy giờ tại Trà Niềng có một chàng trai trẻ tên Đinh Sâm cùng một số nghĩa quân xuất thân trong đám nông dân nổi lên chống Pháp dàn trận tại Ba Xe Cầu Nhiễm, (nay là quận Phong Điền mới vừa thành lập của tỉnh Phong Dinh).

Đây là quê hương của Lê Quang Chiêu, người có nhiều tiết tháo, treo ấn từ quan quay về với tổ quốc, đứng lên phản đối bọn xâm lăng Pháp, định đem ách nô lệ đặt lên cổ người dân Việt.

Nơi vùng này lại còn một di tích là ngôi mộ của nhà chí sĩ Phan Văn Trị tức cụ Cử Trị gởi nắm xương tàn nơi quý địa, sử sách đã nêu danh.

PHẦN THỨ BA

- * DI TÍCH
- * HUYỀN SỬ
- * GIAI THOẠI

MỘ BIA CỤ BÙI HỮU NGHĨA



Trước mộ có tấm bia đá của con cụ là Bùi Hữu Tú dựng, Khắc mấy chữ : “ Đại Nam Hiến khảo giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ tốt vu nhân thân niên chánh ngoạt năm nhứt

nhật nam Bùi Hữu Tú kính lập"

DI TÍCH LỊCH SỬ NHỮNG NGÔI CỔ MỘ TỌA LẠC TẠI CẦN THƠ

1. MỘ BÙI HỮU NGHĨA

Mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa nằm tại đất Trùm Neo trong vườn ông Đốc phủ Dương Thân Hỷ ngày trước, cách thị trấn Cần Thơ lối 5 ngàn thước.

Môn đệ của cụ là ông Nguyễn Giác Nguyên xây dựng chùa Nam Nhã tại Bình Thủy, nơi chùa có bài vị thờ cụ, bà chánh thất và kế thất của cụ.

Trong năm 1942 hội khuyến học Cần Thơ đứng ra trùng tu ngôi mộ cụ được vẻ vang.

Thân thế và văn chương của cụ ngày nay đã vang truyền. Người vợ chánh của cụ là Nguyễn Thị Tồn là bậc hiền đức (1) trinh liệt, từng ra tận đế đô gióng trống kêu oan cho cụ, được đức Từ Dũ hoàng thái hậu khen ngợi. Bà vợ thứ hai là Lưu Thị Ký cũng là bậc hiền phụ (1) Muốn rõ, xin xem thêm đoạn tiểu sử cụ và bà chánh thất Nguyễn Thị Tồn, ở phần nhân vật.

2. MỘ VÕ DUY TẬP

Sau miếng ruộng cách công sở xã Long Tuyền độ 200 thước có một ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá ong, xây vòng thành bằng gạch. Ấy là mộ vị Lãnh binh Võ Duy Tập. Ông là vị công thần dày công khuông phò hai triều Gia Long, Minh

Mạng, dẹp loạn yên dân. Chẳng may khi chống nhau với quân Miên tại Sóc Trăng, ông bỏ mình nơi Bưng Tropic, thi hài đem về an táng nơi cố quán Long Xuyên.

Sống làm tướng thác làm thần. Anh linh ông hiển hách, được đồng bào Sóc Trăng sùng phụng tôn thờ nơi dinh làng Khánh Hưng. Và tại đình làng Long Xuyên (Bình Thủy), đồng bào cảm mộ ơn hộ quốc tế dân của ông, nên cũng có tạc bức chân dung của ông bằng lụa nổi để phụng thờ, chiêm ngưỡng một nhân vật ưu tú của quê hương.

(Xin xem ảnh ngôi cổ mộ ở phần nhân vật)

3. LĂNG ÔNG NGUYỄN VĂN TỒN

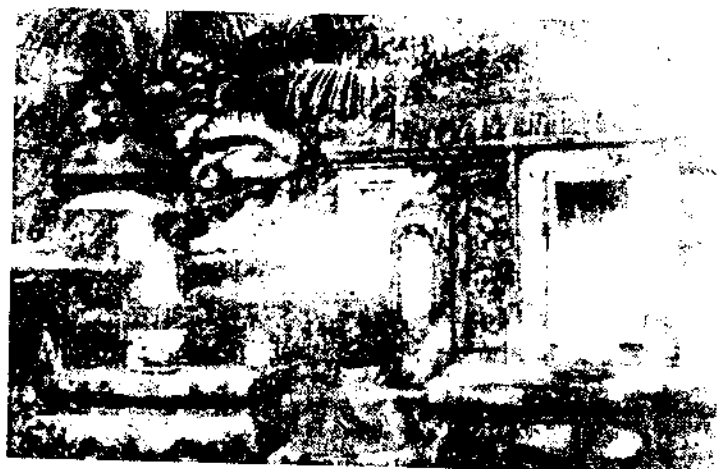
Tại làng Thiện Mỹ, chợ Trà Ôn, có lăng ông Điều bát Nguyễn Văn Tồn, hoặc gọi là lăng ông Thống Chế Duồng. Nhưng nhiều người không biết rõ, lại gọi là lăng Hoàng Chàm hay Hoàng Chà.

Gọi là lăng ông Hoàng Chàm hay Hoàng Chà thì rất sai lầm. Ấy là mộ ông Nguyễn Văn Tồn. Vì ông vốn là người Việt gốc Miên, nên có tên riêng là Duồng. Khi chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu trong Nam, ông theo giúp, chúa Nguyễn cảm kích phong ông làm chức Điều bát, nên dân gian thường gọi là ông Điều bát. Huyền thoại sự linh thiêng của ông khi đã về thần, đồng bào Trà Ôn đều truyền tụng.

Vì Trà Ôn tuy thuộc tỉnh Vĩnh Bình sau này, nhưng xưa vẫn là một quận của tỉnh Cần Thơ, nên tiểu sử ông chúng tôi đã ghi chép ở phần nhân vật tỉnh nhà, và nơi đoạn sau trong phần thứ ba này, chúng tôi có ghi lại huyền sử “ ông

Điều bát”.

LĂNG THỐNG CHẾ ĐIỀU BÁT TỤC GỌI NGUYỄN VĂN TỒN



Lăng này đã có trên một thế kỷ, hiện nay tại làng Thiện Mỹ. Quận Trà Ôn được người địa phương rất tôn kính. Quận Trà Ôn trước kia thuộc tỉnh Cần Thơ, nay sáp nhập về Trà Vinh.

4. MỘ CỤ PHAN VĂN TRỊ

Mộ cụ thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đã được trùng tu đẹp đẽ bao nhiêu, thì ngôi mộ cụ Cử Phan Văn Trị tại chợ Phong Điền lại nào nung bấy nhiêu. Mộ đất đã lồi, thiếu người hương khói !

Khoảng năm 1942, ông Kiều Thanh Quế có đến Phong Điền viếng mộ cụ, chua xót thổ lộ trong bài “Ngôi mả hoang” đăng trên tuần báo “Tri ân”. Sau đó ông Hội trưởng hội Khuyến học Cần Thơ là bác sĩ Lê Văn Ngôn cùng một vài anh em trong hội cũng thăm viếng mộ cụ với niềm bâng khuâng cảm kích. Đến năm 1963, ký giả Tế Xuyên trong loạt bài phóng sự “Đi viếng tỉnh Phong Dinh”, nhắc đến cụ Cử Trị, cũng ngậm ngùi về năm đất vui thân cụ Cử.

Biên giả vốn nặng lòng hoài cổ, nhắc lại chẳng khỏi cảm xúc :

*Trời Việt mây mờ lúc đảo điên,
Vẫn tỉnh rơi rụng tại Phong Điền !
Anh phong lẫm lẫm còn ghi dấu
Trác lạc từ chương ngọn bút thiêng.
Đả kích những phường sâu một nước,
Tán dương hào kiệt vẹn hy sinh
Thà cam lui ẩn cho tròn tiết,
Treo để gương trong nhũ hậu sinh.
Rong chiếc thuyền câu giải muộn sầu,
Nhà tan, nước mất, ruột gan bào.
Bưng tai cho khỏi nghe kèn lạ,
Trời nước gọi lòng, lệ thấm bầu.
Mòn mỏi tuổi già trong khổ hận,
Tám mươi một tuổi trút hơi tàn !
Trơ vơ núp đất dầu mưa nắng,
Luống tuổi Phong Điền cụ cử Phan !*

* Mộ cụ ở Phong Điền, trong thời gian đi sưu khảo, khu vực ấy thiếu phương tiện giao thông, nên chúng tôi không thể đến nơi chụp ảnh công hiến độc giả, rất lấy làm tiếc, xin

cáo lỗi cùng quý bạn thân mến

5. MỘ ÔNG CHÀ HOÀNG

Mé bên kia bờ sông Cần Thơ, có ngôi mộ cổ xây bằng gạch hồ ố dước. Ấy là mộ ông Chà Hoàng. Nhiều người còn gọi là mộ ông Chàm Hoàng hoặc Hoàng Chàm, vì cho đó là người Chàm, thật ra chính là người Chà Châu Giang.

Lúc chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu vào Cần Thơ, tại Châu Đốc có nhóm người Chà Châu Giang kéo về phò chúa. Người đứng đầu nhóm là Chà Hoàng cùng với bạn bè Sana Suốt tinh thông võ nghệ, tận tâm giúp Nguyễn Ánh.

Lúc giặc Miên thường khuấy phá các tỉnh miền Tây, Sa Đéc, Cần Thơ, Sóc Trăng. Chà Hoàng chỉ huy anh em trong nhóm hy sinh thân mạng, hết lòng dẹp loạn, đánh với quân Miên nhiều trận dữ dội. Bình tướng Miên dùng chày gạt chém quan quân của ta, Chà Hoàng và Sana Suốt không bao giờ khiếp sợ. Có lần quân Miên cấp đuôn chém rách áo giáp Chà Hoàng và Sana Suốt, cả hai vẫn hiên ngang xông pha trận mạc, khiến bọn chúng đều xưng phục. Sau bọn chúng đốc toàn lực đánh úp chỗ đóng quân của ta. Bên trong, Chà Hoàng đốc suất quân sĩ ngăn chặn ráo riết, dùng đến biệt tài bắn cung bằng chân, làm cho chúng kinh oai.

Nhưng vì quân số của chúng quá đông, Chà Hoàng bỏ mình trong trận này.

Đây cũng là một chiến tích đáng nêu gương, và hài cốt người trung liệt nằm trong vùng Cần Thơ hiện tại.

Theo lời các bô lão địa phương cho biết, hằng năm có những người Chà Châu Giang cư ngụ ở Cần Thơ. Châu Đốc xuống cúng mộ rất trọng thể.

MỘ ÔNG CHÀ HOÀNG



Hiện nay ngôi mộ nằm mé bên kia sông Cần Thơ. Hằng năm có những người Chà đến cúng tế

CẦU THAM TƯỚNG



Con rạch và cây cầu mang tên Tham Tướng năm xưa.

RẠCH CẦU THAM TƯỚNG

Tại Cần Thơ ngày nay còn di tích địa danh mà ít người biết đến, tại sao có cây cầu mang tên Tham Tướng ? sự việc ấy đã chứng minh một cách cụ thể mà chúng tôi đã sưu tầm trong sử liệu, nêu ra ánh sáng hiển quý độc giả tìm hiểu qua các mục di tích đã có trên phần đất Trấn Giang (Cần Thơ) từ thuở xa xưa nay còn lưu dấu.

Theo đại lộ Hoà Bình, đến một cây cầu đúc, thẳng tới là đường đi về thị trấn Cái Răng, vùng cầu đúc ấy là “Tham Tướng” nên cảnh vật quanh đấy đều mang một tên chung : rạch Tham Tướng, cầu Tham Tướng, chợ Tham Tướng.

Tham Tướng ? Ấy là một chức quan võ có từ đời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Mà vị Tham tướng có duyên nợ với vùng đất Cần Thơ này, chính là Tham tướng Mạc Tử Sanh, con quan Đô Đốc trấn Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ (cũng gọi là Mạc Thiên Tích).

Tiểu sử Tham tướng chính lý hầu Mạc Tử Sanh, chúng tôi đã ghi chép ở phần nhân vật. Chẳng những có công mở mang vùng đất này (xưa gọi là Trấn Giang), cha con họ Mạc cũng đã từng khổ nhục gìn giữ lấy, bảo vệ sinh mạng và tài sản cho đồng bào trong những lúc đẹp ngoại xâm

Cho đến năm Đinh Dậu 1777, Tham tướng Mạc Tử Sanh tử trận.

Tương truyền : khi ông mất rồi, anh linh hiển hách. Dân chúng Hà Tiên, Trấn Giang mỗi khi có việc gì khẩn bách mà cầu khẩn vong linh ông, đều được âm phù mặc trợ cho.

Cảm kích niềm ưu ái của ông, lúc sống cũng như lúc chết chẳng quên cứu độ dân chúng, nên vùng đất mà Ông đã bỏ mình, được gọi là Tham tướng. Đó chỉ là những điều người ta thuê dệt thêm để cho câu chuyện thêm lý thú.

XÓM BÀ ĐỒ NGÀY XƯA



Đây là bức tranh tượng trưng xóm Bà Đồ ngày xưa tại Bình Thủy. Là chốn tảo đàn của các cụ danh nho nổi tiếng.

thường tới lui. Ngâm vịnh thi phú, luận đàm thế sự.

XÓM BÀ ĐỒ LÀ NƠI TAO ĐÀN, GÓP MẶT CÁC CỤ DANH NHỎ CỦA XÃ LONG TUYỀN NGÀY XƯA

Xuyên qua phần lịch sử, nhân vật trong quyển sách này, hẳn quý bạn đọc đã nhận thấy công nghiệp của Mạc Thiên Tứ nổi chí cha (Mạc Cửu) mở mang thêm vùng Hà Tiên, khai thác đất đai Cần Thơ v.v... Và điều đáng nói nhất là họ Mạc nghiêm nhiên vừa là vị Tao đàn nguyên soái nhóm "Chiêu anh Các" (gồm 32 người) lại cũng vừa là người vun vén cho cây văn hóa Tây Thành.

Họ Mạc đã tạo nên học phong sĩ khí tốt đẹp cho Hà Tiên và Cần Thơ, cố nhiên sĩ phu Cần Thơ có chịu ảnh hưởng ít nhiều. Hướng chỉ từ khi cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa có mặt ở xã Long Tuyền (Bình Thủy), cụ cử Phan Văn Trị lui ẩn ở Phong Điền, cụ tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt cáo quan về hưu ở Hà Tiên, các cụ vẫn thường qua lại với nhau, họp mặt nơi thị trấn Cần Thơ, thử nghĩ tình trạng văn hóa của sĩ phu Cần Thơ lúc bấy giờ có khá cao chăng ?

Lại nữa, các cụ Đồ Chiểu ở Ba Trĩ, Cử Thạnh, Phan Hiếu Đạo ở Định Tường vẫn tới lui, bảo sao Cần Thơ chẳng được tiếng là trung tâm văn hóa ngay từ thuở xa xưa?

Điều đáng quan tâm, các cụ đã họp mặt nơi địa điểm nào ? Ngoài việc thăm viếng tận nhà, hẳn các cụ đồng ý chọn một địa điểm chung để cùng nhau lấy thú văn chương làm phương tiêu khiển, bồi dưỡng tinh thần. Ấy là xóm Bà Đồ,

một xóm nằm trong vùng Bình Thủy khi xưa, thuộc xã Long Tuyền, cách Cần Thơ 5 cây số theo lộ Long xuyên sau này.

Địa danh xóm Bà Đồ có nghĩa như thế nào ? Phải chăng nơi đây đã từng có ông Đồ lừng lẫy tiếng tăm, chẳng may khuất sớm, bà Đồ thủ tiết nêu gương, làm rạng thêm danh chồng, nên người trong vùng còn mãi mãi tưởng niệm. Dầu sao, hai tiếng sinh đồ, nói lên một thành phần hữu học trong xã hội. Nơi đâu có các ông đồ thì nơi đó có phong khí văn hóa. Chẳng khác nào ngày nay nơi nào có thầy giáo, có trường học thì mọi điều văn vẻ hẳn có tốt đẹp hơn các nơi khác.

Chọn địa điểm xóm Bà Đồ làm nơi thành lập Tao đàn, các cụ đã đem thanh danh tô điểm cho xóm này trở thành bất hủ, và chứng tỏ cho các thế hệ sau biết rằng xưa nơi Bình Thủy từng có một xóm cực kỳ thanh tú văn nhã. Nhất là ngôi sao cụ Thủ khoa Nghĩa ngự trị vòm trời Bình Thủy Long Tuyền lúc bấy giờ, lời cuốn biết bao ngôi văn tinh khác hướng theo. Rồi thì tao nhân mặc khách dập dìu, sắc thái xóm Bà Đồ biết bao xinh đẹp. Đẹp một cái đẹp tinh thần chói chang.

Bao nhiêu văn thơ các cụ nơi miền Tây truyền tụng, biết đâu một phần lớn chẳng do từ chốn Tao đàn, từ xóm Bà Đồ mà ra. Một bồn tuồng "Kim thạch kỳ duyên" của cụ Thủ khoa Nghĩa, tương truyền có sự góp tay điểm xuyên của cụ tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt, chắc cả hai cụ cũng từng lấy chốn Tao đàn ấy làm nơi hội thảo, trau dồi quan điểm, cùng nhau sửa chữa bên chung trà chén rượu, vui sướng hể hả. Và biết đâu khi ấy cũng có lắm bông hoa biết nói, đua tài nhả ngọc phun châu, hoặc câu ca tiếng hát trợ nguồn cảm hứng cho các

cụ.

Cứ xem như ngày nay thế hệ trẻ vẫn còn biết nếm thú vị văn chương, họp nhau lập thi văn đoàn chẳng biết cơ man nào mà kể, thì khi xưa chả lẽ các cụ lại thiếu phong độ ấy sao?

Điều có thể quả quyết, khi xưa Hà Tiên có “Chiêu anh Các”, Gia Định có “Bình dương thi xã”, “Bạch mai thi xã” lừng danh thì Tao đàn của các cụ văn hào miền Tây nơi xóm Bà Đồ tưởng cũng nên nhắc đến phần nào. Chính các vị cao niên ở Bình Thủy hiện giờ đã nhắc cho chúng tôi được biết về xóm Bà Đồ ấy, và hầu hết các bô lão vẫn còn nhớ, khiến chúng tôi cảm thấy có bổn phận phải ghi lại đây một di tích tốt đẹp đáng kể.

Chúng tôi không thể lấy ảnh được chỉ phác họa cảnh trí tượng trưng với chút niềm hoài cổ.

XƯỜNG ĐÚC TIỀN CỦA NAM TRIỀU Ở MIỀN TÂY

Gần đây, đồng bào Cần Thơ thỉnh thoảng được nghe thấy một số đồng người vớt được vô số tiền điều thời Gia Long, Minh Mạng ở sông Cần Thơ. Người ta đã tìm thấy cả xác ghe chìm, mà bên trong chứa chất toàn những đồng tiền điều nêu rõ mấy chữ “Gia Long thông bảo”, “Minh Mạng thông bảo”.

Ghe nào chở tiền như thế ? Từ đâu đến và có nguyên do ra sao ?

Dựa vào bộ “Đại Nam nhất thống chí” chúng tôi thấy có đoạn này rất đáng chú ý, nói về “Sông Tiền Trường” và “Xưởng cũ Tiền Trường” :

“Sông Tiền Trường ở Đông nam huyện Đông Xuyên (nay là Long Xuyên) 90 dặm, bờ phía Đông Hậu Giang, rộng 1 trượng, sâu 5 thước. Nguyên trước có xưởng tiền Ba Thắc ở đấy nên gọi là Tiền Trường. Chi phía Nam chảy hơn 1 dặm thông với sông Qua Giang, tục gọi Cái Bí rồi chảy ra Đại Giang. Chi phía Đông chảy hơn 1 dặm rồi hiệp lưu với sông Cường Thành”. Và :

“Xưởng cũ Tiền Trường ở phía Đông sông Hậu Giang thuộc huyện Đông Xuyên (Long Xuyên) : Nguyên trước là xưởng đúc tiền Ba Thắc của nhà nước. Nay đã bỏ”.

Xem thế, chúng ta nhận thấy rằng khi xưa ở miền Tây có xưởng đúc tiền gọi là “Tiền Trường”; do triều đình tổ chức. Cố nhiên ngoài xưởng đúc tiền ở miền Tây này, còn đôi ba chỗ khác trên lãnh thổ quốc gia.

Hẳn là những khi đúc xong, đủ số theo chỉ thị của cấp trên ắt là phải lo việc chuyên chở nạp vào kho ở rải rác nhiều nơi. Phải chăng khi chở ngang địa phận Cần Thơ, đã có lúc chìm thuyền, mà xác còn lưu dấu vết đến nay ?

Hoặc giả, đó là thuyền vận tải tài sản của nhà quyền quý nào đó, khi tránh loạn chẳng may đã chìm ở khoảng xa nào, xác thuyền dần trôi đến sông Cần Thơ mà chôn vùi ?

Dẫu thế nào, nhân chuyện tài sản của tư nhân hay của triều đình vùi đắm dưới đáy sông sâu, chúng ta vẫn có thể rút được một bài học thấm thía về của người thế phù hoa giả tạm.

Nhân đây, tưởng cũng nên nói rõ thêm về việc chính quyền thời xưa đã cho đúc tiền như thế nào.

Ngoài xưởng đúc tiền của Nam triều, mà xưởng đúc tiền ở miền Tây đây là một, chính quyền còn cho phép tư

nhân được vay tiền làm vốn mua nguyên liệu lập lò đúc tiền. Nhưng tiền đúc được bao nhiêu phải nộp vào kho đủ số và phải theo khuôn khổ đã định, rồi chính quyền sẽ thưởng cho. Ít lâu thấy có điều bất tiện, chính quyền mới đảm đương lấy công việc đúc tiền, không cho tư nhân can dự vào nữa.

Tiền đúc Ất Hợi 1815, vua Gia Long ấn định giá trị tiền tệ như sau :

Một đĩnh bạc nặng năm đồng cân ăn một quan bốn tiền.

Một quan là mười tiền hay 600 đồng tiền kẽm, hay 100 đồng tiền đồng.

Tiền kẽm thì có những đặc điểm :

1) 18 đồng tiền kẽm xếp thẳng liền nhau dài một thước mộc (thước mộc dài 0m424)

30 đồng tiền kẽm xếp liền nhau thì dài 1 thước may (thước may dài 0m644). Do đó thước may còn gọi là thước ba mươi đồng.

2) 600 đồng tiền kẽm, nghĩa là 1 quan, nặng 1 kí lô rưỡi

42 quan rưỡi nặng 1 tạ thóc hay 1 tạ gạo (60 kí lô 700 hoặc 63 kí lô 750)

45 quan nặng 1 tạ muối

50 quan nặng 1 tạ sắt

Xem qua như thế, chúng ta chẳng khỏi ngạc nhiên tự hỏi : Chả lẽ xác thuyền chở tiền chìm trên sông Cần Thơ kia, chỉ có toàn những tiền đúc sao ? Còn những bạc đĩnh, vàng nén, vàng thoi đã thất lạc về đâu ?

Hơn nữa, chỉ dựa theo số tiền kẽm mà người ta đã xức

lên tại vàm sông Cần Thơ cách nay mấy trăm năm, ước lượng sức nặng toàn thể có đến hàng tấn. Phải chăng thuyền chở khẳm, gặp sóng to gió lớn mà nổi lên !

*Hơn trăm năm kho tàng chìm đáy nước
Tiền muôn ngàn còn dùng được vào đâu ?
Gẫm xem thế sự râu râu,
Bao nhiêu nước chảy qua cầu trôi xuôi !*

SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN TÂN AN **(thị trấn Cần Thơ)**

Các ngôi đình nơi làng mạc trên khắp lãnh thổ Việt Nam vốn là nơi tôn nghiêm nhất, tiêu biểu tinh thần của giống nòi, xuyên qua nhân vật đầy đủ đức độ đã được suy tôn làm thành hoàng. Vì các vị thần được tôn trọng là thành hoàng một làng xã nào, vừa là bậc tiết nghĩa, treo gương hậu thế, vừa có nhiệm vụ bảo an lê dân trong vùng.

Tỉnh Phong, Đình có 3 ngôi đình thần đáng kể, đình Tân An tại thị trấn Cần Thơ, đình Bình Thủy thuộc xã Long Tuyền, và đình Nhơn Ái. Mỗi năm đều có cúng tế rất long trọng trang nghiêm

Vị thần đình Tân An, được sắc phong của vua Tự Đức vào năm thứ 29 (Bính Tý 1876) như sau :

“Sắc phong bốn cảnh thành hoàng
Kỷ tính đại vương, khâm mông gia tặng Quản hậu
Chánh trực, hựu Thiên đôn nghinh chi thần”

Điều nên chú ý, năm vua Tự Đức phong sắc thần, chính là năm người Pháp bắt đầu thiết lập tỉnh Cần Thơ. Có lẽ chữ vị tiền hiền trong vùng, phần cảm niệm oai linh các đấng anh

hùng liệt sĩ của ta, phần cảm xúc thời thế biến thiên, nước non đổi chủ, nên đã cực lực vận động xin phong sắc thần, gọi là ghi chút cảm hoài, sau nữa cho dân chúng hưởng ngưỡng vào đó mà nuôi nấng tinh thần nhớ nước thương nòi.

Cho nên khi đã được sắc phong thần rồi, khoảng năm Canh Thìn 1880, ngôi đình đầu tiên được thiết lập hẳn hoi tại Chợ Giữa, cách thị trấn Cần Thơ trên 3 cây số.

Lúc mới, đình cất bằng cây ván, lợp lá. Người đứng lên thượng hương là ông Lê Hữu Văn. Vị trí ngôi đình quay mặt ra mé sông Cần Thơ. Đất do ông Nguyễn Văn Nga hiến dâng

Đến năm Kỷ Hợi 1899, ngôi đình dời về cầu Tham Tướng. Hương chức Hội tề xây cất lại bằng gạch ngói kang trang rộng rãi, 8 nóc. Vẫn do ông Nguyễn Văn Nga hiến đất.

Trải bao năm tháng thời gian, các vị tiền hiền liên tiếp nối nhau lo việc phụng tự, xuân thu quý tí, hết dạ ân cần. Nhân dân cũng kính mộ, chẳng ngớt khói hương chiêm ngưỡng.

Do cụ Quản trị ban Trung đình kể lại, chúng tôi được biết phương danh quý vị tiền hiền chánh bái từ trước đến nay như sau :

Quý ông Lê Hữu Tiến

Chánh bái Hiến

Lê Văn Chất

Trương Hữu Tuân

Huỳnh Hữu Điền

Huỳnh Hữu Cần

Triệu Công Sum

Huỳnh Hữu Hoàng (đương kim chánh bái)

Những điều huyền thoại về linh ứng của vị bốn cảnh thành hoàng, đồng bào tỉnh nhà hãy còn lắm người biết chuyện, nhắc kể lại cho nhau nghe với niềm tôn sùng kính trọng vô biên.

Tương truyền : sau khi dời ngôi đình từ Chợ Giữa ra gần cầu Tham Tướng, linh thần từng hiển hách anh phong, phò hộ độ trì nhân dân được yên lành, phong điều vô thuận.

Theo lời ông đương kim chánh bái đình Tân An là ông Huỳnh Hữu Hoàng thuật lại với chúng tôi, nơi nhà ông Nguyễn Văn Giai (cháu ngoại cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) một giáo chức hồi hưu : Trước ngôi đình cũ gần cầu Tham Tướng có nhiều linh ứng ai tỏ ra vô lễ khi đi ngang qua đình, hoặc động chạm gì đến những vật linh thiêng nơi đình không sao thoát khỏi bị thần linh quở trách. Sự trừng phạt hiển hiện bằng những sự hành hạ thể xác, mà chính đương sự cũng phải nhìn nhận lỗi lầm xúc phạm oai linh thần, mới ra nông nổi. Tuy nhiên, kẻ lỗi lầm tỏ ra ăn năn, bệnh tự nhiên thuyên giảm, chẳng cần phải thuốc gì. Bao nhiêu dân chúng có lòng thành cầu khẩn mỗi khi có điều nguy rỗi, đều được linh thần âm phù mặc trợ cho, khiến người người đều cảm kích xưng tụng ân đức.

Lại một truyền thuyết đáng kể, có liên quan với ông Nguyễn Văn Nga, người đã hiến đất xây cất đình thần. Như chúng tôi đã thuật trong bài "Câu chuyện ông thầy Trung", tương truyền ông Nguyễn Văn Nga vốn là rể của ông thầy Trung, nên đã được truyền cho nhiều pháp thuật nhiệm mầu. Khi ngôi đình đầu tiên thiết lập ở chợ Giữa, quay mặt ra mé sông Cần Thơ. Gần đình có cây đa to, lâu ngày, nhánh chĩa vô đình. Tuy sợ mưa gió ngã, nhưng không ai dám đốn. Quý vị có

nhiệm vụ chăm nom đình thần, bèn cho mời ông Nguyễn Văn Nga đến hỏi ý kiến, phải làm sao cho ổn ?

Ông Nga cười nói :

Dễ mà, để tôi liệu cho.

Rồi không cần phải đốn cây vạt nhánh chi cả. Ông Nga họa bùa thế nào không rõ, ngọn đa ngã về mé khác. Những người đã chứng kiến chẳng khỏi kinh ngạc, khâm phục.

Trước đình, dưới bờ sông Cần Thơ, có cặp cá hô rất to. Những ngày lành tháng tốt, cặp cá nhón như bơi lượn trước đình. Người người đều trông thấy, cho là vật của thần linh, nên quanh vùng không dám động chạm đến. Một hôm nọ, có tên lái ghe động lòng tham, quăng chài kéo lên, đem ra chợ Tham Tướng mà bán với giá khá cao. Người ta hay tin thì chuyện đã rồi, và ai cũng có ý lo sợ cho tên lái ghe, khuyên y nên tạ tội với thần. Tên lái ghe vẫn không tin, chẳng kiêng nể chi cả. Qua 24 giờ sau, gã bỗng ngã lăn ra bất ngờ.

Lại có một truyền thuyết khác như sau. Khoảng năm 1944, quân Pháp đang trên đà xuống dốc. Quân Nhật hoành hành. Một hôm, chiếc tàu Pháp mang tên Albert Sarraut chạy trên sông Cần Thơ, ngang qua đình thần cũ, bị nhận chìm, đánh dấu sự thảm bại của thực dân.

Năm 1945, quân Pháp sung công ngôi đình, chiếm làm kho dự trữ súng đạn. Qua năm 1946, ngày 16 tháng 11 âm lịch ngôi đình dùng để chứa đạn bỗng nổ tung. Gạch ngói, sắt đá đều nát thành mảnh vụn. Nhưng kỳ lạ, chỉ có một tấm tượng thờ thần sơn son thếp vàng văng xa trên một cây số vẫn còn nguyên vẹn. Sau đó quân đội Pháp đi ruộng bố nhật được giao cho các vị hương chức đem về nhà Hội xã Tân An thờ trên lầu

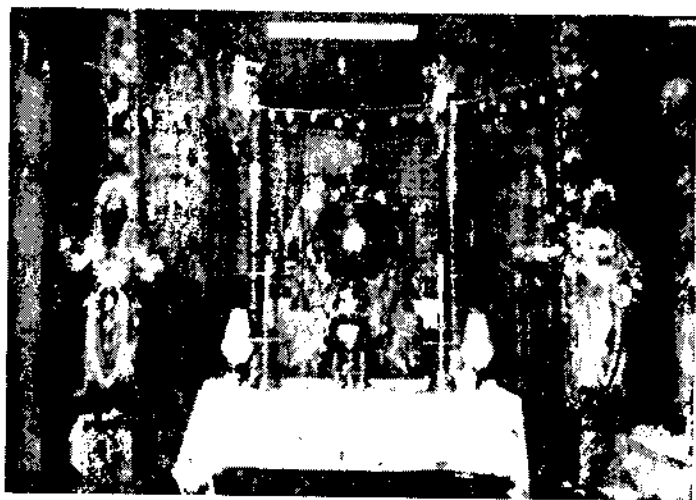
sau này.

Do bao sự tích truyền thuyết ấy, nhân dân truyền tụng. Những ngày tế lễ tam nguyên tứ quý, đáo lệ kỳ yên, sự cúng tế linh đình trọng thể. Thân hào nhân sĩ trong tỉnh đều họp mặt đông đủ, cùng chung đồng bào các giới hành lễ tôn nghiêm.

Sau này sắc thần đang thờ trên lầu nhà công sở thị trấn Cần Thơ.

Sau này là người ta thêm dệt thêm cho có phần linh hiển.

ĐÌNH THẦN BÌNH THỦY



Nơi Thờ phượng rất trang nghiêm, giữa có linh vị và một bộ lư đồng to lớn, hai bên hai vị quan văn, võ, tay cầm bầu

hồi, oai phong lẫm liệt, tàn lọng phủ che là nơi ngự trị của vị thần linh bất tử.

SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN BÌNH THỦY

Theo lộ trình Cần Thơ – Bình Thủy dài 5 cây số qua cầu sắt Bình Thủy, ngó về tay mặt, du khách trông thấy ngay ngôi đình thần kiến trúc mỹ quan, tráng lệ. Chung quanh đình hàng rào cột xây bằng gạch gắn song xi măng. Hai bên hai ngọ môn chững chạc, phía hữu miềm Đông lang thờ thần Triệt Lộ, phía tả miềm Tây lang thờ thần Phong Thủy. Lại có miếu thờ Sơn Quân (thần hổ).

Đình cực kỳ trang nghiêm, lộng lẫy, đủ cả mọi nghi tiết, xây cất vào năm Tân Hợi 1911. Chánh điện uy nghi, sắc thần do vua Tự Đức phong vào ngày 29 tháng 11 âm lịch. Năm thứ 15 (Nhâm Tuất 1862) để trên ngai vàng rực rỡ.

Giữa gian thờ Đình Công Chánh tôn thần (1) và thờ Trầm Hương công chúa, Huệ Cô công chúa.

Xưa kia ngôi đình cất bằng lá tại vàm, tức là chỗ đình mới bây giờ. Người có trách nhiệm trông nom đình thần đầu tiên là ông Hồ Văn Được và con là Hồ Văn Thanh.

Truyền thuyết cho rằng vị xướng xuất việc cất ngôi đình mới đầu tiên là Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận và Cai tổng Lê Văn Noãn. Chẳng may nửa chừng quan Tri phủ mất, ngôi đình đã dời cất tại vàm rạch ngã Tư Bé trong năm Giáp Thìn 1904 đành phải tạm ngưng. Sau đó ông Hương cả Nguyễn Doãn Cung và Hương chủ Dương Lập Cang cho xúc tiến công trình xây cất. Đức Bốn cảnh thành hoàng giáng cơ truyền bảo

: Bình Thủy mới nhằm long cuộc, trong dân chúng sẽ được thịnh vượng lâu dài.

Do đó, từ năm Tân Hợi 1911, ngôi đình xây cất lại nơi chỗ cũ và tồn tại đến ngày nay.

Sau khi đình cất xong, tương truyền trong cuộc lễ tạ ơn thần tại chùa Nam Nhã, các vị thần Đình Công Chánh, Nguyễn Xuân Quế, Phan Nhật Vĩnh, Trầm Hương công chúa và Huệ Cô công chúa lần lượt giáng đàn, chuyển động cơ bút đề thơ khen ngợi.

Đình Công Chánh tôn thần xuống bút trước :

Cảnh lịch Long Tuyền khéo sửa sang

Cơ đồ rực rỡ sức Cung. Càng

Thềm soi dáng hổ trương da phụng

Cột trở vóc rồng lập cánh loan

Huyền võ tàng che chim nghỉ mát

Đàn xã đường lộn khách nghinh ngang

Đố ai có biết cơ này hứng

Chén rượu quỳnh tương rót đã tràn.

Đình công Chánh trước làm chức bốn bái sau chết về cơ được thành thần, vì có công lo việc đình miếu.

Trầm Hương công chúa tiếp lời :

Bồng lai cảnh lịch ấy đâu là

Cổ miếu Long Tuyền rất khéo chà

Bạch hổ hiên ngoài xem ngẫu nhiên

Thanh long điện trước khéo lân la

Kìa gương nhật nguyệt loà son sắc

Nợ vóc kinh thành rực phấn sa

Một cuộc bồng hồ say cạn chén

Tiếng oanh eo óc thường ngày nga.

Hàng năm đảo lệ kỳ yên, hai lần cúng tế : Lễ thượng điền suốt 3 ngày 12 - 13 - 14 tháng 4 âm lịch. Lễ Hạ điền vào hai ngày 14 - 15 tháng chạp. Trước kia mỗi kỳ cúng tế chỉ cử hành đơn giản theo nghi lễ thông thường. Nhưng từ khi dân chúng làm ăn phát đạt, lễ thượng điền thỉnh sắc thần bằng bè thủy lục có hát bộ ba đêm. Đến năm Bính Thìn 1916, bãi bỏ cuộc rước sắc bằng bè thủy lục rất tốn kém, thay vào bằng một kiểu xe gọi là "Long xa phụng tán". Về sau còn bày thêm cuộc thi làm bánh mứt khéo trong dịp lễ tế thần, để khuyến khích phụ nữ trau dồi nữ công.

Trải mấy năm 1945, 46 quân viễn chinh Pháp chiếm đóng đình thần làm căn cứ. Sắc thần đem về chùa Nam Nhã tạm thờ. Cho đến 1955 đình thần mới khôi phục lại vẻ tôn nghiêm, rước sắc thần từ chùa Nam Nhã đem về thờ tại đình như cũ. Ban trị sự bấy giờ hoạt động rất đặc lực, gồm có quý ông : Dương Văn Ngôn, Lâm Tri Ân, Phan Văn Trị, Âu Cẩm Xinh.

Ban tế sự trên đình thì do vị chánh bái Lê Linh Ký, và bồi bái Võ Văn Thành điều khiển, gồm có quý ông phụ tá : Nguyễn Văn Được, Nguyễn Đức Hàm, Nguyễn Kim Chi, Võ Công An, Trương Phước Tấn và Trần Ngọc Thọ.

Lại thêm một ban phụ nữ gồm có quý bà, quý cô : Ngô Thị Xưa, Nguyễn Thị Mai, Trần Thị Nhạn, Lâm Thị Nhung.

Bắt đầu từ đây, đình thần được săn sóc hơn lên về mọi mặt. Mỗi năm đến lễ kỳ yên, ba đêm hát bội hoặc hát tiều (Triều Châu) thu hút vô số khách thập phương kéo về Bình

Thủy, trước lễ thần sau xem hát, quang cảnh náo nhiệt tưng bừng.

Kể về sự tích và huyền thoại của vị bổn cảnh thành hoàng, có điều đáng ghi nhớ nhất là vụ mất bộ lư thau mà thần linh mách bảo tìm lại được.

Nguyên trong đình có một bộ lư thau rất lớn cao độ một thước tây, để chưng trước điện. Năm Ất Dậu 1945, Thời kỳ biến loạn bộ lư bị đánh cắp chẳng biết xiêu bạt về đâu.

Đến năm Tân Sửu 1961 tạm yên, nhân tu bổ lại đình thần, quý vị trong ban trị sự tỏ ý thắc mắc về việc bộ lư thau đã mất. Ngày kia, thần linh mách bảo cho ông Lê Văn Dương biết :

Bộ lư ấy hiện để ở nơi chùa Ba Chúc trên núi Tượng. Hãy đến đó mà tìm sẽ gặp.

Ông Nguyễn Tấn Thời tình nguyện lên non tìm kiếm. Quả nhiên, bộ lư thau chiếm chệch phối mình nơi chùa Ba Chúc. Ông Thời lập tức trở về thuật rõ cho ban trị sự hay.

Quý ông Dương Văn Ngôn. Âu Cẩm Xinh, Lâm Tri Ân, Phan Văn Trị, Hoàng Minh Châu thẳng lên núi Tượng điều đình. Các vị sư trong chùa Ba Chúc nghe chuyện đều nói:

Mô Phật ! Bần đạo những ngỡ đồ của thiện tín có lòng thành dâng cúng cho nhà chùa, dè đâu vật báu của đình thần thất lạc. Nếu thế, chư quý vị an lòng, bần đạo sẽ cho người vận chuyển hoàn lại ngay.

Rồi đó các vị sư chùa Ba Chúc đích thân chở bộ lư

thau xuống tận đình Long Tuyền. Ai nấy đều cảm kích. Nhân dân trong vùng càng đặt thêm niềm tin tưởng và tôn kính linh thần.

Bộ lư đem về đình còn thiếu một chân con rồng. Ban trị sự chỉnh đốn lại xong. rước quý vị ở chùa Ba Chúc xuống tại đình để tỏ lòng tri ân. Các nghĩa cử đẹp làm đẹp thêm nơi tôn nghiêm kính cẩn.

Trong thời gian mất bộ lư thau chưa tìm lại được, có ông Lưu Chánh Lợi, thương gia ở trong làng, nguyện với linh thần làm ăn phát tài nên có cúng một bộ lư thau khác to hơn. Đến nay tìm lại được bộ lư xưa, thành ra trong đình hiện giờ có đến hai bộ lư thau quý giá.

Có thể nói trong các ngôi đình làng trên lãnh thổ nước nhà, đình Long Tuyền đứng vào hàng cổ kính mỹ quan đáng ngợi. Chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với vị Chánh tổng Định Bảo là ông Nguyễn Trọng Quyền, nhận được của ông nhiều tài liệu về lịch sử đình Long Tuyền mà thuật lại nơi đây, muôn vàn cảm tạ thành tình quý ông đã vừa giúp chúng tôi trong công cuộc sưu khảo để hoàn thành quyển sách này.

Ngày nay du khách viếng Cần Thơ, nếu lòng hâm mộ quê hương của cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa dời gót về chơi Bình Thủy, có dịp chiêm ngưỡng đình thần, sẽ nhận thấy những lời chúng tôi ca tụng về mỹ quan là không ngoa. Nhất là vào dịp cúng đình tháng tư, nhằm 12 - 13 - 14, suốt 3 ngày có hát bội hoặc hát tiêu, du khách sẽ hân hoan chứng kiến từng làn sóng người trong tỉnh ồ ạt hướng về Bình Thủy, lòng ất lảng

làng cảm khái.

ĐỀN THỜ THỐNG CHẾ ĐIỀU BÁC NGUYỄN VĂN TỒN



Một đền Thờ xây cất theo lối cổ, bên trong thờ linh vị hai ông bà Thống Chế. Ngôi đền này mé sau làng của Ngài tại làng Thiện Mỹ quận Trà Ôn.

HUYỀN THOẠI OAI LINH ÔNG ĐIỀU BÁT LÀM CHẤN ĐỘNG ĐẤT TRẦN GIANG

Cách chợ Trà Ôn hơn một cây số, cảnh đường Cầu Kè, trong phần đất thuộc xã Thiện Mỹ tại giồng Thanh Bạch, có một ngôi mộ cổ tục gọi là mộ ông Điều Bát.

Lắm người vẫn ngỡ rằng đó là mộ của một viên quan Việt Nam thời cự trào. Vì nghe nói ông Điều Bát tên Nguyễn

Văn Tồn, ai mà chẳng tưởng đó là người Việt.

Sự thật không phải thế. Ông Điều Bát vốn là người Miên (Cam bốt) trăm phần trăm. Tên tộc gọi là Duồng, bởi dày công giúp chúa Nguyễn Ánh, nên được ban cho tên họ Việt là Nguyễn Văn Tồn như lịch sử đã ghi.

Còn ai chẳng biết chúa Nguyễn Ánh đã từng thu dụng người ngoại quốc rất nhiều. Bên cạnh chúa Nguyễn, thường có người Pháp và người Miên giúp đỡ trong việc chống Tây Sơn. Mãi về sau, các người ngoại quốc có công lao đều có tên Việt Nam do nhà vua ban cho cả. Như Nguyễn Văn Thắng tức Chaigneau, Nguyễn Văn Chấn tức Vannier v.v... Và người Miên đầu Tiên mang tên Nguyễn Văn Tồn, chính là người còn ngôi mộ di tích ở Trà Ôn mà chúng tôi đã thuật tiểu sử ở phần nhân vật, "Di tích" và riêng nơi đây chúng tôi xin nói đến huyền thoại oai linh của ông khi đã về thần.

Nhờ có ông, kiều dân Miên đối với người Việt khá hòa nhã, và mỗi khi có biến ông đều đứng ra khôn khéo dàn xếp an ổn được cả. Uy tín của ông lúc sống và oai linh của ông lúc mất đều được đồng bào Miên, Việt vô cùng kính nể.

Hằng năm, đến ngày giỗ ông, đồng bào tựu đến tấp nập dâng hương cúng tế long trọng. Ngày thường thì mỗi khi đồng bào trong xã có chuyện chi oan ức, phần đông đều tin tưởng nơi sự linh thiêng của ông, một khi chánh quyền địa phương phân xử không xong, việc còn lòng vòng, cả hai bên nguyên đơn và bị can đều đem nhau đến lăng ông để thề. Bởi thế, khi xưa đồng bào tỉnh Cần Thơ nghe nói đến "lăng ông Điều Bát" ở Trà Ôn, những người biết chuyện không ai không

kiêng nể. Có thể nói đồng bào Sài Gòn Gia Định đã tin tưởng về lãng ông Bà Chiêu (tức Tả Quân Lê Văn Duyệt) thế nào, thì đồng bào Trà Ôn Cần Thơ cũng tin lãng ông Điều Bát như thế.

Tương truyền khoảng năm 1945, quân đội Pháp kéo đến Trà Ôn, chúng mở cuộc bố ráp dân chúng, tảo thanh lực lượng kháng chiến ở đây. Ngang qua lãng ông Điều Bát, nghi ngờ có đối phương ẩn núp quanh vùng này, viên sĩ quan chỉ huy truyền lệnh cho quân lính :

Các người hãy đập phá tất cả các vật chướng ngại, dẹp trống trải trọn vùng cho dễ kiểm soát.

Được lệnh, binh lính hùng hổ đập phá chẳng chừa một chỗ nào mà chúng cho là chướng ngại, có thể làm nơi ẩn núp cho đối phương. Trong toán quân, có người biết chuyện, khê bảo bạn đồng đội :

Coi chừng, tôi nghe đồn lãng ông này linh thiêng lắm. Nếu chúng ta đập phá, không khéo sẽ mất mạng chớ chẳng chơi.

Trong toán quân vẫn có người tin tưởng như thế, nên họ giạt mình, ngẩn ngại bảo nhau :

Phải rồi, tôi đã nhớ ra. Ông thần ở đây vốn là người Việt gốc Miên, mà người thì phần đông đều giỏi bùa ngải, thư phù đáng sợ lắm. Lúc sống họ đã vang lừng oai danh, khi chết ắt còn linh hơn nữa.

Thấy toán quân xầm xì bàn tán với nhau, viên chỉ huy gất gỏng :

Mấy người sao bỗng dưng rút êm đi vậy ? Bàn tán cái gì ? Không làm cho xong công việc đi sao ?

Một binh sĩ đánh bạo thưa :

Thưa sếp, chỗ lãng ông Duồng này lâu nay có tiếng linh ứng phi thường, nên anh em lo ngại, không dám xúc phạm.

Viên chỉ huy cười gằn :

Đừng bàn tán nhảm. Hãy cứ ra tay triệt hạ tất cả để dẹp trống trơn vùng. Lệnh của tôi linh, hay lệnh của ông tà ông quái gì ấy linh ? Ai không ra tay dẹp phá cho mau, đừng trách tôi xử thẳng tay đa nghe.

Sau mấy lời gắt của viên chỉ huy, cố nhiên tất cả binh sĩ đều phải răm rắp tuân theo, nhưng trong số ấy có nhiều người vẫn bất mãn nghĩ thầm : “Ông sếp hách quá, e không khỏi bị thần linh quở phạt. Tội vạ về ông sếp, ta là kẻ dưới quyền, bảo sao thì làm vậy, lo gì”.

Viên sĩ quan chỉ huy hách dịch đứng coi toán binh sĩ dưới quyền tuân lệnh ruồng phá chung quanh lãng ông Điều Bát. Mỗi khi có ai ngần ngại dừng tay, ông la hét :

Cứ đập phá đi, tội lệ gì đã có tao đây. Bất tuân lệnh hả ? tao phạt thẳng tay.

Nghe giọng rồn rảng, trông mặt đặng đặng sát khí của viên chỉ huy, cấp dưới còn ai dám hó hé gì, răm rắp làm theo mệnh lệnh.

Xong, viên chỉ huy cười nói :

Mấy người thấy chưa ? Có gì đâu ? Từ rày đừng tin nhảm nữa mà có hại. Thôi về.

Ai nấy gượng cười cho vui lòng ông sắp nhưng trong thâm tâm vẫn chẳng khỏi nghi ngại sẽ có điều báo ứng chờ chẳng không.

Quả nhiên, khi ai nấy đã xuống tàu, viên chỉ huy còn đứng đĩnh ở lại sau, chưa kịp bước theo bỗng sút tay làm rớt trái lựu đạn xuống đất.

Ầm !

Viên chỉ huy nằm lăn dưới đất, văng mất một cánh tay, mảnh lựu đạn ghim đầy mình, máu tuôn đầm bình phục.

Điều khéo tuyệt, chỉ một viên chỉ huy ấy thọ hại mà thôi, toán binh lính đều an nhiên vô sự. Giá mà ông ta cùng bước xuống tàu rồi trái lựu đạn mới nổ, ắt là đa số phải nguy đến tánh mạng. Phải chăng ông Điều Bát linh thiêng chỉ trừng phạt riêng kẻ đã ngạo mạn nên mới khiến xui ra như thế ?

Chúng tôi sẽ dĩ ghi lại mẩu chuyện trên, để nói lên một huyền thoại về oai linh của ông Điều Bát Nguyễn Văn Tôn, do đó phần lớn đồng bào Trà Ôn Cần Thơ đã sùng kính lăng ông không kém gì lăng ông Bà Chiểu.

Từ năm 1937, lăng này đã được tái thiết theo lối cổ và mở rộng hơn xưa. Trải bao cuộc biến thiên, nhưng đồng bào dân chúng lúc nào cũng tin tưởng nơi ông không một ai dám thất lễ. Ngày thường cũng như ngày lễ tế, lăng ông tấp nập khách hành hương lễ bái, khói hương nghi ngút phụng thờ.

Mặc dầu vị võ quan này không phải người Việt, nhưng có công tại Cần Thơ, được phong quyền cao chức trọng và sau khi chết. Sống vì tướng thác vì thần, nên chúng tôi nhắc lại

với tinh thần tôn cổ, nhớ đến công lao người xưa với tinh thần đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Miên.

CHUYỆN LẠ TRONG CƠN HẤP HỐI CỤ THỦ KHOA NGHĨA TỬ TRẦN VÀ THẦN CHỦ THỜ CỤ

Trong báo “Thế giới tân văn” số 21 ngày 27 - 11 36, ông Phan Văn Thiết có viết một bài “Cái chết của cụ thủ khoa Nghĩa” (do người em vợ cụ thủ khoa Nghĩa thuật lại) có nhiều điều đáng chú ý. Đại khái như sau :

Năm Nhâm Tuất 1872, sau tết Nguyên đán mấy hôm, ông huyện Côn ở Cần Thơ mời cụ thủ khoa xuống ăn giỗ. Người em vợ của cụ và một tên bạn chèo đưa cụ xuống thuyền đi Cần Thơ.

Tiệc xong, cụ kiếu về. Giữa đường mắc một trận mưa to. Đến nhà, cụ bị cảm nằm vùi. Cụ bà lo sợ sai người đi rước đến 4 vị Đông y sĩ chẩn mạch. Vì biết cụ cũng tinh thông y học, nên 4 vị Đông y sĩ nhất nhất đều có ý kiêng nể cụ mà hỏi ý kiến cụ trước về sự đầu thang. Cụ gất lên :

Quý ông nhận thấy thế nào thì cứ đầu thang, lo ngại nỗi gì.

Bốn vị Đông y sĩ ngồi lại bàn bạc cùng nhau, văn chương chữ nghĩa tranh luận vang rân. Cụ khê bảo người em vợ :

Ngấy ngà quá. Em với chị em dọn cơm nước mời các thầy ấy rồi đưa về. Chi cũng chẳng qua mạng trời, không có gì phải ngại.

Bệnh cụ xem ra càng ngày càng nặng, nhưng tinh thần cụ vẫn thường tỉnh táo.

Hôm sau, cụ gọi các học trò cụ mà bảo :

Hết canh ba đêm nay thì ta tắt nghỉ.

Các học trò cụ đều ngạc nhiên, có vẻ không tin lời cụ, vì thấy thần sắc cụ tươi tỉnh như thường.

Đúng Ngọ, cụ làm xung. Bấy giờ các học trò cụ và thân quyến mới giạt mình lo lắng, xúm nhau hơ vuốt cho cụ. Hơi thở của cụ chỉ còn thoi hóp

Đến xế chiều, cụ tỉnh lại, thần thái an nhiên như người vô sự. Cụ gọi các học trò :

Mấy anh lấy bút mực ra đây, chép lấy lời ta lưu niệm.

Các học trò thưa :

Thầy dặn bảo gì xin cứ nói, anh em chúng con sẽ xin ghi nhớ.

Cụ khoát tay :

Cứ đem bút mực ra ghi chép cho tiện.

Không ai dám nói gì nữa, vội vàng tuân theo ý cụ. Cụ bèn đọc hai câu :

“Lịch lịch đông bài tây chi, huyền trường trứ minh;

Phân phân uẩn kết châu liên, dữ tiên vi thể”.

Đọc xong. Cụ bảo :

Hãy giữ kỹ. Đừng để sai lạc chữ nào. Chừng ta thác rồi, nhờ bậc túc học coi theo ý đó mà để bài châm thờ ta.

Các học trò đều xin vâng. Cụ lại nói :

Hồi trưa này, lúc ta mệt làm xung, có một vì sao nhểu ngay nóc nhà, nhưng ban ngày không ai để ý tới. Đó là các vị tiên trên trời rước ta đi đánh cờ. Số ta hết rồi, canh ba này thì

mất. Các người hãy coi chừng, trồng mọc cho ta hay.

Dặn bảo xong, cụ nằm thêm thiếp. Lâu lâu hỏi chừng trắng. Các môn sinh ở bên cạnh hầu cụ.

Trắng đã lên cao. Các môn sinh thưa :

Thưa thầy trắng đã mọc.

Cụ nói :

Thôi ta đi đi

Đoạn cụ tắt hơi. Cụ bà quản linh cữu ba tháng. Đám táng cụ, các quan chức ở Cần Thơ đều có đến đưa trọng thể.

Cái chết của cụ thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, do miệng người em vợ cụ thuật lại như thế, mà ông Phan Văn Thiết đã tường thuật trên báo. Tin chẳng là quyền phán đoán của mọi người. Chúng tôi chép lại một huyền sử về cụ thủ khoa để lưu chút tài liệu. Và dưới đây là bài thơ của thầy để làm bài châm thờ cụ :

*Thịnh danh cử vĩ đạt đơn tri,
Khôi thủ văn chương hải nội tri
Ngọa bịnh du thần do chuyển huyệt,
Lâm chung di bút thượng ngâm thi.
Kỵ kình quý khứ huỳnh vân dạng
Quá hạc lai thời thanh thảo bi.
Trung thổ tri âm giai tái mịch
Nghĩ dung chỉ xích vĩnh tương ly.*

Tại chùa Minh Sư ở Bình Thủy có hai cái thần chủ thờ cụ; một cái của sư Long Khê (học trò giỏi nhất của cụ) để kế bên tượng Hộ pháp, một cái để theo bàn thờ các người trong đạo,

Nguyên thần chủ ấy của con cụ thờ. Đến sau, người

con nghèo khó mới đem gởi vô chùa. Thần chủ của sư Long Khê thờ cụ thì sơn son thếp vàng, đề chữ : “ Ất vị giải nguyên, húy Nghĩa, cố tiên sinh chi thần chủ”. Thần chủ của con cụ thờ thì ngoài có lồng kiếng trong một cái vỏ sơn đen chụp lên chữ. Thần chủ làm bằng hai miếng ván đứng, cắm trên một cái chân vuông, miếng ván trước sơn trắng, đề : “Hiến khảo Ất vị giải nguyên hiệu Nghi chi, phủ quân thần chủ”. Phía dưới bên tả đề : “Niên canh Đinh Mão (1807) tốt ư Nhâm Thân (1872) niên, chánh ngoạt Nhị thập nhất nhật tứ thời, thọ lục thập thất tuế”. Nghĩa : sanh năm Đinh Mão (1807), chết năm Nhâm Thân (1872) tháng giêng, ngày 21, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Do theo mấy chữ đề trên thần chủ, nói về tuổi tác cụ thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, trong “Tri tân” số 101, ông Trực thần nhân đó bảo rằng : “Tính theo ta thì 66 tuổi, tính theo tây thì 65 tuổi. Ở thần chủ đề 67 tuổi, e có chỗ sai”.

Tiếp theo đó, trong “Tri tân” số 173 ngày 4 - 1 - 65, ông Lê Thọ Xuân hiến thêm cho bạn đọc những điều bổ ích.

Không ! Theo chỗ biết của tôi thì không phải người viết tính sai mà thật là cố ý. “

Trước hết có phép đánh hơi khá là phép tìm 12 chỗ trên mình rồng (thập nhị huỳnh long chưởng pháp). Theo phép này thì lấy năm chết rồi “nam thuận nữ nghịch” đánh tới năm sanh. Cụ thủ khoa chết năm Nhâm Thân thì “Thân Tý Thìn” và đánh tới năm Mão (năm sanh), thành ra cụ nằm tại “ruột ông rồng vàng” (gặp chữ trưởng là ruột) rồi có câu thơ “Phúc trường hốt kiến ngộ quân vương” Thế là cụ thủ khoa qua đời năm Thân khá gọi là tốt nên để cụ “thọ lục thập lục tuế” cho

đúng. Nhưng người ta ít biết phép này, cái phép chỉ cần rõ năm tử, năm sanh, mà không cần rõ số tuổi. Người ta thường biết phép “Huỳnh long thệ thế” (có người gọi là Huỳnh long tế thế), cái phép cần phải rõ số tuổi và tính theo bát quái : cần, khảm,坎, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

Rõ tuổi cụ thủ khoa rồi, nam khởi坎, nữ khởi khôn, thành ra cụ chết nhằm cung ly. Có bản chép “Tốn ly lợi khẩu tử tôn bản” hoặc : “Ly phùng lộ khẩu tử tôn bản”. Vì sợ cái cung Ly làm cho con cháu nghèo, nên chắc chắn là trong lòng triệu của cụ thủ khoa) không có hài năm sanh và năm tử mà hài số tuổi) chỉ để : Hưởng thọ lục thập thất tuế. Nghĩa là cố ý xin thêm một tuổi với trời hay tính thêm một tuổi trong thai, để tính thành cụ chết nhằm cung khôn, một cung rất tốt. Vì sách chép : “Khôn ngộ quý quan phùng quý chức” hoặc : “Khôn ngộ quý công đắc quý nhân !”

...Và điều chắc chắn hơn hết là người viết cố ý muốn che đậy miệng thế gian, tức là muốn tránh lời xấu lời xàm của những kẻ biết phép “Huỳnh long thệ thế”, lại thiếu giáo dục, hễ đến đám xác hay thấy lá triệu là lật tay “đánh toán” trước mặt mọi người để khoe tài khoe giỏi, nên theo lối thông thường là gia thêm một năm, chớ sanh Đinh Mão(1807) tử Nhâm Thân (1872), cụ thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa rõ đúng 66 tuổi.

MỘT CÁI CHẾT HI HỮU NUỐT VÀNG TỰ TỬ

Việc đời, cảnh nào nùng nhất không gì qua cảnh anh hùng mặt lộ ! Dòng họ Mạc lưng lầy thanh danh một cõi Hà

Tiên, từ Mạc Cửu dựng gậy, đến Mạc Tông (tức Mạc Thiên Tứ (hay Thiên Tích) nổi nghiệp, và đến các con của Thiên Tứ thừa hưởng rân tác biết bao, oai nghi lắm liệt là dường nào. Thế mà đến lúc hết thời, sự sụp đổ thật đau thương tột độ.

Nổi nghiệp cha trấn giữ Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ có thừa tài kinh luân, đặt cơ nghiệp vững an như bàn thạch. Thọ nhận chức Đô đốc của triều đình, nhưng kỳ thật đối với sự nghiệp hùng vĩ đã dựng nên, Thiên Tứ nghiêm nhiên như vị phó vương một tiểu quốc, một ông vua không mào, có trọn quyền hành động, nơi tiểu quốc Hà Tiên và luôn cả 4 huyện mới khai thác nơi miền Tây là Trấn Di (Bạc Liêu), Trấn Giang (Cần Thơ), Long Xuyên (Cà Mau) và Kiên Giang (Rạch Giá).

Tuy nhiên cuộc đời dinh hự tiểu trưởng xưa nay vẫn là lẽ tuần hoàn bất di bất dịch trong vũ trụ. Có đầy thì phải có vơi, có lớn lên thì rồi vẫn phải có tiêu tán mất đi. Cho nên bậc đạt quan hăng giữ mực thường, ung dung trong mọi cảnh ngộ, thì mới khỏi phải điên đảo tâm hồn trong những cơn thịnh suy bi thời được.

Họ Mạc hưng thịnh thật là nhanh chóng, người thường thấy thế ai chẳng khen ngợi thêm thuồng những sự vinh hoa phú quý kia. Nhưng có biết đâu rằng : Bạo phát thì bạo tàn. Hễ đến hồi cực thịnh rồi, ắt sẽ phải suy dần, nhất là nếu không khéo tu tỉnh giác ngộ lẽ dinh hự tiểu trưởng, thì không sao giữ bền cơ nghiệp được mãi đâu, và sự sụp đổ không sao tránh thoát.

Giai đoạn suy đồi của họ Mạc, bắt đầu từ năm Nhâm

Thìn 1772, khi quân Xiêm kéo sang đánh phá Hà Tiên dữ dội, khiến Mạc Thiên Tứ phải chạy sang Trấn Giang (Cần Thơ).

Đinh Dậu 1777, Thiên Tứ phải đau lòng về cái chết của con là Mạc Tử Sanh đã hy sinh cho chúa Nguyễn trong trận đánh nhau với Tây Sơn mãnh liệt nơi vùng gọi là Tham Tướng ở Cần Thơ bây giờ. Oai thế Tây Sơn lầy lừng, chúa Nguyễn Phúc Thuần với cháu là Nguyễn Phúc Ánh và người trong hoàng tộc là Nguyễn Phúc Đồng phải chạy tuốt xuống Cà Mau. Tây Sơn đuổi nà theo. Tại Cà Mau Nguyễn Phúc Đồng bị chết, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần bị quân Tây Sơn bắt sống. Nguyễn Ánh lên thay nắm binh quyền, chạy sang lưu vong bên Vọng Các (Thái Lan). Mạc Thiên Tứ ở trong cảnh thất thế cũng phải chạy sang Xiêm nương náu. Cùng đi với gia quyến Thiên Tứ có hoàng tử Xuân, con thứ 17 của chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát.

Chẳng bao lâu chúa Nguyễn Ánh khôi phục được thành Gia Định, sai người sang Xiêm triệu Thiên Tứ trở về. Thiên Tứ vào triều kiến vua Xiêm, cảm ơn hậu đãi bấy lâu và tỏ ý xin về. Vua Xiêm nghiêm nghị :

Người có chắc rằng chúa Nguyễn thật lòng ưu ái người chẳng ? Trong cơn nguy biến người đã bỏ nước mà đi, chưa lập chút công lao gì, nay nghe thắng trận gọi về, người chẳng sợ bị chúa Nguyễn chê trách và các tướng ganh ghét sao ?

Mạc Thiên Tứ dùng dằng chưa biết liệu lẽ nào. Còn đang ưu tư, bỗng thấy nội giám của vua Xiêm đến mời :

Có việc khẩn cấp, hoàng thượng cho triệu ông gấp.
Thiên Tứ lật đật vào chầu. Vua Xiêm gay gắt :

Người có hay chuyện gì chăng ?

Thiên Tứ ngơ ngác :

Tâu hoàng thượng, chuyện chi ?

Vua Xiêm cười gằn :

Ta xem ra chúa nước người không thành thật giao hảo với nước ta. Vừa rồi. Thuyền buôn của nước ta từ Quảng Đông về qua ngang Hà Tiên, bị cướp sạch cả. Vì sao thế ?

Thiên Tứ lộ vẻ buồn :

Hắn là đám côn đồ nào đấy không biết gì đến tình hình quốc gia, nên đã xúc phạm cần rõ như thế, thật là đáng tiếc. Chúa tôi chẳng bao giờ dung dưỡng lũ cướp ấy đâu, sớm muộn gì ắt cũng sẽ bắt mà trừng trị, giao hoàn tài vật lại cho các tài gia kia chớ chẳng không.

Vua Xiêm cười nhạt, có vẻ không tin. Mặc cho Thiên Tứ biện bạch cách nào, vua Xiêm vẫn một mực lắc đầu :

Thôi người hãy lui đi. Để rồi xem.

Sự nghi ngờ đã chớm nở trong lòng vua Xiêm. Mặc Thiên Tứ bâng hoàng lo âu khôn xiết. Bao nhiêu lời biện bạch đều bị gạt ngang, thế thì vua Xiêm đã tỏ ra không tin nhiệm ông nữa, tình thế này nếu không sớm liệu rời nước Xiêm cho sớm, ắt không khỏi nguy đến tính mạng. Nhưng đi cách nào cho ổn ? Ông còn đang bối rối lo liệu, bỗng thấy một toán ngự lâm quân kéo đến. Viên chỉ huy đồng dặc bảo ông :

Phụng mạng Quốc Vương, chúng tôi đến bắt ông.

Thiên Tứ sống sờ:

Về tội gì ?

Đại sự quốc gia. Đến đây thì ông sẽ biết. Chúng tôi chỉ tuân lệnh mà thi hành.

Ông bị bắt giải đi. Hoàng Tử Xuân, Mạc Tử Dung và rất đông nhân vật đã từng theo ông đều bị bắt cả.

Té ra có một người Xiêm từ Cao Miên về, dâng lên vua Xiêm một bức thư quan hệ, bắt được trong mình một binh sĩ Việt tên Thuận, tại Thạch Kiều. Thư gửi cho Mạc Thiên Tứ, đại ý sắp đặt cơ mưu khiến Thiên Tứ làm nội ứng để đánh lấy thành Vọng Các.

Oan hay ứng cho họ Mạc ? Thật là một bức thư tai hại. Thiên Tứ cực lực phủ nhận tội trạng. Triều đình Xiêm xôn xao bàn luận. Từ lâu vua Xiêm đã ngờ vực Thiên Tứ, nên nay cứ vịn vào đó mà thẳng tay trừng trị.

Vua Xiêm liền xuống lệnh tra tấn Hoàng Tử Xuân và Mạc Tử Dung, cả hai chịu không thấu với sự tra tấn dã man, gào thét phẫn uất, nguyên rửa phừng gian ác. Chúng thấy thế càng dùng cực hình tra khảo. Cuối cùng, Hoàng Tử Xuân khai bừa :

Chúng bay đã nằng nặc quyết một buộc tội, thì cứ làm tội giết ta đi. Ở đây, chính ta đã mưu toan đánh chiếm thành Vọng Các.

Chúng liền tra khảo Tử Dung :

Đồng bọn của bay đã khai rồi đó, còn mi to gan đến bậc nào cho biết. Mau khai ngay khỏi nát thịt tan xương.

Tử Dung nạt :

Cha con ta từ bao lâu nay hằng giữ lòng ngay thẳng, há có tà vọng chi mà mang lấy tội tình cay nghiệt chớ ? Lũ bay tàn ác rắp toan hại người, hãy cứ giết ta đi, cha con ta chẳng có tội gì mà phải khai.

Trước sau một mực Tử Dung cứ rằng chịu khổ hình, phủ nhận tội hình, rắn rỏi bảo chúng :

Ta nay lâm nạn, lòng ngay dạ thẳng chỉ có một chết mà thôi. Ai trung liệt, ai gian tà, tự có đất trời chứng chiếu. Không làm gì hơn được, chúng phụng mạng vua Xiêm hạ sát Mạc Tử Dung chẳng chút thương tiếc.

Hay tin con đã bị giết, Mạc Thiên Tứ kêu trời một tiếng, nước mắt tuôn dầm. Thật là họa vô đơn chí. Ngẫm mình nay tuổi đã 70 lại chẳng may vướng điều oan nghiệt thảm khốc, Thiên Tứ bèn lấy vàng nén, vàng lá nuốt vào bụng cho đến tắt thở.

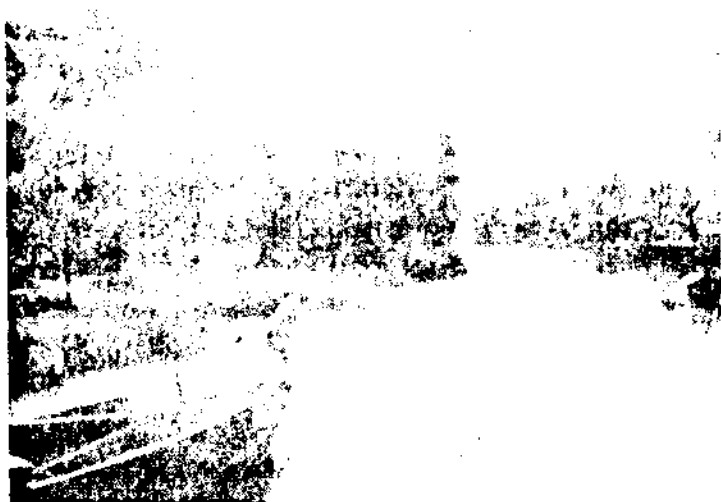
Vua Xiêm lại truyền đem các con cháu ông và 17 người tùy tùng, tất cả 53 người đều chém cả. Duy có 3 người con của hầu thiếp ông và 4 người cháu nội được một vài người Xiêm xin làm con nuôi nên thoát chết.

Nuốt vàng tự tử phải chăng Thiên Tứ muốn nói lên nhẩn cùng muôn thuở : lòng ông tinh thuần như vàng ròng, dù lửa đời trui đốt thế nào cũng không biến sắc được ? Hoặc giả, phải chăng ông muốn cảnh cáo người : vàng bạc đến rồi không phải là phương tiện mưu cầu hạnh phúc niên viễn ?

Người đã có công khai thác vùng đất Cần Thơ, thương

ôi ! gặp cảnh nào lòng trong chuỗi ngày tàn bóng xế, chúng
tôi ghi chép lại thiên thảm sử, gọi chút lòng thành tồn cổ.

RẠCH CÁI NAI



*Con rạch này trước kia có cặp Sóng thần thường xuất
hiện, đồng bào dân chúng nhiều lần chứng kiến hiện tượng kỳ
 lạ ấy.*

CẶP SÓNG THẦN NƠI RẠCH CÁI NAI

Cách đây lâu năm, tại rạch Cái Nai cách thị trấn Cần

Thơ độ 5 cây số, thường có cặp sóng thần xuất hiện. Đồng bào quanh vùng thường chứng kiến hiện tượng sóng thần dậy lên, không ngớt xôn xao bàn tán.

Đang trưa, hoặc lúc xế chiều, quanh cảnh vắng lặng. Bầu trời trong trẻo không gợn chút áng mây mù nào, bỗng dưng người ta nghe trên lòng rạch gờn gợn âm ba sóng dậy. Hiện tượng gì thế ? Nào có gió to, mưa lớn chi đâu, sao đất trời lại chuyển động bất ngờ ? Những nhà quanh vùng, người người đều hiếu kỳ, trông ngóng ra phía rạch, nhìn xem hiện tượng lạ kỳ sắp xảy ra.

Lòng rạch xoáy động. Mặt nước rung rinh, từng phút từng chuyển mình dữ dội. Muôn người như một không ai nghe âm thanh rừng rợn như tiếng thác đổ, tiếng muôn quân hò hét giữa trùng khơi. Rồi thì người người chứng kiến cặp sóng thần nổi lên cao độ một thước, chạy từ đầu rạch này đến đầu rạch khác bủa vùi trắng xóa.

Sóng thần dậy ! Sóng thần dậy !

Ghê thật !

Oan hồn của các đấng trung thần nghĩa sĩ nào đó chẳng ! Hay là niềm phẫn uất của muôn binh ngàn tướng một thuở xưa nào, mà nay còn vương vất hận không nguôi ? !

Thiên hạ không ngớt bàn tán chung quanh hiện tượng khác thường, hiếm có. Người có học, không chấp nhận những giả thuyết dị đoan, lấy mắt khoa học mà giải thích. Nhưng vì từ xưa đến bây giờ, sông nước Cần Thơ vẫn yên lành, chớ đừng nói chi là con rạch nhỏ, lấy đâu ra sóng to đường ấy khi mà chẳng hề có sự giận dữ của đất trời trong cơn mưa cuồng gió loạn, để báo hiệu sóng nước sẽ phải nhấn mảy cau mặt ì

âm gào thét như thế.

Mỗi lần cặp sóng thần nổi lên, vô phúc cho những ghe thuyền nào đậu quanh đấy, hoặc vừa qua tới đó, không sao thoát khỏi cảnh hãi hùng bập bênh trên lượn sóng, để rồi cuối cùng bị nhận chìm thê thảm. Nhưng khéo thay ! cảnh tượng chết chóc nào nùng ấy không mấy khi diễn ra. Điểm đặc biệt của sóng thần không gieo thảm họa gì. Truyền thuyết này làm người ta nhớ lại trên đất nước này, ở nhiều nơi vẫn thường có truyền thuyết sóng thần. Nào cửa bể Thần Phù, cửa biển Đại Ác, Đại An, sóng thần từng để tiếng trong lịch sử.

*"Lênh dên qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm"*

Sóng to, sóng thần xuất hiện trên biển cả, đành rằng chuyện rất thường, không mấy ai cho là lạ lắm. Duy trên sông rạch mà có sóng thần, thì mới là điều không sao khỏi khiến thiên hạ xôn xao. Rạch Cá Nai có sóng thần khiến những ai biết chuyện đều liên tưởng đến sóng thần từng cơn nổi dậy ở khúc vàm sông bao ngược thuở trước.

Nguyên khoảng năm Ất Dậu (1705) quân đội ta và quân đội Chân Lạp (Cao Miên) xung đột cùng nhau. Bên phía Chân Lạp do Nặc Thâm điều khiển binh tướng. Phía chúa Nguyễn do Chánh thống Cai cơ Nguyễn Hữu Vân chỉ huy. Vùng chiến lược nằm trong khoảng Rạch Gầm (Định Tường). Đồi bên bố trí cuộc đụng độ nơi đó.

Bấy giờ, ông Mai Bá Hương, người làng Tân Hưng (Cái Quao Trà Vinh, làm chức Xá Lại, vâng lệnh quản đốc một đoàn thuyền chở lương thực. Bị quân Chân Lạp bao vây tại khúc sông làng Bình Ninh, liệu bề khó thoát, ông cương

quyết không để lương thực lọt vào tay quân giặc, liền ra lệnh đục thuyền, nhận chìm, rồi tự vận theo.

Tương truyền : sau khi ông mất, khoảng sông ấy thường nổi sóng thần. Người ta cho là oai linh của ông hiển hiện. Cụ Phan Thanh Giản có làm đôi câu đối về oai linh ấy :

“Nghĩa báo Nam thiên, cương thượng thường bồi cao tiết;

Khí hiềm Tây tặc, Giang tiền do khởi nộ ba”

Đồng Hồ dịch :

“Thờ vua hết dạ thẳng ngay,

Gò cao tiết nghĩa càng ngày càng cao ;

Hiềm xưa hận cũ tuôn dào,

Trước sông sóng giận ào ào chưa nguôi”

Xuyên qua đoạn sử về sóng thần ở vào Bao ngược ấy, thì cũng rất có thể cặp sóng thần ở rạch Cái Nai biết đâu chẳng phải là dư linh non nước phát tiết ra ? Cần Thơ xưa vẫn là bãi chiến trường từng cơn diễn biến hải hùng qua những hồi bình cách giữa quân ta với Chân Lạp, với quân Xiêm, với quân đội Pháp, bao nhiêu là anh hùng liệt sĩ hữu danh cũng như vô danh đã hy sinh xương máu ? Khí uất non sông bằng bạc khắp nơi, chung đúc nên cặp sóng thần kia, biểu dương oai linh tiền nhân đã hiện ngang bất khuất, dũng cảm đương đầu với mọi nghịch cảnh, thì gan cùng bão tố cuộc đời.

Cố nhiên cảm nghĩ như thế không hẳn là đúng. Nhưng thiết tưởng nhắc lại chuyện cặp sóng thần rạch Cái Nai với những cảm nghĩ đẹp để tưởng nhớ đến người xưa, âu cũng là niềm cảm thông với hồn nước, khích lệ nuôi nấng tinh thần quật khởi của giống nòi ta truyền thống tự muôn thu. Huống

chi, khi thiêng sông nước Tây Đô, có cặp sóng thần tô điểm thêm duyên dáng, càng tăng hào khí sĩ phu Tây Đô, chớ có sao.

CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ

Sau đây, chúng tôi xin cống hiến độc giả vài chuyện truyền kỳ về Cần Thơ xưa.

Đã đành rằng trong thời đại nguyên tử này, khoa học tiến bộ, mà nói chuyện thủy thần, cá yếu, sóng thần, e lỗi thời đi chăng, song, bên lề lịch sử có đã sử thì chuyện cổ tích truyền kỳ có lẽ cũng đem lại cho bạn đọc đôi phút vui vui, những lúc trà dư tửu hậu.

CẶP CÁ “VỒ CỜ”

Cách đây đã lâu, tại rạch Cái Tắc, làng Phú Lợi, gần cầu đúc Thạnh Xuân, có một cặp Cá Vồ to lớn dị thường.

Kêu là “cá Vồ Cờ”, vì chưng cái kỳ trên lưng nó cao quá, chống lên như ngọn cờ.

Ngày kia, có cha con ông chài vừa vãi chài xuống rạch bỗng trúng nhằm kỳ trên cặp cá và dính cứng như mắc lưới câu; cha con ông hoảng hồn buộc miệng lưới vô mũi ghe, cặp cá lôi chiếc thuyền chạy như đông, chẳng khác buồm bọc gió.

Cha con ông chài kêu trời, la làng inh ỏi, mõ ống đánh như nhái, dân làng tụ hai bên bờ sông đông đảo, song không ai tìm được phương pháp giúp ông chài.

Chập sau, có một lão nông nhấc lớn ông chài chặt sợi dây cột miệng lưới vô thuyền, hy sinh chiếc lưới; ông nghe

lời, dây đứt, thuyền ngừng lại được, cha con ông chèo vô bờ, phò mặc cặp cá lồi miệng chài đi đâu tùy ý.

Sau, có người Pháp bắn chết cặp cá ấy. Dân làng kéo cá lên, chặt khúc đem về kho ăn, trong bao tử cá họ tìm được nhiều vòng vàng, bông tai, chuỗi hạt.

GIẢI THOẠI TÌM HIỂU ĐỊA DANH BÌNH THỦY LONG TUYỀN

Bình Thủy cách thị trấn Cần Thơ 5 cây số, thuộc xã Long Tuyền, tổng Định Thới, quận Ô Môn.

Xã Long Tuyền có từ đời Hậu Lê, đến đời vua Gia Long năm thứ 15 (Bính Tý 1816), long cuộc trở ra, phong quan càng ngày càng xinh đẹp, nghiêm nhiên là một nơi hình thắng đáng kể.

Thuở xa xưa, làng Long Tuyền có tên là Bình Hưng, sau cải lại là Bình Phó. Hoa màu ruộng đất chưa được khai thác triệt để, dân cư thưa thớt. Nguồn nước chảy trong lành, trong lưu vực từ Cần Linh cho đến xã Thới Bình, sông sâu mà không có sóng to gió lớn.

Gặp cơn biến loạn, nhân dân ly tán, ruộng đất bỏ hoang. Bấy giờ ông Lê Thành Hiếu người ở Định Tường chạy giặc, đem vợ con đến đây trú ngụ tại ấp Hưng Hòa (nay là Bình Nhựt), mở mang đường sá, khai khẩn ruộng vườn. Đồng thời, ông Võ Văn Tựu cũng người Định Tường, đến trú ngụ nơi ấp Thới Hòa (nay là Bình Lạc). Dần dần hai ông đều khá lên, khai hoang lập ấp hẳn hoi. Ít lâu, ông Võ Văn Tựu gả con gái cho con trai ông Lê Thành Hiếu, đôi bên kết thông gia, càng thêm rân rạc.

Nhưng cơ trời vận chuyển, cuộc tang thương đeo đuổi mãi không thôi. Bỗng lại xảy cơn bão lụt, nhà cửa ruộng vườn tang tóc. Dân chúng lại lâm cảnh màn trời chiếu đất, tạm lánh đi nơi khác một thời gian nữa. Khá lâu mới phục hồi được cảnh sắc như cũ.

Đến đời Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý 1852), quan Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt ngồi thuyền đi tuần thú, vừa đến Cần Linh thì gặp phải trận cuồng phong nổi dậy. Ai nấy đều kinh hoàng.

Một viên hầu cận nhìn xem địa thế, khê bẩm :

Nơi khoảng xa xa kia có chỗ yên lặng cho thuyền đến đó núp gió ắt an toàn.

Cụ Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt nghe theo, truyền quân chèo thuyền đi ngay vào vàm rạch ấy.

Nhìn kỹ ngọn rạch yên lặng như mặt nước hồ thu, xem ra có long cuộc, cụ Tuần phủ bèn cho gọi dân quanh vùng đến gạn hỏi. Các vị bô lão đến ứng hầu rất đông. Cụ Tuần phủ nói:

Chỗ này cảnh vật lâu nay ra sao :

Các bô lão bẩm :

Ngọn rạch thường yên lặng, không hề có sóng to gió lớn. Hoa màu thịnh vượng. Dân lạc nghiệp an cư. Ấy cũng nhờ đức hoàng ân được thái bình.

Cụ Tuần phủ khen thăm địa thế như rồng nằm, nghiêm trang tuyên bố :

Nay ta nhờ theo dòng nước đến đây mà được bình yên vô sự. Vậy ta đặt tên cho chỗ này là Bình Thủy.

Cái tên Bình Thủy còn giữ đến ngày nay, xuất xứ từ

giai thoại trên đây.

Rồi đó, cụ Tuần phủ dâng sớ tâu, với triều đình, vua Tự Đức mới ban sắc phong thần cho đình Bình Thủy.

Đến năm Mậu Thân 1908, cảnh sắc Bình Thủy đã được tô điểm thêm, duyên dáng quyến rũ lòng du khách.

Vị Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận và Cai tổng Lê Văn Noãn khi ấy đều là người quê quán ở Bình Thủy, động niềm yêu quê hương tha thiết, càng gắng mưu sự tốt đẹp cho dân. Nào lo xây dựng đình thần mới, nào mở mang thêm chợ búa, đường sá. Hai ông lại cho mời đông đủ thân hào, nhân sĩ nhóm họp tại công sở, bàn việc đổi tên làng.

Trong bầu không khí nghiêm trang nhưng không thiếu vẻ thân mật nồng nàn, Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận lên tiếng :

Khi xưa, quan Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt vì nhận xét thấy địa thế này tốt đẹp, yên lành, nên đã đặt cho một cái tên Bình Thủy. Đời càng văn vật thì phong khí càng mở mang ra thiết nghĩ chúng ta cũng nói lên tấm lòng yêu quý mảnh đất quê hương của chúng ta, đánh dấu thêm một đoạn đường đã trải qua. Các ông nghĩ sao ?

Ái nấy đều tán thành ý kiến hay. Quan Tri phủ nói tiếp :

Cuộc đất của chúng ta đang ở rất tốt. Con rạch thì nguồn nước chảy uốn khúc như rồng nằm, miệng ngậm trái châu là cồn án ngang rạch. Lại có bốn chân : hai chân trước là hình thế rạch Ngã tư lớn và Ngã tư bé ngang nhau; hai chân sau là rạch Miếu Ông và rạch Cả Tắc ngang nhau. Cái đuôi uốn khúc nằm vắt qua làng Giai Xuân. Địa hình địa cuộc đã trở ra như thế, tôi muốn đặt tên lại là Long Tuyền. Quý chức

đồng ý chẳng ?

Cai tổng Lê Văn Noãn nổi lời phát biểu ý kiến :

Hai chữ Long Tuyền thật đầy đủ ý vị. Nhưng hai chữ Bình Thủy cũng khá hay. Ý tôi muốn giữ lại cái tên Bình Thủy cho chợ này, vì dùng hai chữ Long Tuyền để chỉ toàn xã thì chẳng gì bằng.

Mọi người đều vỗ tay khen vang dậy. Sau cuộc luận bàn. Một mặt quan Tri phủ thông tri cho các xã, các ấp đều biết việc đổi tên làng, một mặt họp cùng thân hào nhân sĩ chung lo kiến thiết vùng đất thân yêu. Nhất là việc xây cất đình Bình Thủy, góp công góp của đáng kể có ông huyện La Xuân Thanh và con là La Thành Cơ, bà Đặng Thị Viêt. Thân mẫu của ông hương cả Nguyễn Doãn Cung thì hiến đất cất đình.

Đang lúc cuộc chỉnh trang Bình Thủy – Long Tuyền xúc tiến tốt đẹp, bỗng đứng quan Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận qua đời trong năm Giáp Thìn 1904. Tuy nhiên, ý kiến ông về việc đặt tên làng là Long Tuyền, đến nay địa danh Bình Thủy – Long Tuyền vẫn còn ghi tạc.

HUYỆN VĂN – HUYỆN VÕ HAI DANH TỪ THÚ VỊ TRONG TỈNH CẦN THƠ XƯA

Non trăm năm trước, đồng bào tỉnh Cần Thơ truyền tụng hai danh từ Huyện Văn, Huyện Võ. Thoạt nghe hẳn ai cũng nghĩ rằng đó là hai huyện nào trong vùng tỉnh Cần Thơ, nếu bảo rằng đó là hai địa danh thì không đúng lắm, vì thật ra đó là hai nhân vật đã đi vào lịch sử, tên tuổi bia truyền nơi

miệng đồng bào trong các vùng mà hai nhân vật ấy đã đi qua.

Thế thì sự tích Huyện Văn, Huyện Võ ra sao ? Lâu nay chúng tôi hằng nghe truyền khẩu từ hai danh từ ấy, nhưng xem lại lịch sử thì chẳng thấy ghi chép gì rõ ràng. Nay bắt tay vào soạn quyển sách này, nếu không tìm hiểu hai danh từ ấy là một điều thiếu sót cho việc sưu tầm, lòng không yên. Mà đi dò hỏi các bô lão quanh vùng, thì nhiều cụ vẫn bảo rằng quả có câu chuyện Huyện Văn, Huyện Võ. Sự thật thế nào, mai sau hãn nhà sử học minh định, âu là chúng tôi cứ theo sự truyền khẩu mà thuật lại, ghi chút dấu vết để người sau tiện bề khảo cứu sâu xa hơn.

Tương truyền : Lúc 3 tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân đội Pháp, trong nước dấy lên nhiều cuộc nhân dân khởi nghĩa chống xâm lăng. Ngoài những cuộc khởi nghĩa nổi tiếng của Đoàn Công Bửu, Nguyễn Xuân Phụng ở Trà Vinh, Vĩnh Long, đức cố Quận Trăn Văn Thành ở An Giang, Đinh Sâm tại Phong Dinh v.v.. còn có hai nhóm nghĩa quân có sắc thái gần như tổ chức Thiên địa hội của Trung Hoa. Hai nhóm này biệt lập, không liên quan chi với các nhóm nghĩa quân khác. Địa bàn hoạt động của họ ở trong vùng Cần Thơ – Vĩnh Long – Trà Vinh. Mỗi nhóm có một hiệu cờ riêng. Một nhóm cờ xanh, một nhóm cờ vàng (gọi trại là Kèo Vàng, Kèo Xanh).

Điều nên biết, khi xưa ở Bạc Liêu vẫn có hai nhóm Thiên Địa Hội, cũng có màu cờ như thế. Phải chăng đây là dư đảng của Thiên Địa Hội Bạc Liêu dấy lên tụ đảng nơi vùng Cần Thơ, dưới chiêu bài khác ?

Lại nữa, khi chống Pháp, ngoài Trung Bắc vẫn có những

nhóm cờ này, cờ trắng, cờ đen v.v... của các tướng Hoàng Sùng Anh, Bàn Văn Nhị, Lưu Vĩnh Phúc v.v... Phải chăng dư đảng ấy cũng có mặt trong Nam ?

Hai nhóm Kèo Vàng, Kèo Xanh bấy giờ hoạt động mạnh ở miền Tây, thu nhận đảng viên, tổ chức lan rộng khắp chốn. Đặc biệt khi cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm bị đàn áp ở vùng Láng Hầm (nay là Ba Láng), Trà Niềng (thuộc xã Nhơn Ái), nhóm Kèo Vàng và Kèo Xanh tiếp nối xách động quần chúng trong vùng ấy. Trụ sở của họ đặt ở miệt Rạch Gòi, xã Thạnh Xuân (nay thuộc quận Phụng Hiệp).

Tuy nhiên, vì hai nhóm không đoàn kết, có sự chia rẽ, lại đua nhau tranh giành ảnh hưởng, dùng uy tín mà lôi kéo dân chúng về phía mình, gây nên tình trạng rối ren bất ổn. Sự bất đồng của họ làm dao động trong quần chúng, xích mích đôi khi làm đổ máu nhau khiến dân chúng quanh vùng phải điêu đứng với cảnh nổi da xáo thịt.

Chánh quyền thực dân tìm cách đối phó. Đầu tiên, chúng xua quân đội bố ráp đàn áp thẳng tay, chúng mượn tay người Việt để đàn áp người Việt, phái hai viên quan người Việt tin cẩn của chúng, đưa vào vùng ấy để lập lại trật tự an ninh. Một người về văn, coi sóc việc hành chánh, một người về võ đảm nhận nhiệm vụ nội an, canh phòng bố trí cẩn mật. Hai viên quan văn võ lợi dụng sự bất đồng của hai nhóm Kèo Vàng, Kèo Xanh, một mặt tuyên truyền kêu gọi dân chúng trở về với sự săn sóc của chánh quyền, một mặt tung lực lượng đàn áp những cơ sở chánh của hai nhóm ấy.

Dần dần hai nhóm bị tiêu hao lực lượng, lại sanh ra làm bậy, làm xằng, khiến dân chúng chán ngán không tin tưởng

nơi họ nữa. Do đó, hai viên ấy thành công trong việc bình định.

Để tưởng thưởng, chánh phủ Bảo hộ ban chức huyện hàm cho hai viên quan văn võ ấy. Dân chúng kiêng nể oai thế hai ông, gọi hai ông là "Huyện Văn" (ông huyện coi về việc văn trị, hành chánh) và "Huyện Võ" (ông huyện coi về võ trị nội an). Rồi gọi rộng ra, khắp vùng do hai ông trấn nhậm, cũng gọi là vùng Huyện Văn, Huyện Võ. Lâu ngày thành danh, hễ nói đến Huyện Văn, Huyện Võ thì ai cũng biết câu chuyện ấy đã được lưu truyền cả miền Hậu Giang, mỗi khi người dân Cần Thơ đến một tỉnh khác cư ngụ, thì đồng bào địa phương ấy gọi là trai Hai Huyện.

Trong quyển "Bạc Liêu xưa", chúng tôi có mô tả một câu chuyện bằng thi văn của cô gái Bạc Liêu năm xưa yêu người trai Hai Huyện, cô nói lên với tấm lòng tha thiết chân thành, chúng tôi trích ra đây đôi đoạn để chứng minh danh từ Hai Huyện được phổ biến sâu rộng trong dân gian.

Đây là những vần thơ của cô gái năm xưa nhan đề :

MONG TRAI HAI HUYỆN

*Em yêu anh người trai Hai Huyện,
Em mong anh bước tới gia đình.
Tiệc tân hôn em dọn đồ hải sản,
Hào, mực, sò, tôm lụi, rùa, cua.
Nào cua kinh Giá Rai rạch béo,
Nào yến sào Đá Bạc Chơn Qui
Đền tân hôn sắp U Minh sẵn có,*

*Em hồi môn bằng chiếu đẹp Cà Mau.
Đón U mình tiết đông sưởi ấm.
Đất Tân Bằng củi đun than hồng.
Trăm năm em giữ chữ đồng,
Bố kinh ven phận chỉ hồng xe săn.
Gái Bạc Liêu hiền lành chất phác
Gìn một lòng son sắt không phai
Vẽ rồng thêu phượng mặc ai
Thề không một mặt dạ hai với chồng.*

Những câu thơ trên đầu biểu trưng tấm lòng chất phác của một cô gái thật thà, không ngần ngại giới thiệu những thổ vật xứ cô đã có cùng với chàng trai Hai Huyện qua bao lời sắt đá, một dạ một lòng trăm năm chung thủy.

Sở dĩ có danh từ Hai Huyện xuất xứ tại Cần Thơ nên mới có câu chuyện như thế này, âu cũng là sự khích lệ cho những ai có tinh thần tìm hiểu đến quê hương của mình.

GIANG SAN SÁU THANH VANG BÓNG MỘT THỜI CỦA VUA XE ĐÒ CẦN THƠ

Khoảng giữa đường từ bến “Bắc” Cần Thơ vào bến xe mới sau này, mấy năm trước đây còn một cây cầu sắt mang tên là cầu Sáu Thanh. Vì khoảng đất nơi bến “Bắc” là nơi biệt thự của Sáu Thanh. Cầu Sáu Thanh nay đã dỡ bỏ, khoảng rạch lấp bằng biến thành con đường rộng thênh thang, cũng như tên tuổi Sáu Thanh cơ hồ như đã vùi trong quên lãng người đời sau khi thời oanh liệt cáo chung.

Mấy mươi năm trước đây, miệt Cái Răng – Cần Thơ –

Bình Thủy là giang san của Sáu Thanh ngự trị. Vốn con nhà tử tế giàu có ở Rạch Giá, Sáu Thanh có tướng mạo nho nhã phong lưu, dáng dấp người nghệ sĩ. Đôi mắt sáng quắc chứng tỏ con người thông minh, khôn ngoan lanh lợi.

Có lẽ vì cậy ở sự khôn ngoan lanh lợi, Sáu Thanh đến lập nghiệp ở Cần Thơ, hai bàn tay trắng mà gây dựng cơ đồ to tát. Học đòi Đơn Hùng Tín thuở xưa, dưới tay Sáu Thanh vô số em út thù phụng.

Trên phương diện cạnh tranh kinh doanh, Sáu Thanh rất giàu thủ đoạn đàn áp đối phương mình, giành lấy mọi phần thắng lợi. Đương thời Sáu Thanh lừng lẫy, nhân viên công lực gần như đã bị mua chuộc hết, vì đối với sự xã giao, Sáu Thanh rất kính cẩn, khôn khéo. Đối với bạn hữu, Sáu Thanh cũng tỏ ra hào hiệp, không hề có tâm trạng chơi xấu, nên cũng được cảm tình của nhiều người. Những em út nào làm bậy, Sáu Thanh không ngần ngại trừng trị thẳng tay. Trái lại kẻ nào xác láo, cậy thế ỷ quyền, Sáu Thanh cho em út ra tay thanh toán, không chút nao núng.

Chuyện làm nổi nhất của Sáu Thanh là giới xe đồ. Nắm bến xe đồ Cần Thơ trong tay, Sáu Thanh mặc tình thao túng, đã là vua xe đồ, Sáu Thanh một mặt đàn áp các chủ xe đồ khác, một mặt cho ra loạt xe mang hiệu “Vạn Lợi”, sơn màu đỏ chữ vàng, quyết tâm chiếm độc quyền ngành chuyên chở hành khách miền Tây.

Vì Sáu Thanh muốn làm xếp sòng trong giới anh hùng mã thượng, nên bị một số đông người thù hận oán ghét. Và đã là tay giàu thủ đoạn, cố nhiên Sáu Thanh chẳng khỏi có nhiều điều tác tệ, coi thường pháp luật, khiến có sự kêu rêu ta thán.

Thế rồi, việc thẩu đến tai những thông tin viên báo chí thủ đô. Ký giả Lê Trung Nghĩa, bút hiệu Việt Nam, là một cây bút thẳng thắn vô tư, đang cộng sự với tờ "Đông Dương Mới" (L'Indochine nouvelle) của ông Hoàng Nhữ Nam, liền xuống Cần Thơ săn tin tức, thẩu thập tài liệu, viết thiên phóng sự điều tra đăng tải trên báo.

Dư luận thủ đô chấn động. Dân chúng Tây Thành xôn xao.

Đem thân vào hang cọp, làm rúng động nhà cầm quyền bấy lâu đã có ý a tòng che chở Sáu Thanh, cái gan của ký giả Lê Trung Nghĩa ai không thán phục ? Đáng ca ngợi hơn nữa, sau đó họ Lê còn lên xuống đôi ba lần để thẩu thập thêm tài liệu bổ túc, bất chấp mọi sự nguy nan.

Thấy chuyện làm ăn đổ bể, Trưởng ty Cảnh sát lúc ấy là tên Robert, liền cho gọi Sáu Thanh đến sở mà bảo :

Người ta đã công khai tố cáo anh trên báo, liên can cả đến tôi. Anh đối phó cách nào ?

Sáu Thanh bình thản hỏi lại :

Ông có cách nào che chở cho tôi chẳng ?

Robert cười gằn nham hiểm, đập bàn :

Cách nào ? tất cả mọi việc đều đã phanh phui tùm lum. Hãy đi nhờ luật sư vào đơn trực tố thẳng đó về tội phỉ báng. Rồi sẽ hay.

Sáu Thanh nghe theo. Đồng thời cò Robert cũng đầu đơn trực tố Lê Trung Nghĩa.

Kết quả ký giả họ Lê bị đưa ra tòa, về tội phỉ báng mà

lãnh án 6 tháng tù ở.

Lê Trung Nghĩa bị bắt, bị ngồi tù, nhưng trong khoảng thời gian ấy báo chí thù đô vẫn tiếp tục đả kích Sáu Thanh và đồng bọn. Dư luận vẫn xôn xao hân tán.

Không thể dễ như thế được, cấp trên khiển trách cô Robert và thuyết chuyển gã về Sài Gòn cho cai quản bột quận nhất gần bến đò Thủ Thiêm. Và cũng từ ấy, Sáu Thanh dần dần hết thời oanh liệt và chết trong khoảng đời xuân xanh mới 35 tuổi !

Nhớ lại ngày tàn của những tay như vua cờ bạc Sáu Ngọ có cái tên tây là Paul Daron công tử Phước Georges v.v... nào có ra gì đâu. Sáu Ngọ trong thời oanh liệt tiền rừng bạc biển, cửa chìm cửa nổi vô số, nhưng đến ngày nhắm mắt chẳng có hòm chôn, chỉ có một manh chiếu bó xác ! Phước Georges khét tiếng trong buổi thiếu thời, nổi danh Bạch Công Tử xài tiền như nước, ngày tàn khổ sở nhờ đến tay bạn là Hoàng Phi ở chợ Gạo giúp đỡ cho đến ngày nhắm mắt. Sáu Thanh có hơn gì, ngày tàn mặc dầu cũng còn may mắn được chôn cất rình rang, nhưng tiếng nguyên rửa đã phải nghe đầy tai lúc hết thời và đem theo niềm hối hận xuống tận mồ.

Có người nói, lúc Sáu Thanh hấp hối, dặn bảo người nhà lấy sơn đỏ bôi mặt cho mình. Sơn mặt đi để làm gì khi đã chết rồi ? Người ta bảo rằng Sáu Thanh khiến tô mặt đỏ, để biểu lộ con người khí tiết anh hùng quân Tử. Nhưng phải chăng đó là điểm lương tâm còn sót trong ngày nhắm mắt ? Biết đâu thâm tâm Sáu Thanh còn có ý nghĩ khác nữa, lập dị đến cả

khi chết cũng như đã từng làm những việc khác đời lúc sanh thời ?

Dẫu sao, bài học Sáu Thanh vẫn quý giá cho những ai hay gỡ thủ đoạn mà chưa gặp lúc tỉnh ngộ ra.



NỮ THIÊN XẠ TÂY THÀNH

Nữ thiên xạ Cao Thị Hạnh đã từng hạ được nhiều mãnh hổ báo chí Thủ đô đã có lần ca ngợi biệt tài xạ thủ của cô.

NỮ THIÊN XẠ ĐẤT TÂY THÀNH TỪNG ĐƯỢC BÁO CHÍ THỦ ĐÔ NÓI ĐẾN

Quý du khách có dịp viếng Tây Đô, hẳn sẽ được nghe

nói đến những nhà tai mắt tâm tiếng của tỉnh này. Có thể nói nếu Bạc Liêu nổi danh với các ông Trần Minh Trạch, Chung Bá Khánh, Cao Triều Phát, thì Tây Đô cũng có những nhà doanh nghiệp đáng kể như Cao Văn Trọng, Trần Đất Nghĩa, Khương Bình Tịnh, v.v...Chúng tôi sẽ đề cập công nghiệp của quý ông Cao Văn Trọng, Trần Đất Nghĩa từng góp sức tô điểm tỉnh nhà qua các ngành sinh hoạt ở phần khác. Nơi đây, chỉ xin ghi lại nét kiêu hùng của một nữ thiện xạ, một đóa hoa hương sắc độc đáo của Tây Thành cách nay lâu năm, vốn người trong họ Cao Văn.

Ngược dòng thời gian mười năm về trước, nào có mấy bóng dáng trang đài các yêu kiều khoác y phục trang mã thượng hào hoa ? Ấy vậy mà Tây Đô ngày trước vẫn có một Cao Thị Hạnh từng mang súng dương đầu triệt hạ các loài mãnh thú cọp, voi, há chẳng là điều thú vị ?

Nay nhân bắt tay soạn thảo quyển “Cần Thơ xưa” trong chương trình sưu khảo; để lấy tài liệu chính xác hơn, chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với ông Cao Văn Hùng nơi biệt thự ông ở đường Lý Thường Kiệt, và được ông kể rõ về cô Cao Thị Hạnh, nguyên là cháu nội ông.

Cô Hạnh là con ông Cao Văn Trọng, con người hoạt bát, chí khí không kém bậc nam nhi. Cô thường theo cha trong những cuộc săn bắn nơi rừng Biên Hòa, Xuân Lộc. Chính tay cô đã hạ nhiều mãnh hổ, và có lần đã bắn chết mấy tên cướp tại quán Chứa Chan. Tài săn bắn của cô, một dạo đã được nhiều báo chí đề cao, cho là nữ thiện xạ ở Việt Nam.

Chúng tôi đã thấy tại biệt thự của ông Cao Văn Hùng nhiều bức ảnh cô chụp với xác mãnh hổ mà cô đã triệt hạ.

Chúng tôi tỏ ý muốn có một bức ảnh, để nói lên việc sưu tầm trưng thực hiện quý bạn đọc xem qua. Ông Cao Văn Hùng vui vẻ trao cho một bức, mà chúng tôi ghép bên đây.

Tưởng nên nói rõ, ông Cao Văn Hùng vốn là cựu Hội đồng tỉnh Phong Dinh. Năm 1966 ông đã 81 tuổi, niên kỷ cao mà con người quắc thước, hoạt bát. Trong cuộc hàn huyên, ông không ngần ngại kể qua nhiều công việc của tỉnh này thời xa xưa. Chúng tôi được biết ông là cháu ngoại cụ Tôn Thận Đức làm Tri huyện trấn An Giang, sau đổi về Long Hồ (Vĩnh Long), ít lâu thọ bệnh mất tại đây. Mộ cụ Tôn Thận Đức nay còn tại chợ Ngã Tư (Long Hồ), trong một miếng vườn rộng.

Bà Cao Văn Hùng, nữ danh Lê Thị Anh, năm 1966 79 tuổi, vẫn khương kiện, tận tâm phục vụ trong các công cuộc phước thiện, xã hội tại tỉnh nhà. Bà khuyến khích các phụ nữ tham gia mọi công tác từ thiện giúp đỡ, an ủi, xoa dịu sự đau khổ của kẻ bạc phước.

PHẦN THỨ TƯ

SINH HOẠT TÔN GIÁO

- * CẦN THƠ XUYỄN QUA CÁC GIÁO PHÁI**
- * TỔNG KẾT SỐ TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO TOÀN TỈNH**

SINH HOẠT TÔN GIÁO

Ở Á Đông về phương diện tín ngưỡng của đại đa số dân chúng Việt Nam, có tình thần tổng hợp liên kết các tình túy của nền văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Hồi Giáo, tạo nên tam giáo :

- Nho
- Thích
- Đạo

Kinh nghiệm cho biết hầu hết người Việt Nam có tình thần sùng kính Đạo pháp, không phân biệt màu da chủng tộc, sẵn sàng chấp nhận mọi điều phải, mọi chân lý.

Từ khi văn hóa Tây phương đến truyền bá những tôn giáo mới : Công Giáo, Tin Lành Giáo, Thông Thiên Học, Đạo Ba Hai v.v... miễn là các tôn giáo ấy dạy điều lành điều thiện. Vùng Cần Thơ từ thuở xa xưa nói chung dân chúng có trình độ văn hóa cao, người địa phương có tình thần hiếu cổ hay tôn thờ cúng lạy như là Đạo làm người, thờ cữu huyền thất tổ. Về vật chất nơi đây đất đai màu mỡ, huê lợi dồi dào, con người đủ

cơm ăn áo mặc, tâm trí rảnh rang có dịp suy tư về thế sự thăng trầm của kiếp sống con người bé bỏng, nên hướng về mặt tinh thần nhiều, với ba yếu tố :

- Thiên Thời
- Địa lợi
- Nhơn hòa

Thích tìm tòi nghiên cứu, chấp nhận những lý thuyết sâu xa. Đất Cần Thơ là nơi phát triển tôn giáo và có nhiều chi phái đáng kể, được phổ biến khắp miền Nam hoặc xa hơn nữa.

Chúng tôi xin nêu lên một ít tôn giáo cũng như đền thờ, thánh đường, thánh thất, tiêu biểu cho sự tự do tín ngưỡng của từng lớp nhân dân qua nhiều màu sắc, xu hướng khác nhau.

Từ lâu nay, toàn tỉnh Phong Dinh có rất nhiều ngôi chùa Phật. Người Hoa Kiều thì có những ngôi chùa Ông, chùa Bà, chùa Ông Bốn.

Gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất có chùa Kiến Quốc ở đường lộ hai mươi (nay các vị trụ trì dời về chùa Khánh Quang ở đường Nguyễn Huỳnh Đức). Hội Phật học thì có ngôi chùa tọa lạc nơi góc đường Hòa Bình – Nguyễn Thái Học nguy nga tráng lệ.

Thiên chúa Giáo có ngôi nhà thờ Chánh Tòa, ở đường Nguyễn Công Trứ, và trong tương lai, ngay đầu đường Nguyễn An Ninh chỗ giáp nối với đại lộ Hòa Bình, nhà chung sẽ xây cất với phương tiện riêng một đại giáo đường. Con đường chạy dọc hai bên Giáo đường sẽ có một công viên, lối kiến trúc rập theo Vương cung Thánh đường Sài Gòn. Rồi đi qua đại giá

đường là nơi sẽ xây cất trường La San và đang xây cất trú quán nữ sinh.

Tin Lành thì có ngôi nhà thờ ở góc đường Phan Thanh Giản. Quân Đội cũng có 2 ngôi nhà thờ, một ở đường Hòa Bình, một ở Phan Thanh Giản. Những ngày chủ nhật và những ngày lễ đạo, dập dìu tín đồ trang nghiêm dự lễ. Không khí đạo đức tràn lan, cảnh tượng dịu hòa êm ả, lâng lâng cao đẹp tâm hồn.

Đạo Ba Hai cũng có một trụ sở tại đây.

Hòa Hảo cũng đã lần lần xây dựng những ngôi chùa mới ở nhiều nơi trong tỉnh. Cao Đài cũng có Thánh thất và Cao Thượng Bửu Tòa.

Giáo phái Du Tăng Khất Sĩ thành lập hai Tịnh xá Ngọc Minh và Ngọc Liên, cũng như đã có ở những nơi khác.

Xem như thế, ta nhận thấy tín ngưỡng tôn giáo ở Phong Dinh cũng phát triển chẳng kém nơi nào của miền Nam đầy sắc thái đạo nghĩa. Xu hướng tín ngưỡng nào cũng thể hiện tùy duyên, tự do sinh hoạt.

Trên khoảng đường Nguyễn Thái Học, phía bên số chẵn có chùa Bửu An, tục gọi chùa Cô Hồn, xưa nay vẫn có tiếng, về phía bên số lẻ thì có chùa Bảo An dành riêng cho các ni cô, sư nữ, riêng về 6 quận trong tỉnh đều có nhiều đình chùa và chi nhánh các tôn giáo rải rác khắp làng mạc xa xôi đều có người tới lui lễ bái tín ngưỡng.

NHÀ THỜ CHÁNH TÒA CẦN THƠ



Đây là Đức Cha sở Trần Văn Long cùng tác giả đứng trước sân nhà thờ Chánh tòa Phong Dinh, ở đường Nguyễn Công Trứ.

CÔNG GIÁO VIẾNG NHÀ THỜ CHÁNH TÒA CẦN THƠ

Đến Phong Dinh sưu tập qua phần Đạo giáo, hỏi thăm các giáo dân địa phương ít người nhớ rõ lịch sử địa phận của họ này vì không minh chứng rõ rệt năm nào.

Chỉ còn một cách là phải thân hành đến ngay nhà thờ chánh tòa mới có thể biết được nguồn gốc. Một buổi trưa vào khoảng 10 giờ, chúng tôi lái xe chạy thẳng vào nhà thờ đường Nguyễn Công Trứ để tìm linh mục Trần Văn Long ở tại đây. Xe đậu trước sân nhà thờ chánh tòa, chúng tôi bước xuống đi thẳng vô phòng tiếp khách ở mé bên phải, gặp ngay thầy thơ ký đứng dậy chào hỏi chúng tôi một cách lễ phép : Thưa ông, ông cần gặp ai.

Chúng tôi đáp ngay : Thưa thầy vui lòng cho tôi gặp Linh mục Trần Văn Long. Nói xong tôi trao một danh thiếp cho thầy thơ ký nhờ chuyển giao đến Linh mục.

Thầy thơ ký xoay lưng đi vào phòng riêng của Linh mục rồi trở ra nói với chúng tôi : Xin ông ngồi chờ một tí, Linh mục ra ngay. Ba phút sau Linh mục mở cửa ra mời chúng tôi vô phòng riêng của ngài. Tôi tự giới thiệu đến đây trước viếng địa cảnh nhà thờ và cần gặp ngài tìm hiểu một ít tài liệu về Công giáo, nhất là địa phận Cần Thơ, Linh mục nở một nụ cười thông cảm : Tôi có đọc qua tác phẩm anh viết, nhận thấy việc làm của anh rất hữu ích, góp công tô điểm quê hương xứ sở bằng những loại sách sưu khảo từng địa phương, làm cho đồng bào các giới tìm hiểu đến nguồn gốc lịch sử của tỉnh nhà

qua bao thời kỳ thay đổi, cùng các nhân vật và phong tục tập quán của người Việt, mà phần đông ít người quan tâm đến cái hay, cái đẹp của nước nhà

Riêng cá nhân tôi, rất vui thích trước việc của anh làm, mà chúng tôi cũng có chí hướng ấy, tiếc rằng ngày qua ngày, không thể thực hành ý nguyện được, anh nên xúc tiến công cuộc sưu tập, càng nhiều càng hay. Đây là một vấn đề tốn nhiều công phu, để góp phần tô điểm nền văn hóa dân tộc, thật đáng khuyến khích. Linh mục nói dứt lời, rồi tiếp qua phần lịch sử địa phận họ Cần Thơ cho chúng tôi ghi chép bằng tốc ký :

LỊCH SỬ ĐỊA PHẬN CẦN THƠ

Căn cứ theo Việt Nam Công giáo Niên giám, địa phận Cần Thơ đang trong năm 1844 ngày xưa, từ tỉnh Bình Thuận trở vào cho hết Nam kỳ và cả xứ Cao Miên (PhnomPemh) tới năm 1850 khi được tách ra để lập thành một địa phận mới : Địa phận Nam Vang gồm toàn xứ Cao Miên và các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng và hầu hết toàn tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên và Sa Đéc.

Tới ngày 20 - 9 - 1955 do sắc lệnh “Quodechristus” của Đức Giáo Hoàng Piô XII phần đất gồm các tỉnh hiện thời, Phong Dinh, Ba Xuyên, An Xuyên, Chương Thiện, An Giang và Kiên Giang được tách ra để thành lập địa phận mới và trao cho Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Bình, là Giám mục đầu tiên coi sóc.

Này 21 - 11 - 1960 đồng thời việc thành lập Hàng phẩm

trật cho toàn cõi Việt Nam, hai tỉnh An Giang và Kiên Giang được tách từ địa phận Cần Thơ để thành lập địa phận mới : Long Xuyên. Để thay thế Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình được cử làm Tổng Giám mục Sai Gòn, Tòa thánh đã bổ nhiệm Đức cha Philipphê Nguyễn Kim Điền lên coi sóc địa phận, ngài đã nhận chức ngày 3 - 4 - 1964. Ngày 9 - 1 - 1964 Đức cha Điền kiêm luôn giám quản địa phận Huế.

Ngày 4 - 4 - 1965, Đức cha Giacobê Nguyễn Ngọc Quang được chọn làm Giám mục Cần Thơ, ngày 5 - 5 - 1965, Ngài thụ phong Giám mục; ngày 6 - 5 - 1965, về nhận chức Cần Thơ cho đến nay.

Linh mục đã kể qua phần lịch sử địa phận nhà thờ chánh tòa Cần Thơ cho chúng tôi ghi chép cũng khá đầy đủ.

Một điều đáng cho chúng tôi chú ý nhất, nhận thấy những vị nắm giữ chức vụ quan trọng của khối Công giáo thời đó hoặc trước kia đều có ở địa phận Cần Thơ.

1. Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình
(nay làm Tổng giám mục giáo khu Sài Gòn)
2. Cha Bề trên Antôn Nguyễn Văn Thiện
(nay làm Giám mục địa phận Vĩnh Long)
3. Giám mục Philipphê Nguyễn Kim Điền
(nay làm Giám quản địa phận Huế)

Một sự diễn tiến đáng ghi nhận cho tất cả giáo dân ở miền Tây là ba ngài đã tận tụy, vun trồng nền đạo giáo. Làm nhiều việc từ thiện cho địa phận Cần Thơ trong thời gian nhận chức.

Nay gọi lại đôi nét quá trình của các ngài khiến cho giáo dân địa phận Cần Thơ càng thêm miên man cảm nhớ qua bao công cán của các ngài, giúp cho giáo dân Cần Thơ sau này.

Những tài liệu được trình bày trên đây là một phần lớn nhờ Linh mục Trần Văn Long cho biết. Trong khi tiếp chuyện với Linh mục, nhận qua lời nói và đức độ của ngài có một tinh thần cởi mở, Linh mục có óc văn nghệ hay tìm tòi nghiên cứu qua các tôn giáo. Ngài thích hoạt động về những việc từ thiện xã hội. Trên một giờ tiếp chuyện với Linh mục, chúng tôi xin kiếu từ ra về, Linh mục tiễn đưa ra sân và hướng dẫn chúng tôi quan sát những cơ sở chung quanh nhà thờ, bên cạnh có một trường tiểu học mang tên Tây Đô. Linh mục cho biết : Trường này số học sinh lên tới 900 và một trường trung học khác mang tên Đồng Tâm, gồm có 700 học sinh, phía trước mé bên đường Nguyễn Công Trứ, đối diện nhà thờ Chánh tòa có một nhà in, nhà sách bán đủ loại sách công giáo tượng ảnh, chuỗi, những bức ảnh xinh đẹp bên Vatican gửi sang. Linh mục còn cho biết, năm 1967 sẽ xây cất thêm một trường Tabert gần khu đất viện Đại học Phong Dinh, để tiếp nhận một số học sinh mới.

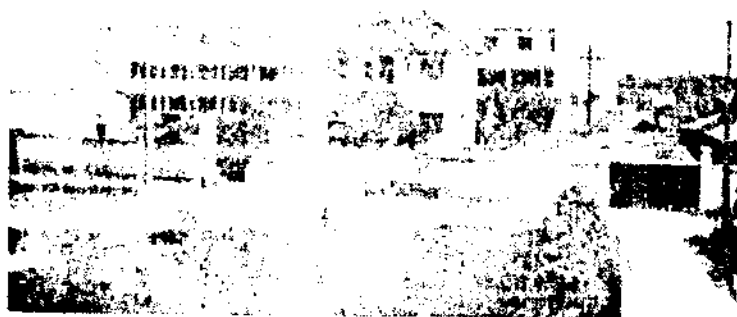
Thật ra, trách nhiệm của ngài đang đảm đương nhiều việc quan trọng đối với sự chấn hưng nền đạo lý tại tỉnh nhà. Được biết Linh mục sinh trưởng tại Phong Dinh và cũng ở lâu năm tại nhà thờ Chánh tòa này, mọi việc gì Ngài cũng am hiểu sâu rộng.

Biết qua phần công việc trước sau, chúng tôi lấy làm thỏa mãn và đồng thời đứng chụp chung với Linh mục một

tấm ảnh lưu niệm trước nhà thờ Chánh tòa, để tỏ lòng quý mến trong ngày gặp gỡ với nhiều cảm tình ghi nhớ trong thâm tâm, qua sự chất phác hiền hòa của bậc chân tu gương mẫu.

Tiện việc sưu khảo, chúng tôi xin kể qua đôi nét tiểu sử của Đức Tổng giám mục khu Sài Gòn và vị Giám quản giáo dân địa phận Huế với Đức giám mục địa phận Vĩnh Long, trước kia có liên quan tới Cần Thơ, để quý bạn đọc tìm hiểu thêm qua phần đạo đức của các Ngài.

CHỦNG VIỆN Á THÁNH Ở CÁI RĂNG



Chủng viện nằm trong vùng đất rộng trên bốn mẫu, nơi đây có mở nhiều lớp dạy các sinh viên Công giáo, và cũng

là nơi đào tạo những vị Linh mục tương lai.

VÀI NÉT VỀ CHUNG VIỆN Á THÁNH QUÝ NƠI ĐÀO TẠO CÁC VỊ LINH MỤC TƯƠNG LAI

Đã biết chút ít về ngôi chùa Ông ở Cái Răng, du khách ắt cũng sẽ chú ý đến hoạt động của quý vị linh mục về Chung viện Á Thánh Quý, cũng ở thị trấn Cái Răng, phía trên đường Võ Tánh cũ (tục gọi đường lên Hăng rượu cũ), thuộc ấp Yên Thượng, xã Thường Thạnh, quận Châu Thành.

Khi chúng tôi đến Cần Thơ sưu tập tài liệu xuyên qua các tôn giáo bạn ở đây, được sự hướng dẫn của một nhân sĩ Tây Đô, vào Cái Răng tìm đến viếng Chung viện Á Thánh Quý, hân hạnh được vị Linh mục trẻ tuổi Nguyễn Mạnh Đồng niềm nở tiếp chuyện.

Linh mục đã hướng dẫn chúng tôi đi quan sát qua các cơ sở của Chung viện và giải thích sự tu học nơi đây qua mọi khía cạnh. Chung viện Á Thánh Quý là cơ sở lớn lao, đầy đủ tiện nghi, có sân rộng rãi, ba tầng lầu dùng làm lớp học. Bên cạnh có nhà thờ, và còn đang chuẩn bị cất ở mé sau thêm một dãy nhà lầu nữa để mở thêm lớp học. Dưới đây xin nhường lời vị Linh mục Nguyễn Mạnh Đồng đầy nhiệt huyết ưu ái giảng sơn, tường thuật rõ về Chung viện Á Thánh Quý, một chủng viện đồ sộ nhất Cái Răng, mang tên vị Thánh trong đời vua Tự Đức.

CHUNG VIỆN Á THÁNH QUÝ

“Chung viện này là một trong số nhiều cơ sở giáo dục lớn của Hội thánh Công giáo ở miền Hậu Giang. Đó là một trường đào tạo các thiếu niên để sau này có đủ tài đức làm Linh mục và

168

hoạt động trong các đạo của những tỉnh Phong Dinh, Ba Xuyên, Chương Thiện, Bạc Liêu và An Xuyên. Tất cả trường Công giáo nào có mục đích đào tạo các thiếu niên để sau này làm Linh mục, đều được gọi là Chung viện.

“Chung viện này có tên là Á Thánh Quý. Chữ Quý là tên của Linh mục Đoàn Công Quý (1826 - 1859) người làng Bung, tỉnh Gia Định. Linh mục Đoàn Công Quý đã can đảm hy sinh mạng sống để làm chứng lòng trung tín của mình với Thiên chúa. Ngài đã bị trảm quyết vì đức tin thời vua Tự Đức (1859) tại Châu Đốc. Ngài được Hội thánh Công giáo tôn phong lên bậc Á Thánh, vì thế gọi là Á Thánh Quý.

“ Chung viện Á Thánh Quý đã được thành lập từ năm 1956 ở Khánh Hưng, Ba Xuyên, nhưng vì đất đai chật hẹp nên đã được di chuyển về đây khoảng tháng 12 năm 1961. Chung viện tọa lạc trên một khu đất rộng chừng 4 mẫu tây, nằm bên bờ sông Cái Răng, cách quận Châu Thành Cần Thơ chừng 200 thước và cách tỉnh lỵ Cần Thơ về phía Nam chừng 7 cây số. Khu Chung viện được xây cất từ năm 1961 với đầy đủ tiện nghi lớp học, sân chơi, nhà ngủ, nhà ăn và một nhà thờ dành riêng cho việc thờ phượng Thiên chúa. Kinh phí xây cất do các tín đồ Công giáo khắp hoàn cầu đóng góp. Chung viện có đủ các lớp học bậc trung học cả đệ nhất cấp và đệ nhị cấp. Các học sinh trong Chung viện thường được kêu là các chủng sinh còn phải học thêm La ngữ và giáo lý của đạo Công giáo. Nhưng việc quan trọng nhất là việc huấn luyện tinh thần đạo đức và tư cách con người. Ban giám đốc và giáo sư gồm toàn là Linh mục ở ngay trong trường và các chủng sinh cũng nội trú trong trường. Hằng năm mọi chủng sinh chỉ phải đóng góp một số học phí tượng trưng, còn bao nhiêu chi phí khác đều do hảo tâm của các tín đồ Công giáo trong nước

và trên thế giới dài thọ. Mỗi năm chủng viện đều có thu nhận học sinh mới, nhưng chỉ thu nhận những thiếu niên công giáo nào có ý muốn vào học tập để sau này làm Linh mục và có đủ điều kiện về đạo đức, học thức và sức khỏe. Sau khi học mãn ban trung học (chừng 7 năm) các chủng sinh được gửi đi tu luyện ở một chủng viện cao cấp hơn gọi là Đại chủng viện. Qua ít nhất 7 năm tu luyện nữa, chủng sinh nào có đầy đủ mọi điều kiện mới được làm Linh mục. Việc đào luyện và tuyển chọn rất gắt gao nên tỷ số các chủng sinh được làm linh mục thường chỉ được 20% là nhiều. Còn số 80% kia sẽ ra đời làm việc như mọi công dân khác. Hiện nay cơ sở giáo dục này còn đang tiếp tục được khuyến khích để có thể thu nhận nhiều thiếu niên hơn, hầu góp phần trong công cuộc chấn hưng đạo đức.

CHÙA KIẾN QUỐC



Một kiến trúc tân tạo, nằm về phía mặt đường Kiến Quốc (lộ 20), chùa này do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất quản

CHÙA HIỆP THIÊN CUNG Ở CÁI RĂNG

Thị trấn Cái Răng cách tỉnh lỵ Cần Thơ 6 cây số, thuộc xã Thường Thạnh, quận Châu Thành, có ngôi chùa xưa gần một thế kỷ nay, do người Hoa Kiều xây dựng mang tên "Hiệp Thiên Cung". Chùa này hằng năm có tổ chức cúng kiến long trọng, linh đình suốt 3 ngày đêm 12 - 13 và 14 tháng 5 âm lịch.

Có nhiều huyền thoại mà đến nay dân chúng Cái Răng còn nhớ :

Khoảng năm 1934, vùng quanh chợ xảy ra hỏa hoạn to. Đội vòi rồng và đồng bào nơi chợ cứu hỏa không xuể. Một số đông cầu niệm thần linh hỗ trợ, vào chùa gióng trống gióng chuông inh ỏi. Bỗng đâu mọi người đều giật mình thấy một vầng hào quang xanh xẹt nhanh như chớp từ hướng nhà chùa thẳng tới đám hỏa hoạn. Phút chốc mây đen kéo giăng, mưa tuôn dập tắt đám lửa đang cháy ngất trời.

Lại một khi kia, giữa lúc trời quang mây tạnh, không một ngọn gió thoảng qua, mà cột cờ dựng trước sân chùa bỗng nhiên ngã đổ. Nhưng lạ lùng thay ! cột cờ chỉ từ từ ngã dựa mái chùa, tuyệt nhiên không hư hại đến một viên ngói. Điều nên biết là cột cờ ấy làm bằng thứ gỗ quý thân cao sức nặng. Ai cũng hãi hùng khi nghe gãy rắc, vì tưởng tượng sẽ có sự thiệt hại to tát về sản vật, hoặc về sinh mạng cũng không chừng. Thế mà không một sự thiệt hại gì xảy ra. Nhưng sau đó tai biến xảy ra khiến giới Hoa Kiều khi ấy (khoảng năm 1946) bị quân đội Pháp khủng bố cũng nhiều. Rõ là điềm báo trước

cho bốn hội biết. Vì khi cột cờ ngã đổ, người ta xem xét kỹ, thân cây không hề bị mối mọt chi, mà chân cột-cờ cũng không bị đứt bao giờ. Bốn hội Hoa Kiều bèn cùng nhau dâng hương lễ bái, khẩn nguyện cầu an. Sau đó mọi việc đều yên, dân chúng làm ăn thịnh vượng lại. Năm sau, tổ chức cuộc lễ tạ trọng hậu bội phần.

Mỗi kỳ đáo lễ cúng tế, đều có rước hát Tiều (Triều Châu) trình diễn suốt 3 ngày ba đêm. Quang cảnh từng bừng náo nhiệt khôn xiết kể, chẳng kém ngày lễ vía Bà Chúa Xứ ở núi Sam Châu Đốc, vía Bà Mả Châu Cà Mau. Ba nơi đây trở thành cổ lệ, vẫn còn duy trì đến ngày hôm nay.

TỊNH XÁ NGỌC MINH CẦN THƠ



Thầy đứng giữa là cố Đại đức Minh Đăng Quang, người



Trong một buổi lễ tại Tịnh xá Ngọc Minh vài chục năm trước, chư tăng đang qui hội để nghe những lời vàng ngọc của đức tôn sư Minh Đăng Quang.

DU TĂNG KHẤT SĨ

Xuyên qua các tôn giáo mà chúng tôi đã trình bày, nhận thấy phái Du Tăng Khất Sĩ có mặt ở đây mà không nêu lên để quý độc giả tìm hiểu qua phái này là một điều thiếu sót.

Người sáng lập đạo Du Tăng Khất Sĩ là Đức tôn sư Minh Đăng Quang, gốc ở Tam Bình tỉnh Vĩnh Long miền Tây Nam phần.

Lúc sinh thời, Ngài có viết bộ sách Chân Lý, đầy cả ngàn trang, gồm 69 đề tài liên quan tới đời sống con người, nên được nhiều người tìm đọc, và in đi in lại mãi cho đến ngày nay.

Đạo Ngài chủ trương giới hạnh Khất thực độ thân, không tạo chùa lớn, chỉ ở tịnh xá, am, cốc, chốn thanh tịnh vắng vẻ, giới hạnh đạo giữ từ 10 giới tới 250 giới, 10 giới trong 48 giới khinh của chư Bồ Tát và có rất nhiều pháp môn khác về giới định huệ.

Luật Khất Sĩ : không được cất giữ tiền bạc trong người, không mang giày, dép, không đội nón, không ngủ giường rộng, mỗi ngày chỉ dùng một bữa ngũ cốc chay; trọn đời hy sinh làm việc Phật sự, truyền bá giáo lý, tránh điều tội lỗi. Đó là mục đích duy nhất của phái Du Tăng Khất Sĩ.

Chúng ta đã thấy khắp trên lãnh thổ, nơi nào cũng có những cốc tịnh xá, bóng y vàng của Chư Tăng Khất Sĩ lê gót đó đây, gieo duyên kết phước vun trồng nền đạo hạnh.

Một trong những tăng sĩ hiện nổi chí Đức sư tổ Minh Đăng Quang là Đại Đức giảng sư Giác Nhiên, sinh trưởng tại quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ, và còn rất nhiều quý sư khác đang phát huy mỗi đạo ở khắp nơi.

Cần Thơ có hai tịnh xá của Tăng và một tịnh xá Ni, mỗi tháng 4 ngày qui hội, đó là ngày rằm, 30, mùng 8 và 23, những ngày ấy quang cảnh các tịnh xá thật náo nhiệt. Quý sư phải lo nhiều việc, khỏi đi Khất thực như thường lệ.

Thiện nam tín nữ lũ lượt đến tịnh xá lễ Phật và cúng

cửu huyền thất tổ cùng sốt bát cho chữ tăng.

BẢNG TỔNG KẾT SỐ TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO TỈNH CẦN THƠ NĂM 1966

Theo tài liệu mới nhất chúng tôi sưu tập của các giáo phái ước lượng so với dân số toàn tỉnh như sau:

TÔN GIÁO	SỐ TÍN ĐỒ	TỶ LỆ BÁCH PHÂN
- Thiên Chúa	14.810	5
- Tin Lành	1.792	0,44
- Cao Đài	40.370	11
- Phật Giáo	93.917	75
- Phật Học	80.405	22
- Tu Tại Gia	111.603	28
- Hòa Hảo	38.497	10
- Thiên Lâm	10.319	4
- Tịnh Độ Cư Sĩ	28.942	8
- Tăng Già	2.536	0,7
- Phật Giáo Miên	18.369	6
- Cổ Sơn Môn	2.773	0,8
- Du Tăng Khất Sĩ	491	0,01
- Đạo Ba Hai	165	

Hiện nay con số tín đồ các tôn giáo còn tăng lên nhiều, nói lên tác lòng hướng ngưỡng về đạo lý của đồng bào.

HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT



Hội này xây cất rất uy nghi, bên trong thờ Phật trang nghiêm, có giảng đường rộng rãi, có nơi hội họp cho các thiện nam tín nữ trong những ngày lễ Phật.

Vị trí quay mặt ra đại lộ Hòa Bình

PHẦN THỨ NĂM

**CẦN THƠ VĂN HÓA NGHỆ THUẬT, CẦN THƠ VỚI
BỘ MÔN SÂN KHẤU, CẦN THƠ QUA CA ĐẠO,
PHONG TỤC, TẬP QUÁN**

CẦN THƠ VĂN HÓA

Mang danh từ là “Trung tâm Văn hóa miền Tây”, Cần Thơ có gì đặc sắc, để xứng đáng tự hào như thế ?

Đứng về mặt sưu tầm khách quan, chúng tôi xin trình bày những gì Cần Thơ đã đóng góp về văn hóa. Còn có xứng đáng với danh từ “Trung tâm Văn hóa miền Tây” hay không ? Xin nhường quyền quý bạn đọc phê phán.

Cần Thơ thuở xưa khi còn là : Huyện Trấn Giang, dưới sự chăm nom săn sóc của Mạc Thiên Tứ, cố nhiên sẽ phu đều đã chịu ảnh hưởng ít nhiều về phong độ của họ Mạc vì Nguyên soái Tao đàn “Chiêu anh Các”. Tiếc vì binh biến liên miên, văn hóa đành phải lui bước trước bạo lực quân phiệt. Nạn binh đao gieo tang tóc khắp xóm làng ai còn lòng nào nghĩ đến sáng tác văn chương, gây nền văn hóa ? Lại nữa, lửa chiến tranh thiêu rụi bao sản nghiệp mồ hôi nước mắt của dân chúng

đồng thời cũng tàn phá những công trình văn hóa. Tìm dấu vết để kiểm điểm lại kho tàng văn hóa trong thời kỳ ấy, phỏng còn sót được gì để dò lần manh mối ? Một điều có thể tin chắc, trình độ văn hóa của đồng bào Trấn Giang (Cần Thơ xưa) bấy giờ đã khá cao : Họ Mạc đã nghiêm nhiên coi Tây Thành như một Phướng Thành (Hà Tiên) thứ hai, ắt là chẳng tiếc gì mà không ra sức phổ biến văn hóa lan rộng tới vùng này. Cứ xem như khi binh Xiêm xâm phạm Hà Tiên, họ Mạc lui về Cần Thơ cố thủ, thì trước đó họ Mạc ắt đã phải dự liệu mà di chuyển sách vở văn chương xuống Cần Thơ, đào luyện nhân tài cho nơi đây để trừ bị mai sau. Như thế sĩ phu Cần Thơ được dịp trau dồi học vấn, phát triển tài năng đáng kể.

Một quyển “Song tinh bất dạ” của Nguyễn Hữu Hào, một quyển “Thơ nàng Chuột” (dựa vào “truyện Tring Thử” của Hồ Huyền Quy đời Trần) xuất hiện vào thời này, nói lên trình độ văn hóa của sĩ phu Cần Thơ nói riêng, miền Tây nói chung.

Lần đến đời Tự Đức, văn hóa phát triển tốt đẹp nơi đây : Long Xuyên có Bùi Hữu Nghĩa, Phong Điền có Phan Văn Trị, Lê Quang Chiêu là những tên tuổi ai ai cũng biết. Nhất là xóm Bà Đồ ở Bình Thủy nghiêm nhiên là chốn Tao đàn họp mặt của các tao nhân mặc khách Cần Thơ lời cuốn thêm lăm bậc danh tài miền Tây về đây như cụ Huỳnh Mẫn Đạt ở Hà Tiên, cụ Phan Hiến Đạo, cụ Cử Thạnh ở Định Tường, cụ Đồ Chiểu Bến Tre v.v... Các cụ chung sức nhau xây nền văn hóa, chẳng là điều vinh diệu cho Cần Thơ lắm sao ?

Kịp khi văn hóa Tây phương du nhập theo gót chân xâm lược của quân đội Pháp, thứ chữ Quốc ngữ La tinh hóa xuất hiện, báo chương ra đời, Cần Thơ cũng góp tiếng nói trên đàn Ngôn luận qua tờ "Le Courrier de l'ouest" và "An nhà báo". Rồi thì lần lượt Long Xuyên có Đại Việt tạp chí, Lưỡng Xuyên Phật Học ; Sa Đéc có báo Tân Tiến (tức Tiến Bộ); Rạch Giá có tạp chí Tiến Hóa v.v... miền Tây há chẳng có sắc thái đặc biệt của mình ?

Về giáo dục, trường Trung học Collège ra đời, chỉ nhượng Sài Gòn có Chasseloup Laubat và kém Mỹ Tho có Collège, tức trường Nguyễn Đình Chiểu bây giờ, lập trước chẳng bao lâu. Nhưng mới đây, Viện Đại học đã bắt đầu khai giảng niên khoá 1966 -1967 một ít phân khoa đã chuẩn bị xong, và sắp hoàn tất công cuộc kiến trúc toàn viện trong thời gian gần đây, sẽ đem lại cho Cần Thơ một phong khí mới, một bộ mặt khả ái và gây nên cuộc sinh hoạt cao đẹp, sao cho xứng với danh hiệu Tây Đô. Trong khi Vĩnh Long đã vươn mình lên từ trước, tự hào được với những trường kỹ thuật, sư phạm và bao nhiêu trung tâm huấn luyện khác, Cần Thơ vượt tiến với Viện Đại học mới khôi phục được phần nào địa vị "Trung tâm văn hóa miền Tây". Và chắc chắn sẽ đẹp hơn lên mãi, sẽ còn cố gắng nhiều hơn về mọi phương diện mới chinh phục được trọn vẹn lòng yêu của du khách bốn phương, thỏa lòng kỳ vọng của đồng bào miền Tây thường hướng mắt về Cần Thơ mà nhìn xem cuộc chuyển mình.

Thêm một bước tiến nữa là nhật báo "Miền Tây" tỉnh

Cần Thơ ra đời của nhóm kỹ giả chuyên nghiệp, quê cũng ở miền Tây, đó là niềm an ủi đồng bào tỉnh nhà đã xót xa vì cảm thấy muộn quá. Cần Thơ đáng lẽ phải có nhiều báo chí thêm nữa : thế mới là nét điểm tô đậm đà duyên dáng nhất cho bộ mặt Tây Thành, mới gây hào hứng phấn khởi trong cuộc sinh hoạt tinh thần. Cần Thơ xưa đã sản xuất biết bao nhân tài lỗi lạc từng điểm tô nền văn học cho nước nhà.

Nhà văn Lưu Hữu Phước ở Ô Môn người sáng tác nhiều ca khúc hay hồi phong trào thanh niên tiền phong nổi lên chống Pháp. Cần Thơ cũng là nơi cư ngụ của tiểu thuyết gia Hồ Biểu Chánh, lúc ông ngồi ghế chủ quận tại Ô Môn, ông đã viết rất nhiều bộ tiểu thuyết có giá trị, đượm màu sắc quê hương dân tộc. Ông Phan Văn Trường, một văn hào người ở Định Tường đến cư ngụ có nhiều tiết tháo đã gây lăm tiếng vang tại Tây Thành. Một điều đáng cho chúng ta chú ý, Cần Thơ là nơi qui tụ biết bao nhà, đạo giáo tên tuổi. Ông Thầy Trung một đạo sĩ có nhiều bí phép nhiệm mầu được đồng bào mến phục. Ông Ngô Văn Chiêu, người sáng lập nên Đại đạo Tam Kỳ, qui tiên tại sông Cửu Long, đem về Cần Thơ an táng, và xây bửu tháp.

Xuyên qua một số nhân vật tượng trưng về mặt đời và đạo kể trên đã gây ảnh hưởng tốt cho đồng bào các giới, nhất là thế hệ trẻ đang vươn mình trên đường phụng sự văn hóa dân tộc, khi tỉnh nhà bừng hương sắc với vườn hoa văn nghệ muôn màu muôn vẻ, sẽ còn đẹp đẽ hơn lên biết bao. Chúng tôi đã trình bày qua mọi khía cạnh với nhiều chi tiết trong mục đạo giáo, ở phần thứ tư.

HỘI PHỤ HUYNH HỌC SINH NĂM 1966

Năm 1966, tuy có Hội phụ huynh học sinh ra đời nhưng so sánh với Hội Khuyến học năm xưa, về sự hoạt động đem lại cho những con em tỉnh nhà bằng sự giúp đỡ, hoặc ủy lạo về mặt tinh thần, theo đà tiến triển, Hội phụ huynh học sinh nếu tích cực làm việc chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều thành quả tốt.

Theo sự tra cứu của chúng tôi khoảng năm 1943, Cần Thơ đã từng có Hội Khuyến học với vị Hội trưởng đầy tâm huyết là bác sĩ Lê Văn Ngôn, Phó Hội trưởng là vị thanh tra tiểu học Nguyễn Văn Kính, tạo nên biết bao công trình rạng rỡ cho nền văn hóa tỉnh nhà. Nào tổ chức các cuộc diễn thuyết về văn hóa, mở cuộc thi văn chương, nào viếng mộ cụ Phan Văn Trị, trùng tu ngôi mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa v.v... đặc biệt nhất là xuất bản tập kỷ yếu của Hội vào dịp tết 1963 với sắc thái "Xuân Tây Đô". Đáng là điểm son của Hội Khuyến học tập hợp đông đủ thân hào nhân sĩ, trí thức, tài hoa son trẻ Tây Thành.

HAI TỜ BÁO ĐẦU TIÊN Ở CẦN THƠ

Le Courrier de l'ouest và An Hà báo. Nhìn lại Cần Thơ trong quá khứ, từ năm 1911, Cần Thơ bắt đầu có máy in báo, do luật sư Gallois Montbrum hiệp với nhóm nhà tư bản trong tỉnh sáng lập. Nhà in này lấy tên là "Imprimerie de l'Ouest", nhận in sổ sách giấy tờ. Rồi sẵn cơ sở đào luyện một nhóm ấn công thạo nghề, luật sư Gallois Montbrum cho xuất bản tờ tuần báo Pháp văn "Le Courrier de l'Ouest" là tờ báo

đầu tiên của Cần Thơ. Chủ bút là ông Võ Văn Thơm, huyện danh dự, thông phán tại Cần Thơ. Quản lý là ông Trần Đất Nghĩa, giáo viên. Báo có hai trang. Tiếng là tuần báo, nhưng có khi đến hai ba tuần mới ra được một số. Rồi ít lâu thì đình bản, bởi ít độc giả và thiếu tay tô điểm.

Rút kinh nghiệm về báo bằng chữ Pháp ít người đọc, năm sau (1912), ông Võ Văn Thơm đứng tên chủ nhiệm tờ “An Hà nhật báo” kêu gọi các bậc nho văn quanh vùng viết bài. Bộ biên tập tăng cường gồm có quý ông Lê Quang Chiêu, Nguyễn Tất Đài, Phạm Kỳ Xương tức Phạm Bá Đại, Lương Khắc Ninh v.v... Việc quản lý vẫn giao về ông Trần Đất Nghĩa.

Khoảng cuối năm 1913, do sự giới thiệu của ông Võ Văn Thơm với luật sư Gallois Montbrun, ông Phạm Bá Đại đảm nhận việc biên tập, đổi tên lại là An Hà báo.

TRƯỜNG TRUNG HỌC COLLÈGE SAU ĐỔI TÊN LÀ PHAN THANH GIẢN



Ngôi trường này xây cất từ xưa, vẫn trường tồn đến nay.

Ông Phan Bá Đại người xã Thới Long (nay thuộc quận Phong Phú, tỉnh Cần Thơ) xuất thân làm thợ ký từng sự với bác sĩ Lalung Bonnaire tại bệnh viện Cần Thơ ngay khi nắm bút quyền An Hà báo, ông chỉnh đốn lại từ hình thức đến nội dung. Báo đổi ra xuất bản hằng tuần vào mỗi chiều thứ bảy.

Vốn là người có tâm huyết, ông Phạm Bá Đại rất say mê nghề cầm bút, quyết tâm làm toàn vẹn sứ mạng của nhà ngôn luận. Nhưng mà biết làm sao hơn, khi mà thực dân hằng kiểm soát rất gắt gao.

Dưới các bút hiệu Thế Trung, Kiều Xuân Hương, An Giang nữ sĩ, ông viết đủ loại trong sự dè dặt thường lệ miễn sao còn có chút phương tiện gửi nhắn với xa gần tâm sự ông ký thác trong một bài thơ "Cái đèn chong" đăng tải trên báo nhà .

Sáng chẳng bằng trăng cũng chói lòe

Đèn chong tuy nhỏ tỏ gần xa

Khêu tìm chỉ đốc soi đường tối

Cháy ruột phòng toan rọi nẻo xa

Cánh lùn bạn cùng trang chí sĩ

Đêm khuya nghịch với lũ gian tà

Miền là giúp ích trong thiên hạ

Đâu nệ nghe lần gió táp qua

Đến khoảng năm 1924, ông Trần Đất Nghĩa xin nghỉ làm quản lý nhà in, nhà báo, để ra lập hãng xe đồ chạy đường Cần Thơ, Nam Vang, Sài Gòn, Cần Thơ, Rạch Giá. Người

được mời thay chân quản lý là ông Đỗ Văn Y. Ông Y vốn là một nhà cách mạng, người Cao Lãnh, tạm dừng chân chốn Tây Thành.

Mãi đến năm 1932, sau khi luật sư Gallois Montbrun về Pháp, báo An Hà thốn mồn dần rồi tự đình bản.

Điều nên luận xét kỹ, nếu chẳng bị chánh quyền ràng buộc, ngôn luận được tự do, tờ An Hà báo chắc là khởi sắc hơn nhiều. Những cây bút có giá trị của miền Tây khi ấy cũng nhiều, nhưng có lẽ đều cùng chung một tâm trạng đau buồn thời thế.

Đến ông Đỗ Văn Y kế chân làm quản lý, tài năng và tâm huyết của ông Y như thế nào, lịch sử từng ghi chép rõ. Ông sinh trưởng nơi Cao Lãnh là đất sản sinh lắm nhà cách mạng. Thọ khí bẩm ấy nên ông cũng đã hy sinh vì tổ quốc ít nhiều. Lúc thanh niên đang làm giáo học, ông bỏ chức theo phong trào Đông Du, từng học tại "Trung Đức học đường", bôn ba hầu khắp các nước ngoài : Trung Hoa, Nhật, Đức, Pháp. Ông đã theo làm thông ngôn kiêm tùy viên cho Đức Kỳ ngoại hầu Cường Để trong một chuyến Âu du năm 1913. Ở quyền Cuộc đời Kỳ ngoại hầu Cường Để, chính Kỳ ngoại hầu đã nhiều lần nhắc nhở đến ông với niềm mến mộ vô cùng. Con người ấy dừng chân nơi Tây Thành, lại vào làm quản lý một cơ quan ngôn luận, nếu đắc thế phải thời thì ông đã thúc đẩy tờ báo tiến mạnh, há thiếu khả năng phục vụ để đến nỗi phải đình bản tờ báo hay sao ? Chẳng qua cũng đồng một tâm trạng nào nề như ông Nghĩa khi nhìn bộ mặt tờ báo bị méo mó nghe

nghiệp nhiều quá, ông đành chịu để cho báo đến nước cùng. Thà như thế còn hơn. Và mai sau còn để cho người đời luyến tiếc, cảm phục được.

Huống chi, về trước Cần Thơ hãy còn có mặt một nhà cách mạng lão thành khác lạ cụ Hội đồng Nguyễn Thần Hiến (xin xem phần nhân vật trong quyển này) và cụ đã chết vì tổ quốc vào năm 1914, tâm chí sĩ phu Cần Thơ há có hèn đâu. Văn hóa trong buổi ấy không phát triển tốt đẹp được, do vì sao ?

Ngoài việc ấn loát tờ An Hà, nhà in "Imprimerie de l'Ouest" (sau này cũng đổi tên là nhà in An Hà, chỗ nhà in Trần Đất sau này) còn in và phổ biến tại Cần Thơ nhiều tác phẩm có giá trị : Sách mẹo An Nam bậc tiểu học và trung học của Trần Kim, An Quảng Tân Biên (tức từ điển Việt Nam của Dominique Lê Đình Ninh).

Về y học : Nhi khoa luận trị của Nguyễn Xuân Dương, loại sách y học phổ thông của Nguyễn Văn Xương.

Về văn học : Bẩm ông chủ (tiểu thuyết) của Huỳnh Văn Tâm, Quán bên đường (thơ) của Trúc Thần v.v...

Trên đây toàn là những sách hay đáng kể vào thời đó và còn nhiều nữa, chúng tôi có xem qua từ lâu hết sức tán thưởng, rất tiếc lâu ngày quên mất tên sách, tên tác giả, mà lại không có sẵn nơi tủ sách để kiểm điểm liệt kê.

Nói tổng quát, qua ngần ấy sự việc chúng tôi đã trình bày, Cần Thơ đã đóng góp khá nhiều và đáng ngời về công trình xây dựng nền văn hóa.

RẠP HÁT NĂM XƯA



Cần Thơ còn lưu dấu những hình ảnh xa xưa. Đây là rạp hát của Thầy Lý, đã lui về trong quá khứ. Hiện sau này còn là chỗ Phong Dinh tửu lầu.

BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH TRƯỞNG TỪ ĐẠI BAN TRẦN ĐẮT ĐẾN NAM NỮ CA KỊCH SĨ HỮU DANH CỦA TÂY ĐÔ

Nói đến tên tuổi các nam nữ ca kịch sĩ lừng danh : Phùng Há, Tư Chơi, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Tư Út, tưởng chẳng ai là không biết. Dẫu người không mấy quan tâm đến bộ môn sân khấu kịch trường trong lãnh vực văn nghệ, đôi lúc ắt cũng có người xung quanh nói đến các ngôi sao ấy của giới ca cầm.

Chính cô Bảy Trương Phụng Hảo (Phùng Há), anh Năm Nguyễn Thành Châu đã bắt đầu nổi danh khi đứng trên sân khấu đại ban “Trần Đất” của ông Trần Đất Nghĩa, người tỉnh Cần Thơ.

Sau nghỉ làm quản lý nhà in, nhà báo An Hà, ông Trần Đất Nghĩa trở nên nhà doanh nghiệp, lập hãng xe đồ, hãng rượu ngọt. Rồi đến năm 1930 ông ra làm bầu gánh, nêu cao bảng hiệu “Trần Đất” Đại ban Trần Đất thu hút hầu hết các minh tinh sân khấu lúc bấy giờ. Do đó gánh Trần Đất nghiêm nhiên đứng vào bậc nhất Nam kỳ, được khán giả hoan nghinh, đi trình diễn từ Nam chí Bắc.

Thế là về mặt ca kịch, Cần Thơ cũng đã được tiếng khen với một gánh Trần Đất khéo chỉnh đốn.

Đã có gánh hát, đã đem tiếng đồn ca gieo rải khắp đó đây, cố nhiên có ảnh hưởng lớn đến tâm trí những ai yêu chuộng nghệ thuật cầm ca. Do đó lần lần Cần Thơ nổi lên khá nhiều nam nữ ca kịch sĩ hữu danh.

Đáng kể trước nhất có Năm Nhỏ, một tài năng được ca ngợi là “Hậu tổ” của làng hát bội. Vì cô sở trường về hát bội.

Cô Năm Nhỏ quê quán ở Cái Vồn (khi trước thuộc tỉnh Cần Thơ nay thuộc quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Cha cô vừa là ông Bầu vừa là anh kép của gánh hát nhà, nên cô nhiễm hát, tập hát rồi ra sân khấu. Ít lâu nổi danh, cô được gia nhập đoàn “Phước Thăng” diễn hằng năm tại rạp Cô Tám do Bà Hộ là ngoại tổ của ông bầu Nguyễn Ngọc Cương (Giám đốc đoàn cải lương Phước Cương).

Tài nghệ của cô càng ngày càng tiến triển đến mức ai cũng khâm phục, cho là Hậu tổ của nghề hát bội.

Nhưng đến khi cao trào cải lương được hoan nghênh hơn, làng hát bội đi dần vào chỗ lu mờ, cô Năm Nhỏ thất thời lui bước, bình mất trong năm 1938 tại một gian nhà lá quạnh hiu ở vùng Lò Siêu (Chợ Lớn).

Sân khấu cải lương dần dần lấn át hát bội. Giới cầm ca làm say lòng khách mộ điệu qua những dây tơ đồng kim, tranh, cò, sến với những bài bản mới, du dương hấp dẫn. Nam nữ ca sĩ Cần Thơ có tiếng, đáng kể có cô Năm Cần Thơ, và gần đây, gia đình Túy Hoa Anh Lâm trong ban ca kịch “Dân Nam” vẫn là người quê ở Tây Đô.

Chịu ảnh hưởng của gánh Trần Đất, ít lâu tại thị trấn Cái Răng (xã Thượng Thạnh, quận Châu Thành) cũng có ban “Đồng Tâm” được hoan nghênh một thời, với những vở tuồng khá hay của soạn giả Nguyễn bá Thọ :

1. Một chữ đồng (tuồng xã hội)
2. Uất Trì giả điên
3. Đông giao tử tiển (Phụng Kiều – Lý Đáng)
4. Mẫu tử đoàn viên (Lý Thần Phi và vua Tống Nhân Tông, vụ tra án Quách Hoè)v.v...

Và soạn giả Bá Ngọc Mai cũng được khen ngợi với bốn tuồng “Tiết Liễu lương duyên (có in thành sách). Út Trà Ôn một danh ca khét tiếng ở miền Nam với 6 câu vọng cổ quê ở quận Trà Ôn.

Rồi theo đà phát triển, ngành ca kịch Tây Thành cũng từng đóng góp vào việc tô điểm bộ môn sân khấu trong lãnh vực văn hóa. Cho đến gần đây, giới tài hoa sơn trẻ vẫn hằng tổ chức nhiều đại nhạc hội, nhiều ban trình diễn văn nghệ khá quan, như ban Văn nghệ Ninh Kiều, ban “Tinh Hoa miền Tây”.

Soạn giả sau này thì có Lâm Tồn, Thanh Giang là hai cây bút của Cần Thơ từng có nhiều vở tuồng ăn khách. Nhạc sĩ Sáu Xiêm cũng có ngón đàn làm say mê lòng khách mộ điệu.

SINH HOẠT VĂN HÓA

Về văn hóa, ngoài sự hoạt động của nhà in miền Tây (Imprimere de l'Ouest với 2 tờ báo Le Courrier de l'Ouest và An Hà báo mà chúng tôi đã kể ở đoạn trên, tưởng cũng nên đề cao công trình của Hội Khuyến học Cần Thơ đã góp tay bồi đắp nền văn hóa nước nhà nói chung, điểm tô sắc thái thanh bạch của Tây Thành nói riêng.

Để tạo sinh khí cho văn nhân thi sĩ Tây Đô, để thúc đẩy giới trí thức lưu tâm đến tiền đồ văn hóa nước nhà mà cùng đứng đóng góp tâm huyết xây dựng, Hội Khuyến học đã làm được những điều đáng kể.

1. Tổ chức các cuộc diễn thuyết. Đầu tiên, ông Nguyễn Văn Kinh bút hiệu Bảo Mỹ, nguyên thanh tra tiểu học tỉnh Cần Thơ, diễn thuyết về “thi sĩ Tản Đà.

2. Mở giải thưởng văn chương tác phẩm đoạt giải năm 1943 là quyển “Đồng quê” của Phi Vân.

Đồng đủ trí thức thuộc các thành phần trong xã hội gia nhập hội : Luật sư, bác sĩ, nhân sĩ, công tư chức v.v... Đặc biệt là hầu hết các cây bút hữu danh của Tây Đô đều có mặt trong Hội Tây Đô : Giáo sư Nguyễn Khắc Kiết, Tố Phang tức Thuần Phong Ngô Văn Phát, Trúc Thần tức Tam Đức Nguyễn Trung Ngôn, Trường Sơn Chí Ung Ngọc Ky, Tùng Đức Mã Sanh Long, Việt Quang Tạ Minh Quang v.v... Ngày nay tên tuổi

các cây bút kể trên, trong văn giới không ai là không biết.

Nữ sĩ Ái Lan cũng từng là hội viên rất nhiệt thành họa sĩ Văn Mười và cùng anh em văn nghệ sĩ Tây Thành làm đẹp cho tỉnh nhà chẳng ít.

Khách văn chương vẫn thường lui tới luận đàm thế sự xướng họa thi văn nơi Tao đàn Dương Chí. Một khách thính văn nghệ (Salon littéraire) của ông Dương Chí, Dương Du Cam cựu giáo sư trường Trung học Phan Thanh Giản mà cũng là một nhạc sĩ điêu luyện ngón đàn tranh và có tiếng với nhiều nhạc sĩ khác. Đã có tài về cổ nhạc, ông Dương Du Cam cũng sành cả tân nhạc, sử dụng tinh tường cả mấy nhạc khí. Tài tình, phong nhã, ông lại có tâm hồn hướng ngưỡng về đạo lý, sùng mộ đạo Phật, có chân trong Hội Phật học Cần Thơ. Đáng tiếc ông mất đi, Tao đàn Dương Chí mất nhiều nét đẹp.

Thi văn đoàn của các bạn trẻ Tây đô cũng đôi bước theo bậc đàn anh, kể cũng khá nhiều. Đặc biệt nhất có văn đoàn "Chim Việt". Những cây bút đáng kể của "Chim Việt" có Trần Quang Nghĩa, Thùy Nhiên, Hồ Hải v.v... Điều đáng khen là văn đoàn Chim Việt còn cố gắng cho ra một tờ tuần báo mang tên "Hoa Niên", hình thức trình bày thanh nhã khá ái, nội dung hay, vui, bổ ích.

Rồi thì lần lượt về sau, còn có thêm những thi văn đoàn mà bạn trẻ trong đoàn từng có thơ văn đăng tải trên các báo thủ đô như :

Hồn xưa nước mắt, Nhóm 20 người, Bút non, Hương trầm, Chân thành phố, Phương, Hoa sắc tím, Ái hữu chi nhánh Dòng sông Hậu v.v...

Gần đây hơn, những mầm non văn nghệ của Tây Đô

gom về 4 thi văn đoàn, đang trên đà phát triển :

- Về nguồn
- Thảo nhĩ
- Vùng đất sống
- Mẫu tuổi ngọc

Thi văn đoàn “Về nguồn” do cây bút trẻ Trúc Khanh, Lê Phước Nghiệp chăm nom đôn đốc hứa hẹn tương lai xán lạn huy hoàng. Hai bạn trẻ Huỳnh Văn Thanh, Lê Hoàng Viện, Kiều Diễm Phương đầy triển vọng, thi văn đủ loại, từng đăng trên các báo hằng ngày, tuần san, tạp chí.

Sau này, Cần Thơ còn có nhật báo “Miền Tây” và trong tương lai chắc sẽ có nhiều tuần báo, hoặc những cơ sở xuất bản, chừng ấy Cần Thơ sẽ xứng với danh tiếng Tây Đô biết bao.

ĐẸP CẦN THƠ QUA THI CA

Lời nhà biên khảo :

Cần Thơ thơ mộng

Cần Thơ mến yêu

Cần Thơ người đẹp cảnh xinh

Địa linh nhưn kiệt Phong Dinh ruộng vườn

Thăng trầm khói lửa đau thương

Cần Thơ quật khởi trên đường phục hưng.

Xuyên qua những văn thơ trên đây khách lãng du từ trước tới nay chưa có dịp viếng Cần Thơ, hoặc có người cũng trải qua nhiều lượt, ít ra cũng cảm nghĩ đến hình dung cảnh vật, đất đai Cần Thơ như thế nào ?

Cần Thơ là một tỉnh trù phú, dân cư đông đúc, ruộng vườn giăng giăng rộng lớn, thuộc vùng Châu thổ sông Cửu Long đồng bằng, không có núi non nằm trong bình nguyên Nam phần Việt Nam.

Về địa hình địa vật có nhiều sông rạch chằng chịt quanh co khúc khuỷu, mang theo mầu mỡ của đất phù sa do sông Cửu Long bồi đắp, quanh năm nước ngọt, cây trái oằn sai, lại thêm các cô thôn nữ ngây thơ hiền lành chất phác với dáng điệu kiều diễm đầy quyến rũ :

Cần Thơ cảnh vật tươi xinh

Gợi lòng du khách đậm tình nước non.

Cần Thơ có thể nói là trung tâm của các tỉnh miền Tây nói riêng, toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung, trực giao thông quan trọng địa thế thuận lợi về mọi mặt. Kinh tế, văn hóa v.v...

Là nơi kết tinh và phát xuất lăm nhàn tài làm rạng rỡ quê hương. Tìm hiểu qua địa hạt văn hóa của thời xưa, chúng ta không thể quên những cây viết tinh hoa, nổi bật trên nền trời văn học khắp nơi đều cảm phục, trong số có các cụ Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị (tức Cử Trị), Lê Quang Chiêu, Nguyễn Thanh Trừng. Nói đến thế hệ trẻ, trong số nhà văn, nhà thơ tại tỉnh ngày nay, chúng tôi hân hạnh được biết các bạn : Nam Xuân Thọ, Uyên Thảo, nữ thi sĩ Kiều Diễm Hương, Trúc Khanh, Lan Hương, cô Thanh Nga, các bạn đã từng góp mặt trên văn đàn qua những bài văn, bài thơ, đượm mầu sắc quê hương tính dân tộc, nói lên từng vùng, từng quận ca ngợi

vẻ đẹp thiên nhiên của làng mạc.

Đây là những vần Thơ mô tả mỗi quận trong tỉnh Phong Dinh, dưới mắt văn nhân thi sĩ đầy vẻ mến yêu, tô đậm những nét đẹp Cần Thơ càng thêm duyên dáng.

Cái Răng :

*Cầu xưa ba nhịp Cái Răng
Trơ cùng tuế nguyệt trâm thẳng vẫn còn
Tiến con đò mộng thon don
Tình quê bể cạn non mòn không phai*

Phụng Hiệp :

*Ngã bảy rẽ lối xuôi dòng
Cà Mau, Rạch Giá đau lòng chi ba
Ngàn năm không nhạt tình ta
Mến yêu non nước ông cha tạo thành*

Phong Phú :

*Ô Môn lúa tốt ngập đồng
Vàm Nhơn, Ba Mít, đượm nồng ý thơ
Em về Tân Thới bơ vơ
Ba xe em ở bao giờ thăm anh ?*

Thuận Trung :

*Cờ đỏ đã rách lâu rồi
Tiếng còn cờ mất bồi hồi nhớ em
Mơ buồn thử đợi nhìn xem
Cảnh xưa còn đấy mà em đâu rồi ?*

Thuận Nhơn :

Vàm Bi, Trà Ất, Xà No

Về đây còn nhớ câu hò năm xưa
 Nửa khuya trăng nhạt sao thưa
 Ngồi đây mơ mộng gió đưa trăng về.

Phong Điền :

Em ôi Nhơn Ái, Trà Niềng
 Là nơi đôi lứa hẹn nguyên trăm năm
 Trăm năm êm ả hơi cầm
 Nguyên xưa còn nhớ anh nằm anh mơ
 Hình ảnh quận Thuận Trung xuyên qua thơ Uyên Thảo,

ngâm câu :

“Trông về Thị Đội lòng lâng tưởng
 E ấp dài trang rám nắng đào”

Ai không chạnh tưởng đến câu ca dao từng gọi lòng ai
 se thắt :

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
 Trông về Thị Đội ruột đau chín chiều

Thị Đội vốn là con kinh nổi liền Ô Môn (Cần Thơ)
 sang Rạch Giá

Lòng nhớ mong ai mà se thắt,
 Nẻo quê hương hun hút áng mây mù !

Tuy nhiên hình ảnh Phong Điền qua các miền “Trà Niềng, Nhơn Ái, trăm năm đợi, nguyện thủy chung, lòng chẳng bước sang”. Thì tấm lòng son sắt của người Cần Thơ càng biểu lộ rõ rệt.

Nguyện thủy chung vẫn là niềm thề nguyện son sắt đá
 vàng của đồng bào miền Tây chan chứa tình yêu nước thương

nhớ, trọn tình vẹn nghĩa

Gió Vĩnh Long về qua Sa Đéc

Mưa Cần Thơ nắng đẹp Long Xuyên

Em là cô gái Hà Tiên

Nhớ anh lính chiến qua miền Hậu Giang

Đã theo dõi Uyên Thảo thăm qua sáu quận tỉnh Phong
Dinh. Xin mời bạn lại theo tiếng làng quê chợ quận, thôn xóm
yên tĩnh với những tâm hồn thuần phác mộc mạc đáng yêu,
qua ngòi bút thi sĩ Trúc Khanh :

Xóm chài :

Mây trắng Cần Thơ vương tóc em

Chiều mơ lá lướt mấy con thuyền

Đèn lên bến nhỏ sâu manh lưới,

Đưa đón nhau đò qua nửa đêm

Mái Dầm :

Em Mái Dầm sông xa lớp lớp

Bằng lăng mọc tím lối lên trời

Khói tàu bay trắng vòm kính nhỏ

Đôi mắt em màu xanh biển khơi

Bằng Tăng :

Bằng Tăng xóm trở nghèo xơ xác

Đồn cỏ nền hoang thuở tối tăm

Phố chợ trời nua dầm ướt đất

Vào thương để mộng nếp trắng rằm

Bình Thủy :

Bình Thủy đường chân loang loáng nước

Về em theo cò rổi Long Xuyên
 Mưa rơi thảng sáu dài hoang lệ
 Trăm bóng sao cài đang ngả nghiêng
 Bình Minh :

Trưa nắng em về sông Bassac
 Hồi chuông chiều niệm tuổi bình minh
 Nhớ nhau qua giáo đường năm ngoái
 Quanh vắng rồi em đứng một mình
 Cái Răng :

Và Cái Răng trời lên dáng xưa
 Lời trung hoa vọng buổi giao mùa
 Thương em áo trắng buồn đơn chiếc,
 Hai đứa xa từ trong giấc mơ.
 “Cần Thơ” của Trúc Khanh

Đạo gót ở nhiều nơi, quay về tỉnh lý. Xa trông kìa ai
 đứng ngóng dò nơi bến vắng. Tâm sự ai man mác khi dò đã ra
 khơi mà mình lỡ chuyến. Bâng khuâng cạnh cảm, nữ sĩ Kiều
 Diễm Phương nói lên tâm sự của người bán khoán nghi ngại
 chuyện ngày mai :

Tây Đô sóng nước lặng lơ trôi
 Một chiếc dò con tách bến rồi
 Thấp thoáng bên kia người vẫy gọi
 Lạnh lùng dò vẫn lướt ra khơi.
 Đôi mắt trông theo vời vợi buồn
 Cái đầu lặng bước bóng chiều buông
 Dò đời lỡ chuyến thôi đành vậy

Chẳng biết dò duyên có lẽ không ?

“Lỡ chuyến dò” của Kiều Diễm Phương

Nhưng dò đời lỡ chuyến phải tạm dừng chân, dù đường chiều phố vắng lộng gió đu đưa, du khách ơi, nét đẹp Tây Đô hay bất cứ đâu đâu trên cõi Việt muôn thuở vẫn như bừng sắc qua cánh áo trắng nữ sinh, tiêu biểu nét kiên trinh thuần Việt, Đông phương trang nghiêm khả ái :

Hoang vắng hoàng hôn trải phố chiều
Trên con đại lộ gió đu đưa
Vài cô áo trắng đi trong nắng
Lướt thướt mây trôi quyện bóng chiều.

*Nẻo vắng đưa về một nữ sinh
Thơ ngây về đẹp về bằng trinh
Gió vờn nhè nhẹ hôn tà áo,
Lời hát trên môi ngỡ ý tình*

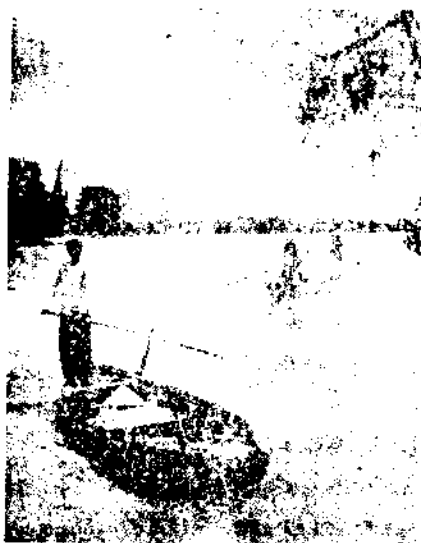
“Phố chiều” Thơ Kiều Diễm Phương

Cảm tưởng những lời diễn tả của các bạn thi nhân qua sắc thái từng địa phương, nói lên với tấm lòng tha thiết yêu mến quê hương, cốt làm sống lại mảnh đất của tiền nhân đã gây dựng với những trang sử oai hùng bất khuất.

Ngày nay thế hệ trẻ nặng lòng vì non sông, chỉ mượn ngòi bút dệt nên những dòng thơ lưu niệm, góp phần tô điểm trong tác phẩm này càng thêm phong phú, để làm món quà tinh thần tặng quý bạn bốn phương, muốn tìm hiểu phần đất Hậu Giang thơ mộng non nước hữu tình, diễn tả qua bao cốt

chuyện hữu ích đáng đề cao.

CẢNH ĐẸP TRÊN SÔNG CẦN THƠ



*Quần chi dài nắng dầm mát;
Một lòng đợi bạn ngày xưa trở về !*

TÌM HIỂU PHONG TỤC TẬP QUÁN MIỀN NAM QUA MẤY VẦN CA DAO

Nước Việt Nam trải qua bốn ngàn năm văn hiến lịch sử, nhưng đặc tính dân tộc không sao mất được.

Chúng ta là người dân Việt đã hấp thụ nền văn hóa cổ truyền tự bao thế kỷ, há không nêu công ơn tổ tiên qua những lời thơ sơ mộc mạc, nhưng đầy ý nghĩa thanh cao và chất phác của người miền Nam.

Hôm nay chúng tôi mạo muội trình thiên khảo cứu qua những vần ca dao miền Nam văn hóa, hiến quý bạn đọc có tinh thần hiếu cổ thưởng thức tưởng không đến nỗi là vô bổ.

Nhưng lòng rất băn khoăn một nỗi lo âu, là trong thời khoa học ánh sáng văn minh gieo rắc từ thành thị đến thôn quê, mà nhắc đến những câu chuyện mộc mạc như thế, chắc cũng có người cho chúng tôi là lạc hậu.

Thiệt tưởng ở đời, cây có cội nước có nguồn, vì lẽ đó mà chúng tôi không ngần ngại nêu lên những câu nói ấy để làm sống lại tình quê hương dân tộc.

Chúng tôi xin mở đầu những câu dưới đây :

Mẹ già ở túp lều tranh,

Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.

Tuy nhiên ca dao miền Nam phản ảnh cả tinh thần dân tộc và đã nhiều phen thúc đẩy lòng hiếu thảo của con người, nhớ đến câu sanh thành dưỡng dục, nhắc nhở đồng bào phụng sự trên đường chánh nghĩa :

Anh ôi phải lính thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.

Nó đã ung đúc biết bao nhiêu liệt nữ anh hùng, cha lành, con thảo, thế thì các lời ca ấy, dẫu muôn nghìn đời về sau vẫn là mối mề ta không thể lãng quên được.

Mẹ dạy con gái :

Một khi con gái lớn lên, đến tuổi dậy thì, mười lăm, mười bảy tuổi, thì mẹ đã căn dặn giữ gìn nét na cho đoan chánh :

Ra đi mẹ có dặn rằng :

Làm thân con gái chớ ăn trầu người

Chừng có đôi có bạn rồi thì :

Con gái có hai bến sông

Bến đục thì chịu bến trong thì nhờ

Người xưa rất nghiêm khắc, trong nhờ đục chịu, không nên lộn nài tháo ống, mà mang tiếng gái lộn chồng :

Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng

Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai !

Thiếu nữ nào vẹn toàn công dung ngôn hạnh thì kẻ kính người vì, chớ ai có màng chi người đẹp mà trác nét lẳng lơ :

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,

Xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người.

Cha dạy con trai :

Đã sanh làm thân con trai thì phải làm sao cho xứng đáng với đời, tròn câu hiếu thảo không hổ mặt với xóm làng :

Công cha nghĩa mẹ chớ quên

Ơn vua lộc nước mong đền con ơi

Như vậy mới gọi rằng trai

Trên lo nghĩa chúa dưới mài thảo thân

Cha lại còn nhắc nhở :

Chữ rằng hổ tử lưu bì

*Làm người phải để danh gì hậu lại
Và :*

*Làm sao giữ trọn đạo ba
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.*

Trong sự lập thành gia thất, cha mẹ dặn con, đối với cha mẹ vợ, cũng luôn luôn đối đãi cho ra vẻ con nhà lễ giáo :

*Tới đây thủ lễ nghiêng mình
Dầu không dặng vợ cũng tình mẹ cha
Rủi cơm không lành canh không ngọt thì :
Bình phong cần ốc xà cừ
Vợ hư để vợ, đừng từ mẹ cha.
Đức hy sinh của phụ nữ :*

Chẳng lựa phải nói, độc giả cũng thừa hiểu rằng trong việc nội trợ tề gia, đức hy sinh của người phụ nữ Việt Nam thật vô bờ bến !

Chúng ta hãy nghe những câu hát sau đây :

*Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang san nhà chồng.
Có chồng phải lụy cùng chồng,
Đắng cay phải chịu mặn nồng phải theo
Lên non thiếp cũng lên theo*

Tay vịn chân trèo, hái trái nuôi nhau.

*Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.*

Cảnh chia ly :

Nhưng nếu vì hoàn cảnh bắt buộc mà không được theo chồng thì vợ lại an ủi :

Anh đi em ở lại nhà

Hai vai gánh nặng, mẹ già con thơ.

Khi chồng đi vắng, các bạn nữ nhi không khỏi buồn lòng :

Anh đi lưu thú Bắc thành

Để em khô héo như nhành mai khô

Phụng hoàng lẻ bạn sầu tư

Em đây lẻ bạn cũng như phụng hoàng.

Buồn thì buồn vậy, nhưng vẫn không quên nhiệm vụ khuyên chồng ra đi, tức là không ngại hy sinh vì chánh nghĩa :

Anh ơi phải lính thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.

Mấy câu hát trên đây có lẽ ra đời dưới thời Gia Long, vì sau khi thống nhất sơn hà, Gia Long còn bắt lính tráng trong Nam đem ra Bắc xây đắp đồn lũy.

Tổng trấn thành Gia Định, lúc bấy giờ là Lê Văn Duyệt nhiều phen dâng sớ nhắc nhà vua cho lính về quê, bởi vua Gia Long có hứa ngày nào thu phục cơ đồ thì lính Nam kỳ được hồi hương lập tức. Song vua Gia Long tái tạm khuyến dụ, chứ chưa chịu giải quân làm cho chinh phụ ôm mối hận tình :

Ra đi em một ngó chừng

Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao.

Lúc ấy chinh phu không khỏi xót xa gan bào ruột thắt, muốn nói mà nói không ra lời :

Lên xe túc một tiếng còi,

Thương em nhớ vợ, lệnh đòi phải đi

Đoàn kết :

Một quốc gia hùng mạnh, dân tộc có nhiều chí khí,

khó mà thành công, nếu không biết đoàn kết, nghi kỵ chia rẽ,
vì đoàn kết thì sống mà chia rẽ thì chết :

Non cao ai đắp mà cao

Sông sâu ai bới ai đào mà sâu

Đó là một công trình của một thế hệ. Mọi người trong
xứ đối xử với nhau đều có quan hệ mật thiết :

Sấm bên Đông động bên Tây

Tuy rằng nói đó nhưng đây động lòng

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Ở cho phải nghĩa phải nhân

Cây đa cây Thần, Thần cây cây đa.

Trong chương phong tục này, chúng tôi xin thêm vài
câu nhận xét về tình tưởng mà người ta thường nói, thành ra
những câu ấy đã in vào trí nhớ của giới bình dân được truyền
tụng đến ngày nay :

Mười ba trăng lặn gà kêu

Mười bốn trăng lặn gà đều gáy tan

Đêm khuya thức dậy xem trời

Thấy sao bên Bắc đổi dời qua Nam

Sao hôm chờ đợi sao mai

Trách làng sao vượt thương ai bằng chường.

Và thời tiết :

Chuồn chuồn bay thấp trời mưa

Bay cao trời nắng đập dĩa em ăn.

Đất nào cũng có thổ sản này, cho nên có câu :

Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng

Về sông ăn cá, về đồng ăn cua

Đồng bào Việt Nam ta lúc nào cũng vui sống, quanh năm làm lụng vất vả, để mong đến Tết được thỏa thích ăn chơi :

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Mặc dầu ca dao ở miền Nam chuyên tả tình cảm, song ca dao còn là tiếng nói của các bạn bình dân, nó là sản phẩm của đồng ruộng, của làng mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản ảnh cả phong tục của dân quê ta vậy.

Chúng tôi sưu tầm qua một ít ca dao trong quyển “Phong tục miền Nam qua mấy vần ca dao” của cụ Đào Văn Hội, hầu cống hiến bạn đọc tìm hiểu thâm ý của người xưa đối với người nay rất xa biệt.

ĐÂY LÀ ÍT VẦN THƠ CỦA MỘT TU SĨ CẢM TÁC KHI TRỞ LẠI TỊNH XÁ NGỌC MINH SAU MỘT THỜI GIAN XA CÁCH TÁI NGỘ CẦN THƠ

Chiều mười chín, một chiều trời oi ả

Trên từng không tung cánh một đàn chim

Gió rì rào Sóng mạ lượn êm êm

Tôi dừng bước đây Ngọc Minh tịnh xá

Ồi ! cảnh vật, sao tiêu điều hoang dã ?

Xưa : Bồ đề xanh ngắt lá sum suê, ...

Đàn chim ca riu rít rộn bay về

Cây phượng vĩ khoe tàn xanh che má

Hồ trong vắt, sen hồng hương ngai ngát
Ánh đèn màu : chớp, nhoáng, rạng hào quang
Nhưng than ôi ! Bao cảnh đẹp huy hoàng
Theo ngày, tháng, đã lui về dĩ vãng !

Đây, tịnh xá ôi ! nằm trong hoang vắng !
Đây, tàn đũa, ôi ! cần cỗi xác xơ !
Đây, bỏ để tróc gốc, hết nên thơ !
Chỉ còn lại vài hàng cây "sâu đũa"

Thoảng mắt đưa : gió vàng lay ngọn lúa
Chạnh nhớ câu : "Sắc Sắc tức Không Không"
Sao thế nhân mê mãi chốn bụi hồng ?
Rồi kết cuộc : "Vạn ban đô thị giả !"

Tuy chẳng phải : "Nương dâu thành biển cả"
Song cũng là : "Tịnh xá hóa đường đi !"
Cảnh đã thay, đã đổi, đã biến đi !
Còn tâm đạo, đạo tâm ra sao nhỉ ?
Nhân, dùng gót muôn phương, nơi tỉnh lý
Đội vẫn thơ, kỷ niệm đến Cần Thơ
Vì kiếp tầm đến thác vẫn vương tơ
Để đền trả nợ dâu cho nhân thế

Pháp sư Giác Huệ

PHẦN THỨ SÁU

CẦN THƠ, PHONG DINH XƯA NĂM 1966

BẾN LÊ LỢI NGÀY XƯA



Bến này xưa là nơi tập trung các ghe thương hồ mua bán. Đồng bào địa phương thường gọi là bến Hàng Dương

BẾN NINH KIỀU NGÀY XƯA



Trên đà chỉnh trang kiến thiết đô thị, bến Lê Lợi đã được nới rộng. Những cây hai bên vệ đường đều triệt hạ, dựa bờ sông cần đá. Trên làm công viên, để băng cho du khách nghỉ chân hóng mát. Quang cảnh xưa và năm 1966 khác nhau xa biệt.

BẾN LÊ LỢI NGÀY XƯA

Một nhà văn đã viết : “Bạn có về Cần Thơ nhớ ghé thăm cảnh đẹp Tây Đô, một thành phố giàu sang xinh đẹp, nằm cạnh dòng sông Hậu dịu hiền...” Tây Đô đẹp. Những nét đẹp muôn đời phát huy trình độ dân tộc nơi đây càng ngày càng vượt tiến. Mỗi lần đặt chân qua đây là du khách không bỏ lỡ cơ hội dạo bến Ninh Kiều. Không một du khách nào là chẳng nghe nói đến bến Ninh Kiều của Cần Thơ.

Bờ sông Cần Thơ khi xưa vẫn thường dập dềnh khách lãng du. Những đêm trăng, trên sông vang ngân tiếng hò đối đáp của khách thương hồ, tiếng đàn hát của khách cầm ca. Do đó tương truyền khi chúa Nguyễn Ánh náu mình ở Cần Thơ, đặt tên cho con sông là “Cầm Thi Giang” nghĩa là con sông của thi ca đàn hát. Lâu ngày gọi trại đi, hai chữ “Cầm Thi” biến thành “Cần Thơ”.

Lúc bấy giờ bến sông Cần Thơ vẫn chưa được bàn tay người đời tô điểm. Những hàng cây dương, cây sao đua nhau soi bóng dưới lòng sông gợi cảnh hữu tình đầy thơ mộng.

Mỗi buổi chiều về, các cụ bô lão đầu chít khăn điều, tay chống gậy ung dung nhẹ bước tiến theo bờ sông ngắm cảnh. Các cô thôn nữ ngây thơ duyên dáng, mặc áo trắng quần lân đen, bới tóc thả vòng bánh lái cũng góp mặt nơi đây. Cảnh trí hữu tình quyến rũ biết bao thi nhân mặc khách.

Chiều lộng gió, từng đàn cò trắng chiu chít kêu vang tụ họp chập chờn đáp xuống trên những ngọn cây ngập trắng.

Vắng dương vừa khuất bóng. Cảnh hoàng hôn buông xuống khắp cả núi sông, gợi bao tâm tình kỷ niệm, hồi tưởng qua những mẩu chuyện xa xưa mà nhớ đến tiền nhân đã dày công gian khổ xây đắp bến Cần Thơ, trồng từng gốc cây, lấp những hầm hố sinh lầy, tuy không mỹ quan nhưng đó là hình ảnh lưu dấu muôn đời gắn vào lòng dân đất Trấn Giang nhớ đến ...

Sau thời gian quân Pháp đến chiếm Trấn Giang của Nam triều, lập Tòa Bố tại Cần Thơ do Đại úy Nicolai làm Chánh tham biện từ 1876 liên tục các trào Tham biện khác Villard, kế Nicolai trở lại lần thứ hai, Lebrun Boquillon nối tiếp v.v... Từ đây Châu Thành được mở rộng, các công sở dinh thự dựng lên, bến Cần Thơ được chỉnh trang cẩn đá xây gạch theo chỗ cũ để ngăn sóng thủy triều dọc theo bờ sông, để làm thành cái bến. Thông thường chỉ là bến ghe, bến tàu lục tỉnh, vì các tàu bè chạy khắp miền Hậu Giang đều ghé bến ở đây mà chuyển vận hàng hoá, đưa rước hành khách.

Đồng bào địa phương thường nhóm họp mua bán theo bờ sông rất nhộn nhịp kêu là bến Hàng Dương.

Do đó bến này được mang tên là Quai deCommerce

Với hình ảnh bến Cần Thơ khi xưa chúng tôi sưu tầm được, đem ra đối chiếu với cảnh năm 1966, tuy có vẻ mỹ quan lộng lẫy, nhưng sánh ra đâu bằng cảnh trầm lặng với bộ mặt

khiêm tốn của thời xa xưa.

Mặc dầu cảnh cũ đã lui về với quá khứ, nhưng hình ảnh ấy đã gợi cho những ai có tinh thần tôn cổ, hoài bão quê hương mến yêu non nước, hình bóng không khỏi ngậm ngùi luyến tiếc, muốn tìm lại bến Cần Thơ khi xưa đâu còn nữa ?

ĐƯỜNG LÊ LỢI NGÀY XƯA



Đường Lê Lợi ngày xưa hai bên có những cây cổ thụ giao đầu, phủ lá, tuy không được quang đãng, nhưng rất trầm lặng.

BẾN NINH KIỀU NĂM 1966



Những cảnh cũ đã lui về trong quá khứ, Tây Đô năm 1966. Hiện lên với bộ mặt mới mẻ, đường sá nơi rộng, cảnh trí hai bên bờ sông Cần Thơ được sửa đổi, mang tên là bến Ninh Kiều.

BẾN NINH KIỀU NĂM 1966

Khoảng 1954, xóa bỏ hết tàn tích thực dân, triệt hạ những cây sao bóng mát, tấm bảng mang tên Quai de Commerce đổi lại là bến Lê Lợi. Rồi dần dần chỉnh trang thành phố, sửa đổi bộ mặt bến sông.

Trước kia, xuồng ghe thương hồ đậu tấp nập dài suốt

bến, tạo thành bến chợ hơn là bến dạo mát. Chính quyền bên dành riêng một khoảng bến, sắp đặt phong quang mỹ thuật, làm nơi du khách thỏa tình hứng gió, ngắm cảnh. Bể rộng 14 thước, dài 440 thước, một đầu là chợ Cần Thơ, thêm một vườn chơi trẻ em xinh xắn nằm gần bên.

Ngày 4 tháng 8 năm 1958, làm lễ khánh thành, đặt tên là bến Ninh Kiều.

Vì con đường nằm dọc theo bến mang tên là Lê Lợi, nên đặt tên bến là “Ninh Kiều” để kỷ niệm công một chiến tích oai hùng của Bắc Bình Vương Lê Lợi tại bến Ninh Kiều, ở đất Bắc thuở xưa. Trận đánh ở bến Ninh Kiều, Tuy Động, Lê Lợi đã khiến quân Minh kinh hoàng khiếp phục :

“Tuy Động thấy phơi đầy đất

Ninh Kiều máu chảy thành sông”

Mang tên kỷ niệm một chiến tích oai hùng cũng như những tên bến Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, nhưng bến Ninh Kiều có sắc thái riêng, vẻ đẹp riêng. Những tảng đá xanh cấu kết tạo thành bờ sông kiên cố. Những cây chà là với các tàu lá nhô ra như ngọn mấy cây dừa kiểng. Lá cây màu vàng, sắc vàng quý phái, trang điểm cho nét đẹp về chiều. Dọc bến có chừa một lề đường cho du khách thả rong theo bờ sông nhìn nước Hậu Giang in bóng trắng rằm trong mát. Một hàng băng đá để du khách nghỉ chân, mát hương về phía bên kia sông : Xóm Chài le lói ánh đèn dầu yên tĩnh và bình thản,

xa hơn, cù lao Bần lơ lửng trong màn đêm.

Còn có những con đò đưa rước khách qua sông hoặc chiều lòng khách thả trôi thuyền trên dòng nước để nhìn lên thành phố rực ánh đèn. Ngồi nơi băng đá, những ánh đèn tròn gắn trên đầu trụ đứng, tỏa ánh sáng mờ mờ lung.

Công viên xanh rì thảm cỏ, những lối đi trắng nhựa, với nền xi măng len lõi vào sân cỏ trông đẹp mắt. Mỗi một cây kiểng có tầng “kỹ thuật” (cắt, uốn cẩn thận) vòng tròn thật lớn, cao và rợp bóng mát; xung quanh có con đường tròn với ba lối đi vào để tìm bốn chiếc băng đặt đầu lưng nhau. Vào những buổi chiều, du khách tha hồ vào đây nghỉ ngơi. Thêm một hàng cây dương giống loại cây tùng, thẳng đứng, xếp thành đường thẳng dọc theo lề đường bên Ninh Kiều như trơ gan cùng mưa nắng.

Ban ngày, bến Ninh Kiều là nơi hành nghề của những nhà nhiếp ảnh. Du khách sẽ bắt gặp biết bao nhiêu kiểu ảnh mới xinh đẹp của bến Ninh Kiều với hình dáng của du khách, trên bảng treo quảng cáo của các nhiếp ảnh viên Văn Mười, Văn Kính, Hoàng Xuân Sít v.v...

Về đêm, từng đàn em bé gái, bé trai đội từng sê mía, rổ đậu mời mọc du khách. Ở đây du khách sẽ nếm được chất ngọt ngào của mía Cần Thơ, mùi thơm của đậu phộng rang nóng bỏng. Phía đầu chợ, còn có những quán nước, xe trái

cây, quấy chè, gánh hột vịt lộn, xe mì, cháo, hàng đồ nhậu mọc lên như nấm. Bãi đất trống bên bờ sông bấy giờ biến thành một khu chợ lộ thiên, chói chan bóng đèn ngũ sắc như sao sa. Người mua kẻ bán ồn ào.

CHINH PHỤ NINH KIỀU



*Chờ anh chờ khẳm thuyền hy vọng
Về bến vinh quang dệt mộng lành
Cảnh cũ nước trăng xinh đẹp quá
Thuyền xưa chờ để nước chia dòng.*

Những đêm thứ bảy, chủ nhật hoặc những ngày lễ, bến Ninh Kiều có trình diễn văn nghệ, nơi sân khấu thiết lập trên cây cầu bắc nhô ra sông. Những màn phô diễn tân cổ nhạc với giọng hát địa phương vang lên lời ca dân tộc.

Trai thanh gái lịch dập dìu. Nếu ở Thủ Đô du khách rất ít khi thấy những tà áo bà ba, áo dài tha thướt, thì ở đây còn có những vẻ đẹp ở đó, gợi lên hình ảnh thân yêu tự muôn đời.

Cái đẹp của bến Ninh Kiều là cái đẹp thùy mị, đáng yêu, và thơ mộng.

Du khách mỗi lần qua đây đều phải ngậm ngùi khi :
Từ biệt Ninh Kiều :

*Tôi đến đây năm hôm rồi em,
Lang thang qua phố mưa buồn đêm.
Ninh Kiều bến đợi ai xa lạ,
Tôi chỉ mình tôi ngắm bóng mình.*

*Thuốc đóm lờn như đèn trên sông.
Thuyền ai về đó có xuôi dòng !
Tôi người xa xứ đi phương lạ,
Đến chẳng ai mừng đi cũng không.*

Làm khách năm hôm làm khách trọ,

*Gió mang ý lạc nhớ cô phòng.
Ở đây son phấn lên từng đợt,
Đã bắn bao nhiêu đời trắng trong ?*

*Mai này già từ Tây Đô ơi !
Duyên em còn ửng nét môi cười.
Hãy quên tóc rối người lang bạt,
Đừng nhắc chung tình, hẹn lứa đôi.*

*Cho nước Tiền Giang êm thấm chảy,
Hậu Giang cũng ngọt chuyển dòng xuôi.
Nửa đêm quán trọ ngủi tâm sự,
Mai lại làm thân én cuối trời.*

(Thơ Phan Yến Linh)

Một du khách khi “Về Phong Dinh”, đặt bước nơi bến Ninh Kiều vẫn nghe dạt dào sóng cảm, man mác hồn thơ khi ngắm cảnh nhớ người xa vắng :

*Phong Dinh có bến Ninh Kiều,
Có dòng sông đẹp với nhiều giai nhân.
Cuộc đời luống những phù vân,
Trở về bến cũ cố nhân xa vời !
Thân em như cánh “hoa rơi” ...
Thân em như cánh chim trời bơ vơ !*

Yêu em lỡ cả cuộc đời.

Nhớ thương chỉ gọi mây trời từ đây ...

Về Phong Dinh ngắm lại bến Ninh Kiều, băng khuâng chạnh nhớ bóng dáng người yêu từng sánh đôi nhau trên bến đẹp, luồng cảm xúc niềm đau : “Đang dở”, Hằng Minh lại vang ngân tơ lòng tha thiết :

Anh về mong dệt đường tơ

Cùng người em gái bên bờ Phong Dinh

Thương thay cái kiếp duyên tình,

Tình không trọn vẹn duyên mình dở dang !

Bao ngày cách trở quan san,

Trở về bến cũ em vừa sang ngang !

Từ đây chia cách đôi đàng,

Kiếp này không hợp thôi bàn kiếp sau.

(Thơ Hằng Minh)

Từ khi còn là bờ sông Cần Thơ đến khi mang tên bến Ninh Kiều, bến Ninh Kiều đã trở thành một địa danh lừng lẫy :

Cần Thơ có bến Ninh Kiều

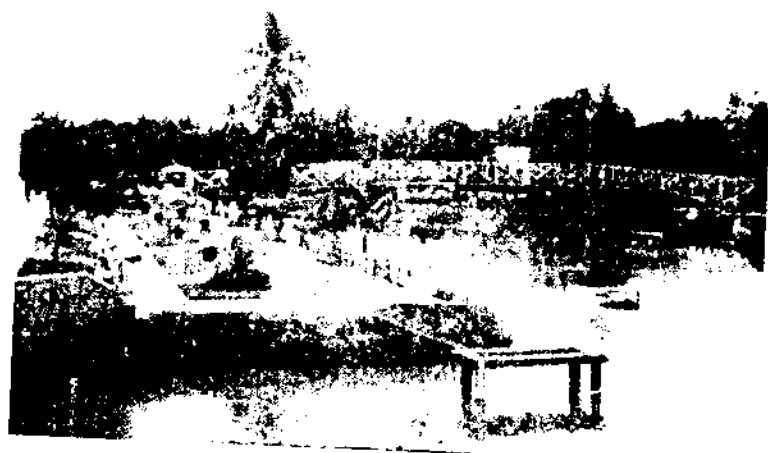
Mỗi chiều thứ bảy người nhiều như nêm

Đẹp xinh cảnh sắc về đêm

Nhìn sông thấy nước nhớ thêm tình người.

Và thắng cảnh Ninh Kiều sẽ còn hứa hẹn duyên dáng hơn trong dịp trùng tu gần đây.

CẦU ĐÔI RẠCH CÁI KHẾ



Một quang cảnh nên thơ đầy quyến rũ, nơi rạch Cái Khế có bắc hai cây cầu đôi chạy hai chiều, tiện cho sự giao thông trong thành phố, xe cộ khỏi bị ứ đọng. Dưới dốc cầu, dựa bờ rạch có một công viên tân tạo. Đêm về, đồng bào quanh vùng thường thả bộ ra bến Nhị Kiều dạo mát.

BỜ RẠCH CÁI KHẾ NGÀY XƯA

VÀ BẾN NHỊ KIỂU 1966

Gần xa mến cảnh Tây Đô qua bến Ninh Kiều, thiết tưởng không thể không thưởng lãm đến bến ... Nhị Kiều

Bến Nhị Kiều nằm dọc theo rạch Cái Khế từ đầu đường Cống Quỳnh đến gần vườn Đền Tiên. Nhưng đáng kể nhất là khoảng từ cầu Xáng Thối qua khỏi cầu Đồi Mới.

Gọi là bến Nhị Kiều, vì trên khoảng đường dài theo con rạch Cái Khế này, từ đường Duy Tân qua Cống Quỳnh có hai cây cầu đáng kể : Một cây cầu đúc mới rộng rãi xinh đẹp, thay cho cây cầu đôi cũ; một cầu đôi mới dựng nên khi đẹp cầu đôi cũ, nay nghiêng nhiên để y như thế, tô đậm thêm duyên dáng yêu kiều của vùng Cái Khế đang chuyển mình vươn lên, phô màu khoe sắc. Hai cây cầu còn ở hai đầu đường Duy Tân và Cống Quỳnh, vừa tiện lợi cho sự giao thông, xe cộ khỏi bị kẹt, vừa làm tăng thêm cảnh trí sắc sảo đẹp mắt.

Con rạch Cái Khế bao vòng cồn Cái Khế, một nhánh nhỏ của Hậu Giang xưa mang tên là Liêm Hà. Dưới mắt cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Cái Khế khi xưa cảnh vật êm đềm, không khí trong lành, dân tình mộc mạc :

Sông Liêm thu tiết muộn rau dáy

Ông ông hơi ca rộn xóm chài

Rẽ nước om sòm con sóng vỗ

Ven trời thơi thơi nhận hàng bay

Cây cao gió thúc nhành hoa khuất

Hoa rụng dòng xuôi nước chảy đi

Thuyền nhỏ một chèo chưa định chỗ,

Đêm tàn trên tháp, rượu ve đây.

Ngâm ngợi bài thơ của cụ Thủ khoa để miên man hồi tưởng cảnh Cái Khế xưa, rồi sức nhìn lại Cái Khế ngày nay đang trên đà kiến thiết, tân tạo mỹ quan, lại thêm một bến Nhị Kiều điểm xuyên cảnh trí, hẳn du khách sẽ cảm thấy khó quên Cái Khế.

Một khoảng đất rộng dành làm bến, có trồng các loại cỏ tựa bến Ninh Kiều như trái vả xanh, trông dịu mắt. Lối đi nhỏ len vào sân cỏ mà từ trên đường nhìn xuống đồng ruộng xanh màu mạ. Những chiếc băng đá xếp vòng theo bốn cột trụ sắt, trên có mái che mát, thích hợp cho du khách từ những miền xa xôi về đây ngắm cảnh. Đẹp hơn nữa, mấy cây điệp trở bông đỏ ối, đó là những nét đặc biệt mà bến Nhị Kiều đã thu hút khách qua đây.

Ban ngày, bến Nhị Kiều nghiêm trang nằm phơi dưới ánh nắng oi nồng của mùa hè, dưới cơn mưa tầm tã của mùa mưa tháng sáu, nhưng qua cơn nắng đốt mưa chan, cảnh trí xinh lịch vẫn là xinh lịch đầy quyến rũ.

Thật ra bến Nhị Kiều đâu sánh nổi bến Ninh Kiều. Tuy nhiên, với vẻ khiêm nhường sự quyến rũ cho bến Ninh Kiều, dáng e lệ khiêm nhường của Nhị Kiều càng tăng sắc thái đáng yêu. Du khách không thể vô tình với phong cảnh quyến rũ êm đềm nơi đây. Dù không từng bùng lộng lẫy, nhưng nét diễm lệ thanh tân mới là dễ khiến lòng người đắm đuối, say mê nồng đượm mặn mà.

Đêm đêm bến Nhị Kiều đón nhận bước chân nhàn hạ của khách hóng mát sau một ngày làm lụng mệt nhọc, hoặc những đôi tình nhân tạm dừng chân cùng nhau tâm sự. Họ âu

yếm sát vai nhau ngồi nhìn dòng sông Cái Khế, hay dõi mắt lên cầu trông các chuyến xe thay nhau qua lại. Sông Cái Khế dù nhỏ nhưng nước sông luôn luôn tràn đầy như lòng du khách chứa chan bao mối tình.

Sau sau để muộn hơn Ninh Kiều, bến Nhị Kiều được mang tên vào năm 1964 khi cầu đôi Cái Khế làm xong và đặc biệt được chú ý ngay. Vì từ xa xưa đến bây giờ, Cái Khế mới được nâng niu, tô điểm cho như thế.

Bến Nhị Kiều ra đời đã chiếm mất một số du khách của bến Ninh Kiều. Trong đêm trăng, sóng nước Cái Khế gợn lăn tăn, nhuộm một màu vàng ẻo lả tình tứ, du khách ngồi tâm sự với người yêu khác nào Lưu Nguyễn nhập thiên thai thanh thoát.

Cơn gió đùa mơn man trên ghẹo. Nàng nép mình vào chàng như tìm sự che chở :

Sóng nước Nhị Kiều xinh đẹp quá,

Tình em trao gửi đẹp chẳng anh ?

Như say sưa với sóng nước, sóng tình, chàng cầm lấy tay nàng, mắt nhìn sâu đáy nước :

Bao giờ Cái Khế không còn nước

Mình mới không nên nghĩa vợ chồng.

Ân tình đẹp, khung cảnh đẹp, bến Nhị Kiều duyên dáng chẳng tàn phai. Cảnh vắng đêm thanh, trăng khuya rạng bóng, du khách càng dễ đắm say lòng ngắm cảnh, gợi nhớ đâu đâu.

Nếu du khách về viếng Tây Đô, thường lăm bến Ninh Kiều mà không kịp đặt bước đến Nhị Kiều là một điều thiếu sót lắm :

*Anh về đường ấy xa xa
Có thương em nhớ đi qua Nhị Kiều
Trên trời điệp nở ve kêu
Dưới sông sóng nước mỹ miều đó anh ...
Em thường mong đợi tin lành
Về đây anh nhớ cau xanh, trầu vàng
Anh về thủa chuyện cùng nàng
Để mai cầu lễ đá vàng trăm năm.*

(Thơ V, Th.)

VƯỜN THẦY CẦU NGÀY XƯA



Đây là ông Đoàn Hữu Cầu, một nhân vật có tiếng tăm ở

Cần Thơ. Lúc sanh thời, có tạo ra một cảnh công viên rất xinh đẹp, trồng nhiều hoa thơm cỏ lạ, cảnh trí lộng lẫy, tiếng đồn khắp nơi du khách thường đến viếng chơi tấp nập.

Ảnh chụp trong lúc ông ngồi câu cá dưới ao trước biệt thự của ông.

VƯỜN THẦY CẦU NGÀY XƯA

Một nơi từng nổi tiếng thắm cảnh quyến rũ tao nhân mặc khách.

Mấy năm trước, du khách viếng Cần Thơ vẫn thường nghe nói đến vườn Thầy Cầu, vì là nơi phong quang, cảnh trí khá xinh tươi, do chủ nhân là một bậc thượng lưu trong xã hội từng có du học tại Pháp, khéo tạo nơi thưởng lãm thanh nhã.

Thầy Cầu tên thật là Đoàn Hữu Cầu, xuất thân làm luật sư ở Cần Thơ. Ngôi vườn và tư thất của Thầy Cầu nằm gần cuối đường Cống Quỳnh và đối diện với rạch Cái Khế, cách tỉnh lỵ Cần Thơ chừng 3 cây số. Vườn bắt đầu được sửa sang khoảng năm 1930 - 31, trang trí lộng lẫy như công viên, có phần hơn là khác. Ngoài việc trồng đủ các loại cây, các loại kiểng đẹp, còn có ao trồng sen, ao nuôi cá. Rải rác trong vườn, dưới những tàng cây xanh um có băng đá, băng cây để du khách tha hồ nghỉ chân, ngắm cảnh, hay cùng nhau tâm sự nơi u nhàn thanh tịnh, cảnh gợi tình, tình gợi cảm, triển miên hào hứng say lòng.

Tư thất của Thầy Cầu nằm trong khu vườn, xây cất nền đúc, theo lối nhà sàn, nhiều bậc thềm dẫn lối lên trên

ngôi nhà tròn để nghỉ chân rồi mới vào bên trong.

Một chiếc cầu đúc nhỏ bắc ngang hồ thả cá là địa điểm vô cùng mát mẻ, du khách có thể đứng trên cầu nhìn cá lội tung tăng hoặc ngắm những đóa sen nơi hồ gần đấy đang khoe màu sắc sỡ. Một giàn nhà mát thả dây leo quanh năm nở hoa rực rỡ, càng gây thêm cảnh êm đềm thú vị.

Những ngày lễ hay thứ bảy, chủ nhật, đập diu nam thanh nữ tú đến thưởng lãm, phong cảnh càng thêm khởi sắc, gieo vào lòng du khách cảm tưởng như đang đi dạo nơi công viên Tao Đàn ở Thủ Đức. Cho đến gần đây, thầy Cầu đã mất trong tuần 73 tuổi (27 Février 1960), mặc dầu ngôi vườn đã kém về mỹ quan hơn trước nhiều, thiếu người săn sóc, lắm lúc khách thừa lương hứng cảnh vẫn còn lui tới khá đông. Những người bán nước giải khát cũng vẫn thu được số lợi khá.

Dù cảnh vườn đã thiếu nhiều hương sắc, nhưng dịp tết hoa mai phô thắm, san sát theo các lối đi, trông như một rừng mai vàng ngoạn mục. Nhất là điểm thêm bóng dáng các thiếu nữ du xuân đi trong lối rừng mai ấy, kể cũng là bức tranh đẹp mắt.

Gần đây, một ngôi chùa được dựng lên trong khu vườn, mang tên “Giác Linh Tự”, do thân nhân thầy Cầu cất để tu niệm. Rồi dần dần lối vào vườn thầy Cầu giảm mất đi nét đẹp thuở nào, vì những ngôi nhà san sát mọc. Duy cội đa già cao lớn, cành lá sum suê, vẫn hiên ngang đứng đấy, như một chứng nhân đã từng trải bao thời gian diễn biến, lạnh lùng trước cảnh xôn xao thế sự chòm mây.

Tuy nhiên, cuộc đời dẫu vật đổi sao dời, bao giờ người ta còn kể lại cho nhau nghe những chuyện xa xưa của Cần Thơ, hẳn không ai quên vườn Thầy Cầu đã một thời danh tiếng đồn vang. Vì nghĩ như thế, để không thiếu sót những điều ghi nhận, một chiều đi thu thập tài liệu chúng tôi đã ghé viếng chốn này, hai người con của thầy Cầu là cậu Đoàn Hữu Phò và cô Đoàn Tuyết Trinh đã chẳng khỏi bằng khuâng ngùi cảm. Cô Đoàn Tuyết Trinh (ái nữ thứ năm của thầy Cầu) trao tặng bức ảnh của thân sinh cô ngồi câu cá bên hồ trong khu vườn, trông đáng mến. Chúng tôi nhắc lại đây với niềm luyến tiếc, một ngôi vườn lúc còn hưng thịnh, nổi tiếng gần như một địa danh, một thắng cảnh mà ai ai cũng nghe biết đến.

TÒA BỐ CẦN THƠ NGÀY XƯA



Đây là Tòa Bố cũ của tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc.

TOÀ HÀNH CHÁNH PHONG DINH 1966

(1) Xin xem phần IV quyển "Bạc Liêu Xưa" đã kể rõ



Tòa Bố vẫn ở vị trí cũ, năm 1966 đổi lại làm Tòa hành chánh tỉnh Phong Dinh, được sửa đổi từ trong ra ngoài.

VÀI NÉT VỀ CẦN THƠ XƯA, CHÂU THÀNH PHONG DINH NĂM 1966

Từ khi thành lập tỉnh Cần Thơ, tên tỉnh và tên tỉnh lỵ đều mang tên chung là Cần Thơ. Đến trào Ngô Đình Diệm, tên tỉnh đổi lại là Phong Dinh, nhưng tên tỉnh lỵ vẫn là Cần Thơ như đã gọi quen ngót một trăm năm nay (1868 – 1966). Lại theo giới bình dân, quen gọi thuận miệng xuôi tai về 21 tỉnh miền Nam thuở xưa : Gia, Châu, Hà, Vĩnh v.v...⁽¹⁾, thì

Cần Thơ đứng vào thứ 19, nên người ta cũng gọi Cần Thơ là tỉnh số 19, đứng trước 2 tỉnh áp chót miền Hậu Giang là Bạc Liêu và Cà Mau.

Theo đường bộ, từ Thủ đô Sài Gòn xuống tỉnh lỵ Cần Thơ đường dài 170 cây số. Ấy là vì có lăm khúc quanh. Nếu kéo đường thẳng, chỉ độ 152 cây số mà thôi. Nhưng phải qua hai bến đò : Mỹ Thuận và Hậu Giang (hay Cần Thơ)

Đến bến đò Hậu Giang, phía bên này sông hãy còn thuộc ranh tỉnh Vĩnh Long (trước kia vẫn thuộc về tỉnh Cần Thơ), phía bên kia sông là ranh tỉnh Cần Thơ. Đứng trông khoảng sông rộng mênh mông, nước màu nâu đục chứa đầy phù sa và chảy khá mạnh, bạn ắt sẽ chẳng khỏi lâng lâng cảm nghĩ miền Hậu Giang phì nhiêu, hùng vĩ đến thế nào ?

Xuống phà qua sông, sang bên kia bờ, bạn đặt chân lên đất Cần Thơ rồi vậy. Ngay từ lúc còn ở phía bên Vĩnh Long, hẳn quý bạn đã phóng tầm mắt nhìn sang, trông thấy những dãy nhà san sát, nhất là cột vô tuyến cao vút. Giờ đây qua phía Cần Thơ, bạn đã mau chân lên trước, trong lúc chờ xe đò lên theo, mời bạn hãy quan sát cảnh trí nơi bến đò tân tạo. Vâng, bến đò cũ nay đã bỏ rồi, chiếc cầu cũng là mới bắc, những chiếc phà kia cũng là phà mới, vững vàng hơn, rộng rãi hơn mấy chiếc cũ nhiều.

Con đường từ bến đò máy chạy về bến xe, nay đã bồi đắp rộng gấp ba khi xưa. Bao nhiêu mái nhà ngói, lá cũ đều

đã triệt bỏ, thay vào những toà nhà kiến trúc tân kỳ, xinh tươi lộng lẫy.

Xe lên rồi kia, bạn lại lên xe để về bến xe, khoảng đường còn không đầy 300 thước nữa đâu. Khi xe chạy ngang khu chợ mới, nơi bến đò ở về phía tay trái, xin quý bạn lưu ý một điều :

Khoảng lộ bằng rộng rãi ngày nay đây, trước kia có một cây cầu sắt mà người ta quen gọi là cầu Sáu Thanh. Cây cầu đã không còn nữa, cũng như tên tuổi Sáu Thanh đã chìm trong quên lãng của thời gian.

Lấp bỏ cây cầu đi, thật là vô cùng tiện lợi, chớ còn ngày trước, cầu đã hẹp lại yếu, phải có người túc trực để xoay trở tấm bảng trắng, đỏ, để báo hiệu cho xe cộ qua cầu cần phải dè dặt trong sự lưu thông một chiều. Giờ đây tha hồ xe chạy cả hai ba chiều trên khoảng lộ rộng thênh thang.

Qua khỏi chỗ có cây cầu Sáu Thanh cũ mà nay đã lấp bằng ấy, xe chạy tới ngã ba (đúng ra thì nay là ngã tư vì phóng thêm một con lộ thẳng; hồi trước thì tục gọi ngã ba cây xăng). bạn trông thấy ngay công trường Tự Do, phía trái là đại lộ Hai Bà Trưng, phía mặt là đường liên tỉnh số 27 đi Long Xuyên.

Xe ngừng tại bến, bạn sẽ chẳng khỏi ngạc nhiên tán thưởng. Đây cũng là một khu tân tạo. Công viên rộng rãi. Bến xe dài 250 thước, rộng 60 thước là nơi tập trung các loại xe chở hành khách đi Bạc Liêu, Sóc Trăng, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc v.v...

Lúc trước bến xe đồ đặt ở đại lộ Saintemoy (sau là Ngô Quyền) sau dời xuống đường Paul Bert (sau là Nguyễn An Ninh) chỗ hàng bà đậu, chật hẹp sinh lầy, vô cùng bất tiện. Có đâu được như ngày nay. Cứ xem năm 1966 bến xe ở Thủ đô Sài Gòn cũng chưa có được một khoảng trống riêng biệt như Phong Dinh.

Đã thế, những căn phố lâu khang trang nằm dọc theo đại lộ sau bến xe, dùng làm khách sạn, tiệm ăn, nhà thuốc tây, bán hàng tập hóa v.v...⁽¹⁾ Cảnh trí lộng lẫy từng bừng như lúc nào cũng hân hoan chào đón du khách từ bốn phương đổ về đây.

Nếu bạn là người quê ở Cần Thơ, xa vắng xứ sở lâu năm mới trở về, lòng bạn ất bâng hoàng trước cảnh vật đổi thay tân tạo. Hoặc nếu bạn là khách phương xa dừng chân tạm hay là du khách đi đó đi đây cho biết, bạn không thể quên được Cần Thơ qua những công trình đang kiến thiết và sẽ phát triển thêm trong tương lai gần đây.

Để tiện cho quý bạn theo dõi từng bước tiến triển của Cần Thơ, đây lược đồ Cần Thơ vươn mình vượt tiến từng đợt trong quá khứ, hiện tại và tương lai đầy hứa hẹn, rạng rỡ xứng danh là một đô thị lớn so với các tỉnh miền Tây. Lần lượt chúng ta xem qua những công tác đã thực hiện và sẽ phát triển ở từng ngành

**CON RẠCH THỜI XƯA
NĂM 1966 LÀ ĐƯỜNG NGUYỄN AN NINH**



Quý bạn nhìn ảnh trên đây, sẽ ngạc nhiên thấy một con rạch nhỏ. Từ chợ Cần Thơ, ăn thông vô thành phố ngày xưa, hai bên bờ rạch cây cối phủ che, ghe thuyền ra vô tấp nập con rạch này đã lấp từ lâu, năm 1966 là chỗ con đường Nguyễn An Ninh.

ĐẠO XEM TỈNH LÝ PHONG DINH QUA SỰ GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI NĂM 1966

Quả thật Cần Thơ ngày nay đã thay đổi hẳn bộ mặt qua những dự án to tát dần dần thực hiện :

Con đường nối liền bến xe mới tới cầu Bắc, như chúng tôi đã nói ở đoạn trên, ngày trước quá hẹp lại ngoằn ngoèo, còn thêm một cây cầu sắt Sáu Thanh cũ kỹ, nguy hiểm, nay

đã dỡ và lắp thành một đại lộ rộng 30 thước, chạy thẳng từ bến xe ra cầu Bắc.

Đồng thời, việc vét lòng sông tại cầu nổi bến đò Hậu Giang phía Cần Thơ cũng đã hoàn tất.

Từ bến xe mới, bạn đi bộ, hoặc ngồi xích lô đạp để tiện việc quan sát một vòng Châu Thành Cần Thơ, đầu tiên phải qua một cây cầu để sang đại lộ Nguyễn Trãi. Trước kia gọi là Cầu Đôi, bằng sắt, bắc qua rạch Cái Khế, cầu nhỏ hẹp và quá yếu, làm mất vẻ thẩm mỹ của con lộ rộng rãi. Giờ đây cầu ấy đã dỡ rồi, thay vào một cây cầu đúc bê tông cốt sắt theo kiểu tối tân, rộng 16 thước, hai bên có lề rộng 2 thước, kinh phí lên tới 8 triệu đồng thời bấy giờ.

Đồng thời, trên khoảng rạch Cái Khế, chỗ cuối đường Duy Tân sang đầu đường Cống Quỳnh, bắc thêm một cây cầu gọi là Song Kiều (tục gọi cầu Đôi Mới), lối kiến trúc y như cây cầu đôi cũ đã thay bằng cầu đúc. Bạn muốn rõ dấu vết cầu đôi cũ thế nào, cứ xem hình thức cầu đôi mới này sẽ hình dung ra được bóng dáng cầu xưa.

Và giữa khoảng hai cây cầu (cầu đúc mới và cầu đôi mới) bắc trên rạch Cái Khế, bạn sẽ hài lòng thưởng thức cảnh trí bến Nhị Kiều, không kém bến Ninh Kiều bao nhiêu. Sở dĩ bến Ninh Kiều nổi tiếng hơn, vì được nằm ngay trung tâm tình lý đó thôi.

Qua cầu, nếu rẽ sang tay phải đi dọc theo rạch Cái Khế thì là đường Duy Tân, Cống Quỳnh, có bến Nhị Kiều như đã nói ở trên. Nhưng bạn đừng rẽ đường làm chi, cứ đi thẳng theo đại lộ Nguyễn Trãi, ngay đầu đường, hướng mé sông, dài theo con lộ san sát những biệt thự mới cất nguy nga

Ấy là Xóm Củi, ngày trước còn đầy đầy những mái lá, mái tôn, xen lẫn những ngôi nhà ngói kém mỹ thuật. Sau một đám cháy dữ dội mà các báo Thủ Đô đều tường thuật, hẳn bạn có nghe biết, giờ đây, xóm đã thay bộ cánh mới lộng lẫy, hợp thời.

Rồi quẹo tay mặt đại lộ Hoà Bình rộng 30 thước và dài gần 1.000 thước, được trang trí vôi nước và các bồn cỏ xanh tươi, bạn sẽ ngạc nhiên nhận thấy đại lộ này nếu không hơn thì cũng chẳng kém gì những đại lộ ở Thủ Đô.

Nếu cứ đi thẳng đại lộ Hòa Bình, sẽ tới vùng Tham Tướng. Dọc theo hai bên lộ san sát phố xá buôn bán cũng như đình thự đồ sộ. Bạn sẽ trông thấy bệnh viện Thủ khoa Nghĩa, chùa Phật Học, chùa Miên, Trường tiểu học, Cô nhi viện v.v...

Nhưng thẳng thãm viếng trung tâm tỉnh lỵ trước bạn chẳng vội gì đi hết khoảng lộ Hòa Bình làm chi, hãy rẽ hướng về đường Phan Đình Phùng, tức là bạn đã chánh thức đi trong khu vực Châu Thành.

Ngoài bến Ninh Kiều nổi tiếng, bạn sẽ còn thấy nhiều công viên xinh xắn nằm rải rác khắp thành phố :

1. Công viên Tao Đàn trên đại lộ Hoà Bình, có bể phun nước.
2. Công viên Cô Giang trên đại lộ Nguyễn Thái Học.
3. Công viên Đỗ Chiểu nằm trên đại lộ Phan Đình Phùng.

Điều nên biết thêm để ngạc nhiên thích thú hơn : Về đại lộ Hoà Bình ngày nay đây, hẳn bạn không ngờ cách mấy năm về trước chỉ là một bãi cỏ hay nói đúng hơn là một vườn xoài rậm rạp ở giữa hai con đường nhỏ. Đại lộ này đã được

thực hiện trong năm 1957 và được khánh thành ngày 6 - 4 - 1958. Và ngược thời gian, xa xưa hơn nữa, tại đại lộ Hoà Bình ngày nay trước kia có một con rạch nhỏ thông ra sông Hậu Giang, đã lấp bằng từ lâu.

Đại lộ Nguyễn An Ninh được mở rộng và dẹp bỏ các quán cóc lụp xụp thiếu thẩm mỹ, mất vệ sinh. Ngày trước nơi đây vốn là bến xe cũ.

Đường Nguyễn Thái Học, xưa mang tên là Galliénie, có rạp hát cũ của Thầy Lý, đã gỗ, nơi đây, buổi sáng nhóm chợ và là bến xích lô

MẶT TIỀN CHỢ CẦN THƠ NĂM 1966



Cạnh bên phải là đường Phan Châu Trinh, bên trái là đường Phan Bội Châu, đồng bào địa phương thường gọi là đường Hàng Dừa.

Thời Pháp thuộc, có con đường đi Cái Răng trải đá xanh, dọc theo là rạch Cần Thơ, có cây cầu sắt bắc ngang, cầu

này đã sập và con lộ cũng bỏ không còn đi nữa, dời ra lộ liên tỉnh số 4, thẳng xuống Sóc Trăng, Bạc Liêu.

Đường mới đi Sóc Trăng, Cà Mau, tục gọi Lộ Tẻ, hiện giờ rộng 20 thước, Lộ này có đặc điểm một xa lộ và được khởi công từ đầu năm 1959 nhằm mục đích giúp xe cộ lưu thông dễ dàng, khởi đi ngang qua thành phố, nhờ đó xe chạy được mau và tránh được nhiều tai nạn nguy hiểm.

Trục giao thông vốn là huyết mạch của quốc gia, xuyên qua mấy điểm kể trên đây, chúng ta nhận thấy Ty Công chánh chẳng những đã kiện toàn hệ thống giao thông cũ, lại đã thực hiện được những công tác tân lập đường lộ rất lớn lao. Quả là những thành tích đáng ngợi.

Do đó, trong tương lai, nền thương mại, kinh tế tỉnh Phong Dinh sẽ phồn thịnh hơn lên.

Nằm trong chương trình chỉnh trang, thiết kế đô thị, con đường từ Tham Tướng (Cần Thơ) tới Đầu Sáu sẽ được đắp dài hơn 4 cây số, mở rộng thêm để trục giao thông thêm tiện lợi.

Và đây, điều cần nhấn mạnh đó là những dự án kiến trúc đáng kể dưới đây, hầu làm đẹp thêm ra cho Cần Thơ đã nhiều sắc thái long lẫy :

a) Chợ búa : Đã có đồ án xây cất chợ Cần Thơ lại cho mỹ quan hơn. Theo lời ông kỹ sư Trưởng ty kiến thiết cũ cho chúng tôi biết, chợ mới dự định xây cất như sau :

Vị trí nơi chỗ chợ cũ. Dài 25 thước, ngang 12 thước. Gồm 3 tầng :

Tầng I bán thịt cá, rau cải, đồ hải sản v.v...

Tầng II bán hàng vải, tạp hóa

Tầng III trên nóc bằng, chung quanh có lan can, cho người thầu để mở nhà hàng, quán giải khát làm đẹp lòng du khách, có chỗ hóng mát ngó ra sông, ăn uống thanh lịch, ở thị

xã Đà Lạt cũng có ngôi chợ như thế này. Cần Thơ rồi đây cũng theo kịp các tỉnh khác, trên đà kiến thiết sẽ thực hiện nay mai, kinh phí xây cất dự định trên sáu triệu đồng.

TÂY ĐÔ VỀ ĐÊM



Trước công viên Hòa Bình, dưới ánh đèn màu rực rỡ phun lên những vòi nước trắng xóa, cảnh vật mờ ảo càng làm tăng thêm vẻ đẹp của Tây Thành văn hóa.

GIÁO DỤC NĂM 1966 ĐỒNG BÀO PHONG DINH RẤT HÀI LÒNG VỚI KHU ĐẠI HỌC

Để xứng đáng với danh hiệu Tây Đô, ngoài các công trình xây cất cơ sở, cố nhiên sự xây dựng tinh thần mới là trọng tâm để định giá trị thật sự của một tỉnh đứng đầu miền Tây. Cho nên, ngay khi các tỉnh Hậu Giang chưa có nơi nào có bậc trung học, thì năm 1921, Cần Thơ đã có trường Collège rồi. Năm 1954 được đổi lại mang tên là trường Trung học Phan Thanh Giản tồn tại đến năm 1966, và đang tiến triển mạnh. Gần đây, nữ sinh trung học cũng đã có riêng trường nữ trung học mang tên "Đoàn Thị Điểm".

Và trong tương lai, Viện Đại học Cần Thơ hoạt động mạnh với đủ trường sở, tiện nghi, chừng ấy Cần Thơ càng có sắc thái xinh tươi.

Ngoài hai trường trung học công lập kể trên, còn có nhiều trường trung học bán công ở các quận Phong Phú, Phụng Hiệp, Cái Răng, lấy tên quận cư ngụ làm danh hiệu. Về trong niên khóa 1966 - 67, trường bán công tại tỉnh lỵ cũng đã hoạt động.

Các trung học tư thục, trước kia thì có trường nổi tiếng như Nam Hưng, Bassac, các trường này hiện nay không còn hoạt động. Hiện tại có các trường Thủ khoa Huân, Hậu Giang và Hậu Giang chi nhánh, Tân Văn. Tất cả các trường đều có chỉ số khá cao.

Người Hoa Kiều thì có trường trung học Thọ Nhơn, Hưng Văn. Công Giáo có Chung viện Á Thánh Quý ở Cái Răng, Phật Giáo thì có trường Bồ Đề.

Bậc tiểu học, các trường sơ cấp và trường tiểu học cộng đồng phát triển mạnh ở tỉnh lỵ cũng như tại các quận, xã, ấp.

Hoạt động của ngành Giáo Dục cũng thu hái kết quả tốt đẹp, thanh toán nạn mù chữ, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao trình độ kiến thức của giới bình dân tráng niên.

Ngoài ra còn một số trường học nghề công và tư, bình dân bách nghệ, trường nữ công, trường người Việt gốc Hoa và trường chùa Miên.

Y TẾ NĂM 1966 NHỮNG CÔNG TÁC Y TẾ

VÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG PHỔ CẬP DÂN CHUNG THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Đáp ứng nhu cầu y tế công cộng của đồng bào tỉnh nhà, Y tế Phong Dinh hoạt động rất đặc lực.

Bệnh viện Thủ khoa Nghĩa là trụ sở của Ty Y Tế, tổ chức hoàn hảo hơn xưa. Y viện Phan Thanh Giản cũng trực thuộc vào đây. Hiện tại đã cắt thêm ra, chia làm nhiều khu, phòng, trại v.v... Nơi đây còn có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ y tế hương thôn, việc huấn luyện khởi đầu từ 1948.

Là bệnh viện toàn khoa, bệnh viện Thủ khoa Nghĩa gồm có trên 500 giường bệnh, đông đảo nhân viên phục vụ. Hằng ngày bệnh viện săn sóc trung bình lối 400 bệnh nhân. Còn có một nhà bảo sanh đủ mọi tiện nghi. Làm thỏa mãn nhu cầu các sản phụ trong tỉnh.

Trong số các cơ sở của bệnh viện, một trung tâm truyền huyết thanh thành lập do sắc lệnh số 293/ Y.T ngày 5 - 6 - 58, long trọng khánh thành ngày 26 - 6 - 61, là một cơ quan quan trọng đã từng cứu sống biết bao người dân Tây Thành.

Nơi mỗi quận thấy đều có một bệnh xá hộ sinh, các trạm y tế xã và các trạm cứu thương ấp. Hai quận Thạnh Trung và Thuận Nhơn thì có chẩn y viện, các cán bộ y tế phụ tá với Trưởng chi y tế quận thường xuyên viếng thăm các gia đình để săn sóc những đồng bào có bệnh, bảo vệ hữu hiệu sức khỏe của dân chúng trong các xã, các ấp tân sinh.

Ngoài ra còn có phòng phát thuốc miễn phí của Hội

Phật học Việt Nam, và sự hoạt động đáng kể của Hội Hồng Thập Tự Việt Nam, gồm có :

1. Phòng khám bệnh miễn phí.
2. Phòng cho thuốc miễn phí.
3. Lớp huấn luyện nhân viên cứu thương.

SINH HOẠT DÂN CHÚNG TÂY ĐÔ



Đây là quang cảnh buổi họp chợ, dưới sông ghe thuyền đậu tập nập, trên mé lộ, dân chúng ở tỉnh lỵ và các làng mạc đổ xô về đây mua bán, kẻ qua người lại, càng tăng thêm phần huyền ảo.

SINH HOẠT KINH TẾ NĂM 1966

Nông nghiệp : Toàn tỉnh Phong Dinh có trên 200.000 mẫu tây đất cây cấy, chia ra :

Ruộng sạ : 130.000 mẫu tây thuộc quận Thuận Trung, Phong Phú.

Ruộng cấy : 87.000 mẫu tây thuộc quận Châu Thành, Phong Điền, Thuận Nhơn, một phần quận Thuận Trung và Phong Phú.

Ngư nghiệp : Vì Cần Thơ ở ngay trên triền sông Cửu Long, lại không xa biển lắm, nên cũng có đủ thứ cá nước ngọt và nước mặn. Đặc biệt là thứ cá Cháy “Trà Ôn”, có thể nói là ngư sản riêng của miền Tây Đô.

Thủy sản dồi dào, giới ngư phủ trong tỉnh hành nghề khá đông. Hiện nay, ở các trại định cư thuộc quận Phụng Hiệp, đồng bào di cư sống chuyên nghiệp về nghề chài lưới đồng đảo hơn nơi đâu cả.

Mục Súc : Ty Mục Súc Phong Dinh hàng phối hợp với Ty Nông Tín giúp đỡ đồng bào đặc lực trong việc chăn nuôi trâu bò, heo, gà vịt.

Trại chăn nuôi bò sữa đáng kể nhất là trại của ông Lữ Đức, gần phi trường Bình Thủy.

Việc chăn nuôi heo là nguồn lợi vô cùng quan trọng cho Phong Dinh, khắp nơi trong tỉnh đều có chăn nuôi, tổng số hàng trăm ngàn con. Số heo xuất tỉnh hàng năm để tiếp tế cho

Đô Thành, đứng vào hàng nhất nhì so với các tỉnh khác trong toàn quốc.

Tình trạng chăn nuôi gà vịt tại Phong Dinh không mấy khả quan. Tuy nhiên, theo bảng thống kê, mỗi tháng gà vịt xuất tỉnh độ 4.000 con, ấy cũng là một nguồn lợi khá.

CÔNG SỞ TÂN AN



Công sở này xây cất hồi đời Pháp, nay là cơ quan làm việc của Hội đồng hàng tỉnh, và đặt văn phòng của Chánh Tổng nơi đây. Trên lầu thờ linh vị sắc ấn của ông Thần Tân An.

THỎ SẢN CẦN THƠ NĂM 1966

Hàng năm trong tỉnh Phong Dinh sản xuất trung bình 280.000 tấn lúa, tính ra năng xuất trung bình 1 tấn 400 cho mỗi mẫu lúa tây và số thặng dư xuất tỉnh là 80.000 tấn.

Các loại hoa màu khác gồm có nhiều ít như sau :

CÁC LOẠI CÂY TRÁI	DIỆN TÍCH CANH TÁC	SỐ SẢN XUẤT THẶNG DƯ (Tấn, 1.000 trái) XUẤT TỈNH
Khoai lang	520 mẫu 7.400 tấn	4.500 tấn
Cam	327	29.512 17.700
Dừa	320	1.535 50
Chuối	296	4.000 1.600
Xoài	293	20.500 6.600
Bắp	240	240 104
Dưa hấu	200	50
Quít	200	30.400 20.400
Mía	190	3.800
Ca cao	170	
Đậu xanh	140	70 20
Buổi	129	2.800 82
Vú sữa	100	
Chanh	93	36.000 18.000
Gòn	81	
Thuốc lá	50	50 50
Sầu riêng	42	60 40
Khoai mì	40	400 120
Măng cụt	27	520 240
Đậu các loại	25	13 6
Cà phê	23	12 5

Xem bảng thống kê chúng ta nhận thấy : Khoai lang, cam, quít, chuối là bốn món thổ sản có diện tích trồng trọt nhiều nhất và năng suất khá cao. Nhất là cam, quít, Cần Thơ thì xưa nay đã có tiếng là ngon ngọt chẳng đâu hơn.

Vú sữa, xoài, sầu riêng cũng là trái ngon có tiếng và sản xuất nhiều, số thặng dư xuất tỉnh đến hàng vạn tấn, thì đủ

biết số huê lợi hoa màu mà các nghiệp chủ thu được cũng đáng kể lắm.

Về lâm sản, tỉnh Phong Dinh không có rừng, ngoại trừ một số ít than củi bần, được, vẹt.

Khoáng sản thì tuyệt nhiên không có.

CÁC NGÀNH CÔNG KỸ NGHỆ 1966

Các ngành công kỹ nghệ tỉnh Phong Dinh ngày nay đã vượt tiến hơn xưa.

Lúa gạo : Toàn tỉnh hiện đang có đến 51 nhà máy xay lúa, trong số có lối 10 xí nghiệp vốn lớn hơn 1 triệu đồng. Đáng kể nhất là Công ty Hậu Giang và Công ty Denis Frères.

Công ty Mễ Cốc Hậu Giang có vốn trên 20 triệu, xí nghiệp đặt ở Cầu Đúc Cái Răng, trang bị một động cơ 228 mã lực, hằng năm sản xuất trung bình 27.000 tấn gạo.

Công ty Denis Frères (do người Pháp đầu tư) đặt ở rạch Bình Thủy, xã Long Xuyên, trang bị một động cơ Diesel công suất 140 mã lực.

Ngoài ra, nông dân tỉnh Phong Dinh cũng thành lập một hợp tác xã lúa gạo ở Cái Răng. Có một nhà máy xay lúa đặt ở vàm rạch Đầu Sáu xã Tân An, quận Châu Thành. Xí nghiệp trang bị một động cơ 72 mã lực chạy bằng dầu cặn.

CÁC XÍ NGHIỆP KHÁC NĂM 1966

I. KỸ NGHỆ BIẾN CHẾ THỰC PHẨM

* Toàn tỉnh có 4 lò đường ở xã Hoa Mỹ, quận Phụng Hiệp, hai lò chạy cho ép mía bằng máy, hai lò chạy bằng trâu

bò kéo.

* Mười bốn lò bánh mì, 8 lò ở tỉnh lỵ, 2 lò ở quận Phong Phú, 1 ở quận Châu Thành, 3 ở quận Phụng Hiệp. Hàng năm tổng số sản xuất trung bình khoảng 280 tấn bánh.

* Bảy lò tàu vại yểu, tương chao, 5 ở tỉnh lỵ, 1 ở Cái Răng, 1 ở Xóm Chài. .

Hàng năm sản xuất trung bình :

Tương hột 14.620 kg

Nước tương 28.000

Chao 32.000

Tàu vại yểu 86.000 lít

Xưởng nước mắm thì có 14 xưởng, 2 ở Bình Thủy, 2 ở quận Phong Phú, 1 ở quận Phụng Hiệp, số còn lại thì nằm trong vùng tỉnh lỵ. Xưởng quan trọng nhất là xưởng của Công ty Đông Hương. .

Toàn tỉnh sản xuất hàng năm tổng số trung bình là 260.000 tấn nước mắm đủ hạng.

* Ba hãng nước đá : 1 hãng ở tỉnh lỵ, 1 ở quận Phụng Hiệp và 1 ở quận Phong Phú.

Xí nghiệp sản xuất nước đá ở tỉnh lỵ thuộc Công ty BGI (Brasseries et Glaciers de l'Indochine) sản xuất trung bình hằng năm 17.000 tấn nước đá.

Hai hãng ở Phong Phú và Phụng Hiệp nhỏ hơn, hằng năm sản xuất trung bình 1.200 tấn, đủ để cung cấp cho thị trường địa phương.

Và có 6 hãng cà rem cây đều đặt tại tỉnh lỵ, hơn phân nửa là của người Hoa Kiều nhập Việt tịch.

Về ngành kỹ nghệ làm nước đá và các thứ rượu ngọt, tưởng nên nói thêm về trước, khoảng 1928 đã từng có ông Trần Đất Nghĩa và ông Cao Văn Trọng mở hãng khá lớn, hoạt động rất khả quan. Đáng tiếc không duy trì đến ngày nay.

KỸ NGHỆ SẢN XUẤT VẬT DỤNG 1966

* Trong tỉnh có 12 trại cửa máy, đa số là của Hoa Kiều nhập Việt tịch.

Hằng năm các trại cửa trong tỉnh xẻ được khoảng 8.000 thước khối gỗ

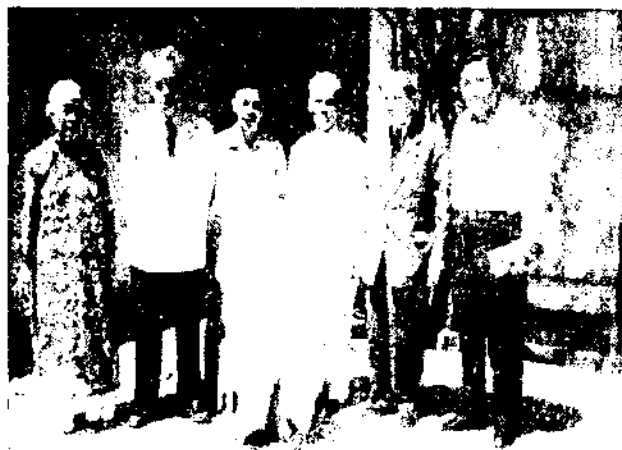
* Lò gạch thì có 7 lò rải rác ở xã An Bình, Phú Thứ (quận Châu Thành), Thới An Đông, Phước Thới (quận Phong Phú).

* Ngoài ra, còn có 33 xưởng tiện, 2 xưởng dệt, 2 lò xà bông, 7 nhà in. Tất cả đều hiện đang phát triển mạnh.

Ngành tiểu công nghệ trong tỉnh đáng kể có nghề làm nón vải, làm rượu thuốc, nấu sirop, số sản xuất chỉ tiêu thụ trong tỉnh.

Tóm lại, cũng như các ngành thương mại và nông nghiệp, các ngành công kỹ nghệ tỉnh Phong Dinh phát triển mạnh và nhanh chóng. Nhất là dựa vào sự khuyến khích, giúp vốn và hướng dẫn kỹ thuật của Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ và Trung tâm Khuếch trương Tiểu công nghệ Đô Thành, các công kỹ nghệ gia Phong Dinh sẽ còn tiến xa hơn.

**QUÍ VỊ BÔ LÃO, THÂN HÀO NHÂN SĨ
TỈNH PHONG DINH ĐÃ GIÚP ĐỖ
CHÚNG TÔI VỀ VIỆC SƯU TẦM TÀI LIỆU LỊCH
SỬ NƠI ĐỊA PHƯƠNG, GHÉP VÀO QUYỂN
“CẦN THƠ XƯA”**



Từ trái sang phải :

Bà Cao Văn Hùng, nữ danh Lê Thị Anh, 79 tuổi, Phó Hội trưởng, Hội Phụ huynh Học sinh trường Trung học Phan Thanh Giản Phong Dinh, ông Cao Văn Hùng, 81 tuổi, cựu Hội đồng tỉnh Phong Dinh, ông Huỳnh Công Thiệu, nghiệp chủ ông Dương Văn Đa, 81 tuổi, nhân sĩ, ở Cái Khế, ông Trần Đất Nghĩa, 82 tuổi, nhà kinh doanh tiếng tăm thời xưa, Nhà sưu khảo Huỳnh Minh, vị ngồi giữa là cụ Nguyễn Văn Giai, 82 tuổi, cựu giáo chức, cháu ngoại cụ Thù khoa Bùi Hữu Nghĩa.

TỔNG KẾT

Trải qua bao cuộc thăng trầm của đất nước. Suốt 200 năm dư (1739 1966) từ khi là huyện Trấn Giang, đổi là huyện Phong Phú, rồi lập thành tỉnh Cần Thơ, đến cải tên lại là Phong Dinh, vùng đất đứng đầu miền Tây này, lần hồi vươn mình khởi sắc qua sự diễn tiến từng giai đoạn.

Về địa lý : Nhờ sinh lực của miền châu thổ sông Cửu Long, bắt nguồn từ Tây Tạng, Hy Mã Lạp Sơn chạy sang Tàu, hạ miệng qua Việt Nam. Một dòng sông lưu thông mang theo nhiều màu mỡ bồi đắp cho miền Tây, Nam phần Việt Nam.

Lịch sử nhân loại cho thấy rằng, nơi nào có một lưu vực, một châu thổ thì dòng sông đó sẽ xuất phát một nền văn minh và trở sanh nhiều nhân tài lỗi lạc.

Thuở xa xưa, Cần Thơ đã từng lấy lòng tâm tưởng với những bậc tiền bối đáng kính dày công tô điểm. Thời hiện đại, với khoa học cực thịnh, với kỹ thuật tinh vi, Cần Thơ để cho xứng danh Tây Đô càng chóng thay đổi bộ mặt tân kỳ, và kẻ cũng biết bao đoàn hậu tấn đã cố gắng để không thẹn với tiền nhân, với quê hương xứ sở.

Theo chương trình chỉnh trang đô thị, sẽ mở rộng thành

phổ với đồ án dự định cho thật xứng đáng liệt vào hàng trung tâm của miền Tây gương mẫu, trong tương lai sẽ có Hải cảng, có khu kỹ nghệ sản xuất hàng vải, nhà máy làm nước ngọt, làm đồ hộp, vô hộp các loại trái cây thổ sản, để tiêu thụ trên thị trường toàn quốc.

Về mặt văn hóa, giáo dục. Cần Thơ đã có báo chí, có đài phát thanh tiếng nói của miền Tây, đã có Viện Đại học dù chưa hoàn tất chương trình, cơ sở, nhưng cũng đã bắt đầu niên khóa 1966 - 67 với một ít phân khoa, hứa hẹn tương lai xán lạn huy hoàng, một khi trình độ đồng bào miền Tây nâng cao đúng mức và phát triển tột độ.

Về đạo giáo : Phong Dinh là nơi kết tinh nhiều tôn giáo trên đà phát huy tư tưởng truyền bá giáo lý sâu rộng và xa hơn.

HUỖNH MINH

MỤC LỤC

- Lời nói đầu Trang 3
- Đôi lời tâm sự Trang 5

PHẦN THỨ NHẤT

- Cần Thơ (Phong Dinh xưa) qua các thời đại Trang 7
- Phong Dinh đầu thế kỷ 18
- Phong Dinh dưới triều võ vương Nguyễn Phúc Khoát Trang 12
- Phong Dinh dưới triều Minh Mạng Trang 18
- Cần Thơ với chúa Nguyễn khi tẩu quốc Trang 21
- Phong Dinh dưới triều Tự Đức và Pháp thuộc Trang 25
- Phân chia để trị Trang 28
- Bảng tổng kê 10 tổng, 94 làng thời Pháp thuộc Trang 29
- Phong Dinh thời gần đây Trang 32
- Địa lý, vị trí giới hạn, diện tích dân số Trang 33
- Đường sá Trang 35
- Sông ngòi kinh rạch Trang 37
- Tình Phong Dinh năm 1966 Trang 39
- Hai tiếng Cần Thơ do đâu mà có Trang 41

PHẦN THỨ HAI NHÂN VẬT LỊCH SỬ

- Mạc Tiên Tứ, Mạc Tử Sanh Trang 49
- Chánh lãnh binh Võ Duy tập Trang 52
- Nguyễn Văn Tồn (người Việt gốc miên) Trang 55
- Bùi Hữu Nghĩa (1807 – 1872) Trang 58
- Nguyễn Thị Tồn Trang 65
- Phan Văn Trị Trang 71
- Đinh Sâm Trang 76
- Nguyễn Thần Hiến Trang 81

- Lê Quang Chiêu	Trang 89
- Phan Văn Chi	Trang 95
Vài điển hình của miền tây	Trang 98

PHẦN THỨ BA.

- Di tích huyền sử giai thoại	Trang 100
- Những ngôi cổ mộ tọa lạc tại Cần Thơ	
- Mộ Bùi Hữu Nghĩa, mộ Võ Duy tập	Trang 101
- Lăng ông Nguyễn Văn Tồn	Trang 102
- Mộ cụ Phan Văn Trị	Trang 103
- Mộ ông Chà Hoàng	Trang 105
- Rạch cầu Tham Tướng	Trang 107
- Xóm Bà Đồ	Trang 109
- Xưởng đúc tiền của Nam Triều	Trang 111
- Sự tích đình thần Tân An	Trang 114
- Sự tích đình thần Bình Thủy	Trang 119
- Huyền thoại ông Điều Bát	Trang 124
- Chuyện lạ trong cơn hấp hối của cụ thủ khoa Nghĩa	Trang 129
- Một cái chết hy hữu	Trang 133
- Cặp sóng thần nơi rạch Cái Nai	Trang 139
- Chuyện xưa tích cũ, cặp cá Vồ Cờ	Trang 143
- Giai thoại địa danh Bình Thủy Long Xuyên	Trang 144
- Huyện Văn, Huyện Võ danh từ thú vị tỉnh Cần Thơ	Trang 147
- Giang san Sáu Thanh vang bóng một thời	Trang 151
- Nữ thiện xạ đất Tây Thành	Trang 156

PHẦN THỨ TƯ

- Sinh hoạt tôn giáo	Trang 159
- Viếng nhà thờ chánh tòa Cần Thơ	Trang 163
- Lịch sử địa phận công giáo Cần Thơ	Trang 164

- Vài nét về chủng viện A Thánh Quý	Trang 168
- Chùa Hiệp Thiên Cung Trang ở Cái Răng	Trang 171
- Du tăng Khất sĩ	Trang 173
- Bảng tổng kết số tín đồ Cần Thơ năm 1966	Trang 175

PHẦN THỨ NĂM

- Cần Thơ văn hóa nghệ thuật	Trang 177
- Hai tờ báo đầu tiên ở Cần Thơ	Trang 181
- Trường trung học Collège	Trang 182
- Bộ môn sân khấu kịch trường	Trang 186
- Sinh hoạt văn hóa	Trang 189
- Cần Thơ qua thi ca T.....	Trang 191
- Tìm hiểu phong tục tập quán qua ca dao	Trang 198

PHẦN THỨ SÁU

- Cần Thơ Phong Dinh năm 1966	Trang 206
- Bến Linh Kiêu ngày xưa	Trang 207
- Đạo xem tỉnh lý Phong Dinh	Trang 231
- Y tế Cần Thơ năm 1966	Trang 237
- Sinh hoạt kinh tế năm 1966	Trang 240
- Thổ sản Cần Thơ	Trang 241
- Các ngành công kỹ nghệ	Trang 243
- Kỹ nghệ sản xuất vật dụng	Trang 245
- Tổng kết	Trang 247

CĂN THỜ XƯA

Tác giả : HUỖNH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập :

NGUYỄN CƯỜNG

Bìa : PHÚ CƯỜNG

Sửa bản in :

SONG PHƯƠNG

In 800 cuốn khổ 13 x 19 cm tại Cty cổ phần in Bến Tre.

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản 198/118

Cục Xuất Bản cấp ngày 18/1/2001

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2001



Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú, Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hào hùng bất diệt, có những anh hùng làm rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta...

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch Sử, Địa Lý, Nhân vật, Giai Thoại, Huyền Thoại, Di Tích, Thắng Cảnh

cũng như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần tô điểm thêm non nước cổ của chúng ta.

Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dành trọn đời mình cho công việc Khảo, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và đã được gặp nhiều nhân vật xưa như: Cựu Hoàng Thành Thái v.v. . .

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" là bộ sách không thể thiếu trong tủ sách gia đình của các độc giả.

GIÁ : 25.000 Đ